

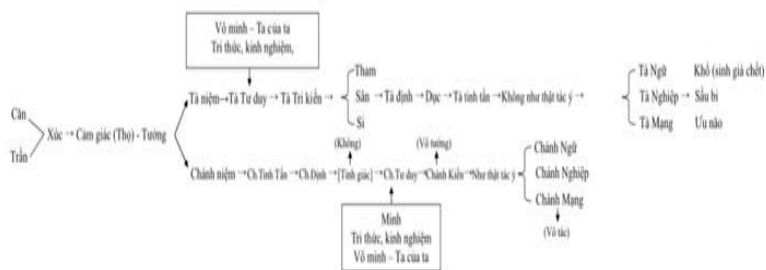
MỤC LỤC

VÔ MINH VÀ MINH	3
CẨM THỌ	31
TUỆ TRI THAM SÂN SI	38
THIÊN PHẬT GIÁO	49
BA TRỤ CỘT CỦA PHÁP HÀNH	58
CHẤP THỦ	63
CÓ PHẢI “NGŨ UẨN GIAI KHÔNG” KHÔNG ?	66
CHÁNH TRÍ	73
TUỆ TRI VỊ NGỌT SỰ NGUY HIỂM SỰ XUẤT LY	80
THẤT THÁNH TÀI HAY BẢY TÀI SẢN CỦA BẠC THÁNH	86
BẠC THÁNH A LA HÁN CÓ THẤT THÁNH TÀI KHÔNG	93
THAN KHỐC TRONG GIỚI LUẬT BẠC THÁNH	96
GIỚI KHÔNG SÁT SANH	100
BỒ THÍ	108
NHẤT DẠ HIỀN GIẢ	112
TRI KIẾN PHẬT HAY THẤY BIẾT CỦA PHẬT	119
LÝ DUYÊN KHỞI VÀ VÔ THƯỜNG VÔ NGÃ	126
BỐN ĐIÊN ĐẢO: THƯỜNG LẠC NGÃ TỊNH	137
THẤY SỢI DÂY TƯỞNG LÀ CON RẮN. 144	
TỪ BI	148
GIẢI MÃ KINH A DI ĐÀ	151
NỘI KHÔNG VÀ NGOẠI KHÔNG	160
THỰC TƯỢNG LÀ VÔ TƯỢNG	171
THỨC HOÁ SANH VÀ HOÁ SANH	173

CON ĐƯỜNG HAI NGÃ: BÁT TÀ ĐẠO - BÁT CHÁNH ĐẠO

*Con đường hai ngã đưa đến Hữu và Phi hữu
Đường này đến thế gian (Hữu)
Đường kia đến Niết Bàn (Phi hữu)
Tỷ kheo đệ tử Phật
Hãy ý thức rõ ràng.*

Có thể diễn tả lộ trình bát tà đạo và bát chánh đạo trong sơ đồ sau:



MINH VÀ VÔ MINH

Trong Đạo Phật có hai thuật ngữ cần đặc biệt lưu tâm, và cần phải nhận thức rất ráo, đó là Vô Minh và Minh. Vô minh là hiểu biết không đúng sự thật các sự vật và hiện tượng mà theo thuật ngữ Phật học gọi là các pháp, còn được gọi là vọng tưởng, là Tà kiến là Không Liễu tri các pháp. Vô Minh là hiểu biết của phàm phu. Minh là hiểu biết đúng như thật các pháp còn được gọi là Trí tuệ, là Chánh kiến, là Liễu tri hay Tuệ tri các pháp thuộc về bậc Thánh đã Giác ngộ. Toàn bộ sự tu tập của người Phật tử bao gồm Pháp học, Pháp hành và Pháp thành là để chấm dứt Vô minh, để khởi lên Minh, làm cho viên mãn và an trú Minh. Điều này đã được Đức Thế tôn giảng giải trong Kinh Pháp Môn Căn Bản, một bản kinh quan trọng vào bậc nhất trong toàn bộ kinh điển. Nội dung của bản kinh chỉ ra rằng: Kế phàm phu Tưởng tri các pháp mà Không Liễu tri các pháp và vì Không Liễu tri các pháp nên Dục hỷ các pháp. Chính Dục hỷ các pháp là Căn bản (nguyên nhân) của đau khổ. Bậc Thánh Alahan và chư Phật Thắng tri các pháp và Liễu tri các pháp nên không còn Dục hỷ, nên không còn Nguyên nhân của đau khổ. Người trí qua ví dụ sau có thể hình dung ra những điều này. Ví như một đứa trẻ một tuổi khi nhìn thấy một hòn than lửa đỏ, nó sẽ khởi lên hiểu biết về điều được thấy, do hiểu biết đó nó đi đến cầm lấy hòn than lửa đỏ và kết quả là bỏng tay, rất đau khổ. Một người lớn đã có kinh nghiệm, khi nhìn thấy hòn than lửa đỏ, hiểu biết về đối tượng được thấy khởi lên, biết được sự nguy hiểm khi tay chân chạm vào hòn than lửa đỏ và do hiểu biết như vậy người đó không đưa tay cầm lấy hòn than lửa đỏ như đứa trẻ kia. Tóm lại là hiểu biết như thế nào thì sống như thế ấy. Nếu hiểu biết của một người là Vô minh, không đúng với sự thật, thì cuộc sống của người đó sẽ mâu thuẫn với sự thật, xung đột với sự thật, nên sẽ có sầu bi khổ ưu não. Nếu hiểu biết của một người là Minh, đúng với sự thật thì sẽ không mâu thuẫn, không xung đột, và sẽ thích nghi với mọi sự thật và, sẽ không có sầu bi khổ ưu não.

Đời sống của mỗi một người cũng chính là Thực tại của

người đó bao gồm: Cái thấy, Cái nghe, Cái cảm nhận, Cái nhận thức và Cái được thấy, Cái được nghe, Cái được cảm nhận, Cái được nhận thức. Hay nói gọn là Cái thấy biết và đối tượng được thấy biết mà thuật ngữ Phật học tiếng Tàu gọi là Năng và Sở hay Năng kiến và Sở kiến. Khảo sát Vô minh và Minh sẽ được trình bày theo hai phần: Vô minh và Minh đối với Cái thấy biết cũng như Vô minh và Minh đối với đối tượng của thấy biết.

A - **Phần thứ nhất:** Vô minh và Minh về đối tượng của thấy biết mà cụ thể là hiểu biết Vô minh và Minh về những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức. Thấy, nghe, cảm nhận đối tượng rồi nhận thức hay hiểu biết về đối tượng mới khởi lên. Thấy nghe, cảm nhận đối tượng là cái biết trực tiếp giác quan mà Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính, Thính hay Phàm đều giống nhau, còn nhận thức hay hiểu biết về đối tượng là cái biết Ý thức mà Tâm lý học gọi là Nhận thức lý tính. Bàn đến Vô minh hay Minh là bàn đến cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính này.

1 - **Nhận thức lý tính hay cái biết Ý thức của nhân loại** (ngoại trừ các bậc Thánh) là Tâm biết Cảnh nghĩa là Mắt thấy Sắc trần, Tai nghe Thanh trần, Mũi ngửi Hương trần, Lưỡi nếm Vị trần, Thân biết Xúc trần, Ý biết Pháp trần. Cái Biết thuộc về con người chủ quan với Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý và đối tượng được biết là Thế giới khách quan Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Nội dung của hiểu biết chính là hiểu biết về thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, và theo triết học là: Thế giới khách quan được phản ánh trong Ý thức chủ quan của con người. Cái biết này vẫn thường được gọi là nhị nguyên Tâm Cảnh hay Tâm Vật. Với cái hiểu biết này khi thấy nghe, cảm nhận một đối tượng thì tiếp liền theo đó Ý thức nhị nguyên sẽ khởi lên. Ví như mắt tiếp xúc với quả táo, thì Ý thức khởi lên: Ta thấy quả táo này, to tròn, màu hồng, đẹp quá. Tai tiếp xúc với âm thanh khi quả táo rơi từ trên cây xuống đất, Ý thức khởi lên, Ta nghe tiếng của quả táo trầm quá. Khi mũi tiếp xúc với quả táo, Ý thức khởi lên, Ta biết quả táo thơm quá. Khi răng xúc chạm với quả táo, Ý thức khởi lên, Ta biết quả táo này giòn. Lưỡi tiếp xúc với táo, Ý thức khởi lên, Ta biết quả táo này ngọt ngon. Sau tiếp xúc xong nghĩ tưởng lại, Ý thức khởi lên, Ta biết quả táo này đẹp, giòn, thơm, ngon quá. Trong cái biết Ý thức nhị nguyên này có hai phần: Ta biết

(có một cái Ta là chủ nhân của cái biết) và đối tượng được biết là quả táo (Sắc pháp) với các đặc điểm to tròn, màu hồng, đẹp, giòn, thơm, ngọt ngon... . Đối tượng được biết là quả táo, là Sắc pháp nên các pháp như : to, tròn, đẹp, giòn, ngọt, ngon, thơm sẵn có nơi quả táo, thường xuyên có nơi quả táo, thường trú nơi quả táo. Quả táo này có mất đi thì các pháp to, tròn, đẹp, giòn ... vẫn thường còn, vẫn tồn tại nơi những quả táo khác, các pháp đó không từ đâu sinh ra cũng không mất đi mà chỉ biến đổi từ vật này sang vật khác, từ dạng này sang dạng khác, và như vậy nó không sinh không diệt. Các pháp này như to, tròn, đẹp, giòn ... có quan hệ với quả táo theo quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu, nghĩa là quả táo là chủ nhân, chủ sở hữu các pháp đó, nghĩa là to tròn giòn đẹp... là của quả táo. Như vậy với hiểu biết này các pháp như to tròn hồng đẹp giòn thơm ngọt ngon ... là Vật Chất, Thường Hằng và Hữu Chủ.

Tương tự như vậy, tất cả các pháp khác như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn, như sạch, tăng giảm, nóng lạnh, không gian thời gian, sống chết, khổ đau, hạnh phúc, đàn ông, đàn bà, trâu bò, nhà cửa, xe cộ vv ... là vật chất hoặc thuộc về thế giới vật chất và đều Thường Hằng, Thường Trú trong Vật Chất, trong Sắc pháp và đều Hữu Chủ. Với hiểu biết như vậy thì ngọt nằm trong đường và của đường, mặn nằm trong muối và của muối, nóng nằm trong lửa và của lửa, lạnh nằm trong nước đá và của nước đá ... Với hiểu biết ý thức nhị nguyên như vậy của nhân loại, nhân loại thấy biết một Thế giới Sắc pháp tồn tại khách quan trong Không gian và Thời gian với muôn hồng ngàn tía, sum la vạn tượng.

Với Ý thức nhị nguyên Tâm biết Cảnh thì nhân loại cũng biết Khổ, Nguyên nhân Khổ, Sự Chấm dứt Khổ và Con Đường Chấm dứt Khổ thường hằng thường trú nơi hoàn cảnh và hữu chủ. Cụ thể : hoàn cảnh tuy đa dạng nhưng có thể phân thành ba loại : Dễ chịu, Khó chịu và Trung tính (không dễ chịu không khó chịu).

- Khổ tồn tại, Khổ thường hằng, thường trú ở nơi những hoàn cảnh tồi tệ, khó chịu như nghèo đói, lạc hậu, thiếu thốn tri thức, tiện nghi, bị áp bức bất công, thiên tai lũ lụt... Khổ cũng tồn tại, thường hằng, thường trú nơi những hoàn cảnh Trung tính,

không dễ chịu không khó chịu.

- Nguyên nhân Khổ là từ những hoàn cảnh Khó chịu và Trung tính mà đến với con người. Ví như khi đi trong mưa gió ướt lạnh, cảm nhận Khổ rồi khởi lên hiểu biết, Khổ là do trời mưa mang đến cho Ta, hoặc khi bà vợ bị chồng chửi mắng, cảm nhận Khổ rồi khởi lên hiểu biết khổ từ chồng mà đến, khổ này là do chồng.

- Sự chấm dứt Khổ chính là Hạnh phúc, mà Hạnh phúc cũng thường hằng, thường trú trong những hoàn cảnh dễ chịu như giàu có, sắc đẹp, thành đạt, nổi tiếng ...

- Con đường Chấm dứt Khổ là thay đổi hoàn cảnh sống tức phấn đấu nỗ lực để chấm dứt những hoàn cảnh khó chịu, trung tính và đạt được những hoàn cảnh dễ chịu.

Như vậy Khổ Tập Diệt Đạo là Thường Hằng, Thường Trú nơi ngoại cảnh, nơi Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Khổ Tập Diệt Đạo cũng Hữu Chủ vì nhân loại cho rằng có một cái Ta là chủ nhân, chủ sở hữu của Khổ Tập Diệt Đạo. Ta hạnh phúc (chấm dứt Khổ), Ta khổ đau, Hoàn cảnh khổ đau này là của Ta, Ta đang nỗ lực để chấm dứt khổ đau. Hiểu biết Thường Hằng, Thường Trú và Hữu Chủ này theo thuật ngữ Phật học gọi là Thường Kiến và Ngã Kiến. Hiểu biết này là Vô Minh, Vọng Tưởng, là Tà Kiến, là Không Liễu Tri các pháp.

Do Vô Minh về Khổ Tập Diệt Đạo nên khi thấy nghe, cảm nhận một đối tượng, hiểu biết Vô Minh (Thường Kiến, Ngã Kiến) ấy khởi lên và nếu Vô minh xác định đối tượng ấy là:

- Dễ chịu thì thích thú, (thuật ngữ Phật học gọi là Tham) khởi lên, vì Vô minh cho rằng nó là Hạnh phúc, là Chấm dứt Khổ.

- Khó chịu thì chán ghét, (thuật ngữ Phật học gọi là Sân) khởi lên, vì Vô minh cho rằng nó là Nguyên nhân Khổ.

- Trung tính thì không thích, không ghét và không chú tâm an trú đối tượng đó mà phát sinh hành vi Tìm Kiếm một đối tượng Dễ chịu để thay thế đối tượng trung tính này. (Thuật ngữ Phật

học gọi hành vi này là Si,) do vì Vô minh cho rằng đối tượng này cũng mang đến khổ.

Đây chính là Vô minh duyên Hành, nghĩa là do Vô minh có mặt mà các Hành (Tham Sân Si) có mặt.

2 - Hiểu biết đúng như thật các pháp hay Minh: Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài đã tự mình giác ngộ chân lý, đã có hiểu biết như thật, đã liễu tri tất cả pháp. Sự Giác ngộ của Ngài là như thế nào? Trong Kinh Phạm Võng bản kinh được xếp số một của Trường Bộ Kinh có điểm mặt 62 tà kiến, là những hiểu biết sai lạc. Những Tà kiến ấy có nội dung bàn về Bản Ngã và Thế giới, dựa trên cái biết nhị nguyên Tâm Vật, mà cụ thể là Bản Ngã là chủ thể biết và đối tượng được biết là Thế Giới. Các trường phái Phật giáo sau này cũng y theo cái biết nhị nguyên Bản Ngã và Thế giới như vậy mà giải thích sự giác ngộ của Đức Phật là giác ngộ về Bản Tâm không sinh không diệt và giác ngộ Thế giới bản thể tuyệt đối vô tướng. Đó cũng là những Tà kiến phát sinh sau này chưa được liệt kê trong Kinh Phạm Võng. Vậy sự Giác Ngộ của Đức Phật là giác ngộ về cái gì? Trong suốt bản kinh Phạm Võng, cứ mỗi lần điểm mặt một Tà kiến, Ngài lại tuyên bố về điều Ngài giác ngộ. Ngài đã tuyên bố: "Như Lai như thật tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Nay các Tỷ kheo, Như Lai nhờ như thật tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không còn chấp thủ".

Và như thế nào là, nhờ Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ mà Đức Phật đã được giải thoát hoàn toàn không còn chấp thủ?

a - Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ: Thọ là cách gọi tắt của Cảm thọ, một thuật ngữ Phật học Hán Việt, nếu hiểu theo tiếng Việt thì gọi là Cảm giác. Khi Sáu Căn (Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý) tiếp xúc Sáu Trần (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp) phát sinh sáu Cảm thọ hay sáu Cảm giác đồng thời phát sinh sáu cái biết Trực Tiếp Giác Quan nhận biết sáu Cảm thọ (sáu cái biết Trực tiếp giác quan này thuật ngữ Phật học gọi là Tưởng).

- Mắt tiếp xúc Sắc trần phát sinh: Cảm giác hình ảnh - Nhãn thức

- Tai tiếp xúc Thanh trần phát sinh: Cảm giác âm thanh - Nhĩ thức

- Mũi tiếp xúc Hương trần phát sinh: Cảm giác mùi - Tỉ thức

- Lưỡi tiếp xúc Vị trần phát sinh: Cảm giác vị - Thiệt thức

- Thân tiếp xúc Xúc trần phát sinh: Cảm giác xúc chạm - Thân thức

- Ý tiếp xúc Pháp trần phát sinh: Cảm giác pháp trần - Tưởng thức

Viết gộp lại là: Xúc - Cảm giác (Thọ) - Tưởng.

Ví như có một hòn đá cỡ 5 kg (Xúc trần) và bàn tay (Thân căn) được kể là hai nhân (bình đẳng nhau, không nhân nào phụ thuộc nhân nào, không nhân nào sở hữu nhân nào) nhưng chưa tiếp xúc với nhau thì chưa có "cái nặng" nào cả. Khi bàn tay tiếp xúc hòn đá theo kiểu "nhấc" thì lập tức Cảm giác "nặng" phát sinh và cho dù Phàm hay Thánh đều cảm nhận (nhận biết) được Cảm giác nặng này. Đây mới là "nặng" thực, là Thực Tại cuộc sống hàng ngày của mỗi người cho dù là Phàm hay Thánh. Nhận biết Cảm giác nặng là cái biết trực tiếp giác quan và được gọi là Thân thức mà Thánh hay Phàm đều như nhau. Quán sát nơi sự thật ấy hiểu biết ngay liền: Xúc sinh Cảm giác nặng sinh, Xúc diệt Cảm giác nặng diệt. Cảm giác nặng sinh lên rồi diệt đi, trước khi sinh ra nó chưa có nên không thường hằng, không thường trú, không sẵn có nơi hòn đá, khi diệt đi Cảm giác nặng không còn nữa nên không có trong hòn đá, vì vậy Cảm giác nặng vô thường. Cảm giác nặng cũng Vô chủ, nghĩa là hòn đá và bàn tay đều không phải chủ nhân, chủ sở hữu Cảm giác nặng.

Như vậy khi tay tiếp xúc hòn đá phát sinh Cảm giác nặng, Thánh hay Phàm đều cảm nhận được, nhưng sau khi cảm nhận Cảm giác nặng, hiểu biết hay nhận thức về đối tượng đó lại khác nhau. Phàm phu nhận thức :Tôi biết hòn đá nặng, nghĩa là đối tượng được hiểu biết là hòn đá, là Sắc pháp thuộc về Thế giới vật chất, và như vậy "nặng" là Vật chất, Thường Hằng và Hữu

Chủ. Bậc Thánh y theo Lý Duyên Khởi hiểu biết như thật "nặng" là Cảm giác, là Pháp duyên khởi do duyên hai nhân tay và hòn đá tiếp xúc nhau mà phát sinh ra, nó thuộc phạm trù Tâm, nó Vô thường, nó Vô chủ. Trở lại với thí dụ ban đầu: khi Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân tiếp xúc với quả táo:

- Mắt tiếp xúc quả táo phát sinh : Cảm giác hình ảnh và nhãn thức. Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh chứ không phải thấy quả táo sắc pháp. Đây là điều tế nhị, sâu kín, khó thấy, khó chứng vì hiểu biết vô minh đã mặc định là mắt thấy quả táo vật chất, nó như một dải băng đen bịt mắt nhân loại nên không có thể hiểu được đối tượng được Nhãn thức thấy là Cảm giác hình ảnh do Mắt tiếp xúc quả táo phát sinh ra. Nếu mắt thấy quả táo vật chất thì khi quả táo đó cách mắt 1 mét, cách mắt 10 mét, cách mắt 100 mét, cái được thấy đó là quả táo thì phải đồng nhất, phải như nhau, nhưng sự thực cái được thấy đó là Cảm giác hình ảnh do quả táo sắc pháp tiếp xúc với mắt ở các vị trí khác nhau phát sinh ra nên nó to nhỏ khác nhau. Dĩ nhiên không phải không có quả táo vật chất đặt tại các địa điểm đó, nó có đấy nhưng Nhãn thức không thấy được quả táo vật chất sắc pháp đó. Với hiểu biết như thật này thì: to tròn đẹp ... là các ngôn từ, là pháp chế định, là phương tiện truyền thông nhằm ám chỉ các Cảm giác hình ảnh mà Nhãn thức thấy, (chứ không phải là các đặc tính của quả táo), nó thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh và biết ngay liền các pháp đó Vô thường, Vô chủ.

- Tai tiếp xúc với âm thanh do quả táo va chạm với đất phát sinh ra: Cảm giác âm thanh và Nhĩ thức. Quả táo tiếp xúc với đất phát sinh ra các dao động (rung động), các dao động này được dẫn truyền theo môi trường không khí, đó chính là âm thanh mà các dụng cụ khoa học đã ghi nhận được, đã xác định được biên độ và tần số của nó. Âm thanh là một nhân và Tai là nhân thứ hai nhưng chưa tiếp xúc với nhau (Âm thanh ở xa Tai quá hoặc nút kín tai lại) thì chưa có gì nhưng khi có đủ điều kiện, Âm thanh đủ gần và Tai đang hoạt động tốt thì Xúc xảy ra và do Xúc mà phát sinh Cảm giác âm thanh và Nhĩ thức. Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh chứ không phải Nhĩ thức nghe Thanh trần. Cảm giác âm thanh sinh lên rồi diệt đi theo duyên Xúc, còn Âm thanh có thể nó vẫn tiếp tục truyền dẫn đi xa hơn nữa. Với hiểu biết này thì trầm,bồng,du dương ... là các ngôn từ, là pháp chế

định, là phương tiện truyền thông để ám chỉ các Cảm giác âm thanh và nó Vô thường, Vô chủ chứ không phải là đặc tính của Thanh trần như hiểu biết sai lầm của nhân loại.

- Mũi tiếp xúc với Mùi hương quả táo phát sinh Cảm giác mùi thơm và Tỉ thức. Tỉ thức cảm nhận Cảm giác mùi, do Mũi tiếp xúc Hương trần phát sinh ra, chứ không phải nhận biết mùi hương từ quả táo bay ra. Cảm giác mùi này như thế nào không những tùy thuộc vào Hương trần mà còn tùy thuộc vào Mũi . Ví như cùng một quả táo có Hương trần như vậy nhưng Mũi những người khác nhau khi tiếp xúc sẽ phát sinh Cảm giác mùi khác nhau và vì vậy họ sẽ cảm nhận khác nhau, Cùng quả táo ấy khi khoẻ mạnh hay ốm đau, đặc biệt khi mũi bị bệnh Cảm giác mùi sẽ khác nhau. Vậy thì đối tượng của Tỉ thức là Cảm giác mùi và Cảm giác mùi này là Tâm, nó Vô thường, Vô chủ và thơm là một ngôn từ, là pháp chế định, là phương tiện truyền thông để ám chỉ một thực tại, một pháp là một loại Cảm giác mùi chứ không phải là mùi hương của quả táo như hiểu biết mê lầm của nhân loại.

- Lưỡi tiếp xúc với táo phát sinh Cảm giác vị và Thiệt thức. Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị chứ không phải Thiệt thức nhận biết vị của quả táo. Xúc sinh Cảm giác vị sinh, Xúc diệt Cảm giác vị diệt, nó Vô thường, Vô chủ chứ không thường hằng, không thường trú nơi quả táo, không phải là của quả táo vì rằng cùng quả táo ấy tiếp xúc với lưỡi khi khoẻ mạnh thì phát sinh Cảm giác vị ngọt ngon nhưng cùng quả táo ấy tiếp xúc với lưỡi khi người ấy ốm nặng thì sẽ phát sinh cảm giác vị chát đắng. Như vậy ngọt ngon chát đắng là ngôn từ, là pháp chế định, là phương tiện truyền thông để ám chỉ một thực tại, một pháp là Cảm giác vị chứ không phải là vị trần thuộc về Vật chất như mê lầm của nhân loại.

- Răng (Thân cắn) tiếp xúc Quả táo (Xúc trần) phát sinh Cảm giác giòn và Thân thức. Răng và quả táo là hai nhân nhưng nếu chưa tiếp xúc thì chưa có cái giòn nào cả, khi răng tiếp xúc quả táo thì lập tức phát sinh Cảm giác giòn. Đây mới là cái giòn thực mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được và đang sống với cái giòn thực này. Cái giòn thực này là Cảm giác do duyên Xúc mà khởi lên, nó Vô thường, Vô chủ, nó là Tâm chứ không phải là Vật chất thường hằng, thường trú nơi quả táo, của quả táo như nhận thức mê lầm của nhân loại.

- Ý tiếp xúc với Pháp trần: Năm Căn tiếp xúc Năm Trần và hiểu biết theo kiểu Vô minh hay Minh về đối tượng được Thấy, Nghe, Cảm nhận sẽ được lưu giữ vào trong "kho chứa thông tin" đã được mã hoá. Khi Ý Căn tiếp xúc với lượng thông tin này (gọi là Pháp trần) thì các Cảm giác hình ảnh, Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm và các hiểu biết đối tượng được "tái hiện" lại và được gọi là Cảm giác pháp trần đồng thời cũng phát sinh cái biết trực tiếp giác quan gọi là Tởng thức nhận biết Cảm giác pháp trần.

Như vậy khi năm Căn tiếp xúc với quả táo phát sinh năm Cảm giác và năm cái biết trực tiếp giác quan nhận biết năm cảm giác như là to, tròn, đẹp, hồng, giòn, thơm, ngọt, ngon ... Vậy thì cái được biết hay là đối tượng được biết là các Cảm giác chứ không phải đối tượng được biết là quả táo, không phải biết về quả táo vật chất. Khi Ý tiếp xúc với Pháp trần nó xảy ra nơi "kho chứa thông tin" với các thông tin về cảm giác chứ không xảy ra nơi quả táo, không xảy ra với các thông tin về quả táo. Các hiểu biết khởi lên ở đây cũng là hiểu biết về các Cảm giác chứ không phải là hiểu biết về quả táo. Quả táo sắc pháp là có thật, không phải không có, nó là một nhân cho Cảm giác sinh khởi, không có nhân đó năm Cảm giác không sinh khởi được nhưng cái được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Cảm giác chứ không phải quả táo sắc pháp, Ý thức chỉ biết là có quả táo chứ không thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức được quả táo.

Với hiểu biết đúng sự thật này thì các pháp như: to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn nặng nhẹ, nhà cửa, trâu bò, ruộng đồng, rừng núi, đàn ông, đàn bà, hữu tình, vô tình, không gian, thời gian, Hạnh phúc, Khổ đau vv ... là các ngôn từ, là pháp chế định, là phương tiện truyền thông nhằm ám chỉ các Cảm giác hay Cảm thọ chứ không phải là Thế giới vật chất Sắc Thanh Hương Vị Xúc. Những gì được THẤY, được NGHE, được CẢM NHẬN, được NHẬN THỨC là các CẢM THỌ. Thực Tại là Các Cảm Thọ và Thực Tại đó đang sinh và diệt. Sau khi thấy nghe cảm nhận Cảm thọ, Niệm và Tư Duy khởi lên và do Niệm, Tư Duy mà phát sinh Ý thức, hiểu biết đối tượng. Niệm, Tư Duy, Ý thức cũng cùng đối tượng là Cảm thọ đó. Do có hiểu biết về đối tượng mà sẽ

phát sinh Thái độ và do có Thái độ mà phát sinh lời nói hoặc hành động để thể hiện Thái độ cũng là đối với Cảm thọ đó. Lộ trình từ Niệm đến lời nói, hành động hoàn toàn là nội tâm chứ không phải là ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc .

Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ là hiểu biết đúng sự thật: Tất cả những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm thọ hay Cảm giác do sáu Căn tiếp xúc với sáu Trần phát sinh ra, nó thuộc phạm trù Tâm, nó Vô Thường, nó Vô Chủ hay Vô Ngã. Nếu hiểu biết như thật này được rèn luyện, được tu tập, được làm cho viên mãn thì khi thấy, nghe, cảm nhận, hiểu biết đúng như thật này lập tức khởi lên biết đối tượng đó là Cảm thọ, biết nó Vô thường sinh lên rồi diệt đi ngay, biết nó Vô ngã nghĩa là không có cái gì là chủ nhân điều khiển được nó, biết như thật không thể nắm giữ, không thể xua đuổi nó nên tâm sẽ bất động đối với sự đến đi của nó.

b - Tuệ tri vị ngọt của Thọ: Thọ theo tính chất được phân làm ba loại gồm: Lạc thọ hay Cảm giác dễ chịu, Khổ thọ hay Cảm giác khó chịu, Bất khổ bất lạc thọ hay Cảm giác trung tính.

- Lạc thọ là vị ngọt của Thọ. Vị ngọt này nhân loại quan niệm là Hạnh phúc, nó thường hằng, thường trú trong hoàn cảnh tốt đẹp, nó là của Ta. Hạnh phúc là có thật, nó không phải là giả, không thật, nó không phải là ảo giác, ai ai cũng cảm nhận được nó cho nên kẻ phàm phu mới Tham ái vị ngọt. Thực tại của nhân loại không phải như một số chủ trương cực đoan là chỉ hoàn toàn đau khổ, mà Thực tại có cả Khổ đau và Hạnh phúc nhưng Tuệ tri vị ngọt là biết như thật Hạnh phúc là có thật, nhưng nó là Cảm giác dễ chịu và nó Vô thường, Vô chủ. Khi có một Lạc thọ kẻ phàm phu thích thú Lạc thọ (Tham ái) và thích thú được phát sinh nơi tế bào thần kinh não bộ. Những thông tin về Tham sẽ được dẫn truyền đến các tế bào nội tạng như tim, gan, thận, dạ dày ... và tại các tế bào này có sự tiếp xúc với lượng thông tin ấy. Do có Nội Xúc như vậy mà phát sinh các Cảm giác dễ chịu rất vi tế, nếu thích thú càng lớn thì " cơn bão" Cảm giác này càng trào dâng nên người đó cảm nhận một Cảm giác lâng lâng hạnh phúc.

- Khổ đau cũng là Cảm giác và nó cũng Vô thường, Vô

chủ. Khi một Khổ thọ hoặc Bất khổ bất lạc thọ khởi lên nơi kế phàm phu thì Sân Si khởi lên, và lượng thông tin Sân Si phát sinh nơi tế bào thần kinh não bộ sẽ được dẫn truyền tới các tế bào nội tạng, vì thế tại các tế bào nội tạng sẽ có Nội Xúc và do Nội Xúc này mà "cơn bão" Cảm giác khó chịu phát sinh và người đó sẽ cảm nhận Cảm giác đau khổ.

c - **Tuệ tri sự nguy hiểm:** Lạc thọ là vị ngọt, nó Vô thường, Vô chủ, nếu thích thú (Tham ái) thì sẽ nắm giữ nó nên khi nó diệt đi, mất đi sâu bi khổ ưu não sẽ khởi lên. Nếu không thích thú sẽ không nắm giữ nên khi nó mất đi, sâu bi khổ ưu não không thể khởi lên. Vì vậy Tham ái lạc thọ là nguyên nhân của Khổ. Vì Tham ái lạc thọ mà "Khát ái tìm cầu hỷ lạc (Hạnh phúc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái và Phi hữu ái" vì vậy mà cha tranh đoạt với con, vợ chồng tranh đoạt nhau, gia đình, họ hàng, đất nước tranh đoạt nhau, vì thế mà có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, vì thế mới có lừa đảo, phá sản, tàn sát tàn hại lẫn nhau, vì thế mới huỷ hoại môi trường sống, vì thế mới có ma tuý và bom nguyên tử để đầu độc và huỷ diệt nhau, vì thế mà có tất cả mọi tội ác cũng như khổ đau vô cùng tận trên cõi đời này ... Vậy Tham ái là nguy hiểm vì nó đưa đến khổ đau. Nếu nói rộng ra thì Tham đối với Lạc thọ, Sân đối với Khổ thọ, Si đối với Bất khổ bất lạc thọ là sự nguy hiểm vì nó là Nguyên nhân phát sinh Khổ. Có thể biết rõ điều này theo sơ đồ sau:

- Lạc thọ - Tham - Ràng buộc - Hoại Khổ

- Khổ thọ - Sân - Ràng buộc - Khổ Khổ

- Bất khổ bất lạc thọ - Si - Ràng buộc - Hành Khổ

d - **Tuệ tri sự xuất ly của Thọ:** Nếu thấy nghe, cảm nhận một đối tượng rồi hiểu biết như thật: Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm khởi lên thì sẽ kinh nghiệm được Không có Tham đối với Lạc thọ, Không có Sân đối với Khổ thọ, Không có Si đối với Bất khổ bất lạc thọ. Đây gọi là Tuệ tri sự xuất ly của Thọ. Ví như khi nhìn thấy một cốc nước, nếu hiểu biết cốc nước ngon lành, uống vào sẽ hết khát thì sẽ uống ngay, nhưng nếu thấy cốc nước rồi hiểu biết về sự nguy hiểm khởi lên, trong cốc nước này có độc, uống vào là chết thì cho dù đang khát khô cổ vẫn không

thể nào uống được. Vì như khi thấy một cục than đang cháy đỏ rồi hiểu biết về sự nguy hiểm khởi lên, cầm phải hòn than cháy đỏ này sẽ bị bỏng tay, rất đau khổ thì không thể nào đưa tay cầm lấy hòn than đang cháy đỏ. Tuệ tri sự xuất ly của Thọ là biết như thật không có Tham Sân Si đối với Thọ cũng có nghĩa là tuệ tri Khổ Diệt hay Diệt đế hay Niết bàn. Khi không có Tham với Lạc thọ thì các thông tin thích thú không phát sinh nơi các tế bào thần kinh não bộ, vì vậy không có lượng thông tin đó truyền dẫn về các tế bào nội tạng và sẽ không có Nội Xúc nên không có "cơn bão" Cảm giác lâng lâng hạnh phúc. Khi không có Sân với Khổ thọ, không có Si với Bất khổ bất lạc thọ thì sẽ không có thông tin Sân Si phát sinh nơi tế bào thần kinh não bộ, vì vậy không có thông tin Sân Si truyền dẫn đến các tế bào nội tạng và sẽ không có Nội Xúc nên không có "cơn bão" Cảm giác khổ đau xuất hiện. Như vậy khi không có Tham Sân Si đối với Thọ thì cũng sẽ biết rõ được sự vắng lặng, sự vắng mặt của cả Khổ đau và Hạnh phúc. Đây chính là Tuệ tri Khổ Diệt hay Niết Bàn.

Tuy nhiên để Tuệ tri Khổ Diệt hay Tuệ tri Niết Bàn thì hiểu biết như thật: Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ cần được tu tập, cần được làm cho viên mãn theo lộ trình Văn Tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ. Văn tuệ, Tư tuệ là sự chuẩn bị để khởi lên Tu tuệ trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo mà trực chính là Chánh Niệm - Chánh Định - Chánh Kiến gọi tắt là Niệm - Định - Tuệ. Vì vậy Bát Chánh Đạo là Con đường chấm dứt Khổ.

Như vậy Đức Phật giác ngộ về Cảm thọ chứ không phải giác ngộ về Thế giới là như thế này hay Thế giới như thế kia, không phải là giác ngộ Thế giới hiện tượng tương đối Tục Đế hay Thế giới bản thể tuyệt đối Chân Đế. Sự Giác ngộ đó là Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ, và nói theo cách khác là về Tứ Thánh Đế. Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ cũng chính là Tuệ tri Khổ, là hiểu biết như thật Khổ: Khổ khởi lên do duyên Xúc, Khổ là Cảm giác thuộc phạm trù tâm, Khổ có tính chất Vô thường, Vô chủ chứ Khổ không phải là Cảnh, không thường hằng, thường trú nơi Cảnh, không phải là của Cảnh như hiểu biết mê lầm của phàm phu. Tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm chính là Tuệ tri Nguyên nhân Khổ, là hiểu biết như thật Tham Sân Si là Nguyên nhân Khổ, nó thuộc phạm trù tâm, nó

cũng Vô thường, Vô chủ chứ không phải Nguyên nhân của Khổ ở nơi Cảnh, thường hằng, thường trú nơi những hoàn cảnh khó chịu và trung tính, không phải là của những hoàn cảnh ấy như mê lầm của phàm phu. Sự chấm dứt Khổ hay Niết bàn là sự đoạn tận hoàn toàn không còn phát sinh trở lại của Tham Sân Si chứ không phải là Hạnh phúc, thường hằng, thường trú trong những hoàn cảnh dễ chịu, là của hoàn cảnh dễ chịu như mê lầm của phàm phu. Con đường chấm dứt Khổ là thay đổi lộ trình tâm từ Bát Tà Đạo của phàm phu sang Bát Chánh Đạo của bậc Thánh chứ không phải thay đổi hoàn cảnh xấu xa tồi tệ và trung tính thành một hoàn cảnh dễ chịu tốt đẹp như mê lầm của phàm phu.

3 - Những hiểu biết Vô Minh, mê lầm do không tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ:

a - Do không biết như thật những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm thọ và do hiểu biết Vô minh Tâm biết Cảnh nên có rất nhiều quan niệm về Thế giới hay rất nhiều Thế giới quan sai khác. Những thế giới quan sai khác đó là do Tư duy, do lập luận mà hình thành. Tư duy, lập luận để hình thành một thế giới quan xảy ra nơi "kho chứa thông tin" chứ không phải xảy ra nơi Thế giới Vật chất. Sự tư duy là phân tích so sánh, tổng hợp, phán đoán, kết luận rồi trừu tượng và khái quát hoá nhưng những thông tin này là thông tin về Cảm thọ chứ không phải là thông tin về Sắc Thanh Hương Vị Xúc trần nên cái thế giới quan hình thành do tư duy lập luận như vậy là không đúng sự thật, là Vọng tưởng, là tư duy lý luận suông. Trong kinh Phạm Võng có liệt kê 62 tà kiến trong đó có các quan niệm sai khác nhau về Thế giới vật chất, tức các thế giới quan sai khác và Kinh khẳng định đó là sự không thấy, không biết như thật Cảm thọ, là sự Xuyên Tạc Sự Thật của các Sa môn, Bà la môn bị tham ái chi phối. Trong lịch sử khoa học nhân loại có rất nhiều học thuyết được đưa ra dựa trên tư duy lập luận và từ đó các thế giới quan và vũ trụ quan sai khác đã ra đời. Từ những quan niệm cổ xưa vật chất là tứ đại đất nước gió lửa, trời tròn đất vuông, thế giới là Cửu sơn bát hải, đến học thuyết của Vật lý cổ điển, học thuyết lượng tử, học thuyết về hạt cơ bản, vụ nổ Bigbang ...vv. Các học thuyết ấy, các thế giới quan, vũ trụ quan ấy cứ phủ định lẫn nhau, xem ra không ai công nhận ai đến nỗi một số nhà bác học lỗi lạc đã phát biểu: Cho đến ngày nay,

một điều chắc chắn nhất là chúng ta không biết vật chất là gì, không biết năng lượng thực chất là gì. Điều này là sự thực vì con người tư duy lập luận nơi các thông tin nhưng đó là thông tin về Cảm thọ, chứ không phải là thông tin về thế giới vật chất, nhưng vì Vô minh con người lại áp đặt cho thế giới vật chất, nên mới có các thế giới quan, vũ trụ quan vọng tưởng sai khác như vậy.

b - Do không như thật Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, không biết như thật những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Cảm thọ nên nhân loại phần lớn rơi vào hai Biên kiến, rơi vào hai cực đoan: chấp Có và chấp Không

Một cực đoan chấp chặt vào những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là thế giới vật chất ví như đàn ông, đàn bà, ngựa xe, nhà cửa... được thấy đó là đàn ông, đàn bà vật chất xương thịt. Đây gọi là chấp Có, còn gọi là Thường Kiến hay Duy Vật.

Một cực đoan khác chấp chặt những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là không có thực, không có đàn ông, đàn bà, không có ai cả, không có trâu bò ngựa xe ... Tất cả đều do Thượng đế toàn năng hoá hiện ra, hoặc là sự trình hiện của Bản Tâm tuyệt đối. Đây là chấp Không, còn gọi là Đoạn Kiến hay Duy Tâm.

c - Do không như thật Tuệ tri các Cảm thọ mà các trường phái Phật giáo đã đề ra học thuyết về Nhị đế. Họ tư duy và lập luận rằng Thế giới thực tại bao gồm hai phương diện: Thế giới thực tại tuyệt đối và Thế giới thực tại tương đối. Thế giới thực tại tương đối là thế giới hiện tượng mà con người nhận biết hàng ngày, một thế giới ước lệ hay chế định vận hành theo nguyên lý nhân quả. Đó là thế giới của hình tướng, có vuông tròn to nhỏ, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn, có được mất như sạch tăng giảm, có sinh có diệt, có đàn ông đàn bà, có Phật có chúng sanh, có luân hồi sinh tử...vv. Thế giới thực tại có tướng như vậy được gọi là Tục đế. Cũng do tư duy và lập luận họ quan niệm rằng Thế giới thực tại tương đối có tướng gọi là Tục đế như vậy là sự trình hiện từ một Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối vô tướng. Trong Thế giới thực tại bản thể vô tướng gọi là Chân đế này (có trường phái gọi là Tánh Không)

không có bất kỳ một hình tướng ước lệ hay chế định nào, không có to nhỏ vuông tròn dài ngắn, không có mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn, không có nhà cửa, rừng núi sông ngòi người vật, không có đàn ông đàn bà, không có phật, chúng sinh, không có như sạch tăng giảm, không có sinh diệt, không có sắc thọ tưởng hành thức, không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có nhãn giới cho đến ý thức giới, không có minh cũng như vô minh, không khổ tập diệt đạo ...vv. Hai thế giới thực tại bản thể tuyệt đối Chân Đế và hiện tượng tương đối Tục Đế này không mâu thuẫn và tách rời nhau mà Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối Chân Đế là nền tảng cho Thế giới thực tại hiện tượng tương đối Tục Đế và Thế giới thực tại Tục Đế là sự trình hiện của Thế giới thực tại Chân Đế. Những lập luận cao siêu này được phát minh ra nhằm tránh hai cực đoan chấp thế giới được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới vật chất Thật Có và cực đoan thứ hai cho rằng Thế giới đó là giả huyễn là Không Có. Với lập luận như vậy họ cho rằng Thế giới Tục đế thuộc về chúng sanh còn Đức Phật và các vị Giác ngộ tuy vẫn sống trong Thế giới Tục đế nhưng chư vị đã giác ngộ và thể nhập Thế giới Chân đế. Những quan điểm này phát sinh do tư duy và lập luận dựa trên những thông tin được lưu giữ trong "kho chứa thông tin" nhưng các thông tin này là các thông tin và hiểu biết về Cảm thọ chứ không phải là thông tin về Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp vì thế các quan điểm này là sản phẩm của suy diễn tưởng tượng, đưa đến hiểu biết sai lạc về Sự Giác ngộ của Đức Phật. Đức Phật không giác ngộ Thế giới tương đối Tục Đế hay tuyệt đối Chân Đế mà Đức Phật giác ngộ về Cảm thọ nên nếu có người nêu quan điểm thế giới là hữu biên hay vô biên, thường hay vô thường ... thì Ngài đều khẳng định đó là tà kiến, kiến hoang vu, kiến triền phược... kiến ấy đưa đến phiền não, nhiệt não, ưu não.

Cũng có những trường phái quan niệm thế giới có hình, có tướng sum la vạn tượng này là do Tâm tạo và Tâm ấy là Tâm Bản Thể tuyệt đối thường hằng không sinh không diệt (nội dung tương tự như Thượng đế toàn năng) thì cũng là sản phẩm của suy diễn tưởng tượng giống như trên. Tuy Thực tại những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức đúng như thực là các Cảm thọ, nó thuộc phạm trù Tâm nhưng nó không phải là Thức như học phái Duy thức, mà Thực tại đó do

Căn Trần tiếp xúc phát sinh ra chứ không phải do một cái Tâm bản thể hoá hiện ra.

d -.Tam tướng vô thường, khổ, vô ngã? Đây là quan điểm được trường phái Phật giáo Nam tông chấp nhận, và điều này có mặt trong các bộ kinh Nikaya. Khảo sát điều này không phải là bài bác kinh điển mà theo lời Đức Phật đã căn dặn :khoan vội chấp nhận cho dù là kinh điển hay được nghe là chính Đức Phật nói ra nhưng cũng khoan vội tin, cũng khoan vội bác bỏ mà phải đối chiếu với sự thật. Nếu điều đó đúng với sự thật thì chấp nhận, nếu điều đó không đúng sự thật thì bác bỏ.

Thí dụ như phải thấy cho được tam tướng của hơi thở là vô thường, khổ, vô ngã. Thấy hơi thở là thấy Xúc trần tức thấy Sắc pháp, là luồng không khí đi vào rồi đi ra. Đối tượng được biết là hơi thở, là Sắc pháp, là Cảnh trần. Đây là cái biết nhị nguyên Tâm Cảnh mà nội dung là Thường kiến và Ngã kiến. Với hiểu biết này hơi thở là một luồng không khí xuất phát từ Khí quyền đi vào cơ thể rồi đi ra trở về với Khí quyền, hơi thở như vậy không sinh ra cũng không mất đi mà nó chỉ di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, nó thường hằng, thường trú nơi khí quyền chứ nó không sinh diệt, không vô thường. Hơi thở là luồng không khí của Khí quyền nên nó Hữu chủ chứ không Vô chủ. Hơi thở là khổ thì có nghĩa khổ là Cảnh, thường hằng, thường trú trong hơi thở, khổ cũng Hữu chủ vì khổ là của hơi thở chứ không vô thường, vô chủ. Hiểu biết hơi thở như vậy thực chất là Vô minh, Thường kiến, Ngã kiến nên không thể biết như thật Vô thường, Vô ngã, không biết như thật Khổ. Quán sát nơi sự thật sẽ thấy ngay rằng : Hơi thở là Xúc trần xúc chạm với Thân căn phát sinh ra Cảm giác hơi thở vô, ra và đồng thời phát sinh Thân thức cảm nhận (nhận biết) Cảm giác hơi thở vô, ra đó. Đối tượng được nhận biết là Cảm giác hơi thở vô, ra chứ không phải là hơi thở vô, ra (Sắc pháp). Với hiểu biết như thật này thì biết ngay liền Cảm giác hơi thở vô, ra là Vô thường, Vô chủ. Chừng nào còn y cứ vào cái biết nhị nguyên Tâm biết Cảnh, cái biết có nội dung Thường kiến và Ngã kiến thì đối tượng được nhận biết là hơi thở thì hơi thở là vật chất sẽ thường hằng và hữu chủ chứ không bao giờ biết được như thật Vô thường, Vô chủ bởi bản chất của cái biết nhị nguyên Tâm biết Cảnh là như vậy. Chừng nào biết như thật Lý Duyên Khởi: Căn Trần tiếp xúc nhau phát sinh ra Cảm giác và cái trực

tiếp giác quan nhận biết Cảm giác đó (Xúc - Thọ - Tưởng) thì biết như thật ngay rằng, đối tượng được biết là Cảm giác hơi thở vô, ra và cũng biết ngay nó Vô thường, Vô chủ. Đây chính là Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ. Với cái biết nhị nguyên Tâm biết Cảnh, cái biết Vô minh cho rằng khổ thường hằng, thường trú trong hơi thở và khổ là của hơi thở. Tuệ tri Khổ là biết như thật : khổ là Cảm giác, nó thuộc nội tâm, nó Vô thường, Vô chủ chứ nó không phải là Cảnh, không thường hằng, thường trú nơi hơi thở vô ra (Cảnh), không phải của hơi thở vô ra. Khổ phát sinh theo lộ trình tâm Bát Tà Tạo, nó sinh lên rồi diệt đi không thường hằng và không thường trú ở bất kỳ một nơi nào, một pháp nào, nó không phải của bất kỳ một pháp nào.

Muốn biết được như thật các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Vô thường, Vô chủ thì phải Tuệ tri được sự sinh diệt của Thọ, còn cái biết Vô Minh (Tâm biết Cảnh) thì chỉ là tư duy, suy diễn, tưởng tượng về Vô thường, Vô chủ mà thôi. Ví như khi Mắt tiếp xúc ngôi nhà phát sinh Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức. Sau khi nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh, hiểu biết Vô minh khởi lên : tôi biết căn nhà (vật chất) . Vô minh sẽ lập luận rằng ngôi nhà này sẽ bị huỷ hoại, sẽ mất đi sau 100 năm nữa nên ngôi nhà ấy vô thường. Đây chính là sự tưởng tượng cái điều sẽ xảy ra trong tương lai, cái nhà "sẽ" vô thường chứ không trực tiếp chứng kiến đối tượng được thấy vô thường. Đây cũng gọi là tư duy lý luận suông về vô thường, dựa trên Thường kiến và Ngã kiến chứ không thấy biết như thật Vô thường. Nếu khi mắt tiếp xúc ngôi nhà phát sinh Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức. Sau khi nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh, hiểu biết Minh khởi lên thì biết ngay liền: đây là Cảm giác hình ảnh, mắt tiếp xúc ngôi nhà thì Cảm giác Hình ảnh sinh, mắt quay sang hướng khác thì Cảm giác hình ảnh diệt, Cảm giác hình ảnh sinh lên rồi diệt ngay, và biết nó Vô thường tức thì chứ không phải đợi chờ 100 năm sau nữa.

Biết các pháp là Vô thường, Vô ngã là biết đúng sự thật, điều này chỉ đạt được khi có được Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ. Còn biết tất cả các pháp là khổ, chính là vô minh, không đúng sự thật về Khổ. Hiểu biết vô minh các pháp là khổ này sẽ đưa đến nghịch lý, Thánh Phạm đều như nhau, đều khổ và bậc Thánh sẽ không có Khổ Diệt và cũng không có Con đường đưa đến Khổ

Diệt. Hiểu biết như vậy do không tuệ tri hay không biết như thật Thực tại. Thực Tại do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh, là đời sống của mỗi một người bao gồm những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, và những hiểu biết về các đối tượng ấy, thái độ, phản ứng (lời nói, hành động) và kết quả của thái độ và phản ứng ấy. Mỗi một người sẽ có một Thực Tại riêng không ai giống ai, tuy sự khác nhau rất vi tế nhưng có thể phân chia Thực Tại thành hai loại chính: Thực Tại của Phàm phu và Thực tại của bậc Thánh. Thực Tại của Phàm Phu có Vô Thường, Vô Chủ (Vô Ngã), có Khổ. Thực Tại bậc Thánh cũng Vô Thường, Vô Chủ nhưng Không Có Khổ, mà có Khổ Diệt. Cụ thể Thực Tại của Phàm phu được gọi là Thế gian là lộ trình tâm Bát Tà Đạo bao gồm:

- Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến - Tham Sân Si - Tà Định - Dục - Tà Tinh Tấn - Phi Như Lý Tác Ý - Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng - Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Trong Thực Tại này các pháp là Vô Thường, Vô Chủ và có Sầu Bi Khổ Ưu Não, nghĩa là có Vô thường, Vô ngã, Khổ. Phàm phu sống với các pháp này, thấy nghe, cảm nhận các pháp này nhưng do Vô minh không Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ nên không có hiểu biết như thật các pháp này Vô thường, Vô chủ. Phàm phu tuy vẫn cảm nhận được Khổ nhưng không hiểu biết như thật về Khổ cũng như nguyên nhân Khổ. Bậc Thánh do có Tuệ tri Thọ nên biết như thật Duyên Khởi lộ trình tâm Bát Tà Đạo này, nên biết như thật các pháp này Vô thường, Vô ngã, hiểu biết như thật Khổ và Nguyên nhân Khổ và được gọi là Giác ngộ Khổ Đế và Tập Đế nơi lộ trình tâm Bát Tà Đạo.

Thực Tại của bậc Thánh được gọi là Siêu thế hay Xuất Thế gian chính là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo bao gồm:

- Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tĩnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Như Lý Tác Ý - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Thực Tại này của bậc Thánh không thể có nơi phàm phu và nơi Thực Tại này bậc Thánh biết như thật các pháp Vô thường, Vô chủ nhưng hoàn toàn vắng mặt Khổ nghĩa là có Vô

thường, Vô ngã, Niết bàn (Khổ Diệt). Bậc Thánh giác ngộ Thực Tại này cũng có nghĩa là Giác ngộ Diệt Đế và Đạo Đế.

Thực tại của Phàm phu có Vô thường, Khổ, Vô ngã còn Thực tại của bậc Thánh có Vô thường, Khổ diệt, Vô ngã.

Vậy người Phật tử tu tập Bát Chánh Đạo là tạo nhân duyên cho Thực Tại bậc Thánh khởi lên và sẽ thấy biết như thật Vô thường, Vô ngã và Khổ Diệt chứ không phải tu tập để thấy Vô thường, Khổ, Vô ngã, tu tập để Chấm dứt Thực tại thế gian có Vô thường, Khổ, Vô ngã để thể nhập Thực Tại siêu thế gian có Vô thường, Khổ Diệt, Vô ngã. Hai thực tại của Phàm và Thánh này phát sinh do Căn Trần tiếp xúc xin đừng hiểu nhầm nó với Thế giới tương đối Tục đế và Thế giới tuyệt đối Chân đế đã đề cập trên.

B - Vô Minh và Minh đối với Cái Biết: Cái biết hay Tâm biết có hai cấp độ: Cái biết trực tiếp giác quan mà Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính và Cái biết ý thức mà Tâm lý học gọi là Nhận thức lý tính.

1 - Cái biết trực tiếp giác quan (mà thuật ngữ Phật học gọi là cái biết trực giác) hay Nhận thức cảm tính phát sinh đồng thời với Cảm thọ khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, có phạm sự nhận biết sáu Cảm thọ đó. Cụ thể là Nhãn thức nhận biết (thấy) Cảm giác hình ảnh, Nhĩ thức nhận biết (nghe) Cảm giác âm thanh, Tĩ thức nhận biết (cảm nhận) Cảm giác mùi, Thiệt thức nhận biết (cảm nhận) Cảm giác vị, Thân thức nhận biết (cảm nhận) Cảm giác xúc chạm, Tưởng thức nhận biết (cảm nhận) Cảm giác pháp trần. Viết gộp sáu Xúc như sau:

Xúc - Cảm giác (Thọ) - Tưởng

Tưởng là nói gộp của sáu cái biết trực tiếp giác quan bao gồm sáu thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tĩ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức. Tưởng này cũng là Tưởng Uẩn trong Năm uẩn. Đa phần người học Phật Việt nam và Trung hoa đều quan niệm Tưởng là tưởng lầm, là hiểu biết sai, là tưởng tượng, là tri giác sai lầm do không quan sát ngũ cảnh chữ Tưởng được sử dụng trong kinh điển. Trong kinh điển chữ Tưởng chưa bao giờ

được dùng với những ngữ cảnh hiểu biết sai mà được dùng với ngữ cảnh là NHẬN BIẾT đối tượng. Ví như tay tiếp xúc với hòn đá phát sinh Cảm giác (cứng) thì cũng lập tức Thán hay Phàn đều cảm nhận Cảm giác (cứng), tay tiếp xúc miếng mít xộp phát sinh Cảm giác (mềm) thì Thán hay Phàn đều lập tức cảm nhận Cảm giác (mềm), lưỡi tiếp xúc quả chuối phát sinh Cảm giác vị (ngọt) thì lập tức Thán Phàn đều cảm nhận Cảm giác vị (ngọt), lưỡi tiếp xúc múi chanh phát sinh Cảm giác vị (chua) thì lập tức Thán Phàn đều cảm nhận Cảm giác vị (chua). Cảm nhận các Cảm giác đó là Thân thức và Thiệt thức. Cảm giác như thế nào thì cảm nhận như thế đó, không phụ thuộc vào tri thức kinh nghiệm của mỗi người nên nó là cái biết như thật. Cái biết trực tiếp giác quan này là cái biết như thật các cảm giác mà già trẻ, Thán Phàn, người súc vật đều giống nhau, đều do Căn Trần tiếp xúc mà có, không do học hỏi mà có. Trong cái biết trực tiếp này không có tất cả mọi khái niệm như vuông tròn to nhỏ, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, người vật, sinh diệt ... vv, không có ngôn từ chế định, không có phân biệt cái này với cái kia. Nó là cái biết Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt còn được gọi là Không tánh. Hãy hình dung ra nó chính là Cái biết của một đứa bé mới đẻ ra, tức thì sáu Căn của nó tiếp xúc sáu Trần nó vẫn thấy, nghe, cảm nhận các đối tượng, đó là cái biết trực tiếp giác quan thuần túy nhưng nó không biết cái đó là gì vì Cái biết ý thức của nó chưa khởi lên.

Cái biết trực tiếp giác quan gọi là Tướng này phát sinh do duyên Xúc nên : Xúc sinh thì Tướng sinh, Xúc diệt thì Tướng diệt nên nó Vô Thường, không thường hằng cũng không thường trú nơi các Căn, không thường trú ở đâu cả. Tướng cũng Vô chủ, nó không phải là của các Căn, không phải của các Trần cảnh, không có một cái Ta nào là chủ nhân của nó (Vô ngã)

Đối với lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu, cái biết trực tiếp này gọi là Tướng tri, và khi Tướng tri khởi lên thì Ý thức nhị nguyên (hiểu biết Vô minh) khởi lên ngay nên phàm phu không an trú được Cái biết trực tiếp thuần túy, không kinh nghiệm được nó, không hiểu biết như thật về nó.

Đối với lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh nhờ có Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định nên an trú được cái

biết trực tiếp giác quan thuần túy nên kinh nghiệm được nó, hiểu biết như thật về nó. Lúc này nó được gọi là Tĩnh Giác hay Thắng tri hay Không tánh. Khi an trú cái biết Không tánh này bậc Thánh kinh nghiệm được Khổ Diệt, kinh nghiệm được Giải Thoát. Giải Thoát có được nhờ an trú cái biết Không tánh này gọi là Tâm Giải Thoát hay Không Giải Thoát.

2 - Cái biết ý thức hay Nhận thức lý tính: Tiếp theo cái biết trực tiếp, cái biết Ý thức khởi lên để biết về đối tượng được nhận biết. Hiểu biết Ý thức này sẽ được phân chia thành hai loại: Vô Minh thuộc về Phàm phu và Minh thuộc về bậc Thánh.

a - Hiểu biết Ý thức Vô minh của Phàm phu: Sau cái biết trực tiếp giác quan Niệm và Tư Duy sẽ khởi lên để xác định đối tượng được nhận biết là cái gì, tính chất ra sao, thuộc loại dễ chịu, khó chịu hay trung tính và sẽ phát sinh Ý thức hiểu biết đối tượng. Lộ trình đó như sau:

Xúc - Cảm giác (Thọ) - Tưởng - Niệm - Tư Duy - Ý Thức

Khi Tưởng nhận biết đối tượng xảy ra nơi Căn Trần tiếp xúc, lượng thông tin đó sẽ được dẫn truyền về tế bào thần kinh não bộ, nơi lưu giữ các thông tin Pháp trần (bao gồm những tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm đã học hỏi, đã kinh nghiệm và được lưu giữ, đặc biệt là Vô minh và các tư tưởng cái này là của Ta, là Ta). Sự tiếp xúc (tương tác) của hai lượng thông tin đó phát sinh Niệm, có tác dụng kích hoạt các thông tin liên quan với thông tin vừa nhận biết. Tiếp theo hai lượng thông tin này (vừa được kích hoạt và thông tin vừa nhận biết được dẫn truyền vào tương tác với nhau (Xúc) làm phát sinh Tư Duy. Hành vi Tư Duy là phân tích so sánh đối chiếu hai lượng thông tin và làm phát sinh Kết luận. Kết luận chính là cái biết Ý thức. Ví như khi mắt tiếp xúc quả chuối phát sinh Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức. Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh và với đứa trẻ vừa sinh, nó thấy nhưng nó không biết đó là cái gì. Đó là cái thấy thuần túy nhãn thức, chưa có Ý thức. Đối với người lớn, Niệm khởi lên tiếp theo, nó sẽ kích hoạt các Cảm giác hình ảnh và các hiểu biết liên quan, đã được lưu vào trước đây. Tiếp đến Tư Duy sẽ phân tích so sánh đối chiếu các Cảm giác hình ảnh đó và phát sinh Kết luận: đây là quả chuối, chính Kết luận này là Ý thức.

Hiểu biết Ý thức do Niệm, Tư Duy mà phát sinh nên nội dung của nó phụ thuộc vào các thông tin trong "kho chứa thông tin" được Niệm kích hoạt. Thông tin " Vô minh, Ta, của Ta" nổi trội nhất trong kho chứa nên khi Niệm khởi lên ngoài các thông tin khác, thông tin "Vô minh, Ta, của Ta" bao giờ cũng được kích hoạt nên Tư Duy sẽ sử dụng thông tin đó và do vậy nội dung của Ý thức sẽ có hai phần. Phần thứ nhất là Chủ thể biết chính là Ta Biết, có nghĩa là có một cái Ta là chủ nhân của biết với nội dung: Ta biết, của Ta, Ta(hơn, kém, bằng) mà trong kinh là Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Đây là điều không đúng sự thật bởi các pháp do duyên khởi nên Vô chủ, không có một cái gì, một cái Ta nào là chủ nhân, chủ sở hữu cái biết. Vô minh này do Niệm kích hoạt thông tin " Ta, của Ta" trong kho chứa và Tư Duy đã sử dụng thông tin đó. Phần thứ hai của Ý thức là đối tượng được biết là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần được xác định là dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Đây cũng không đúng sự thật vì đối tượng cần được biết là các Cảm thọ và thông tin mà Tư Duy sử dụng là thông tin của các Cảm thọ chứ không phải là thông tin về Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Vô minh này xảy ra do Niệm kích hoạt các thông tin Vô minh (Tâm biết Cảnh) và Tư Duy đã sử dụng các thông tin đó. Như vậy Ý thức là Vô minh mà lỗi là do Niệm đã kích hoạt thông tin "Vô minh, Ta, của Ta" đã được lưu giữ trong "kho chứa thông tin". Trong lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phạm phu, Niệm, Tư duy, Ý thức như vậy gọi là Tà Niệm, Tà Tư Duy, Tà Tri Kiến.

Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến - Tham Sân Si ...

Do có Ý tức nhị nguyên là Vô minh, là Tà Tri Kiến, là Không Liễu Tri như vậy nên Tham Sân Si khởi lên, Dục hỷ, Ràng buộc, Sầu bi khổ ưu não khởi lên. Trong Kinh Pháp Môn Căn Bản nói :kế phạm phu Tưởng tri đối tượng và Không Liễu Tri đối tượng và do Không Liễu Tri đối tượng nên Dục hỷ đối tượng và đó là Nguyên nhân Khổ. Trên lộ trình này Tưởng là cái biết trực tiếp gọi là Tưởng tri và Tà Tri Kiến là cái biết ý thức gọi là Không Liễu Tri.

b - Hiểu biết Minh của bậc Thánh: Bậc Hữu học có Văn

tuệ, là hiểu biết đúng như thật do nghe Pháp mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng bao gồm :Lý Duyên Khởi và Tứ Thánh Đế hay Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Văn Tuệ này sẽ được lưu vào "kho chứa thông tin" với tên là Minh. Như vậy trong "kho chứa thông tin" một vị hữu học có hai loại thông tin đối lập nhau: Vô minh và Minh. Lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh như sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tỉnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến

Khi Căn Trần tiếp xúc phát sinh Thọ - Tưởng tiếp đó Chánh Niệm khởi lên. Nội dung của Chánh Niệm là: nhớ đến chú tâm quán sát thân nơi thân (Niệm Thân), nhớ đến chú tâm quán sát thọ nơi thọ (Niệm Thọ), nhớ đến chú tâm quán sát tâm nơi tâm (Niệm Tâm), nhớ đến chú tâm quán sát pháp nơi pháp (Niệm Pháp) nên Chánh Niệm sẽ kích hoạt các thông tin thuộc Minh, chứ không kích hoạt "Vô minh, Ta, của Ta" và sẽ xảy ra hai trường hợp:

- Một số đối tượng lộ trình tâm sẽ dừng lại sự chú tâm (Chánh Định) và "nháy đi nháy lại" trên đối tượng đó nhiều lần (mỗi một lộ trình tâm như vậy chỉ "nháy" lên trong khoảng phần trăm hoặc phần ngàn giây mà thôi) và vì vậy Cái biết trực tiếp giác quan được kéo dài ra và Hành giả sẽ kinh nghiệm và an trú được Cái biết trực tiếp này. Cái biết trực tiếp giờ đây được gọi là Tỉnh giác hay Thắng tri hay Không tánh. Lộ trình đó là:

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tỉnh Giác)

Tùy theo mức độ Chánh Định là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, Hành giả an trú Tỉnh Giác và sẽ kinh nghiệm được Giải Thoát. Giải Thoát này có được do có Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định nên gọi là Tâm Giải Thoát hay Không Giải Thoát.

- Một số đối tượng lộ trình tâm sẽ diễn biến tiếp và sẽ phát sinh Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến.

Xúc - Thọ - Tường - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn -
Chánh Định - (Tỉnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến

Sau khi nhận biết đối tượng với cái biết Tỉnh giác, Chánh Tư Duy khởi lên sẽ phân tích so sánh, đối chiếu thông tin do Tỉnh Giác cung cấp với những thông tin như thực Minh do Chánh Niệm kích hoạt (khác với Tà Tư Duy so sánh, đối chiếu với thông tin Vô minh, Ta, của Ta do Tà Niệm kích hoạt). Chánh Tư Duy sẽ phát sinh Cái biết ý thức đúng như thật gọi là Chánh Tri Kiến. Nội dung của Chánh Tri Kiến là Lý Duyên Khởi và Tứ Thánh Đế hay Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Với hiểu biết đúng như thật này Hành giả sẽ kinh nghiệm được Giải Thoát. Giải Thoát này do Trí Tuệ mà kinh nghiệm được nên gọi là Tuệ Giải Thoát. Chánh Tri Kiến cũng có nội dung biết như thật những gì được thấy, nghe, cảm nhận, được nhận thức là Cảm thọ nó thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh nên nó Vô Tướng. Đây là biết như thật Thực Tướng các pháp là Vô Tướng, vì vậy Chánh Tri Kiến còn có tên gọi là Cái biết Vô Tướng. Tuệ Giải Thoát cũng chính là Vô Tướng Giải Thoát là vì vậy.

Một vị hữu học có Văn Tuệ và Tư Tuệ đầy đủ, chính xác được lưu vào "kho chứa thông tin" chỉ có thể xoá bỏ được các thông tin về Thân kiến, Nghi, Giới Cấm thủ, các thông tin Vô minh Tâm biết Cảnh, Ta của Ta vẫn tồn tại chưa có thể xoá bỏ. Nếu vị đó không thực hành thì Bát Tà Đạo khởi lên vẫn có Vô minh, Tham Sân Si, Sầu bi khổ ưu não vì rằng nhân của Tà Niệm là thông tin "Vô minh, Ta, của Ta" vẫn còn trong kho chứa. Khi vị đó thực hành khởi lên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến khởi lên, vị đó sẽ kinh nghiệm và an trú Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát. Chính Chánh Tri Kiến trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo được rèn luyện, được tu tập, được làm cho Viên Mãn mới đưa đến "đột chuyển", mới xoá bỏ hoàn toàn thông tin "Vô minh, Ta, của Ta" đã được lưu giữ trong kho chứa. Khi sự "đột chuyển" xảy ra thì nhân của Tà Niệm, nhân của Bát Tà Đạo, nhân của Vô minh, của Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái, của Sầu bi khổ ưu não được xoá bỏ, được đoạn diệt không có dư tàn, đó chính là quả A La Hán, sự Giải Thoát tối hậu. Sự giải thoát tối hậu chỉ xảy ra khi Trí Tuệ, Minh được tu tập, được làm cho viên mãn xoá bỏ được Vô Minh, Vô Ngộ Tướng điên đảo, lúc đó Hiểu

biết Ý thức Minh, Vô tướng mới thay thế hoàn toàn Hiểu biết Ý thức Vô Minh, Hữu tướng. Sự kiện này chỉ xảy ra nơi cái biết Ý thức có khái niệm, có ngôn ngữ chế định, có phân biệt tức Nhận thức lý tính chứ không thể xảy ra nơi cái biết trực tiếp giác quan, vô niệm, vô ngôn, vô phân biệt gọi là Nhận thức cảm tính.

Đối với một vị hữu học có tu tập Chánh Niệm - Tỉnh Giác nên vị đó nhận biết các đối tượng với cái biết Tỉnh Giác và còn được gọi với một tên khác mà kinh Pháp Môn Căn Bản đã dùng là Thắng Tri đối tượng. Chánh Tri Kiến vẫn khởi lên trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo nhưng vì nó chưa viên mãn, chưa xoá bỏ được thông tin "Vô minh, Ta, của Ta" trong kho chứa nên kinh nói là có thể Liễu Tri, vì vậy trong kinh Pháp Môn Căn Bản, cái biết của vị hữu học là Thắng Tri và có thể Liễu Tri đối tượng.

Đối với các vị A La Hán và Như Lai cái biết của chư vị là Thắng tri và Liễu Tri đối tượng vì Vô Minh đã đoạn diệt hoàn toàn.

3 - Những hiểu biết Vô Minh, sai lạc về Cái biết: Những hiểu biết Vô minh, sai lạc về Cái Biết cũng gồm hai phần: Hiểu biết Vô minh, sai lạc về Cái biết trực tiếp giác quan hay Nhận thức cảm tính và hiểu biết Vô minh, sai lạc về Ý thức hay Nhận thức lý tính.

a - Hiểu biết Vô minh, sai lạc về Cái biết trực tiếp giác quan:

- Vì không Tuê tri về Cái biết trực tiếp nên khoa Tâm lý học quan niệm Nhận thức cảm tính này là cái biết hời hợt, bề ngoài, sai lầm về đối tượng và chỉ có Ý thức hay Nhận thức lý tính mới là cái biết sâu sắc, biết như thật bản chất đối tượng. Họ đưa ra một thí dụ điển hình để minh chứng cho quan điểm này, là khi tay trái cầm một cục nước đá lạnh, tay phải cầm một vật nóng rồi cùng bỏ ra và đồng thời nhúng cả hai bàn tay vào cùng một chậu nước lạnh. Lúc đó tuy cùng một chậu nước nhưng cái biết trực tiếp giác quan (Thân thức) "của" tay phải cảm nhận nước lạnh, còn cái biết trực tiếp giác quan "của" tay trái cảm nhận nước nóng. Như vậy họ kết luận cái biết giác quan của tay trái và tay phải tuy biết cùng một chậu nước như lại biết sai khác nhau, vì

vậy nó là cái biết hời hợt, bề ngoài, không đúng bản chất sự vật. Quan điểm như vậy phát sinh từ hiểu biết nhị nguyên Tâm biết Cảnh nghĩa là cái biết trực tiếp là của tay và đối tượng được biết là Cảnh tức nước trong chậu mà không biết như thật: tay trái và tay phải tiếp xúc với cùng một chậu nước nhưng do tình trạng hai tay khác nhau nên phát sinh ra hai Cảm giác (nóng, lạnh) khác nhau và cái biết trực tiếp Thân thức nhận biết hai Cảm giác (nóng lạnh) khác nhau đó chứ không phải biết về chậu nước.

- Vì không Tuệ tri cái biết trực tiếp mà các quan điểm Duy Tâm cho rằng nó chính là Linh hồn, là (linh hồn) Chúa trong con người được Chúa thổi vào trong hai thân thể A đam và E vợ đầu tiên do Chúa làm ra, là Tiểu Ngã trong Đại Ngã của Bà la môn giáo...

- Vì không Tuệ tri cái biết trực tiếp hay trực giác này do Duyên khởi, nghĩa là do Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh nên nó Vô thường, Vô chủ hay Vô ngã nên một số quan điểm cho rằng nó là Tánh Thấy, Tánh Nghe hay là Tánh Biết không sanh không diệt sẵn có nơi mỗi người, sinh ra là có liền, không do học hỏi, tu tập mà có. Trở về sống với Tánh Biết này là Giải thoát.

- Vì không tuệ tri về cái biết trực tiếp giác quan mà nhiều trường phái cho rằng giải thoát tối hậu xảy ra nơi cái biết trực tiếp giác quan Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt này. Một số người khi tu tập Thiền định, họ cũng kinh nghiệm và an trú được Cái biết trực tiếp này, họ cũng phần nào biết được đây là cái biết Vô Niệm, Vô Ngôn, Vô Phân Biệt mà Thánh Phạm đều có như nhau, nhưng vì không Tuệ tri duyên khởi, không biết như thật về Cái Biết Trực Tiếp nên họ cho rằng đây là Trí Tuệ Bát Nhã, là Vô Phân Biệt Trí. Họ cho rằng với Trí Tuệ bát nhã hay Vô phân biệt Trí này sẽ thấy biết và thể nhập Thế giới bản thể tuyệt đối không sinh không diệt còn được gọi là Tánh Không hay Vô Dư Niết Bàn. Trong cái Thế giới bản thể tuyệt đối hay là Chân Không vô tướng đó, không có sinh diệt, như sạch, tăng giảm, không có sắc thọ tưởng hành thức, không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có nhãn giới cho đến ý thức giới, không có khổ tập diệt đạo ... Dựa vào hiểu biết Vô minh Tâm biết Cảnh họ cũng lập luận rằng đây cũng chính là Tâm bản thể tuyệt đối không sinh không diệt sẵn có nơi mỗi một chúng sanh

và từ Tâm Bản Thể tuyệt đối này mà Tâm Phân Biệt sanh diệt được hiển lộ, được trình hiện. Trong cái Tâm sinh diệt phân biệt đó có sinh diệt, như sạch, tăng giảm, trước sau, có sắc thọ tưởng hành thức, có mắt tai mũi lưỡi thân ý ... Tâm sinh diệt phân biệt như sóng, Tâm bản thể không sinh diệt như biển, sóng từ biển sinh, khi diệt đi nó lại trở về với biển. Suy diễn như vậy cũng phát sinh học thuyết Tam Thân tương tự. Nếu theo quan điểm này thì khi một đứa trẻ vừa sinh ra, khi năm Căn tiếp xúc năm Trần phát sinh cái biết trực tiếp Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức nhưng Ý thức chưa khởi lên được, thì nó vẫn thấy, nghe, cảm nhận các đối tượng với cái biết trực tiếp Vô Ngôn, Vô Niệm, Vô Phân Biệt được cho là Vô Phân Biệt Trí này, thì như vậy nó đã Giải thoát ngay lúc đó đâu còn luân hồi sinh tử.

b - Hiểu biết Vô minh, sai lạc về Ý thức:

- Vì không hiểu biết như thật về Ý thức hay Nhận thức lý tính, khoa Tâm lý học cho rằng Ý thức nhị nguyên của nhân loại là hiểu biết đúng bản chất các pháp, biết về bản chất của sắc thanh hương vị xúc. Phần lớn những người học Phật tin vào sự hiểu biết này là đúng nên họ đã đưa ra các luận giải dựa vào Ý thức nhị nguyên này nên xuyên tạc lời dạy của Đức Phật bằng vô số luận giải sai khác

- Vì không tuệ tri cái biết nhị nguyên Tâm Cảnh, không biết như thật đó là cái biết sai lạc, mê lầm, không biết như thật chủ thể biết là Bản ngã (Ta biết) và đối tượng được biết là Thế Giới là vô minh, vọng tưởng, không có thật mà chỉ là tư duy, lý luận suông, có một số chủ trương y theo ý thức nhị nguyên đó mà có thay đổi quan điểm một chút: một là hoà nhập Chủ thể với Đối tượng để không còn nhị nguyên bằng cách quán Ta chính là tất cả mọi đối tượng, Tất cả mọi đối tượng đều là Ta. Hai là trở về với Chủ thể, trở về với Tánh Biết của mình để không còn trôi lăn theo đối tượng

- Vì không Tuệ tri Chánh Tri Kiến nhiều người cho rằng giải thoát là không còn Tư duy vì còn Tư duy là còn phân biệt, giải thoát là Vô phân biệt. Chánh Tri Kiến là cái biết Ý thức của Phật và các vị A la Hán, được khởi lên do Chánh Tư Duy, nên giải thoát vẫn Tư duy nhưng là Chánh tư duy chứ không còn Tà tư

duy như phàm phu. Chánh Tri Kiến vẫn là cái biết có khái niệm, ngôn ngữ chế định, có phân biệt đúng sai, chánh tà, thiện ác, có không... nhưng không còn chấp thủ nên không còn yêu ghét, hơn thua, vui buồn, ta người... không còn Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Ví như có những người mù sờ voi. Người sờ được cái vòi thì cả quyết voi như con đũa, người sờ được đuôi thì cả quyết voi như cái chổi xể, người sờ được chân thì cả quyết voi như cái cột nhà, người sờ được tai thì cả quyết voi như cái quạt mo. Và mỗi một người mù đều cả quyết chỉ cái thấy của mình mới đúng, còn những người kia đều sai cả. Họ có thể tranh cãi quyết liệt và hơn thua đủ với nhau. Một người có mắt sẽ thấy rõ voi có các bộ phận đó, và họ biết rằng người mù nào cũng đúng theo kinh nghiệm cá nhân của họ, nhưng đó là cái thấy một chiều, không phải là sự thật. Biết vậy người có mắt sẽ không còn tranh cãi đúng sai, hơn thua với những người mù kia.

TÓM LẠI nhờ có Minh mới tuệ tri được Vô Minh mới từ bỏ, đoạn tận được Vô Minh. Công thức để đoạn tận Vô Minh cũng là công thức Tứ Thánh Đế:

- Tuệ Tri Vô Minh đó là Thường kiến, Ngã kiến, là Tâm biết Cảnh, là Khổ Tập Diệt Đạo ở nơi ngoại cảnh, thường hằng, thường trú nơi ngoại cảnh

- Tuệ Tri sự tập khởi của Vô Minh là do Tà Niệm - Tà Tư Duy trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo khởi lên Tà Tri Kiến. Tà Tri Kiến này là Vô Minh.

- Tuệ Tri sự đoạn diệt Vô Minh là khi có Chánh Niệm - Chánh Tư Duy trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên Chánh Tri Kiến. Chánh Tri Kiến này là Minh nên đoạn diệt Vô Minh.

- Tuệ Tri con đường chấm dứt Vô Minh là Bát Chánh Đạo bao gồm: Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

CẢM THỌ

Trong kinh Năm Ba thuộc Trung Bộ Kinh Đức Phật đã từng khẳng định: "Vô thượng tịch tĩnh, Tối thắng đạo đã được Như Lai Chánh Đẳng Giác sau khi như thật tuệ tri sáu xúc xứ". Vậy Tuệ tri sáu xúc xứ là cái gốc mà từ đó Đức Phật đạt được Chánh Đẳng Giác. Tuệ tri sáu Xúc xứ có nội dung là Tuệ tri sáu Cảm thọ, Tuệ tri Lý Duyên Khởi, Tuệ tri sự sinh diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ.

a - Tuệ tri sáu xúc xứ là thấy biết như thật sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Cảm giác đồng thời phát sinh sáu Cái biết trực tiếp giác quan nhận biết sáu Cảm giác đó.

Mắt tiếp xúc Sắc trần (gọi là Nhãn xúc) phát sinh Cảm giác hình ảnh - Nhãn thức

Tai tiếp xúc Thanh trần (gọi là Nhĩ xúc) phát sinh Cảm giác âm thanh - Nhĩ thức

Mũi tiếp xúc Hương trần (gọi là Tỉ xúc) phát sinh Cảm giác mùi - Tỉ thức

Lưỡi tiếp xúc Vị trần (gọi là Thiệt xúc) phát sinh Cảm giác vị - Thiệt thức

Thân tiếp xúc Xúc trần (gọi là Thân xúc) phát sinh Cảm giác xúc trần - Thân thức

Ý tiếp xúc Pháp trần (gọi là Ý xúc) phát sinh Cảm giác pháp trần - Tưởng thức.

Sáu cảm giác này thuật ngữ Phật học gọi là Cảm thọ, sáu Cái biết trực tiếp giác quan có phạm sự nhận biết sáu Cảm thọ gọi chung là Tưởng. Cần phải quán sát nơi sự thật khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần để thấy biết đúng sự thật là Nhãn thức thấy

Cảm giác hình ảnh chứ không phải Nhãn thức thấy Sắc trần. Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh chứ không phải Nhĩ thức nghe Thanh trần. Tỉ thức nhận biết Cảm giác mùi chứ không phải Nhĩ thức cảm nhận Hương trần. Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị chứ không phải Thiệt thức nhận biết Vị trần. Thân thức nhận biết Cảm giác xúc trần chứ không phải nhận biết Xúc trần. Tưởng thức nhận biết Cảm giác pháp trần chứ không phải nhận biết Pháp trần. Ví như quán sát : khi tay nhắc một hòn đá, có nghĩa tay là Thân tiếp xúc hòn đá là Xúc trần, thì ngay lập tức phát sinh Cảm giác nặng và cũng đồng thời cảm nhận được Cảm giác nặng đó. Cảm nhận (nhận biết) Cảm giác nặng là Thân thức phát sinh đồng thời với Cảm giác nặng. Thân thức nhận biết Cảm giác nặng chứ không phải Thân thức nhận biết hòn đá nặng. Phải quán sát cả sáu xúc xú để thấy biết đúng sự thật: những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận là sáu Cảm thọ chứ không phải là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Sáu xúc viết gộp lại là:

Xúc - Cảm giác (Thọ) - Tưởng.

b - Tuê tri sáu xúc xú cũng là tuê tri Lý Duyên Khởi: Quán sát sự thật sẽ thấy ngay rằng có Tay là một nhân, có hòn đá là nhân thứ hai và hai nhân này bình đẳng không nhân nào chủ nhân, chủ sở hữu của nhân nào. Có đủ hai nhân nhưng chưa có tiếp xúc cũng chưa có một cái nặng nào cả. Khi có Xúc thì lập tức phát sinh Cảm giác nặng và có cái biết nhận biết Cảm giác nặng đó (Thân thức). Cảm giác nặng và Thân thức được gọi là Pháp duyên khởi hay pháp do duyên căn trần tiếp xúc mà khởi lên. Xúc sinh Cảm giác nặng và Thân thức sinh, Xúc diệt thì Cảm giác nặng và Thân thức diệt. Cảm giác nặng và Thân thức sinh lên rồi diệt đi, nó không thường hằng, không thường trú đâu cả nên nó Vô Thường. Tay và hòn đá đều không phải là chủ nhân, chủ sở hữu của Cảm giác nặng và Thân thức nên nó Vô chủ. Cảm giác nặng và Thân thức Vô chủ cũng có thể thấy biết như thật như sau: Tay và hòn đá tiếp xúc với nhau là Nhân, Cảm giác nặng và Thân thức là Quả. Nhân và Quả tồn tại ở hai thì thời gian khác nhau, không đồng thời tồn tại nên giữa Nhân và Quả không có mối quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu. Quán sát Lý Duyên Khởi cụ thể là Căn là một nhân, Trần là một nhân, hai nhân bình đẳng không có nhân chính nhân phụ, tiếp xúc phát sinh Các Cảm thọ

và cái biết trực tiếp Tạng. Sáu Thọ và Sáu Tạng này đều vô thường, vô chủ. Vô chủ cũng đồng nghĩa với không có một cái Ta, chủ nhân, chủ sở hữu các pháp đó, cũng được gọi là Vô ngã.

Các pháp khác như Niệm, Tư duy, Ý thức, Tham Sân Si, Dục, Định, Tác ý đều do Ý tiếp xúc với (lượng thông tin) Pháp trần mà phát sinh. Hạnh phúc, Khổ đau là các Cảm giác do lượng thông tin pháp trần tiếp xúc với các tế bào nội tạng mà phát sinh. Lời nói, hành động là các Cảm giác rung động, chuyển động do lượng thông tin pháp trần tiếp xúc với các tế bào chức năng tương ứng mà phát sinh ra. Các pháp này đều là pháp duyên khởi và nó vô thường, vô ngã.

Tuệ tri Lý Duyên Khởi cũng là thấy biết như thật: Thực Tại của Phạm phu là lộ trình tâm Bát Tà Đạo bao gồm :

Xúc - Thọ - Tạng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến - Tham Sân Si - Tà Định - Dục - Tà Tinh Tấn - Phi như lý tác ý - Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng - Sầu Bi Khổ Ưu Não (sinh già bệnh chết).

Lộ trình này được giảng giải tóm tắt trong Thập nhị nhân duyên: Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sinh - Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não. Trong Thực Tại của Phạm phu này (gọi là Thế gian) các pháp đều Vô Thường, Vô Ngã, có Vô Minh, có Tham Sân Si, có Sầu Bi Khổ Ưu Não (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã).

Tuệ tri Lý Duyên Khởi cũng là thấy biết như thật: Thực Tại của bậc Thánh là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo bao gồm:

Xúc - Thọ - Tạng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tỉnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Như lý tác ý - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Lộ trình này có thể diễn tả một cách khác: Xúc - Thọ - Không - Vô Tướng - Vô Tác. Trong Thực Tại của bậc Thánh này (gọi Siêu thế hay Xuất thế gian) các pháp đều Vô Thường, Vô Ngã và không có Khổ hay Khổ Diệt (Vô Thường, Khổ Diệt, Vô Ngã).

Đức Phật đã khẳng định : Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp, người đó thấy Như Lai.

c- Tuệ tri sáu xúc xứ cũng có nghĩa là : Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ, cũng đồng nghĩa với Tuệ tri Tứ Thánh Đế. Nội dung này đã được trình bày trong bài : Vô Minh và Minh hay bài Kinh Phạm Võng và sự giác ngộ của Đức Phật.

TÓM LẠI: Đức Phật đã khởi đầu sự quán sát của mình bằng quán sát sáu Xúc xứ đưa đến sự thấy biết như thật hay tuệ tri sáu Xúc xứ và do tuệ tri sáu Xúc xứ mà Ngài đã tuệ tri tất cả pháp. Khi tuệ tri sáu Xúc xứ, một pháp cực kỳ quan trọng được tuệ tri, đó là sáu Cảm thọ. Với sự tuệ tri sự sinh diệt của Thọ sẽ có được thấy biết như thật: Thực tại của Phàm hay Thánh chính là sáu Cảm thọ chứ không phải là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Nghĩa là cho dù Phàm hay Thánh thì những đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm thọ. Hiểu biết hay nhận thức về các đối tượng cũng là hiểu biết, nhận thức về các Cảm thọ. Thái độ của con người như thích (Tham) hay ghét (Sân) cũng là thái độ đối với Cảm thọ và lời nói hay hành động phát sinh để thể hiện Thái độ cũng là với các Cảm thọ. Do không tuệ tri sáu Xúc xứ, không tuệ tri các Cảm thọ nên nhân loại chấp thủ một hiểu biết sai lạc : những đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Hiểu biết, nhận thức, Thái độ, lời nói, hành động để thể hiện Thái độ đều là đối với Thế giới. Hiểu biết sai lạc đó là Vô Minh, Vọng Tưởng, bản chất là Tâm biết Cảnh, là Thường kiến và Ngã kiến. Chính vì tuệ tri sáu Xúc xứ, tuệ tri Thọ nên Đức Phật dạy sự thực hành để đoạn tận Khổ chỉ là sự thực hành đối với Cảm thọ, là sự đoạn tận Tham, đoạn tận Sân, đoạn tận Si đối với các Cảm thọ.

- Trong Kinh Tiểu Kinh Đoạn Tận Ái thuộc Trung Bộ kinh Đức Phật đã tóm tắt Giáo Pháp mà Ngài đã giảng dạy trong bốn mươi lăm năm trong năm câu: Thật không xứng đáng nếu thiên vị tất cả pháp (1). Sau khi nghe thật không xứng đáng nếu thiên vị tất cả pháp, vị ấy (học hỏi) để biết tất cả pháp (2). Sau khi biết tất cả pháp vị ấy(học hỏi) để biết rõ ràng tất cả pháp(3). Do biết rõ ràng tất cả pháp nên bất kỳ một Cảm thọ nào khởi lên, lạc thọ, khổ

thọ, bất khổ bất lạc thọ vị ấy sống quán tánh Vô thường, sống quán tánh Ly tham, sống quán tánh Đoạn diệt, sống quán tánh Xả ly nơi Cảm thọ ấy(4). Do vị ấy sống quán tánh Vô thường, quán tánh Ly tham, quán tánh Đoạn diệt, quán tánh Xả ly nơi các Cảm thọ nên không chấp trước bất kỳ một cái gì ở đời, do không chấp trước nên không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết bàn, vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa(5). Trong lời dạy tóm tắt về Giáo Pháp có đầy đủ: Pháp học, Pháp hành và Pháp thành. Pháp học gồm ba câu đầu, Pháp hành tóm tắt trong câu thứ tư và Pháp thành trong câu thứ năm. Rõ ràng Pháp hành là thực hành với tất cả các Cảm thọ với nội dung, quán các Cảm thọ đó Vô thường, Ly tham, Đoạn diệt (chấp thủ ngã), Xả ly. Thực hành bốn nội dung này thực chất là Quán Pháp trong kinh Niệm Xứ hay Quán Pháp trong kinh Niệm hơi thở vô hơi thở ra.

- Trong bài kinh Niệm Xứ Đức Phật dạy Quán Thân Thọ Tâm Pháp nhưng thực chất nội dung là Quán Thọ. Đối với Quán Thân là quán sát các Cảm giác trên thân với cái biết Tỉnh Giác, thực chất cũng là Quán Thọ. Đối với Quán Thọ là quán sát tất cả mọi Cảm giác khi nó xuất hiện với cái biết Tỉnh Giác, đây là Quán Thọ. Quán Tâm và Quán Pháp cũng là quán sát các Cảm thọ với Trí tuệ để biết như thật các Cảm thọ đó thuộc phạm trù Tâm (chứ không phải Cảnh), các Cảm thọ đó Vô thường, Vô ngã, Ly tham, Xả ly.

TUỆ TRI sáu Xúc xứ cũng là TUỆ TRI THỌ, tuệ tri sự sinh diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu vượt qua mọi tư duy lý luận suông, tế nhị chỉ có người trí mới có khả năng nhận hiểu. Chính vì vậy mà lời dạy của bậc Chánh Đẳng Giác về Cảm thọ đã không được truyền khẩu lại một cách đầy đủ và chính xác mà đã bị cắt gọt, kiến giải cho vừa với cái "khuôn" hiểu biết của nhân loại, cho phù hợp với Tâm biết Cảnh.

- Trong kinh Đức Phật có đề cập sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Thọ, chắc chắn Ngài đã nói rõ sáu Thọ là gì nhưng trong kinh điển không truyền thụ được cụ thể sáu Thọ là cái gì và những người nghiên cứu kinh điển không hề biết sáu Thọ bao gồm những Thọ nào. Đa phần người học Phật chỉ hiểu sơ lược

Cảm thọ là Cảm giác trên thân. Có thể có bàn đến hai thọ, ba thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ nhưng sáu loại Thọ do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh, cái mà khi Tuệ tri sáu Xúc xứ sẽ tuệ tri được, cái mà chắc chắn Đức Phật đã giảng giải thì không hề được thuyết minh.

- Trong kinh điển có nói đến sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Thức, cộng ba lĩnh vực này lại: Sáu Căn + Sáu Trần + Sáu Thức = 18 Giới và đương nhiên quan niệm chỉ có 18 giới như vậy và trong hiểu biết này hàm chứa nội dung Sáu Thức biết Sáu Trần. Điều này không đúng sự thật và đã bỏ qua một lĩnh vực rất quan trọng là Sáu Thọ, vì Thực tại là các Cảm thọ và sự Giác Ngộ của Đức Phật lại là giác ngộ về Sáu Thọ, cho nên lời dạy của Đức Phật đã không được truyền đạt lại một cách đầy đủ.

- Định nghĩa Xúc được truyền đạt hoàn toàn không đúng . Xúc được định nghĩa là Căn và Trần tiếp xúc nhau thì phát sinh Thức. Ba pháp này (Căn Trần Thức) gặp nhau thì gọi là Xúc. Do có Xúc mà phát sinh Thọ. Định nghĩa Xúc như vậy không hợp lý là bởi Căn Trần tiếp xúc nhau là Nhân và Thức phát sinh là Quả. Nhân và Quả không bao giờ đồng thời tồn tại mà lộ trình Nhân Quả phải diễn tiến theo thời gian, nghĩa là Nhân trước Quả sau. Nếu hiện tại đang có Nhân thì Quả phải thuộc thời tương lai và như vậy Quả chưa sanh. Nếu hiện tại có Quả thì Nhân đã thuộc thời quá khứ và Nhân đó đã diệt. Vì vậy Nhân và Quả không bao giờ có thể gặp nhau để mà tiếp xúc nhau nên Căn Trần tiếp xúc phát sinh ra Thức và ba pháp này lại gặp gỡ nhau là một điều vô lý. Do định nghĩa Xúc sinh Thọ như vậy nên người học Phật không thể hình dung ra sáu Thọ là như thế nào. Ví như Mắt tiếp xúc với Sắc phát sinh Nhãn thức. Ba pháp này gặp gỡ nhau gọi là Xúc, do Xúc đó mà có Thọ. Với định nghĩa như vậy không ai có thể hình dung ra Thọ do nhãn xúc sinh là cái gì.

- Đa phần người học Phật quan niệm đối tượng của Tham ái là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, nghĩa là Tham ái sáu Cảnh trần, nghĩa là Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái. Hiểu biết như vậy là Vô Minh, là xuyên tạc lời dạy của Phật, do không tuệ tri sáu Xúc xứ, không tuệ tri sáu Thọ. Đức Phật tuệ tri sáu Xúc xứ, tuệ tri sáu Thọ nên Ngài đã thuyết minh rõ ràng: Do

có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Sinh, do có Sinh mà có Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não không thể kể xiết. Theo lời dạy này thì đối tượng của Tham ái là Thọ chứ không phải là sáu Cảnh trần. Đức Phật không thể nào tự mình mâu thuẫn với chính mình để lúc thì nói đối tượng Tham ái là Sáu Thọ, lúc khác lại nói đối tượng Tham ái là Sáu Cảnh Trần.

TUỆ TRI THAM SÂN SI

Tham Sân Si là ba tâm hành rất quan trọng, nhưng sự hiểu biết về ba tâm hành này được phân chia làm hai loại. Một loại hiểu biết không đúng sự thật về Tham Sân Si được gọi là Vô Minh, là Vọng tưởng, là Không liễu tri thuộc về Phàm phu. Một hiểu biết đúng sự thật về Tham Sân Si được gọi là Minh, là Trí tuệ, là Liễu tri hay Tuệ tri thuộc về bậc Thánh.

1 - Hiểu biết Vô Minh về Tham Sân Si của Phàm phu :
Hiểu biết Vô minh là Ý thức nhị nguyên Tâm Cảnh, nghĩa là cái biết là Tâm và đối tượng được biết là Cảnh, là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Với Vô minh như vậy thì Khổ Tập Diệt Đạo đều ở nơi ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp chứ không phải là Tâm. Kẽ phàm phu hiểu Khổ, Nguyên nhân Khổ là những hoàn cảnh Khó Chịu và Trung Tính. Sự chấm dứt Khổ là Hạnh phúc, là những hoàn cảnh Dễ Chịu. Và như vậy đương nhiên Con đường chấm dứt Khổ là thay đổi hoàn cảnh sống, thay hoàn cảnh Khó Chịu và Trung Tính bằng hoàn cảnh Dễ Chịu. Khi Căn Trần tiếp xúc nhận biết đối tượng bằng cái biết trực tiếp giác quan xong thì Ý thức Vô Minh sẽ khởi lên xác định đối tượng đó là Dễ chịu, Khó chịu hay Trung tính và Vô Minh về Khổ Tập Diệt Đạo cũng đồng thời khởi lên:

- Đối tượng Dễ chịu thì Thích thú hay Tham khởi lên vì Vô minh cho rằng đối tượng này mang đến Hạnh phúc, mang đến Chấm dứt Khổ.

- Đối tượng Khó chịu thì Chán ghét hay Sân khởi lên vì Vô Minh cho rằng đối tượng này sẽ mang đến Khổ.

- Đối tượng Trung tính thì không Thích, không Ghét nhưng nó không an trú trên đối tượng đó mà Tìm kiếm một đối tượng Dễ chịu để thay thế đối tượng Trung tính này bởi Vô Minh cho rằng đối tượng Trung tính cũng mang đến Khổ, chỉ có đối tượng Dễ chịu mới là Hạnh phúc, mới chấm dứt Khổ. Hành vi Tìm kiếm này

gọi là Si.

Hành vi Tham đối với đối tượng Dễ chịu, Sân đối với đối tượng Khó chịu rất dễ nhận biết nhưng Si đối với đối tượng Trung tính là rất vi tế, rất khó nhận biết. Si khởi lên sẽ đưa đến tác ý hướng đến một đối tượng khác, tác ý khởi lên một lộ trình tâm tư duy, tìm cầu một đối tượng khác. Trong đời sống của Phạm phu, thời gian khởi lên Tham và Sân chiếm chỉ khoảng 30% còn Si chiếm đến 70% còn lại. Nhận biết Tham Sân Si thì Thánh hay Phạm đều nhận biết được nhưng hiểu biết về Tham Sân Si thì Thánh Phạm lại khác nhau. Phạm phu hiểu biết về Tham Sân Si như sau :

a - Tham ái gồm ba lĩnh vực là: Dục ái, Hữu ái và Phi Hữu ái.

- Dục ái: Phạm phu hiểu Thích thú một đối tượng Dễ chịu, Thích thú Hạnh phúc là bản chất tốt đẹp của con người. Ai không thích thú Hạnh phúc, không thích thú Sắc đẹp, Tiếng hay, Vị ngon, Hương thơm, Xúc chạm êm ái là kẻ điên. Nếu không có Tham ái Hạnh phúc thì không có động lực, không có nỗ lực phấn đấu để đạt được giàu có, tiện nghi, sắc đẹp, danh tiếng, tình yêu ... không thể nào có được những giá trị cuộc đời mà nhân loại tôn xưng. Chính Dục ái, sự Tham ái Hạnh phúc vật chất và tinh thần được cuộc đời ca ngợi, tôn vinh. Mọi phương tiện truyền thông, mọi lĩnh vực như âm nhạc, thi ca, văn học nghệ thuật, triết học, chính trị ... đều nhằm kích lệ, cổ vũ, kích động con người Tham ái Dục lạc. Nếu không có Tham ái Dục lạc, thì làm sao có tình yêu và nếu không có tình yêu thì cuộc đời trở nên vô nghĩa, không có tình yêu thì làm sao mà thi ca, âm nhạc, nghệ thuật, những thứ không thể thiếu trong đời sống nhân loại ra đời được? nhân loại làm sao sống nổi? Nếu không có Tham ái thì làm sao mà có tình yêu mẹ con, anh em, chồng vợ, tình yêu quê hương, đất nước tổ quốc, đồng bào?

- Hữu ái : là tham ái sự hiện hữu, sự sống. Nhân loại cho rằng sự sống là cao cả, sự sống là mầu nhiệm, sự sống mang đến Hạnh phúc cho nhân loại, còn chết là đau khổ, là rơi vào một cái gì bí hiểm, không biết được, vô định, đầy bất trắc, sợ hãi và đau khổ. Chính vì vậy mà nhân loại tham ái sự sống, khao khát

sống, mong cho được trường tồn mãi mãi. Đây là bản năng của con người và nhờ bản năng đó mà con người mới tồn tại. Nếu không có tham ái sự sống loài người sẽ không còn tồn tại, sẽ không vượt qua được mọi nổi truan chuyên cay đắng của cuộc đời. Hữu ái tuy rằng vi tế khó thấy, khó biết hơn Dục ái nhưng mãnh liệt hơn rất nhiều so với Dục ái. Một người giàu, có một ngàn tỉ đồng, nếu bị phá sản sẽ vô cùng đau khổ, nhưng nếu bị bệnh nan y không thể nào chữa khỏi, sẽ phải chết thì anh ta sẵn sàng đánh đổi một ngàn tỉ đó để có được mạng sống.

- Phi Hữu ái là tham ái Hạnh phúc tuyệt đối của Niết bàn hay phúc lạc toàn vẹn, pháp hỷ sung mãn của các cảnh giới giải thoát khi không còn thân xác, không còn hiện hữu của thân xác. Các cảnh giới giải thoát của các tôn giáo khác nhau thì khác nhau dựa vào chủ trương và đức tin của từng tôn giáo nhưng nếu như không có Phi Hữu ái, nếu không có tham ái Hạnh phúc giải thoát tuyệt đối, thì tôn giáo không thể tồn tại và nếu tôn giáo không tồn tại thì đời sống của đa số nhân loại sẽ bế tắc bởi tôn giáo là cái phần quan trọng không thể thiếu của đời sống nhân loại. Nếu không có Phi Hữu ái thì những người tu hành của các tôn giáo sẽ không có động lực vượt qua gian khổ để tu hành.

b - Sân là chán ghét, tức tối, giận dữ một đối tượng khó chịu. Nhân loại hiểu Sân là thái độ thích hợp đối với đối tượng khó chịu, do có nó mà phát sinh hành động thích hợp để bảo vệ những lợi ích bị xâm hại, bị xúc phạm, để giành được những lợi ích cho mình. Sân là cách thể hiện thái độ tốt nhất đối với bạo lực, với những điều xấu ác, những bất công, những xúc phạm nhân phẩm. Nếu không có Sân thì không thể có lòng căm thù để đấu tranh lật đổ những bất công, không có lòng căm thù để bảo vệ quê hương, đất nước, không báo thù, không chiến thắng được kẻ đã hãm hại mình. Không có Sân thì không thể có sức mạnh để chiến thắng những áp bức, bất công, bạo tàn, không bảo vệ được những giá trị cao cả của nhân loại đã tốn bao công sức tạo dựng.

c - Si là hành vi tìm kiếm một đối tượng Dễ chịu để thay thế một đối tượng trung tính hay nói cách khác là tìm kiếm Hạnh phúc (hỷ lạc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Nhờ có Si mà loại người mới phát minh được từ cái này đến cái

khác, từ ô tô, tàu hoả, máy bay, máy vi tính, các phương tiện nghe nhìn, các loại thuốc chữa bệnh ...vv. Nếu không có Si thì thế gian này không thể ra khỏi bóng tối, đói nghèo, lạc hậu, ngu dốt của thời kỳ nguyên thủy, không thể có khoa học, không thể có tiện nghi hiện đại, không thể có cuộc sống vật chất và tinh thần như hiện nay, không thể có phát triển... Si không phải là Ngu si mà là động lực phát sinh trí thông minh của con người, là hành vi tìm kiếm hạnh phúc chỗ này chỗ kia là động lực phát triển của cuộc sống, là động lực của phát minh và sáng tạo.

Nhân loại hiểu Tham Sân Si mang đến tốt đẹp cho đời sống là như vậy. Hiểu biết này đã được tích lũy, đã được lưu giữ nơi "kho chứa tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm" của mỗi người nên khi lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phạm phu khởi lên, Tà Niệm sẽ kích hoạt các thông tin đó và Tà Tư Duy sẽ phân tích đối chiếu với các thông tin đó và sẽ khởi lên cái biết Ý thức nhị nguyên mang nội dung hiểu biết về Tham Sân Si như vậy. Nhân loại đang sống với hiểu biết về Tham Sân Si như vậy và Thế gian này, cuộc đời này sẽ vận hành bởi Tham Sân Si là như vậy. Đối với Phạm phu, khi tâm có Tham vẫn biết là Tâm có Tham, khi tâm có Sân vẫn biết là tâm có Sân, khi tâm có Si vẫn biết là Tâm có Si chứ không phải là không biết, nhưng là biết không đúng sự thật, biết sai lạc rằng Tham Sân Si là tốt đẹp, là hợp lý đưa đến Hạnh phúc, đưa đến hết Khổ. Khi biết Tham, biết Sân, biết Si như vậy thì Tham Sân Si tăng trưởng chứ không chấm dứt.

2 - Hiểu biết đúng như thật hay Minh về Tham Sân Si của bậc Thánh.

Nhân loại hiểu biết Tham Sân Si là tốt đẹp, Tham Sân Si sẽ mang đến hạnh phúc, sẽ mang đến chấm dứt khổ nhưng sự thật không phải như vậy. Tham Sân Si có thể mang đến hạnh phúc và hạnh phúc đó có thể chấm dứt được cái khổ này nhưng nó lại làm phát sinh một cái khổ khác thậm chí còn nghiêm trọng hơn rất nhiều cái khổ cũ. Tham Sân Si chỉ đổi cái khổ này lấy cái khổ khác chứ không chấm dứt được khổ, không đưa đến Mục Đích Tối Hậu là Chấm Dứt Khổ. Ví như một cô gái khổ vì cô đơn, vì chưa có người yêu tâm đồng ý hợp, nhưng khi cô có người yêu tâm đồng ý hợp và cưới làm chồng thì cô chấm dứt được khổ vì cô đơn nhưng chính cái đời sống hạnh phúc gia đình đó lại phát

sinh ra muôn vàn nỗi khổ khác còn nghiêm trọng hơn nỗi khổ cô đơn. Một tác giả trong một đoạn văn với tựa đề: Tôi muốn được trở về làm sáu tuổi đã lặp đi lặp lại trong suốt bài văn: Tôi muốn được trở về làm sáu tuổi. Muốn được trở về với thơ ngây, với hồn nhiên với niềm vui giản đơn, với cái biết chưa chất đầy tri thức kinh nghiệm của cuộc đời. Nay đã là người luống tuổi, đã trưởng thành, đã thành đạt, đã trải nghiệm biết bao hạnh phúc vật chất, tinh thần, đã có gia đình chồng vợ, con cái, đã nắm giữ tài sản và đặc biệt đã hiểu biết rất nhiều, hiểu biết về khoa học, về thế giới, về con người, về cuộc sống, về tình yêu, về thù hận, cả về Chân Thiện Mỹ ... nhưng nay đem so sánh cuộc đời trong hiện tại với khi còn sáu tuổi thì phải thốt lên: Tôi muốn được trở về làm sáu tuổi. Qua ví dụ này người trí sẽ hình dung ra sự phát triển tâm tiến, hiện đại sẽ đưa con người về đâu, có phải nó sẽ đưa con người đi xa khỏi cái mục đích tối hậu của con người là Chấm Dứt Khổ.

Nhân loại cho rằng nếu không có Tham Sân Si thì Thế giới sẽ ở trong tăm tối, trong lạc hậu, đói nghèo, sẽ không phát triển. Nhưng phát triển để làm gì, tối tân, giàu có để làm gì nếu nó không đưa con người đến mục đích tối hậu là Chấm Dứt Khổ. Hàng ngàn thậm chí là hàng chục ngàn năm trước Thế giới ở trong đói nghèo, tối tăm, lạc hậu và con người lúc đó ở trong Khổ, nhưng ngày nay Thế giới đã phát triển ở đỉnh cao, đã sang trọng, đã tân tiến nhưng con người đâu đã thoát khổ, mà những vấn nạn, những nỗi khổ của loài người còn trầm trọng hơn. Cho dù Thế giới này có phát triển đến đâu đi nữa thì con người vẫn phải gánh chịu nỗi khổ của Sinh Già Bệnh Chết, nỗi khổ của Cầu mong mà không được, nỗi khổ của thương yêu nhau mà phải chia lìa, nỗi khổ của oán ghét mà phải gặp nhau, nỗi khổ của Sầu Bi Ưu Não. Nghĩa là còn chấp thủ Năm Uẩn, còn Năm Thủ Uẩn thì con người còn Khổ, chứ không phải Thế giới phát triển, hiện đại, giàu có là con người hết khổ.

Con người nhờ Tham Sân Si mà đạt đến Hạnh phúc vật chất và tinh thần đến bao nhiêu đi nữa cũng không bao giờ chấm dứt được khổ. Điển hình như ông vua nhạc rốc Envic Pretly cho dù đã đạt đến đỉnh cao của giàu có và thành đạt và dưới cái nhìn của nhân loại ông ta ở trên đỉnh cao của Hạnh phúc nhưng Pretly đã nói gì trước khi chết? Đó là: Sao thất vọng cứ đến khi ta mãi đi

tìm. Đó là cái điệp khúc mà ông cứ láy đi láy lại mãi trong bài hát cuối cùng, cái điệp khúc đã làm cho rất nhiều người rơi nước mắt và cũng là lời thú nhận của ông: suốt đời mãi đi tìm Hạnh phúc nhưng đau khổ vẫn cứ tồn tại.

Không như hiểu biết Vô Minh của nhân loại cho rằng Khổ và Nguyên nhân Khổ nằm nơi ngoại cảnh, ở nơi Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần, bậc Thánh hiểu biết như thật: Khổ phát sinh nơi nội tâm, Nguyên nhân Khổ phát sinh nơi nội tâm và nó chính là Tham Sân Si.

a - Tham là Nguyên nhân Khổ: Khi có một đối tượng Dễ chịu mà thực chất là một Cảm giác dễ chịu hay Lạc thọ kể Phàm phu bị Vô Minh chi phối nên Tham ái Lạc thọ. Do Tham ái Lạc thọ nên nắm giữ và ràng buộc với Lạc thọ. Do Lạc thọ vô thường nên khi nó biến hoại, biến diệt, mất đi Sầu Bi Khổ Ưu Não sẽ khởi lên nơi kẻ phàm phu đó. Sầu Bi Khổ Ưu Não khởi lên khi mất Lạc thọ, thuật ngữ Phật học đặt tên là Hoại Khổ.

- Đối tượng dễ chịu (Lạc thọ) - Tham - Ràng buộc - Hoại Khổ.

Nếu có một Lạc thọ mà không Tham ái nó, thì sẽ không nắm giữ, không ràng buộc với nó nên khi nó biến hoại, biến diệt, mất đi thì Sầu Bi Khổ Ưu Não không thể khởi lên. Vì vậy Tham ái Lạc thọ là Nguyên nhân Khổ. Khi Tham ái một đối tượng dễ chịu sẽ muốn có nó, để có được nó phải lao tâm khổ trí nên Khổ sẽ khởi lên, lao tâm khổ trí nhưng không có được nó Khổ sẽ khởi lên, có được nó nhưng lại sợ mất nó nên Khổ khởi lên, có được nó nhưng khi mất nó Khổ sẽ khởi lên. Phải quán sát nơi cuộc sống hàng ngày để biết như thật Tham ái lạc thọ (hạnh phúc) là Nguyên nhân Khổ. Vì Tham ái lạc thọ mà có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uông rươi. Vì Tham ái lạc thọ mà cha con tranh đoạt nhau, vợ chồng tranh đoạt nhau, dòng họ, giai cấp, đất nước tranh đoạt nhau. Vì Tham ái lạc thọ mà có biết bao lừa đảo, phá sản, giết chóc, tàn sát, tàn hại lẫn nhau. Vì Tham ái lạc thọ mà người ta sản xuất, buôn bán ma tuý để tàn hại nhau, người ta chế tạo vũ khí hiện đại, chế tạo bom hạt nhân, chế tạo vũ khí hoá học để tàn sát nhau. Vì Tham ái lạc thọ mà rất nhiều hoa hậu bán dâm, có cả con trai giao cấu với mẹ đẻ, có ông bố hiếp dâm con

gái mới sáu tuổi. Vì Tham ái lạc thọ mà phát sinh biết bao tội ác, biết bao nỗi khổ đau cùng tận trên thế gian này ... Đó là Dục ái, tham ái Dục lạc. Hữu ái là tham ái sự sống, sự hiên hữu là nhân đưa đến phát sinh Thức tái sinh chịu cái khổ Sinh Già Bệnh Chết trong sinh tử luân hồi. Phi Hữu ái là tham ái cảnh giới giải thoát, thiên đường cực lạc đưa đến nỗi khổ của biết bao nhiêu cách tu hành khổ hạnh kỳ quái của các tôn giáo trên thế giới. Đánh bom liều chết của kẻ cực đoan để sau khi chết được lên thiên đường với bảy mươi hai bà vợ là tiên nữ trinh nguyên cũng là biểu hiện của Phi Hữu ái.

b - Sân là Nguyên nhân Khổ: Khi có một đối tượng khó chịu mà thực chất là một cảm giác khó chịu hay Khổ thọ kẻ Phàm phu bị Vô Minh chi phối nên Chán ghét Khổ thọ, gọi là Sân. Do Sân đối với Khổ thọ nên cũng sẽ ràng buộc với đối tượng đó. Do sự ràng buộc mà Sầu Bi Khổ Ưu Nảo khởi lên. Khổ này thuật ngữ Phật học gọi là Khổ Khổ.

- Đối tượng khó chịu (Khổ thọ) - Sân - Ràng buộc - Khổ Khổ.

Hãy quán sát điều này trong cuộc sống để tuệ tri nó.

c - Si là Nguyên nhân Khổ : Khi có một đối tượng trung tính mà thực chất là một cảm giác trung tính hay bất khổ bất lạc thọ kẻ phàm phu bị Vô minh chi phối nên Si khởi lên, đi tìm một đối tượng Dễ chịu để thay thế đối tượng trung tính. Do có Si mà sẽ ràng buộc với đối tượng tìm kiếm và do có sự ràng buộc mà Sầu Bi Khổ Ưu Nảo khởi lên. Khổ này thuật ngữ Phật học gọi là Hành Khổ.

- Đối tượng trung tính (Bất khổ bất lạc thọ) - Si - Ràng buộc - Hành Khổ

Sự tìm kiếm một đối tượng dễ chịu để thay thế đối tượng trung tính (Si) sẽ bắt gặp đối tượng dễ chịu thì phát sinh Hoại Khổ, bắt gặp đối tượng Khó chịu sẽ phát sinh Khổ Khổ, bắt gặp đối tượng trung tính lại phát sinh Hành Khổ như trên. Tâm Si này sẽ truy tìm hạnh phúc trong quá khứ, ước vọng những hạnh phúc trong tương lai, sẽ vui buồn với quá khứ và tương lai, loanh quanh trong những suy nghĩ về quá khứ và tương lai nên phát

sinh Hành Khổ. Một người nếu phải ở một mình nơi vắng vẻ, không có bất kỳ một việc gì để làm, không ti vi, không có bất kỳ một phương tiện nghe nhìn nào, sẽ suy nghĩ liên tục để thoát ra khỏi hoàn cảnh trung tính đó, và sẽ rất khổ sở khi phải đối diện với trung tính đó dù chỉ 10 phút. Trong giờ phút hấp hối tâm Si tìm kiếm một sự hiện hữu nên làm phát sinh Thức tái sinh, tiếp tục vòng luân hồi sinh tử, chịu khổ đau của Sinh Già Bệnh Chết.

Trong thế gian này bất kỳ một ai, già trẻ, gái trai, giàu nghèo, ngu trí, dân tộc, tôn giáo nào, chỉ ngoại trừ các bậc Thánh đã Giác ngộ hể:

Đối diện một đối tượng dễ chịu thì Tham khởi lên và cảm nhận Hoại Khổ

Đối diện một đối tượng khó chịu thì Sân khởi lên và cảm nhận Khổ Khổ

Đối diện một đối tượng trung tính thì Si khởi lên và cảm nhận Hành Khổ

Đây là sự thật phổ quát, là Chân Lý, là Sự Thật về Khổ. Hoại Khổ, Khổ Khổ, Hành Khổ phát sinh nơi nội tâm chứ không tồn tại nơi ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si phát sinh nơi nội tâm chứ không từ ngoại cảnh mà đến với con người. Cho dù hoàn cảnh là toại nguyện hay bất toại nguyện, nếu có Tham Sân Si thì đều phát sinh Khổ. Đây cũng là Sự Thật phổ quát, là Chân Lý, là Sự Thật Nguyên nhân Khổ.

Bậc Thánh Chánh Đẳng Giác đã tóm tắt Nguyên Nhân Khổ trong bài kinh Chuyển Pháp Luân là: Tham ái đưa đến tái sanh cùng với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái và Phi Hữu ái. Nếu diễn giải cho dễ hiểu thì Nguyên nhân khổ là do: tham ái niềm vui, hạnh phúc, lạc thú nên khao khát tìm cầu chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái.

3 - Tuệ tri Tham Sân Si: không những phải có được hiểu biết như thật về Tham Sân Si là nguy hiểm, là nguyên nhân Khổ mà phải có hiểu biết toàn diện theo công thức Tứ Thánh Đế.

Nghĩa là:

a - Tuệ tri Tham Sân Si là Nguyên nhân Khổ, là nguy hiểm chứ không phải tốt đẹp như mê lầm của Phàm phu.

b - Tuệ Tri sự tập khởi của Tham Sân Si : Tham Sân Si khởi lên trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu:

Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến - Tham hoặc Sân hoặc Si - ...

Khi Căn Trần tiếp xúc phát sinh Cảm Thọ và cái biết trực tiếp giác quan (Tưởng) tiếp theo Tà Niệm khởi lên sẽ kích hoạt các thông tin Vô minh (có cả thông tin vô minh về Tham Sân Si) được lưu giữ trong "kho chứa tri thức, kinh nghiệm, hiểu biết" và Tà Tư Duy khởi lên sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin về Cảm thọ vừa xuất hiện với các thông tin được Tà Niệm kích hoạt. Do Tà Tư Duy như vậy mà phát sinh cái biết Ý thức Tà Tri Kiến mang nội dung Vô minh về Khổ Tập Diệt Đạo, về Tham Sân Si. Ý thức Tà Tri Kiến như vậy là nhân, là duyên cho Tham Sân Si phát sinh.

c - Tuệ Tri sự đoạn diệt Tham Sân Si : đó là khi lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên theo lộ trình

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tỉnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - ...

Trong lộ trình Bát Chánh Đạo, Chánh Niệm sẽ kích hoạt các thông tin thuộc về Minh đã được nghe giảng (Văn Tuệ), đã được lưu vào kho chứa trong đó có tuệ tri sự nguy hiểm, tuệ tri Tham Sân Si là Nguyên nhân khổ và Chánh Tư Duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin về Cảm thọ mới xuất hiện với thông tin đã được Chánh Niệm kích hoạt. Chánh Tư Duy như vậy sẽ phát sinh Chánh Tri Kiến có nội dung Minh, có nội dung tuệ tri sự nguy hiểm, tuệ tri Tham Sân Si là Nguyên nhân Khổ. Chánh Tri Kiến như vậy sẽ không còn nhân duyên cho Tham Sân Si khởi lên. Đây là sự đoạn diệt Tham Sân Si.

d - Con đường đoạn diệt Tham Sân Si chính là Bát Chánh

Đạo. Khi nào Bát Chánh Đạo được tu tập, được làm cho viên mãn thì khi ấy Chánh Tri Kiến cũng được tu tập, cũng được làm cho viên mãn thì tuệ tri Tham Sân Si cũng được tu tập, được làm cho viên mãn, chỉ khi đó thông tin Minh mới xoá bỏ được thông tin Vô Minh về Tham Sân Si trong kho chứa và lúc đó Tham Sân Si mới bị đoạn diệt không có dư tàn.

Đức Phật đã dạy trong kinh Niệm Xứ mà cố Hoà thượng Minh Châu đã phiên dịch rất rõ ràng: Khi tâm có Tham "Tuệ tri" tâm có Tham, khi tâm có Sân "Tuệ tri" tâm có Sân, khi tâm có Si "Tuệ tri" tâm có Si. Với sự Tuệ tri như vậy Tham Sân Si không còn nhân duyên sinh khởi. Một số người chưa tuệ tri Tham Sân Si họ hiểu câu kinh sai lạc theo hiểu biết vô minh nên trích dẫn kinh một cách sai lạc: khi tâm có tham biết tâm có tham, khi tâm có sân biết tâm có sân, khi tâm có si biết tâm có si. Kế phàm phu khi tâm có tham vẫn biết tâm có tham, khi tâm có sân vẫn biết tâm có sân, khi tâm có si vẫn biết tâm có si nhưng biết tham sân si theo kiểu phàm phu như vậy thì tham sân si tăng trưởng chứ không chấm dứt.

Nghe giảng rồi tuệ tri được Tham Sân Si, tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt và con đường đoạn diệt Tham Sân Si không phải là quá khó, nhưng đây mới chỉ là Văn Tuệ, nó chỉ lưu thông tin Minh vào kho chứa thông tin "tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm" chứ chưa xoá bỏ được thông tin Vô Minh trong kho chứa. Chính lượng thông tin Vô Minh về Tham Sân Si đã được tích lũy, lưu giữ từ vô thủy và mỗi một lộ trình tâm Bát Tà Đạo đều được kích hoạt và sử dụng nên nó là thông tin nổi trội nhất, vững chắc nhất trong kho chứa và vì vậy mỗi khi được nghe giảng thì tuệ tri Tham Sân Si rất rõ ràng, minh bạch, Minh được khởi lên, nhưng nghe xong chỉ cần 5 phút, Minh sẽ bị chìm xuống và Vô Minh sẽ trỗi lên trên và Tham Sân Si lại có đủ nhân duyên để phát sinh. Chính vì điều khó khăn này mà Đức Phật đã giảng dạy lộ trình Văn - Tư - Tu. Sau khi nghe giảng phải Tư duy để sự hiểu biết về Minh và Vô Minh về Tham Sân Si được sâu sắc hơn. Tư duy như vậy rất nhiều lần thì có thể xoá đi một phần nào đó về Vô Minh nhưng cái chính là kích hoạt thông tin Minh về Tham Sân Si để thông tin này nổi trội nhất trong kho chứa và đó là nhân duyên cho Chánh Niệm khởi lên khi tu tập. Tu Tuệ sẽ khởi lên khi tu tập, đó là Chánh Tri Kiến trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Khi có Chánh Niệm tức nhớ đến Tuệ tri sự nguy hiểm hay Tuệ tri Tham

Sân Si thì các thông tin Minh về Tham Sân Si được kích hoạt và Chánh Tư Duy sẽ so sánh, đối chiếu với Minh đó làm phát sinh Chánh Tri Kiến có nội dung tuệ tri sự nguy hiểm, tuệ tri Tham Sân Si là nguyên nhân của Khổ. Với Chánh Tri Kiến như vậy thì Tuệ tri được sự xuất ly của Thọ, nghĩa là không có Tham đối với Lạc thọ, không có Sân đối với Khổ thọ, không có Si đối với bất khổ bất lạc thọ. Đây cũng là tuệ tri Tuệ Giải Thoát. Với Niệm Tâm và Niệm Pháp lộ trình tâm Bát Chánh Đạo mới khởi lên Chánh Tri Kiến với Tuệ Giải Thoát mới có thể khởi lên và an trú Minh, mới xoá bỏ được Vô Minh, mới thay đổi được nhận thức về Tham Sân Si. Khi thực hành Niệm Thân, Niệm Thọ lộ trình tâm Bát Chánh đạo dừng lại cái biết trực tiếp giác quan gọi là Tỉnh Giác cũng kinh nghiệm được không có Tham Sân Si, kinh nghiệm được Tâm Giải Thoát (Giải Thoát do Định) cũng là điều rất tốt lành, nhưng nó chưa đụng đến Vô Minh, chưa làm thay đổi được nhận thức về Tham Sân Si, nó như đá đè cỏ, hết đè, cỏ lại đứng lên. Nếu không thực hành theo lộ trình Văn - Tư - Tu thì cho dù một người có chứng đắc bốn bậc thiền, một ngày có an trú trong định gần suốt thời gian thì khi ra khỏi định Tham Sân Si vẫn còn y nguyên, thậm chí còn kinh khủng hơn khi chưa đắc thiền vì Ngã mạn tùy miên (Ta hơn, Ta kém, Ta bằng) có nhân duyên để tăng trưởng.

THIÊN PHẬT GIÁO

Thiền đã trở thành thời thượng, được rất nhiều người ở Đông phương và Tây phương nghiên cứu, học hỏi, tu tập và ngợi ca. Tuy nhiên Thiền có rất nhiều trường phái, nhiều cách thực hành, với các mục đích khác nhau, trong đó có Thiền Phật Giáo. Thiền Phật giáo chỉ có một mục đích duy nhất là Chấm dứt Khổ, Giải thoát Khổ chứ không có mục đích rèn luyện sức khỏe, chữa bệnh, đạt những năng lực thần thông ... Khi tu tập Thiền Phật Giáo có thể xảy ra những cái đó, nhưng nó là các sản phẩm phụ, không phải là mục đích của Thiền Phật giáo. Vì vậy tu tập Thiền Phật giáo phải là sự tu tập Bát Chánh Đạo, mà Thiền chỉ là một chi phần trong tám chi phần Bát Chánh Đạo. Nếu nói một cách chính xác thì Thiền Phật giáo gồm ba chi phần: Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định. Sự thực hành Thiền Phật giáo bao giờ cũng phải có mặt ba chi phần này nhưng tùy theo nội dung của Chánh Niệm mà có thể đạt được mục đích là chứng ngộ Tâm Giải Thoát hay vừa chứng ngộ cả Tâm Giải Thoát và Tuệ Giải Thoát.

Tâm phải được hiểu là một phạm trù bao gồm rất nhiều Hành Vi mà thuật ngữ Phật học gọi là Danh Pháp. Các Danh pháp ấy sinh lên rồi diệt đi nối tiếp nhau theo một lộ trình. Lộ trình đó như sau: Khi đối tượng xuất hiện thì cũng đồng thời xuất hiện Hành vi Thấy, Nghe, Cảm nhận đối tượng (Thấy đối tượng hình ảnh, Nghe đối tượng âm thanh, Cảm nhận đối tượng mùi, vị, xúc chạm, pháp trần). Đây là cái biết trực tiếp giác quan nhận biết đối tượng hay Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính đối tượng. Tiếp đến Ý thức khởi lên biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Hành vi Ý thức hiểu biết bản chất đối tượng được Tâm lý học gọi là Nhận thức lý tính đối tượng. Do Ý thức biết về đối tượng như vậy, như vậy mà sẽ phát sinh Thái độ với đối tượng, do Thái độ mà phát sinh Ý Muốn, do Ý Muốn mà phát sinh Lời nói hay Hành động, do Lời nói, Hành động mà phát sinh Kết quả. Như vậy mọi Thái độ, Ý muốn, Lời nói Hành động và Kết quả đều phụ thuộc

vào Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính đối tượng, nói gọn lại là THẤY và BIẾT.

1 - Thực hành Thiền Phật giáo để kinh nghiệm (chứng ngộ) Tâm Giải Thoát :

Trong Thấy và Biết thì Thấy chỉ là nhận biết đối tượng, đối tượng đó như thế nào thì nhận biết như thế đó, không bị ảnh hưởng bởi tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm. Nó là cái biết trực tiếp giác quan (xảy ra nơi các giác quan) Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt. Nếu chỉ có cái biết này thì không có bất kỳ một Thái độ nào, do vậy không có Ý muốn, Lời nói, Hành động và Kết Quả.

Ví như đứa trẻ vừa đẻ ra, nó vẫn Thấy, Nghe, Cảm nhận các đối tượng nhưng Ý thức chưa khởi lên, chưa biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao nên không có bất kỳ một Thái độ nào. Giả thiết có một bé trai vừa sinh ra bỗng lớn vụt lên như một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Lúc đó nếu có một cô hoa hậu rất hấp dẫn, sexy bốc lửa và nếu một thanh niên đã sống hai mươi lăm năm sẽ Thấy rồi Biết về đối tượng và sẽ Thích thú đắm say đối tượng, nhưng đứa trẻ kia Thấy nhưng không Biết đó là cái gì, thì Thấy chỉ là thấy, không có thêm bất kỳ một Thái độ, hành vi nào nữa. Chính vì vậy mà Thiền Phật giáo đầu tiên là thực hành để lộ trình tâm DỪNG LẠI cái biết Trực tiếp giác quan, (Chỉ THẤY mà không BIẾT) làm cho cái biết Ý thức không khởi lên. Người thực hành sẽ kinh nghiệm được cái biết trực tiếp giác quan Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt được gọi là Tỉnh Giác hay Không Tánh. Hơn thế nữa họ sẽ kinh nghiệm được đầu óc trống không suy nghĩ, trống không Thái độ Tham Sân Si, trống không Ý muốn (nắm giữ hay xua đuổi đối tượng), trống không Phiền não. Kinh nghiệm sự trống không đó là kinh nghiệm Giải thoát. Giải Thoát này do Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định mà có nên gọi là Tâm Giải Thoát. Giải Thoát này cũng do an trú cái biết Tỉnh Giác hay Không Tánh mà có nên cũng được gọi là Không Giải Thoát. Đây cũng được gọi là thấy Thực tại như chúng đang là, không thêm bớt, không tìm hiểu, không phán đoán, không phán xét đối tượng.

Sự thực hành này xảy ra theo lộ trình: Căn Trần tiếp xúc nhau phát sinh một Cảm giác(hay Cảm thọ) và đồng thời phát sinh cái biết trực tiếp giác quan, nhận biết đối tượng (Cảm thọ)

tiếp đến Chánh Niệm khởi lên với nội dung "nhớ đến chú tâm các cảm giác". Do Chánh Niệm như vậy mà Chánh Tinh Tấn (nỗ lực) khởi lên. Do có Chánh Tinh Tấn mà chú tâm xảy ra. Sự chú tâm này gọi là Chánh Định, do có Chánh Định mà lộ trình tâm dừng lại tại đó. Sự chú tâm này lại tạo duyên Xúc cho Căn Trần và một lộ trình tâm tương tự như vậy khởi lên. Diễn tiến nhiều lần như vậy nên Cảm thọ và Sự nhận biết Cảm thọ được "kéo dài" ra. Vì vậy cái biết trực tiếp giác quan nhận biết đối tượng rất rõ ràng, minh bạch. Sự nhận biết như vậy gọi là Tỉnh Giác. Khi có một Trần khác mạnh hơn xuất hiện, lộ trình tâm đó diệt và Trần mới tiếp xúc Căn phát sinh đối tượng thứ hai và lộ trình tâm cũng diễn tiến tương tự, rồi đối tượng thứ ba, thứ tư ... Như vậy từng đối tượng một sinh lên rồi diệt, đến rồi đi mà chỉ có cái biết trực tiếp giác quan, nhận biết đối tượng. Đó là Thấy chỉ là thấy, Nghe chỉ là Nghe, Cảm nhận chỉ là cảm nhận không có gì thêm bớt vào đối tượng. Sự việc xảy ra nơi các giác quan, còn trong não bộ chỉ có Chánh Niệm, Chánh Tinh Tấn, Chánh Định mà không có Tư Duy (suy nghĩ), không có Thái độ, Ý muốn nên não bộ gần như trống không, gần như an nghỉ hoàn toàn nên Hành giả cảm thấy thoải mái, khoẻ khoắn. Trọng lượng não bộ chưa đến một phần mười cơ thể nhưng nó tiêu thụ 40% năng lượng cơ thể tiêu thụ mà chủ yếu bởi hành vi Tư Duy, nên khi Tư Duy vắng mặt thì Thái độ, Ý muốn, Phiền não cũng vắng mặt, Hành giả cảm thấy rất thoải mái khoẻ khoắn là vì vậy.

Để có thể kinh nghiệm và an trú Tâm Giải Thoát hay Không Giải Thoát này Hành giả thực hành Niệm Thân. Niệm Thân hay Chánh Niệm về Thân là "nhớ đến chú tâm quán sát các Cảm giác nơi thân". Sự thực hành Niệm Thân trong hai trường hợp: Trong khi tọa thiền và trong các tư thế khác của cuộc sống hàng ngày.

a - Trong tư thế tọa thiền : Ngồi kiết già hay bán già lưng thẳng, cổ thẳng một cách tự nhiên, hai hàm răng xiết nhẹ vào nhau, lưỡi đè lên nóc họng, nhắm mắt lại. Khi Cảm giác hơi thở vô xuất hiện thì chú tâm vào Cảm giác thở vô. Khi Cảm giác thở vô chấm dứt sẽ xuất hiện Cảm giác căng do hơi thở đầy phổi, hãy tiếp tục chú tâm Cảm giác căng ấy. Cảm giác căng tồn tại trong giây lát, dài ngắn không cố định, nó có thể chỉ là "sát na", rất ngắn. Tiếp đến Cảm giác thở ra khởi lên, hãy chú tâm Cảm giác thở ra. Tiếp đến Cảm giác thở ra chấm dứt thì sẽ có một khoảng

ngưng thở trước khi thở vô. Khoảng ngưng thở trước khi xuất hiện Cảm giác thở vô này cũng dài ngắn không cố định và có rất nhiều Cảm giác xuất hiện trong khoảng thời gian này. Nếu một người đã thuần thục, đã đạt đến "chú tâm không tầm không tứ" thì chú tâm sẽ tự động xảy ra, tự ứng với các Cảm giác xảy ra trong thời gian ngưng thở này, nhưng người mới thực hành thì nên thực hành như sau. Khi chú tâm Cảm giác thở ra chấm dứt thì "lắc nhẹ" đầu sang trái, phải để tạo ra Cảm giác chuyển động rất nhẹ, rất vi tế và chú tâm vào Cảm giác chuyển động vi tế đó. Có thể "lắc nhẹ" vài ba cái và chú tâm Cảm giác chuyển động đó cho đến khi Cảm giác thở vô xuất hiện thì lại chú tâm vào Cảm giác thở vô tiếp tục theo lộ trình như trước. Sự chú tâm như vậy sẽ "liên tục, khít khao, không gián đoạn" theo bốn giai đoạn: thở vào, ngưng thở, thở ra, ngưng thở và bốn đối tượng: Cảm giác thở vô, Cảm giác căng, Cảm giác thở ra, Cảm giác chuyển động. Lưu ý là chú tâm vào Cảm giác thở vào, Cảm giác thở ra chứ không phải chú tâm vào "Hơi thở vô ra" vì Hơi thở, luồng không khí là Xúc trần tiếp xúc với Thân phát sinh Cảm giác thở vô, ra và Thân thức nhận biết Cảm giác thở vô, ra đó chứ không phải Thân thức nhận biết Hơi thở. Vì vậy cảm nhận Cảm giác thở vô, ra được Thân thức nhận biết chỗ nào thì chú tâm chỗ đó, có thể ở mũi, ngực, bụng ... tùy lúc, chứ không buộc tâm ở mũi để theo dõi Hơi thở như hiểu biết sai của đa số hiện nay.

Sự tu tập ở đây là tu tập Chánh Niệm : Nhớ đến chú tâm quán sát các Cảm giác trên thân theo bốn giai đoạn của hơi thở. Nếu Chánh Niệm (nhớ đến ...) được tu tập, liên tục khởi lên, không có Tà Niệm khởi lên (không phân tâm) thì chú tâm liên tục khởi lên và sẽ cảm nhận bốn loại Cảm giác trên bằng cái biết trực tiếp giác quan (gọi là Tĩnh Giác). Đương nhiên Hành giả vẫn nghe Cảm giác âm thanh và cảm nhận một số Cảm giác khác đan xen với bốn loại Cảm giác được chú tâm nhưng cũng chỉ dừng lại Cái biết trực tiếp giác quan, ý thức không khởi lên với các đối tượng đó. Đối với toạ thiền thì hơn 90% lộ trình tâm dừng lại Cái biết trực tiếp giác quan, vì vậy cái biết Tĩnh Giác gần như tuyệt đối, áp đảo. Sự thực hành này trong kinh điển gọi là Chánh Niệm Tĩnh Giác.

Lúc khởi đầu chú tâm cảm giác thở vô từ ngực và sẽ cảm nhận cảm giác chuyển động dươn lên, tiếp đến Cảm giác căng

khi cảm giác thờ vô chấm dứt, tiếp đến Cảm giác thờ ra ... đang còn phải "hướng đến" đối tượng nhưng nó sẽ tự nhiên dần, đến lúc chú tâm bắt đầu tự động diễn ra từ Cảm giác này sang Cảm giác khác, không còn "hướng đến" đối tượng, lúc đó Hành giả sẽ kinh nghiệm được Định không tầm không tứ (Nhị thiên), tiếp tục tăng mức độ chú tâm sẽ cảm nhận Cảm giác thờ vô, ra nhẹ dần, vi tế dần và chen lẫn với Cảm giác chuyển động và Cảm giác pháp trần "trước mặt". Tiếp tục phát triển thì sẽ đến lúc Cảm giác hơi thờ vi tế đến mức không còn cảm nhận được nữa, chỉ còn một số Cảm giác rất vi tế trên thân, đan xen với những Cảm giác pháp trần cũng rất vi tế "trước mặt". Lúc đó rất "vắng lặng thanh tịnh". Đó là các mức Định cao hơn.

b - Trong đời sống hàng ngày : Khi đi đứng, nằm ngồi, ăn uống, sinh hoạt, làm việc nếu có Chánh Niệm, nhớ đến chú tâm quan sát các Cảm giác trên thân, nói tắt là nhớ đến chú tâm lên thân thì chú tâm sẽ tự động khởi lên và lộ trình tâm sẽ dừng lại cái biết Trực tiếp giác quan gọi là Tĩnh Giác, lúc đó sẽ không thích, ghét, không ràng buộc, không phiền não. Để cho Chánh Niệm liên tục khởi lên không gián đoạn, Hành giả chỉ cần niệm thầm: thân, thân, thân ... liên tục. Khi đi hoặc làm việc có nhịp điệu thì niệm thầm thân thân thân ... theo nhịp đó, khi không có nhịp thì niệm cách nào đó cho phù hợp. Niệm thầm thân thân thân ... không phải là Chánh Niệm nhưng nó "Nhắc nhở" cho Chánh Niệm khởi lên. Khi thực hành trong cuộc sống thì khi có Chánh Niệm, chú tâm sẽ tự động khởi lên với những đối tượng nổi trội, không hướng đến Cảm giác thờ vô, ra vì Cảm giác thờ vô ra rất nhẹ, gần như không cảm nhận được. Ví như khi đi, nếu Niệm thân, thân, thân ... theo nhịp bước thì Chánh Niệm nhớ đến chú tâm trên thân khởi lên và chú tâm tự động xảy ra. Sự chú tâm sẽ lần lượt từ Cảm giác chạm đất của chân trái, tiếp đến Cảm giác chuyển động vai phải, tiếp đến chân phải, tiếp đến vai trái, đan xen với chú tâm Cảm giác hình ảnh đường đi trước mặt Đương nhiên không phải 100% thời gian trong ngày đều thực hành được vì khi nói năng giao tiếp, khi suy nghĩ để giải quyết một vấn đề gì đó thì không thể thực hành Chánh Niệm trọn vẹn, nhưng mỗi người nếu cố gắng nỗ lực thì 60 - 70% thời gian trong ngày có thể thực hành tốt Niệm Thân và sẽ trải nghiệm được Tâm Giải Thoát hay Không Giải Thoát. Nếu mỗi sáng thức dậy bắt đầu Niệm Thân và nỗ lực thực hành thì khi đánh răng, rửa

mặt, lau nhà, ăn sáng, đi đến chỗ làm ... 70 đến 80% lộ trình tâm chỉ có cái biết Tỉnh Giác và như vậy chỉ sống với giây phút hiện tại, tư tưởng quá khứ, tư tưởng tương lai không có mặt, sống với sự trống không suy nghĩ, trống không Tham Sân Si, trống không Phiền Não. Não bộ sẽ được nghỉ ngơi, tiêu thụ năng lượng sẽ giảm đi rất nhiều. Niệm Thân như vậy, không chỉ là phương pháp tu tập mà nó là một lối sống, sống với Chánh Niệm Tỉnh Giác. Trong bài kinh Thân Hành Niệm Đức Phật nêu lên sự khác biệt giữa Phàm và Thánh là : "Kẻ Phàm phu không an trú Niệm trên thân còn bậc Thánh an trú Niệm trên thân". Nghĩa là Phàm phu không có Niệm nhớ đến chú tâm lên thân, nên không biết thân, gọi là "quyên mình theo vật", bậc Thánh có Niệm nhớ đến chú tâm lên thân nên luôn biết thân, không quyên mình theo vật. Trong kinh điển có nói đến sự thực hành như sau : Tỷ kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, mang bình bát đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Thực hành Niệm Thân chưa cần đến nhiều kiến thức Phật học, không phụ thuộc vào tôn giáo, theo cách trên rất dễ thực hành, nó có thể giúp cho con người nâng cao chất lượng sống, không suy nghĩ miên man, giờ nào việc nấy, có sự tập trung, chất lượng làm việc tăng lên. Lối sống này giúp con người thoát ra khỏi sự căng thẳng, áp lực của cuộc sống hiện đại, nó làm giảm thiểu, đi đến chấm dứt stress, trầm cảm, phản ứng bạo lực bột phát do phần nộ, bức xúc bị dồn nén.

c - Giới hạn kết quả của Niệm Thân hay Thân Hành Niệm : sự thực hành Chánh Niệm Tỉnh Giác rất quan trọng, không thể thiếu đối với tu tập Phật giáo, nó đưa đến Tâm giải thoát hay Không giải thoát nhưng nó không đưa đến giải thoát tối hậu, không đưa đến quả A La Hán vì nó không đưa đến Trí Tuệ, không đưa đến Ý thức Chánh Tri Kiến (Minh) để đoạn diệt Ý thức Tà Tri Kiến (Vô Minh). Khi thực hành Niệm Thân, khoảng 80% lộ trình tâm Dừng Lại cái biết Tỉnh Giác, còn khoảng 20% lộ trình tâm có Ý thức khởi lên và Ý thức đó vẫn là Tà Tri Kiến, vẫn phát sinh Tham ái, Phiền não. Nếu dừng sự thực hành, không Chánh Niệm thì lộ trình tâm Bát Tà Đạo lại khởi lên, thì vẫn như xưa,

vẫn Vô minh, vẫn Tham Sân Si, vẫn Phiền não. Trong THẤY và BIẾT thì Niệm Thân như vậy mới chỉ Dừng Lại THẤY mà BIẾT chưa được tu tập nên phải tu tập BIẾT để thay đổi nhận thức từ Tà Tri Kiến sang Chánh Tri Kiến. THẤY đó mới chỉ là Nhận thức cảm tính đối tượng chưa phải là Nhận thức lý tính, hiểu biết nội dung, bản chất đối tượng.

2 - Thực hành Thiên Phật Giáo để kinh nghiệm Tuệ Giải Thoát :

Sự tu tập Tuệ Giải Thoát là tu tập Nhận thức lý tính đối tượng, là tu tập Trí Tuệ, để hiểu biết đúng như thật nội dung, bản chất đối tượng. Sự tu tập Tuệ phải được diễn ra theo lộ trình Văn - Tư - Tu. Văn nghĩa là nghe giảng hoặc nghiên cứu kinh điển để hiểu biết như thật về Lý Duyên Khởi, về Vô thường, Vô chủ (Vô ngã), về lộ trình tâm Bát Tà Đạo có Khổ và Nguyên nhân Khổ, về lộ trình tâm Bát Chánh Đạo có Khổ Diệt và Con đường Khổ Diệt. Đây là Pháp học về Tứ Thánh Đế. Tư là Tư duy về những những điều đã nghe để hiểu biết sâu rộng hơn điều đã nghe. Tu là thực hành Bát Chánh Đạo với Niệm Tâm và Niệm Pháp.

- Đối với lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu, sau khi THẤY đối tượng, BIẾT khởi lên, biết đối tượng đó là các Sắc pháp (người vật, nhà cửa, xe cộ, thế giới sum la vạn tượng...) và Pháp trần (to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, mặn ngọt chua cay, nhớ sạch, hạnh phúc, khổ đau ...) thường hằng, thường trú trong Sắc pháp, của Sắc pháp. Đây là BIẾT Vô minh, Thường kiến và Ngã kiến, là Ý thức Tà Tri Kiến biết sai lạc về đối tượng được THẤY. THẤY và BIẾT như vậy của Phàm phu được ví như: Thấy sợi dây lại biết đó là con rắn. Do THẤY như vậy, BIẾT như vậy mà Tham Sân Si, Ràng buộc với đối tượng khởi lên, Phiền Não khởi lên.

- Đức Phật đã Giác Ngộ sự thật là đối tượng được THẤY là CẢM THỌ và Ngài đã tuyên bố : "Này các Tỷ kheo, Như Lai nhờ tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ mà Như Lai được giải thoát hoàn toàn không còn chấp thủ". Vì vậy lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh bao gồm :THẤY đối tượng với Tỉnh Giác và BIẾT đối tượng là Cảm thọ, nó Vô thường, Vô chủ, nó có Vị ngọt, có Sự Nguy hiểm, có Sự Xuất

ly. THẤY và BIẾT như vậy được ví như Thấy sợi dây thì biết đó là sợi dây. Do THẤY như vậy, BIẾT như vậy mà Tham Sân Si, Ràng Buộc, Phiền Nã không còn khởi lên.

Khi Niệm Tâm với nội dung : nhớ đến chú tâm quán sát đối tượng đó là Cảm giác (thuộc phạm trù Tâm) thì sau khi THẤY đối tượng với Tính Giác, BIẾT tức Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên, biết đối tượng đó là Cảm giác (Cảm thọ). Lộ trình tâm dừng lại đó, không có diễn tiến tiếp theo, không có Tham Sân Si, Ràng buộc, Phiền nã. Hành giả sẽ kinh nghiệm được giải thoát và giải thoát này do Ý thức Chánh Tri Kiến, là Trí Tuệ khởi lên nên gọi là Tuệ Giải Thoát.

Khi Niệm Pháp với nội dung : nhớ đến chú tâm quán sát đối tượng đó Vô thường hay Vô chủ, hay Ly tham, hay buông xả thì sau khi THẤY đối tượng với cái biết Tính Giác, BIẾT tức Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên, biết đối tượng Vô thường, Vô ngã, Ly tham, Buông xả tùy theo Niệm và Hành giả kinh nghiệm được Tuệ Giải Thoát.

Lúc toạ thiền, tốt nhất là an trú được Tứ thiền, và với tâm định tĩnh, không cầu nhiễm, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy hướng tâm thực hành các Chánh Niệm trên, hướng tâm đến Chánh Tư Duy để phát sinh Ý thức Chánh Tri Kiến tuệ tri Vị ngọt, Sự nguy hiểm, Sự xuất ly của Thọ, tuệ tri Tứ Thánh Đế. Lúc đó Hành giả cũng kinh nghiệm được Tuệ Giải Thoát.

- Như vậy với Niệm Tâm và Niệm Pháp, Hành giả sẽ kinh nghiệm được THẤY, cái biết trực tiếp giác quan Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt, cũng kinh nghiệm được BIẾT, hiểu biết Trí Tuệ, đúng như thật. Lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên khi Niệm Tâm, Niệm Pháp, tất cả 100% lộ trình có Tâm giải thoát, hoặc có cả Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Tuệ giải thoát còn được gọi là Vô Tướng giải thoát vì Trí Tuệ biết như thật: những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận là Cảm thọ, thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh và như vậy nó là Vô Tướng. Sự tu tập Tuệ này được phát triển được làm cho viên mãn sẽ xóa bỏ hoàn toàn Vô minh và đưa đến giải thoát tối hậu, đưa đến quả A La Hán. Như vậy :

Tu tập Niệm Thân và Niệm Thọ đưa đến lộ trình tâm Dừng Lại THẤY và kinh nghiệm được Tâm giải thoát.

Tu tập Niệm Tâm và Niệm Pháp vừa Dừng Lại THẤY vừa thay đổi BIẾT từ Ý thức Tà Tri Kiến sang Ý thức Chánh Tri Kiến và kinh nghiệm được Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát và cuối cùng đưa đến giải thoát tối hậu, quả A La Hán.

BA TRỤ CỘT CỦA PHÁP HÀNH

Pháp hành phải được hiểu là pháp hành Bát Chánh Đạo, là thực hành để khởi lên tám chi phần của Bát Chánh Đạo bao gồm: Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Khi đã có Văn Tuệ và Tư Tuệ đầy đủ và chính xác (đó là chuẩn bị cho sự tu tập) thì khi tu tập lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ khởi lên và đây là lộ trình tâm của bậc Thánh hay Bát Chánh Đạo Siêu thế (gian). Lộ trình đó khởi lên theo thứ tự sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tỉnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Như Lý Tác Ý - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Lộ trình Bát Chánh Đạo siêu thế có ba pháp căn bản, tạo thành cái trục chính, là ba trụ cột của lộ trình. Đó là : CHÁNH NIỆM - CHÁNH ĐỊNH - CHÁNH TRI KIẾN, gọi tắt là Niệm - Định - Tuệ. Thực hành Bát Chánh Đạo siêu thế là để Tuệ tri (hiểu biết như thật hay hiểu biết với trí tuệ) tất cả các pháp trên lộ trình này, cũng có nghĩa là Tuệ tri Khổ Diệt (Niết Bàn) và Con đường đưa đến Khổ Diệt. Muốn đạt được mục đích đó, trước tiên phải Tuệ tri được ba trụ cột này. Đương nhiên để Tuệ tri ba trụ cột này phải đi theo lộ trình Văn - Tư - Tu mà Đức Phật đã thuyết giảng. Văn - Tư là nghe giảng và tư duy về điều được nghe giảng về ba trụ cột và Tu là thực hành để đạt được Chánh Tri Kiến, là hiểu biết như thật về ba trụ cột. Ba trụ cột đều gồm bốn pháp, cụ thể Chánh Niệm gồm bốn, đó là Tứ Niệm Xứ. Chánh Định gồm bốn pháp, đó là Tứ Thiền. Chánh Tri Kiến gồm bốn pháp, đó là Tứ Thánh Đế.

1 - CHÁNH NIỆM : chính là Tứ Niệm Xứ bao gồm:

- Niệm Thân là nhớ đến chú tâm quán sát thân nơi thân
- Niệm Thọ là nhớ đến chú tâm quán sát thọ nơi thọ

- Niệm Tâm là nhớ đến chú tâm quán sát tâm nơi tâm
- Niệm Pháp là nhớ đến chú tâm quán sát pháp nơi pháp

Chánh Niệm là "nhớ đến" chú tâm quán sát Thân Thọ Tâm Pháp chứ không phải là Ghi nhận hay Hay biết. "Ghi nhận" hay "Hay biết" là phận sự của Thức chứ không phải của Niệm, hành vi Niệm chỉ là "nhớ đến". Cái Biết có phận sự "Hay biết" trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo bao gồm: Tỉnh Giác (cụ thể là nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, tưởng thức) và Chánh Tri Kiến (ý thức)

2 - CHÁNH ĐỊNH : là Tứ Thiền bao gồm:

- Sơ Thiền là ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ.

- Nhị thiền là diệt tầm diệt tứ chứng và trú nhị thiền một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- Tam thiền là ly hỷ trú xả, thân cảm lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú tam thiền

- Tứ thiền là xả lạc xả khổ, diệt trừ hỷ ưu đã cảm thọ trước chứng và trú tứ thiền, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh

3 - CHÁNH TRI KIẾN : là Tứ Thánh Đế bao gồm:

- Tuệ tri Khổ tức hiểu biết đúng sự thật về Khổ: Khổ phát sinh do duyên Căn Trần tiếp xúc theo lộ trình tâm Bát Tà Đạo hay nói tóm tắt là theo lộ trình:

Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sinh Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Khổ thuộc phạm trù Tâm và nó Vô thường, Vô chủ (Vô ngã) chứ không phải là Cảnh, không thường hằng, thường trú nơi Hoàn Cảnh tốt đẹp, không phải khổ của Ta.

- Tuệ tri Nguyên nhân Khổ tức hiểu biết đúng như thật: Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si, nó là Tâm, thuộc lộ trình tâm Bát Tà Đạo, nó Vô thường, Vô ngã chứ không thường hằng, thường trú nơi hoàn cảnh khó chịu hay trung tính, cũng không có một cái Ta nào gây nên. Nguyên nhân khổ cũng không phải do thiếu phước.

- Tuệ tri Khổ Diệt hay Niết bàn : là sự đoạn tận, đoạn trừ, đoạn ly, đoạn diệt không có dư tàn Tham Sân Si, cũng là sự vắng lặng, vắng mặt cả Khổ đau và Hạnh phúc, chứ không phải là đạt được Hạnh phúc tuyệt đối (Hạnh phúc Niết bàn) hay thay đổi Hoàn Cảnh thế gian đau khổ bằng một Cảnh giới có phúc lạc toàn vẹn, pháp hỷ sung mãn.

- Tuệ tri con đường chấm dứt Khổ: đó là Bát Chánh Đạo, nghĩa là thay đổi từ lộ trình tâm Bát Tà Đạo sang lộ trình tâm Bát Chánh Đạo.

Nội dung Tứ Thánh Đế cũng có nghĩa là: Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ.

Ba trụ cột này quan hệ với nhau như thế nào? Trong duyên khởi lên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế đã khảo sát thấy rõ: Bất kỳ một Cảm thọ nào khởi lên, nếu có Chánh Niệm thì toàn bộ lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ tự động tuần tự khởi lên theo định luật Duyên Khởi. Chính vì điều này mà sự thực hành chỉ gói gọn trong một câu là : Ngồi kiết già lưng thẳng an trú Chánh Niệm trước mặt. Khi thực hành Tứ Niệm Xứ sẽ kinh nghiệm, sẽ biết rõ rằng tùy theo nội dung của Chánh Niệm mà có thể kinh nghiệm được các nội dung của Chánh Định và Chánh Kiến. Ví như nếu Hành giả Niệm Thân tức nhớ đến chú tâm quán sát các cảm giác nơi thân (lưu ý là mọi cảm giác nơi thân trong đó có cảm giác hơi thở vô, ra chứ không phải chỉ chú tâm một mình cảm giác hơi thở vô ra), Hành giả sẽ kinh nghiệm được Sơ thiền, Nhị thiền. Khi đã an trú Nhị thiền vững chắc thì chuyển sang niệm "ly hỷ trú xả" là đặc trưng của Tam thiền thì Hành giả kinh nghiệm và an trú được Tam thiền. An trú Tam thiền vững chắc, chuyển sang niệm "xả niệm thanh tịnh" thì Hành giả kinh nghiệm và an trú được Tứ thiền. Với các Niệm này, Chánh Tri Kiến cũng tuệ tri được Cái biết Tỉnh Giác, tuệ tri được Tâm giải thoát hay Không Giải Thoát.

Với Niệm Pháp là nhớ đến chú tâm quán sát đối tượng đó vô thường hay vô chủ hay ly tham thì không những Chánh Tri Kiến biết rõ đang ở mức Định nào mà còn tuệ tri đối tượng đó vô thường hay vô chủ hay ly tham. Với Niệm Pháp là nhớ đến Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ hay Tuệ tri Khổ Tập Diệt Đạo, Chánh Tri Kiến sẽ tuệ tri được Chánh Niệm, tuệ tri được Chánh Định, tuệ tri được Chánh Tư duy, tuệ tri được cả bản thân Chánh Tri Kiến, tuệ tri được Tuệ Giải Thoát hay Vô Tướng Giải Thoát. Vì mối quan hệ của ba trụ cột theo lộ trình Duyên Khởi như vậy nên pháp hành Bát Chánh Đạo chỉ là tạo nhân duyên cho Chánh Niệm khởi lên rồi an trú chứ không phải làm gì thêm nữa. Chính vì vậy có thể nói pháp hành là Tứ Niệm Xứ và Đức Phật đã tuyên bố trong kinh Niệm Xứ thuộc Trung Bộ Kinh: Đây là con đường độc nhất giúp cho chúng sanh, chấm dứt phiền não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh Trí, chứng ngộ Niết Bàn.

Ba trụ cột của Bát Chánh Đạo siêu thế Niệm - Định - Tuệ có khác với Giới - Định - Tuệ không? Hai mươi năm đầu trong lịch sử Tăng đoàn, Đức Phật chưa chế định một giới điều nào nên chưa có quan niệm lộ trình Giới - Định - Tuệ. Trong ba mươi bảy đạo phẩm không có lộ trình Giới - Định - Tuệ mà có Ngũ Căn, Ngũ Lực nói đến Tín - Tấn - Niệm - Định - Tuệ. Tín - Tấn do Văn Tuệ và Tư Tuệ mà có, nó thuộc về công việc chuẩn bị để tu tập và Niệm - Định - Tuệ là ba trụ cột của Bát Chánh Đạo siêu thế. Trên Bát Chánh Đạo siêu thế có Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng nhưng nó không phải là Giới theo nghĩa "thọ trì và thực hành các học giới" mà đây là lời nói và hành động của bậc Thánh không có Tham Sân Si, không còn tạo tác, còn được gọi là Vô Tác Giải Thoát. Giới trong quan niệm Giới - Định - Tuệ được Thế Tôn chế định theo nghĩa để thọ trì và thực hành với mục đích tạo nhân duyên cho Chánh Niệm khởi lên. Cách hiểu Giới sinh Định là không đúng sự thật vì Chánh Định chỉ phát sinh do có Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn. Nhân duyên cho Chánh Niệm khởi lên là Văn Tuệ và Tư Tuệ và ở thời kỳ hai mươi năm đầu, đệ tử của Đức Thế Tôn đa phần là người có Trí, nên Văn Tuệ, Tư Tuệ của họ đầy đủ, chính xác, Tín - Tấn khởi lên mãnh liệt, tâm họ trong sạch nên Chánh Niệm khởi lên một cách dễ dàng. Đối với những người này Giới là những điều nhỏ nhặt, không quan trọng nên chưa có chế giới. Đối với những người chậm lụt

về Trí tuệ, Văn Tuệ, Tư Tuệ không đầy đủ, không chính xác, Tín - Tấn của họ sẽ không cao, những người đó sẽ nhớ đến chuyện thế gian, nhớ đến Dục lạc, nhớ đến trăm ngàn thứ chuyện trên đời và trong " kho chứa thông tin" của họ, những loại thông tin này được kích hoạt liên tục và nó là nhân cho Tà Niệm khởi lên liên tục, vì vậy Chánh Niệm không khởi lên được. Chính vì vậy thọ trì và thực hành các học giới nghiêm túc, làm cho các thông tin là nhân cho Tà Niệm không được kích hoạt lên, do đó thông tin Minh đã được Văn Tuệ, Tư Tuệ lưu vào được kích hoạt lên và đó là nhân duyên cho Chánh Niệm khởi lên. Giới cùng với Văn Tuệ và Tư Tuệ là sự chuẩn bị nhân duyên cho Chánh Niệm sinh khởi và khi Chánh Niệm khởi lên, ba trụ cột Niệm - Định - Tuệ sẽ tự động khởi lên. Vì vậy Văn Tuệ - Tư Tuệ - Giới cũng là ba trụ cột của Bát Chánh Đạo hiệp thể. Dĩ nhiên nếu không có Bát Chánh Đạo hiệp thể thì cũng không có Bát Chánh Đạo siêu thể khởi lên khi thực hành được.

CHẤP THỦ

Trong Đại Kinh Mãn Nguyệt Đức Phật đã dạy: Nơi nào có Tham và Dục nơi đó có chấp thủ. Nghĩa là thích thú đối tượng nào (gọi là Tham) thì sẽ muốn có được niềm vui, hạnh phúc từ đối tượng đó (gọi là Dục) thì sẽ khởi lên tư tưởng: đối tượng này là của Ta, là Ta, là tự ngã (bản ngã) của Ta. Đây gọi là chấp thủ. Chấp thủ cũng có nghĩa là ràng buộc với đối tượng đã được xem là của Ta, là Ta, là bản ngã của Ta. Sự chấp thủ sẽ khởi lên Năm Thủ Uẩn, tức là tư tưởng Sắc Thọ Tưởng Hành Thức là của Ta, là Ta, là bản ngã của Ta.

Trong kinh Đại Không, khi nhìn thấy rất nhiều Tỷ kheu ở trong một trú xứ Đức Phật đã khẳng định : (trích dẫn tóm tắt và đại ý) Tỷkheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, sự kiện Tỷ kheo ấy giải thoát khổ đau không có thể xảy ra.

Thích thú, hân hoan, hoan hỷ trong hội chúng của mình hoặc của người cũng là muốn có được niềm vui từ hội chúng. Đó là Tham và Dục. Khi đã có Tham và Dục thì sẽ khởi lên tư tưởng: hội chúng này là của Ta, là Ta, là bản ngã của Ta. Đây là chấp thủ, đây là sự ràng buộc với hội chúng. Do sự ràng buộc này mà vui buồn vì hội chúng ấy. Hội chúng lớn mạnh thì sung sướng, hội chúng suy yếu thì đau khổ, ai khen ngợi hội chúng thì hoan hỷ, ai chê bai hội chúng thì bực bội ...

Một chàng trai và một cô gái quen biết nhau nhưng chưa yêu nhau thì chàng trai không có tư tưởng: cô gái này là của Ta, là Ta, không có tư tưởng cha mẹ cô gái, anh em cô gái, dòng họ cô gái ... là của Ta, là Ta. Chàng trai không có chấp thủ các đối tượng đó (vì chưa có Tham và Dục), không ràng buộc với các đối tượng đó nên không vui với cái vui, không buồn vì cái buồn của các đối tượng đó, không có phiền não vì các đối tượng đó.

Nhưng khi chàng trai yêu cô gái và cưới cô ta làm vợ (có Tham và Dục) thì lập tức tư tưởng cô gái này là của Ta, là Ta khởi lên và đồng thời tư tưởng cha mẹ, anh em, dòng họ cô gái là của Ta, là Ta cũng khởi lên. Đây là chấp thủ, là ràng buộc. Do ràng buộc mà sẽ vui với cái vui, buồn vì cái buồn của họ. Với sự ràng buộc này thì cuộc đời thực sự là : vui ít khổ nhiều, náo nhiều mà nguy hiểm lại càng nhiều hơn.

Đây là ví dụ để có thể hiểu rõ hơn về chữ Thủ trong lộ trình đã được Đức Phật giảng dạy: Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sinh Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Vậy thì do Tham và Dục diệt nghĩa là Ái diệt thì Thủ diệt, do Thủ diệt mà Hữu diệt, do Hữu diệt mà Sinh Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não diệt, nghĩa là toàn khối đau khổ diệt. Từ Ái diệt đến toàn bộ khối đau khổ diệt rất rõ ràng dễ hiểu, đại đa số người học Phật hiểu được nhưng theo sơ đồ này thì Xúc diệt, Thọ sẽ diệt, Thọ diệt Ái mới diệt mới là khó hiểu. Đa phần hiểu theo ngữ cảnh là phải làm cho Xúc diệt thì Thọ mới diệt và Thọ diệt thì Ái mới diệt. Sự tranh cãi bắt đầu từ đây, sự phân chia bộ phái cũng xuất phát từ đây, các luận giải khác nhau cũng xuất phát từ đây. Nếu phát hiện và theo dõi cái mạch ngầm nhất quán xuyên suốt các bộ kinh Nikaya thì Đức Phật không có giảng dạy bất kỳ một chỗ nào về sự thực hành làm cho Xúc diệt, Thọ diệt. Xuyên suốt bộ kinh Nikaya Đức Phật dạy phòng hộ sáu căn, tức phòng hộ sáu xúc xứ, dạy về Tuệ tri sáu xúc xứ tức tuệ tri Duyên khởi cũng có nội dung tuệ tri sáu Thọ, dạy về tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Pháp học và Pháp hành Ngài chỉ dạy nhằm làm cho đệ tử có được hiểu biết đúng sự thật về Thọ, giác ngộ về Thọ, có được Minh về Thọ và do vậy mà chấm dứt được hiểu biết không đúng sự thật về Thọ, chấm dứt được Vô Minh về Thọ. Do chấm dứt Vô Minh về Thọ mà Ái không còn khởi lên, Ái diệt. Lộ trình : Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - ... là nói một cách tóm tắt, nếu đề cập tỉ mỉ sẽ như sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến - Ái - Thủ - ...

Chính Tà Niệm là nhân phát sanh Tà Tư Duy, Tà Tư Duy là nhân phát sanh Tà Tri Kiến. Tà Tri Kiến là hiểu biết không đúng

sự thật, là Vô Minh về Thọ. Vốn đối tượng đó là Cảm thọ thuộc phạm trù Tâm, nhưng lại cho là ngoại Cảnh (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần), vốn đối tượng đó Vô Thường, Vô Chủ lại cho là Thường hằng, Thường trú, Hữu chủ, nếu Tham ái đối tượng đó sẽ khởi lên khổ lại cho rằng Tham ái đối tượng đó sẽ đưa đến Hạnh phúc, sẽ chấm dứt Khổ. Chính Tà Tri Kiến này là Vô Minh là nhân cho Ái khởi lên.

Khi thực hành Bát Chánh Đạo lộ trình tâm sẽ khởi lên như sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tỉnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - ...

Chánh Niệm, Chánh Tư Duy sẽ khởi lên Chánh Tri Kiến là hiểu biết đúng như thật, là Minh với nội dung : tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Với chánh Tri Kiến là Minh này sẽ đoạn diệt Vô Minh, đoạn diệt nhân của Ái, đoạn diệt sự sinh khởi của Ái. Cho nên Bát Chánh Đạo là con đường chấm dứt Ái, chấm dứt Thủ. Trên Bát Chánh Đạo, lộ trình tâm của bậc Thánh hữu học và vô học vẫn có Xúc - Thọ - Tưởng chứ không phải Xúc diệt, Thọ diệt.

CÓ PHẢI "NGŨ UẨN GIAI KHÔNG" KHÔNG?

Ngũ uẩn hay Năm uẩn là một thuật ngữ thông dụng trong Phật học để chỉ cho Năm nhóm : Sắc Thọ Tướng Hành Thức. Chữ Uẩn được dùng trong Ngũ uẩn hay Năm uẩn đã được định nghĩa rõ ràng trong kinh Nikaya là nhóm, là tổ hợp. Ví như : Phạm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, thô hay tế, thắng hay liệt, nội hay ngoại, xa hay gần... đều là Sắc uẩn. Trong kinh điển Hán tạng dịch sang tiếng Việt chữ Uẩn trong Ngũ uẩn được dùng theo nghĩa "ngăn che" thực tánh, điều này đã "găm" vào đầu người học một hiểu biết sai lạc ngay từ đầu về Ngũ uẩn.

Hiểu biết về Ngũ uẩn có hai loại: Một là hiểu biết không đúng sự thật về Ngũ uẩn, hiểu biết đó gọi là Vô minh, là Vọng tưởng, là Không liễu tri Ngũ uẩn. Hai là hiểu biết đúng sự thật về Ngũ uẩn, hiểu biết đó được gọi là Minh, là Trí tuệ, là Liễu tri Ngũ uẩn.

1 - Vô Minh về Ngũ uẩn:

- Là hiểu biết của Phạm phu quan niệm Ngũ uẩn là Năm thành tố bao gồm Sắc Thọ Tướng Hành Thức đồng thời tồn tại, cấu hợp nên một chúng sanh, giống như các thành tố Cột Kèo Rui Mè Ngói đồng thời tồn tại cấu hợp nên ngôi nhà. Chúng sanh được sinh ra bao gồm Thân và Tâm tức Ngũ uẩn, cụ thể Thân là Sắc uẩn và Tâm là Thọ uẩn, Tướng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn. Năm uẩn đồng thời tồn tại, kết hợp với nhau gọi là một chúng sanh và khi chết Năm uẩn tan rã, chia lìa nhau. Sắc uẩn hay Thân trở về với Tứ Đại (Đất Nước Gió Lửa) còn Bốn uẩn còn lại là Tâm lại duyên với một Sắc uẩn khác nên cấu hợp trở lại thành một chúng sanh mới. Nói một cách đơn giản thì hiểu biết đó cho rằng khi một chúng sanh hiện hữu thì Tâm ở trong Thân, khi chết Thân này tan rã, Tâm sẽ thoát ra và đi đầu thai vào một Thân

mới. Và như vậy Chết và Tái Sanh là sự di chuyển Tâm thức từ một thân xác này sang một thân xác khác, giống như thay một cái áo mới vậy. Với hiểu biết này thì Năm Uẩn luôn luôn có, thường xuyên tồn tại, chỉ trong thời gian chết không đủ duyên nên không cấu hợp thành chúng sanh, khi đủ duyên tái sanh thì cấu hợp trở lại thành một chúng sanh. Hiểu biết Năm Uẩn luôn luôn có, thường xuyên tồn tại như vậy gọi là Thường Kiến. Phạm phu cũng sống với hiểu biết Thân này là của Ta, là Ta, Tâm này là của Ta, là Ta, nghĩa là có một cái Ta là chủ nhân của Thân Tâm, chủ nhân của Năm Uẩn. Hiểu biết như vậy gọi là Ngã Kiến. Hiểu biết Năm Uẩn luôn luôn có, thường xuyên có được xếp vào một trong hai cực đoan của nhân loại gọi là Chấp Có, là Thường Kiến thuộc về Duy Vật.

- Một quan điểm khác được xếp vào cực đoan thứ hai của nhân loại, là Năm Uẩn không có thật, là giả có, Năm Uẩn do Tâm tạo ra. Tâm tạo ra Năm Uẩn được quan niệm là Chân Tâm Thường Trụ hay Thượng Đế Toàn Năng, đây là Chấp Không, là Đoạn Kiến thuộc về Duy Tâm.

- Có một số trường phái Phật Giáo tránh hai cực đoan Chấp Có và Chấp Không trên, đã tư duy, lập luận và đề ra học thuyết Nhị Đế. Họ lập luận và cho rằng Thế giới thực tại mà con người thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức là một thế giới ước lệ, tương đối, vận hành theo định luật nhân quả được gọi là Tục Đế. Đó là thế giới hiện tượng có hình tướng có sinh diệt, như sạch, tăng giảm, có sắc thọ tưởng hành thức, có mắt tai mũi lưỡi thân ý, có sắc thanh hương vị xúc pháp, có nhãn giới cho đến ý thức giới, có vô minh, có minh... Ngoài thế giới hiện tượng có tướng còn có một Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối vô tướng gọi là Chân Đế. Trong cái Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối vô tướng đó không có sinh diệt, như sạch, tăng giảm, không có sắc thọ tưởng hành thức, không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có nhãn giới cho đến ý thức giới, không có vô minh cũng như minh... Hai thế giới thực tại bản thể tuyệt đối và thế giới thực tại hiện tượng tương đối không đối lập nhau mà thế giới thực tại bản thể tuyệt đối là nền tảng mà trên đó thế giới thực tại hiện tượng tương đối phát sinh. Thế giới thực tại hiện tượng là biểu hiện, là sự trình hiện của thế giới thực tại bản thể. Chính lập luận như vậy được hiểu là thế giới thực tại

tuyệt đối còn được gọi là Chân Không là nền tảng mà từ đó phát sinh thế giới hiện tượng Sắc Thọ Tướng Hành Thức, và Sắc Thọ Tướng Hành Thức là sự trình hiện của Chân Không, là sự biểu hiện của Chân Không và vì vậy mà Sắc chẳng khác Chân Không, Chân Không chẳng khác với Sắc, Sắc chính là Chân Không, Chân Không chính là Sắc. Thọ Tướng Hành Thức cũng đều như vậy. Đây chính là lập luận Ngũ uẩn giai không. Lập luận này xuất phát từ sự hiểu biết thường ngày của nhân loại, ví như Đất là nền tảng mà trên đó Cây cối phát sinh. Cây cối từ Đất mà sinh ra, khi mất đi nó lại trở về với nền tảng là Đất. Chính vì vậy Cây cối là tương đối có sinh có diệt, là sự trình hiện của Đất, là sự biểu hiện của Đất, còn Đất là tuyệt đối là nền tảng không sinh không diệt, nên Đất chẳng khác Cây cối, Cây cối chẳng khác Đất, Đất chính là Cây cối, Cây cối chính là Đất.

Những lập luận cao siêu như vậy nhằm tránh hai cực đoan Chấp Có và Chấp Không nhưng nền tảng của lập luận ấy là Thường Kiến, Duy Vật vẫn ở trong cực đoan Chấp Có mà hình thành, nó là tư duy lý luận suông chứ không phải là sự thật. Cái Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối vô tướng đó chỉ là Tư Tướng do tư duy tác thành, không phải là sự thật bởi chính những người lập luận, tư duy ra nó cũng hết sức mơ hồ, trừu tượng về nó, không ai vạch ra được một con đường đi đến đó, không có một cách tu nào, cách thực hành cụ thể nào để thể nhập và an trú Thế giới thực tại tuyệt đối Chân Đế (Chân Không) Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt đó. Đức Phật không có giác ngộ một Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối Chân Đế hay Chân Không nên không có giảng dạy, chỉ dẫn, phân tích bất kỳ một pháp tu nào để thể nhập và an trú Thế giới thực tại bản thể Chân đế hay Chân Không như vậy mà Ngài giác ngộ Cảm thọ. Đó là Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ cũng có nghĩa là Tuệ tri Tứ Thánh Đế. Sau khi đã tự mình chứng tri Ngài đã hiển thị, giảng giải, phân tích, chỉ dẫn rành mạch về Thực tại giải thoát, về Tứ Thánh Đế và đặc biệt Ngài đã hiển thị, giảng giải phân tích, chỉ dẫn rành mạch về con đường đi đến thể nhập và an trú Thực tại giải thoát. Đó chính là Bát Chánh Đạo, bao gồm : Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - Chánh Tư Duy - Chánh Kiến - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng

2 - Minh về Ngũ Uẩn:

a - Năm Uẩn: Trong kinh Đại Kinh Mãn Nguyệt thuộc Trung Bộ Kinh đã trình bày tóm tắt về Duyên Khởi của năm nhóm Sắc Thọ Tưởng Hành Thức. Kinh đã chỉ rõ : Tứ đại là nhân, là duyên của Sắc uẩn, Căn Trần tiếp xúc là nhân, là duyên của Thọ uẩn, Căn Trần tiếp xúc là nhân, là duyên của Tưởng uẩn, Căn Trần tiếp xúc là nhân, là duyên của Hành uẩn, Xúc - Thọ - Tư (duy) khởi lên Thức uẩn. Nếu quán sát tỉ mỉ theo Duyên Khởi thì Năm Uẩn khởi lên theo một lộ trình sinh diệt. Đối với Phạm phu Năm uẩn khởi lên theo lộ trình Bát Tà Đạo như sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến (Thức Uẩn) - Tham Sân Si - Tà Định - Dục - Tà Tinh Tấn - Phi Như Lý tác ý - Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng - Sầu Bi Khổ Ưu Não Sinh Già Bệnh Chết.

Đây là tất cả pháp hay là Năm Uẩn hay Danh và Sắc.

- **Sắc Uẩn** hay nhóm Sắc bao gồm sáu Căn :Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý và năm Trần :Sắc Thanh Hương Vị Xúc

- **Thọ Uẩn** hay nhóm Thọ bao gồm sáu Thọ hay sáu cảm giác do Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh: Cảm giác hình ảnh, Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm, Cảm giác pháp trần.

- **Tưởng Uẩn** hay nhóm Tưởng bao gồm sáu cái biết trực tiếp giác quan do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh (có phận sự nhận biết sáu Cảm thọ) bao gồm: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức.

- **Hành Uẩn** hay nhóm hành bao gồm : Niệm, Tư Duy, Tham Sân Si, Định, Dục, Tinh Tấn, Tác Ý, Lời nói, Hành động, Ăn uống, Sầu Bi Khổ Ưu Não. Các tâm hành này cũng do Ý tiếp xúc Pháp trần mà phát sinh.

- **Thức Uẩn** hay nhóm Thức chính là Ý thức do lộ trình Xúc - Thọ - Tưởng - Tư(duy) phát sinh. Định nghĩa này trong kinh Đại Kinh Mãn Nguyệt đã chỉ rõ Thức Uẩn chỉ là Ý thức nên tránh được sự hiểu lầm Thức uẩn bao gồm sáu thức là Nhãn thức, Nhĩ

thức, Tỉ thức, Thiết thức, Thân thức, Ý thức.

Năm uẩn hay Năm nhóm Sắc Thọ Tướng Hành Thức là Pháp Duyên khởi nên nó Vô thường, sinh lên rồi diệt không thường hằng, không thường trú bất kỳ chỗ nào. Năm uẩn cũng Vô Chủ nghĩa là không có bất kỳ một cái gì là chủ nhân, chủ sở hữu Năm uẩn, cũng đồng nghĩa không có một cái Ta nào là chủ nhân, chủ sở hữu năm uẩn. Đây gọi là Vô Ngã.

Năm Uẩn sinh diệt theo một tiến trình Nhân diệt Quả sanh. Nghĩa là Căn Trần tiếp xúc rồi cùng diệt thì Thọ - Tướng sanh. Tiếp đến Thọ - Tướng diệt thì Tà Niệm sanh. Tà Niệm diệt thì Tà Tư Duy sanh. Tà Tư Duy diệt thì Tà Tri Kiến (Thức Uẩn) sanh. Tà Tri Kiến diệt thì Tham hoặc Sân hoặc Si sanh. Tham hoặc Sân hoặc Si diệt thì Tà Định sanh. Tà Định diệt thì Dục sanh. Dục diệt thì Tà Tinh Tấn sanh. Tà Tinh Tấn diệt thì Tà ngữ hoặc Tà nghiệp hoặc Tà mạng sanh. Tà ngữ hoặc Tà nghiệp hoặc Tà mạng diệt thì Sầu Bi Khổ Ưu Não khởi lên. Sầu Bi Khổ Ưu Não diệt thì một lộ trình Năm uẩn sinh diệt tương tự lại tiếp tục khởi lên. Viết gọn lại:

Sắc - Thọ - Tướng - Hành - Thức - Hành.

Căn Trần tiếp xúc rồi cùng diệt tức Sắc diệt, Thọ - Tướng sanh nhưng cũng phát sinh Căn Trần khác cho sự tiếp xúc của lộ trình sau. Thọ - Tướng diệt thì Hành sanh. Hành diệt thì Thức sanh. Thức diệt thì Hành sanh tiếp. Hành diệt thì một lộ trình tiếp theo sẽ khởi lên tương tự. Như vậy Sắc Thọ Tướng Hành Thức là một lộ trình sinh diệt, Sắc Thọ Tướng Hành Thức không đồng thời tồn tại, không phải nương nhau mà hiện hữu, không phải là sự trình hiện, sự biểu hiện của một Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối vô tướng. Năm nhóm Sắc Thọ Tướng Hành Thức do duyên Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh nên nó là có thật và vì nó có thật nên Thánh hay Phàm đều thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức được nó tuy nó Vô Thường, Vô Ngã. Hiểu biết đúng như thật này cũng gọi là tuệ tri Lý Duyên khởi, cũng gọi là Trung Đạo và hiểu biết đúng như thật này xa lìa hai cực đoan Chấp Có (Duy Vật) và Chấp Không (Duy Tâm)

b - Năm Thủ Uẩn: kể Phàm phu với Ý thức Tà Tri Kiến

không Tuệ tri sự sinh diệt của Năm uẩn, không tuệ tri Năm uẩn Vô thường, Vô ngã khởi lên chấp thủ một cái Ta là chủ nhân của Năm uẩn. Kẽ phàm phu khởi lên tư tưởng: Sắc Thọ Tướng Hành Thức là của Ta, là Ta, là tự ngã (bản ngã) của Ta. Đây chính là Năm Thủ Uẩn. Kẽ Phàm phu sống với Năm Thủ Uẩn: Ta thấy, ta nghe, Ta cảm nhận, Ta tư duy, Ta hiểu biết, Ta nói, Ta làm... Đức Phật đã khẳng định: Năm Thủ Uẩn là Khổ nên kẻ phàm phu sống với Khổ. Năm Thủ Uẩn là tư tưởng sai lạc, do Tà Tri Kiến, do cái biết Ý thức nhị nguyên Vô minh khởi lên nên không có thật, nó là lông rùa sừng thỏ, là hoa đốm giữa hư không do bệnh nhậm mắt tạo thành chứ không phải Ngũ Uẩn giai không. Năm Thủ Uẩn là khổ chứ không phải Năm Uẩn là khổ như các chú giải hiện hành. Chính sự chấp thủ là Vô Minh đã khởi lên Năm Thủ Uẩn là cái màn ngăn che, không cho thấy biết tự tánh Vô thường, Vô ngã của Năm Uẩn chứ không phải Năm Uẩn ngăn che tự tánh.

Các bậc A la hán sống với sự tuệ tri Năm Uẩn vô thường, vô ngã, đã đoạn diệt không có dư tàn Năm Thủ Uẩn nên đối với chư vị, Năm Thủ Uẩn giai không chứ không phải Năm Uẩn giai không. Trong bài kinh Sáu Thanh Tịnh thuộc Trung Bộ kinh Đức Phật đã đưa ra sáu câu hỏi và sáu câu trả lời đúng pháp đối với các vị đã tuyên bố chứng đắc A la hán. Một trong sáu câu hỏi và sáu câu trả lời như sau: Do thấy như thế nào, biết như thế nào về Năm Thủ Uẩn tức Sắc Thủ Uẩn, Thọ Thủ Uẩn, Tướng Thủ Uẩn, Hành Thủ Uẩn và Thức Thủ Uẩn mà Tôn giả đã tuyên bố: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành ... Nếu một vị tu hành đã thành mãn, hữu kiết sử đã đoạn diệt, những việc cần làm đã làm thì câu trả lời hợp pháp của vị đó sẽ như sau: đối với Năm Thủ Uẩn tức Sắc thủ uẩn, Thọ thủ uẩn, Tướng thủ uẩn, Hành thủ uẩn, Thức thủ uẩn tôi đã đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn ly, đoạn xả không còn dư tàn, đã làm cho không còn tái sinh trong tương lai. Do thấy như vậy, biết như vậy về Năm Thủ Uẩn mà tôi tuyên bố sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa.

Không những Đức Phật dạy Năm Thủ Uẩn giai không mà Ngài còn hiển thị, giảng giải, phân tích chỉ dẫn rành mạch về con đường, về phương pháp tu tập để đoạn diệt Năm Thủ Uẩn, để Năm Thủ Uẩn giai không.

- Năm Thủ Uẩn là sự chấp thủ một cái Ta (Bản ngã) là chủ nhân, chủ sở hữu Năm Uẩn. Chính vì sự chấp thủ Năm Uẩn nên Khổ uẩn khởi lên, nên nói Năm Thủ Uẩn là khổ.

- Sự tập khởi của Năm Thủ Uẩn là do Tà Niệm - Tà Tư Duy mà khởi lên Tà Tri Kiến, chấp thủ Năm Uẩn là của Ta, là Ta, là tự ngã (bản ngã) của Ta trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo.

- Sự đoạn diệt của Năm Thủ Uẩn là khi có mặt Chánh Niệm - Chánh Tư Duy sẽ khởi lên Chánh Tri Kiến là hiểu biết đúng như thật, không còn Ngã kiến, Ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên. Đây chính là đoạn diệt Năm Thủ Uẩn.

- Con đường chấm dứt Năm Thủ Uẩn (Chấm dứt Khổ) là Bát Chánh Đạo bao gồm : Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Năm Thủ Uẩn cũng được giảng dạy, phân tích theo công thức Tứ Thánh Đế. Đó là : Tuệ tri Năm Thủ Uẩn, Tuệ tri Năm Thủ Uẩn tập khởi, Tuệ tri Năm Thủ Uẩn đoạn diệt, Tuệ tri Con đường đoạn diệt Năm Thủ Uẩn.

CHÁNH TRÍ

Sự phân biệt Phàm và Thánh là ở lộ trình tâm. Nếu lộ trình tâm là Bát Tà Đạo, thì đó là Phàm phu. Nếu lộ trình tâm là Bát Chánh Đạo thì đó là bậc Thánh. Khi một vị đệ tử học tập, nghe giảng hoặc tự mình nghiên cứu kinh điển và tư duy về điều đã học, đã nghe thì lộ trình tâm đó vẫn là Bát Tà Đạo, vẫn là Phàm phu. Học tập và tư duy như vậy về Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, thì đó gọi là Bát Chánh Đạo hiệp thế. Khi thực hành Bát Chánh Đạo, lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên nơi vị ấy, thì đó là Bát Chánh Đạo siêu thế. Một vị đệ tử khi thực hành có lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế khởi lên như vậy, thì được gọi là Thánh đệ tử. Có hai loại Thánh đệ tử: Thánh đệ tử hữu học và Thánh đệ tử vô học. Thánh đệ tử hữu học có ba bậc: Nhập lưu (Tu đà hoàn), Nhất lai (Tu đà hàm), Bất lai (A na hàm). Thánh đệ tử vô học là các vị A La Hán. Lộ trình tâm của Thánh đệ tử hữu học và Thánh đệ tử vô học đều là Bát Chánh đạo, đều gồm tám chi phần: Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Vậy thì có gì khác nhau giữa bậc thánh hữu học và bậc Thánh vô học, một vị A La Hán ?

Bậc Thánh hữu học có tám chi phần của Bát Chánh Đạo, bậc Thánh vô học ngoài tám chi phần Bát Chánh Đạo còn có thêm hai chi phần là : Chánh Trí và Chánh Giải Thoát, tức có mười chi phần.

Thế nào là Chánh Trí ? Khi lộ trình tâm Bát Chánh đạo của một vị hữu học khởi lên, có Chánh Tri Kiến là Trí Tuệ, là Minh thì lộ trình tâm Bát Tà Đạo có Tà Tri Kiến là Vô Minh được nhiếp phục, và như vậy Khổ được nhiếp phục chứ chưa được đoạn tận. Khi Chánh Tri Kiến là Minh được tu tập, được làm cho viên mãn thì tại thời điểm đó, một đột chuyển xảy ra nơi "thẳm sâu tâm thức", tức thông tin Minh xoá bỏ hoàn toàn thông tin Vô Minh trong " kho chứa tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm". Với đột chuyển

này Bát Tà Đạo với Tà Tri Kiến, Vô Minh đoạn diệt không có dư tàn và đó là quả vị A La Hán. Kinh điển Nikaya mô tả thời điểm này là, sau khi được giải thoát (như vậy) Trí khởi lên: ta đã được giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui cuộc đời này nữa". Đây là Chánh Trí.

Nói là bậc Thánh hữu học có tám chi phần, còn bậc Thánh vô học có mười chi phần cho dễ hình dung, cho dễ hiểu nhưng thực chất là sự khác nhau về Chánh Tri Kiến của một vị hữu học và vô học. Chánh Tri Kiến của vị hữu học chỉ tuệ tri được Lý Duyên Khởi, tuệ tri được Khổ Tập Diệt Đạo, còn Chánh Tri Kiến của vị vô học không những tuệ tri được Lý Duyên Khởi, tuệ tri được Khổ Tập Diệt Đạo mà còn tuệ tri được Chánh Trí và Chánh Giải Thoát. Đương nhiên một vị hữu học cũng đã được nghe giảng, đã được học về Chánh Trí và Chánh Giải Thoát nhưng đó là Văn Tuệ mà chưa phải là Tu Tuệ, chưa Thân Chứng hai chi phần này. Ví như một người sống ở thành phố Hồ Chí Minh quanh năm không có mưa dầm, gió bắc, người này đã nghe nói về mưa dầm gió bắc, đã đọc những mô tả về mưa dầm gió bắc, đã tưởng tượng ra mưa dầm gió bắc ... Nhưng những hiểu biết do tư duy, tìm hiểu về mưa phùn gió bắc đó chỉ là tri thức chứ không phải là thân chứng mưa phùn gió bắc. Chỉ khi người đó ra Hà nội vào một ngày mưa phùn gió bắc, lúc đó mưa phùn gió bắc thổi vào thân thể (tiếp xúc) phát sinh Cảm giác và đồng thời Thân thức khởi lên cảm nhận Cảm giác đó. Đây mới là Thân Chứng.

Chánh Trí là tự mình thấy, tự mình biết, không phải là Phật hay một vị A la Hán khác ấn chứng hay xác nhận cho vị đó: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui cuộc đời này nữa. Chỉ và chỉ khi Chánh Trí khởi lên, vị đó mới tự mình thấy, tự mình biết như thật : Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp do Đức Phật khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì, chứ không phải là Đức tin nữa. Đối với những đệ tử hữu học đương nhiên phải có Đức tin: Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp do Đức Phật khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì nhưng đức tin này được chia làm hai loại. Loại thứ nhất là mê tín, tức đức tin phát sinh trên sự hiểu biết không đúng như thật về Phật, về Pháp, về Tăng, thuộc về đa phần đệ tử là Phàm phu chưa phải là Thánh đệ tử. Loại thứ hai là

Chánh tín, là đức tin do hiểu biết đúng như thật về Phật, về Pháp, về Tăng thuộc về Thánh đệ tử hữu học. Tuy Chánh tín là đức tin phát sinh do hiểu biết đúng như thật về Phật, về Pháp, về Tăng nhưng nó đang thuộc phần tri thức chứ chưa phải là Thân Chứng như hiểu biết của vị vô học. Chính vì vậy, cho đến khi "Thân Chứng" Chánh Trí, vị Thánh đệ tử hữu học mới chỉ là "Tin" có Phật thật, có Pháp thật, có Tăng thật mà thôi.

Bản kinh Tiểu Kinh Dụ Dấu Chân Voi thuộc Trung Bộ Kinh đã thuyết minh rất rõ vấn đề này, giúp cho vị Thánh đệ tử hữu học có được hiểu biết thấu đáo. Đức Thế Tôn đã giảng : Này Bà La Môn, một người săn voi đi vào khu rừng có voi ở. Người đó thấy một dấu chân voi lớn trong rừng voi, dài bề dài và rộng bề ngang. Nếu người đó là một thợ săn voi thiện xảo, người đó không đi đến kết luận: "Con voi đực này chắc chắn to lớn". Vì sao vậy? Này Bà-la-môn, trong rừng voi, có những loại voi cái lùn thấp, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi này. Người đó đi theo dấu chân ấy. Trong khi đi theo, người đó thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang, và những vật cao đều bị cọ xát. Nếu người đó là một thợ săn voi thiện xảo, người đó không đi đến kết luận: "Con voi đực này chắc chắn to lớn vì sao vậy? Này Bà-la-môn, trong rừng voi, có những loại voi cái có ngà, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi này. Người đó đi theo dấu chân ấy. Trong khi đi theo, người đó thấy trong rừng voi, một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang, những vật cao bị cọ xát, và những vật cao bị ngà voi cắt chém. Nếu người đó là một thợ săn voi thiện xảo, người đó không đi đến kết luận: "Con voi đực này chắc chắn to lớn". Vì sao vậy? Này Bà-la-môn, trong rừng voi, có những loại voi cái có ngà lớn, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi này. Người đó đi theo dấu chân ấy. Trong khi đi theo, người đó thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, dài bề dài và rộng bề ngang, những vật cao bị cọ xát, những vật cao bị ngà voi cắt chém, và những vật cao bị gãy các cành. Và người đó thấy một con voi đực dưới gốc cây hay ở ngoài trời, đang đi, đang đứng, đang ngồi hay đang nằm, người đó đi đến kết luận: "Con voi này thật là con voi đực lớn".

Một vị Thánh đệ tử hữu học cũng giống như người thợ săn thiện xảo, thực hành pháp Thế tôn là ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY, bỏ qua

một bên những hiểu biết, những kết luận một chiều. Và phải ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY rất rõ nhất, tối hậu, đó là Chánh Trí và Chánh Giải Thoát. Bài Kinh Tiểu Kinh Dụ Đẩu Chân Voi đã dạy rõ :

Cho dù vị Thánh đệ tử hữu học có được Thánh giới uẩn cao quý, có được Thánh hộ trì các căn, có được Thánh Chánh niệm Tĩnh giác đến mức độ: Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, y bát đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Nghĩa là vị đó an trú được cái biết Tĩnh Giác, an trú được Không Giải Thoát hay Tâm Giải Thoát trong mọi động tác như vậy thì Chánh Trí vẫn chưa khởi lên và vẫn chưa Thân Chứng được " Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp mà Đức Thế Tôn khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì"

Cho dù vị Thánh đệ tử hữu học ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm với tứ. Diệt tầm diệt tứ chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, thân cảm lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Tam thiền. Xả lạc, xả khổ, diệt trừ hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Tứ thiền, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, thì Chánh Trí vẫn chưa khởi lên và vị đó vẫn chưa có thể Thân Chứng" Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp mà Đức Thế Tôn khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì".

Cho dù vị Thánh đệ tử hữu học với tâm định tĩnh, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình thản, không cấu nhiễm như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc Mạng Minh, đến Thiên Nhân Minh vị ấy biết các kiếp quá khứ từ một kiếp cho đến trăm ngàn kiếp ..., hay biết được chúng sinh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu ... đều do hạnh nghiệp của chúng, thì Chánh Trí vẫn chưa khởi lên, vẫn chưa Thân Chứng được " Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp do Đức Phật khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì"

Cho dù vị Thánh đệ tử hữu học với tâm không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy

dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là Khổ", biết như thật: "Đây là Nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là Khổ diệt", biết như thật: "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt", thì Chánh Trí vẫn chưa khởi lên và vị ấy vẫn chưa Thân Chứng được " Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp do Đức Thế Tôn khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì"

Cho đến khi, vị Thánh đệ tử hữu học ấy nhờ THẤY NHƯ VẬY, BIẾT NHƯ VẬY mà MỌI LẬU HOẶC ĐƯỢC ĐOẠN TẬN. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Vị ấy biết, ta đã được giải thoát, Chánh Trí khởi lên: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui cuộc đời này nữa. Cho đến như vậy vị ấy mới Thân Chứng được " Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp do Đức Phật khéo giảng và Chư Tăng khéo hành trì". Chỉ lúc này vị ấy mới Thân Chứng Sự chấm dứt Khổ là có thực, Con đường chấm dứt Khổ là có thực, Tứ Thánh Đế là có thực nghĩa là Thân chứng được Pháp do Đức Tôn khéo thuyết giảng. Có Giáo Pháp mà nhờ Giáo Pháp đó mà tự thân vị ấy đã giải thoát thì vị ấy sẽ xác chứng được có Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, là bậc tự mình giác ngộ, không thầy chỉ dạy mới có thể giảng dạy được Giáo Pháp này và xác chứng được đã có những vị Tăng giác ngộ như mình.

Một vị Thánh đệ tử hữu học, cho đến giây phút chót thì vẫn là Chánh Tín chứ không phải Chánh Trí nên không phải mọi hiểu biết của vị đó đều là Chánh Kiến. Kho chứa tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm của vị đó chưa thanh lọc, chưa đoạn tận Vô Minh, nên khi có Chánh Niệm, Vô Minh được nhiếp phục, nhưng khi không có Chánh Niệm, Tà Niệm khởi lên thì Tà Tri Kiến Vô Minh hiện khởi. Chính vì điều này, một vị Thánh đệ tử, giống như người thợ săn thiện xảo, không nên đi đến tuyên bố theo đức tin: Phật là như thế này, không phải như thế kia, Pháp là như thế này, không phải như thế kia, như thế này mới đúng, như thế kia là sai. Vị ấy chỉ nên nói lên hiểu biết của mình: Theo tôi Phật là như thế này, Pháp là như thế này và như vậy vị ấy không đi đến tranh cãi, hơn thua với một ai. Vị ấy nên biết rõ: Ai cũng đúng theo đức tin, theo hiểu biết của họ. Chỉ có các vị đã giác ngộ, các

bậc A La Hán có Chánh Trí và Chánh Giải Thoát mới có "thẩm quyền" nói về Phật, về Pháp, về Tăng. Có rất nhiều hiểu biết mà bậc Thánh hữu học tin tưởng tuyệt đối cho đến giây phút chót, nhưng khi Chánh Trí khởi lên mới tuệ tri đó là Vô Minh. Chánh Trí khởi lên mới xác chứng cái hiểu biết đúng sự thật mà bậc Chánh Đẳng Giác thuyết giảng hoàn toàn trái ngược hiểu biết thế gian. Một vị có Chánh Trí mới có thể biết rõ Đức Phật thuyết giảng những gì, những gì Ngài không nói đến, mới phân biệt rõ trong rừng kinh điển đang lưu truyền đâu là điều Phật nói, đâu là những điều vì tính chất tôn giáo mà thêm vào, đâu là lời dạy thật của Phật nhưng được diễn tả theo phong cách ẩn dụ, đâu là những hiểu biết sai lạc của người sau, những giải nói của người sau, nhưng lại gán cho Phật nói. Chỉ khi có Chánh Trí mới có thể Thân Chứng được lời này của Phật: Pháp mà Ta chứng được sâu kín, khó thấy, khó biết, tịch tịnh, mỹ diệu vượt qua mọi tư duy lý luận suông, tế nhị, chỉ người trí mới có khả năng giác hiểu. Còn quần chúng này thì đam mê ái dục, bị ái dục ràng buộc nên Lý Duyên Khởi là một điều rất khó lãnh hội và Niết Bàn, sự từ bỏ mọi khát ái, sự chấm dứt khát ái, sự đoạn tận mọi khát ái cũng là điều rất khó lãnh hội.

Để có được sự đột chuyển nơi "thẳm sâu tâm thức", là nhân duyên cho Chánh Trí khởi lên, một vị Thánh đệ tử phải thực hành Bát Chánh Đạo siêu thế liên tục không dừng nghỉ. Từ khi thức dậy đến khi đi vào giấc ngủ, trong khoảng hai mươi giờ của một ngày, Chánh Niệm về Thân Thọ Tâm Pháp (nhớ đến chú tâm quán sát Thân Thọ Tâm Pháp) khởi lên không ngừng nghỉ, không có một Tà Niệm nào chen vào và như vậy Bát Chánh Đạo siêu thế sẽ khởi lên liên tục không gián đoạn. Nói liền sự thực hành như vậy tối thiểu bảy ngày đêm, chắc chắn đột chuyển sẽ xảy ra. Thông tin Minh được tu tập viên mãn sẽ xoá bỏ thông tin Vô Minh và lập trình lộ trình tâm Bát Tà Đạo (tương tự như một phần mềm được cài đặt trong máy tính) bị phá bỏ hoàn toàn, lập trình lộ trình tâm Bát Chánh Đạo đã hình thành được cài đặt thay thế. Sự đột chuyển này xảy ra nơi các ADN của các tế bào thần kinh não bộ, bởi lượng thông tin "tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm, Minh, Vô Minh" được lưu giữ trong ADN của các tế bào. Sự xoá bỏ thông tin Vô Minh bởi thông tin Minh xảy ra trong ADN nên sẽ phát sinh Nội Xúc và Nội Xúc này sẽ gây nên một cảm giác trên thân vô cùng lạ lẫm, chưa từng bao giờ xảy ra. Cảm giác lạ lẫm này có

thể tồn tại khoảng vài ba phút. Lúc đó có thể thoáng lên câu hỏi: cái gì vậy? Nhưng tiếp liền sau đó một xác chứng khởi lên: đây là chứng đạt Niết bàn. Tiếp đó khởi lên, không những vậy mà còn chứng đạt VÔ THƯỜNG, chứng đạt VÔ NGÃ, chứng đạt KHỔ, chứng đạt NIẾT BÀN. Biết rất rõ rằng VÔ MINH và THAM ÁI, TÌM CẦU những Cảm giác để chịu (Lạc thọ) để thay thế những Cảm giác Khó chịu và Trung tính (Khổ thọ và Bất khổ bất lạc thọ) đã chấm dứt hoàn toàn. Biết rất rõ rằng, mọi việc đã làm xong, mọi dự định, mọi toan tính, mọi công việc ở đời đều không còn, gánh nặng đã được đặt xuống, không còn ràng buộc với bất kỳ một cái gì, bất kỳ một ai ở đời. Không có vui mừng, hoan hỷ, sung sướng, mà hoàn toàn bình thản, tĩnh lặng, không vui, không buồn, không có ý muốn chia sẻ với bất kỳ một ai. Sau sự kiện như vậy, tâm thức thay đổi toàn diện, tận gốc rễ. Cảm nhận về sự đột chuyển của mỗi vị giác ngộ có thể khác nhau chút ít, nội dung có thể khác nhau chút ít nhưng tất cả đều bao hàm trong Chánh Trí đã được mô tả : sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui cuộc đời này nữa.

TUỆ TRI VỊ NGỌT, SỰ NGUY HIỂM VÀ SỰ XUẤT LY

Sự tu tập mà Đức Phật khéo léo thuyết giảng bằng nhiều phương tiện khác nhau, dù là Giới, là Định, hay là Tuệ là để đoạn trừ Tham Sân Si vì Tham Sân Si là Nhân sanh Khổ. Khi tu tập mà kinh nghiệm được không có Tham, không có Sân, không có Si, không có Nhân sanh Khổ, thì vị đó cũng kinh nghiệm được Không có Khổ, nói theo cách khác là kinh nghiệm được Khổ Diệt hay Niết Bàn. Trong thời đại này, một người tu tập mà kinh nghiệm được không có Nhân sanh Khổ, hay Khổ Diệt, Niết Bàn, chỉ có một cách duy nhất là tuân thủ lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chứ không thể có một con đường thứ hai, một pháp môn thứ hai, lời dạy của một vị Phật thứ hai, một vị Tổ Sư nào hết. Đức Phật giác ngộ nhờ : "tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ". Nhiều người học và tu theo Phật, nhiều trường phái Phật giáo đã đi xa khỏi điều này, đặc biệt là nhiều người, nhiều trường phái không tìm hiểu, không tư duy, không tu tập trên cái chủ đề đặc biệt quan trọng này : tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly".

Người học Phật đều hiểu được cần chấm dứt Tham Sân Si nhưng nhiều người không lĩnh hội được, không thấu triệt được cái sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt qua mọi tư duy lý luận suông, chỉ người trí mới có khả năng giác hiểu của Bát Chánh Đạo, nên họ đã chú tâm sang hướng khác. Để viễn ly, ly tham đối với các pháp, tức những đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức, họ chủ trương các pháp là giả có, không thật, với mong ước viễn ly, ly tham các pháp. Điều này dựa trên sự tư duy, suy diễn, là nếu biết đối tượng đó là thật có thì do hiểu biết đó, mà sẽ có thái độ Tham Sân hay Si, nhưng nếu biết đối tượng đó là giả có, không thật thì sẽ không có thái độ Tham Sân Si, sẽ viễn ly, ly tham đối tượng đó. Suy tư như vậy sẽ đưa đến chủ trương các pháp không thật, chỉ giả có mà thôi. Chủ trương như vậy, không phải do quán sát sự thật mà có,

mà chỉ là tư duy lý luận suông, thực chất là thuộc một trong hai cực đoan của tư tưởng nhân loại : Chấp Có và Chấp Không. Chấp Có là tư tưởng cho rằng các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Sắc pháp, là Vật chất, và các pháp như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, đẹp xấu, nhơ sạch ... là thuộc tính của sắc pháp, của vật chất, thường hằng, thường trú trong sắc pháp, trong vật chất. Đây là tư tưởng Thường Kiến thuộc về Duy Vật. Chấp Không là tư tưởng cho rằng những đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là không có thật, các Sắc pháp không thực có, nó do Thượng đế toàn năng hay Bản Tâm không sinh không diệt hoá hiện ra, nên chỉ là giả có. Đây là tư tưởng Đoạn Kiến thuộc về Duy Tâm. Đức Phật đã chỉ rõ, đây là hai cực đoan, là các tư tưởng không đúng sự thật, là Tà Kiến và ly hai cực đoan đó, Đức Phật thuyết pháp ở Trung Đạo, nghĩa là các pháp phát sinh do Duyên Khởi. Do không tuệ tri Lý Duyên Khởi do đức Phật giảng, không tuệ tri Vô Thường, Vô Chủ (Vô Ngã), không liễu tri các pháp, cho nên một số trường phái rơi vào chủ trương: các pháp là do nhân duyên hoà hợp mà có nên nó là Không, không thật có, nó chỉ là giả có thôi. Thực chất đây cũng là tư tưởng thuộc cực đoan thứ hai là Chấp Không. Chủ trương này là một tư tưởng trái với kinh nghiệm của con người, trái với sự thật của đời sống hàng ngày. Đó là Thánh Hay Phạm đều cảm nhận được các pháp như cứng mềm thô mịn, mặn ngọt chua cay ... Các pháp đó là có thật nên Thánh hay Phạm mới cảm nhận được. Vì vậy tuy bị áp đặt và nhồi sọ bởi tư tưởng các pháp là giả, không thật, nhưng người học vẫn mơ hồ, trừu tượng, bần khoản, nghi ngờ, do dự, phân vân, lưỡng lự và không ai sống được với tư tưởng các pháp giả có, không thật và tuy ngoài miệng nói, các pháp đó là giả có, là không thật nhưng nội tâm thì không như vậy, mà vẫn Tham, vẫn Sân, vẫn Si với các pháp, không viễn ly, không ly tham các pháp.

Vấn đề ở đây là do không " tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ" như Đức Phật đã tuệ tri, không tuệ tri sự giác ngộ mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng nên rơi vào tư duy suy diễn, rơi vào hai cực đoan, rơi vào chủ trương thật giả, rơi vào Thường kiến, Đoạn kiến. Một người khi nghe Giáo Pháp mà đức Phật khéo léo thuyết giảng, như thật tuệ tri được Lý Duyên Khởi sẽ thấy biết như thật các pháp được

thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức do duyên hai nhân là Căn và Trần tiếp xúc nhau mà phát sinh, nó chính là sáu loại Cảm Giác hay là sáu Cảm Thọ. Thấy biết ngay liền Xúc sinh thì Thọ sinh, Xúc diệt thì Thọ diệt, thấy biết ngay liền Thọ là Vô Thường, Thọ là Vô Chủ hay Vô Ngã. Với thấy biết đúng như thật này sẽ chấm dứt được Chấp Có, Chấp Không, Chấp Thật, Chấp Giả, Thường Kiến, Đoạn Kiến. Đây là Trung Đạo, là thấy biết khác người của Phật đã chứng ngộ và thuyết giảng.

- Tuệ tri vị ngọt : Vị ngọt được nói trong ngữ cảnh này là Niềm vui, Hạnh phúc, Lạc thú cuộc đời, và đối với vấn đề này nhân loại vẫn tồn tại hai tư tưởng Chấp Có và Chấp Không. Chấp Có là tư tưởng cho rằng vị ngọt sẵn có, thường xuyên có, luôn luôn có trong Sắc pháp, tức là trong những hoàn cảnh tốt đẹp như giàu có, mạnh khỏe, sống lâu, xinh đẹp, thành đạt, danh tiếng ... Chấp Không là tư tưởng cho rằng vị ngọt không có thật, là giả, là phù du, là huyễn ảo. Đức Phật đã khẳng định: Ta đã tuệ tri vị ngọt là vị ngọt. Đức Phật đã xác định, vị ngọt là có thật, nếu vị ngọt không có thật thì chúng sanh đâu có tham đắm vị ngọt, vì vị ngọt là có thật chúng sanh mới tham đắm vị ngọt. Vậy vị ngọt là có thật chứ không phải không có thật, không phải là giả có như tư tưởng Chấp Không. Không những tuệ tri vị ngọt có thật, Ngài còn tuệ tri hơn thế nữa. Vị ngọt là có thật nhưng nó là Cảm thọ, cụ thể là Lạc thọ nên nó Vô thường, Vô chủ (hay Vô ngã), nó thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh, không sẵn có, không thường hằng, thường trú nơi Sắc pháp, nơi ngoại cảnh như tư tưởng Chấp Có.

- Tuệ tri sự nguy hiểm : Vị ngọt Vô thường, Vô ngã, nếu thích thú vị ngọt thì sẽ nắm giữ, ràng buộc với vị ngọt, nên khi vị ngọt biến hoại, biến diệt, mất đi, sầu bi khổ ưu não sẽ khởi lên. Nếu không tham ái vị ngọt thì sẽ không nắm giữ, không ràng buộc thì khi vị ngọt biến hoại, biến diệt, mất đi, sầu bi khổ ưu não không thể khởi lên. Đây là nguy hiểm, tham ái vị ngọt là nguy hiểm vì nó đưa đến khổ, nó là Nhân sanh Khổ. Tham ái sẽ phát sinh sự tìm cầu vị ngọt, phát sinh lao tâm khổ trí, phát sinh ra tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, phát sinh sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, do vậy phát sanh sầu bi khổ ưu não. Vì tham ái vị ngọt mà cha con tranh đoạt nhau, vợ chồng tranh đoạt nhau, anh em tranh đoạt nhau, dòng họ tranh đoạt nhau, đất nước

tranh đoạt nhau... Vì tham ái vị ngọt mà có biết bao lừa đảo, phá sản, đâm chém, cướp giết, tàn sát nhau bằng gươm giáo, súng đạn, hay bằng miệng lưỡi. Vì tham ái vị ngọt mà người ta chế tạo bom nguyên tử để huỷ diệt nhau, phát minh ra các chất gây nghiện để đầu độc nhau, phát minh ra các chất kích thích động, thực vật để huỷ hoại nhau. Vì tham ái vị ngọt mà hoa hậu đi bán dâm, con trai giao cấu với mẹ đẻ, bố hiếp dâm con gái ruột của mình. Tất cả những tội ác và khổ đau trên cõi đời này là do tham ái vị ngọt. Tham ái vị ngọt là động lực phát minh, phát triển của nhân loại nhưng nó không đưa con người tới Giác Ngộ và Giải Thoát mà nó đưa loài người đến Nô Lệ và Tự Huỷ Diệt. Kể cả vị ngọt là hỷ lạc nội tâm khi an trú Sơ thiền, đó là hỷ lạc do ly dục sanh, khi an trú Nhị thiền, đó là hỷ lạc do định sanh, khi an trú Tam thiền, đó là lạc do xả niệm lạc trú, khi an trú Tứ thiền, đó là hiện tại lạc trú do xả niệm thanh tịnh, nếu tham ái và nắm giữ thì đó vẫn là sự nguy hiểm, vì khi tu tập trông ngóng nó, không đạt được nó, thì sầu bi khổ ưu não vẫn khởi lên. Trong lời dạy chính yếu của Đức Phật, Nguyên nhân Khổ là "khát ái tìm cầu hỷ lạc (hạnh phúc, vị ngọt) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái và Phi Hữu ái" mà không đề cập tới Sân và Si. Nhưng trong kinh điển rất nhiều chỗ thuyết minh Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si. Sự thực là khi mất đi vị ngọt hoặc không có vị ngọt, lúc đó đối diện với Khổ thọ hoặc Bất khổ bất lạc thọ, thì không có Tham mà có Sân đối với Khổ thọ, có Si đối với Bất khổ bất lạc thọ cũng là nhân phát sinh khổ, vì vậy nếu nói cô đọng Nguyên nhân Khổ là Tham ái, nói một cách chi tiết thì Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si.

- Tuệ tri sự xuất ly : Nếu khi thấy, nghe, cảm nhận một đối tượng và hiểu biết về "tuệ tri vị ngọt, tuệ tri sự nguy hiểm" khởi lên tức là Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên thì đó là nhiếp phục, nhân duyên khởi lên Tham Sân Si. Khi thực hành Bát Chánh Đạo, Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên " tuệ tri vị ngọt, tuệ tri sự nguy hiểm" như vậy, sẽ nhiếp phục (đưa đến đoạn diệt) nhân duyên phát sinh Tham Sân Si, thì cũng thấy biết như thật không có Tham đối với Lạc thọ, không có Sân đối với Khổ thọ, không có Si đối với Bất khổ bất lạc thọ. Đây là tuệ tri sự xuất ly của Thọ, cũng là tuệ tri Khổ Diệt hay tuệ tri Niết Bàn. Ví như một đứa trẻ hai tuổi, khi thấy hòn than lửa đỏ, hiểu biết về sự nguy hiểm, cầm lấy hòn than lửa đỏ là bỏng tay, rất khổ, không khởi lên, nên nó sẽ

cầm lấy hòn than lửa đỏ. Một người lớn có kinh nghiệm, biết được sự nguy hiểm, thì khi thấy hòn than lửa đỏ, hiểu biết về sự nguy hiểm, cầm lấy hòn than lửa đỏ là nguy hiểm, là bồng tay khởi lên và do vậy sẽ không lấy tay cầm lấy hòn than lửa đỏ như đứa trẻ hai tuổi. Hoặc một người đang khát, nhìn thấy một cốc nước lọc trên bàn, nếu hiểu biết khởi lên, cốc nước này ngon lành thì người đó sẽ uống, nếu hiểu biết về sự nguy hiểm khởi lên, trong nước này có độc tố, uống vào là chết, thì người đó dù khát cháy cổ, vẫn không uống. Cũng y như vậy, Ý thức Chánh Tri Kiến, Trí Tuệ, hay Minh này " tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly" được tu tập, được làm cho viên mãn bởi Văn - Tư - Tu, thì khi thấy, nghe, cảm nhận một đối tượng, hiểu biết về Nguyên nhân Khổ, hiểu biết về sự nguy hiểm " nếu có Tham Sân Si với đối tượng đó thì sẽ có sầu bi khổ ưu não" khởi lên, thì Tham Sân Si không thể nào khởi lên được nữa. Như vậy chỉ khi nào thấy, nghe, cảm nhận đối tượng mà có mặt Trí Tuệ: "tuệ tri vị ngọt, tuệ tri sự nguy hiểm" thì lúc đó mới viễn ly, ly tham các pháp.

Minh hay Trí Tuệ "tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly" này được tu tập theo lộ trình Văn - Tư - Tu sẽ dần dà trở nên viên mãn và khi đã viên mãn, nó sẽ xoá bỏ Vô minh đưa đến giải thoát tối hậu, đưa đến quả A La Hán.

Trong Đại Kinh Khổ Uẩn thuộc Trung Bộ Kinh, Đức Phật đã phân biệt đặc thù của các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo với Như Lai và đệ tử Như Lai là ở " tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly". Đức Phật đã giảng:

- Nay các Tỷ kheo, các du sĩ ngoại đạo nói như vậy cần được trả lời như sau: "Chư Hiền, thế nào là vị ngọt các dục ? Thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các sắc pháp, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly ? Thế nào là vị ngọt các cảm thọ, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly?". Nay các Tỷ kheo, khi được hỏi vậy, các Du sĩ ngoại đạo không thể trả lời được và sẽ bị mắc vào các khó khăn khác. Vì sao vậy? Nay các Tỷ kheo, vì vấn đề này không thuộc khả năng hiểu biết của họ. Nay các Tỷ kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới này với chư Thiên, Ma ra, Phạm thiên, với chúng Sa môn, Bà la môn, với chư Thiên và loài Người, mà câu trả lời các câu hỏi này được chấp nhận, ngoài Như Lai, đệ tử Như Lai

và những ai được nghe hai vị này.

Vậy thì những ai tự nhận mình là đệ tử của Đức Phật hãy thận trọng, hãy cảnh giác: chừng nào mà "tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly" chưa được tìm hiểu, chưa được tư duy, chưa được tu tập, đang bị nhồi sọ bằng các tư tưởng, các pháp là Thật hay Giả có, thì chỉ là đệ tử của ngoại đạo mà thôi. Cũng trong Đại Kinh Khổ uẩn Đức Phật khẳng định ở cuối kinh :

- Nay các Tỷ kheo, những Sa môn, Bà la môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ cũng không thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy không xảy ra. Nay các Tỷ kheo, những Sa môn, Bà la môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có xảy ra.

Lời dạy này của Đức Phật cũng có thể đưa đến khẳng định rằng : một vị Thiên sư cho dù nổi tiếng, lỗi lạc cỡ nào đi nữa nhưng nếu họ không như thật " tuệ tri vị ngọt, tuệ tri sự nguy hiểm và tuệ tri sự xuất ly" thì họ sẽ không giảng dạy, hướng dẫn là hướng dẫn, khuyến khích người khác "tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly". Hãy cẩn trọng, kể cả những Thiên sư như vậy, được cho là lỗi lạc, nổi tiếng, có thể vẫn lạc lối khỏi con đường Giác Ngộ và Giải Thoát.

THẤT THÁNH TÀI HAY BẢY TÀI SẢN CỦA BẠC THÁNH

Thất Thánh tài là bảy tài sản của bậc Thánh. Trong Phật giáo có bậc Thánh vô học đạo tức bậc Thánh A la hán và bậc Thánh hữu học đạo bao gồm : Bậc Thánh Nhập Lưu, Nhất Lai và Bất Lai. Thất Thánh tài là bảy tài sản thuộc về bậc Thánh hữu học. Đối với bậc Thánh hữu học tại gia gồm: Tín - Giới - Tâm - Quý - Văn - Thí - Tuệ. Đối với bậc Thánh hữu học xuất gia gồm: Tín - Giới - Tâm - Quý - Văn - Tinh Tấn - Trí Tuệ. Tuy nhiên kẻ phàm phu cũng có Tín Giới Tâm Quý Văn Thí và hiểu biết nhưng đó không phải là tài sản của bậc Thánh, không phải là những thứ quý báu, vì nó không phải là hành trang của Hành Giả trên con đường Giác Ngộ. Vậy thì Tín Giới Tâm Quý Văn Thí Tuệ của bậc Thánh khác nhau với Tín Giới Tâm Quý Văn Thí Hiểu biết của phàm phu như thế nào?

1 - **Tín tài sản của bậc Thánh:** đó là đức tin do có hiểu biết đúng như thật về Đức Phật, về Giáo Pháp, về chư Tăng mà khởi lên. Đức tin đó gọi là Chánh Tín bao gồm:

- Chánh tín về Phật: Đức Phật là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

- Chánh tín về Pháp: Pháp mà Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng là Thiết thực hiện tại, Đến để mà thấy, Không có thời gian, Có tính hướng thượng, Cho người trí tự mình giác hiểu.

- Chánh tín về Tăng: Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chân chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn nghĩa là có bốn đôi và tám bậc. Chúng Tăng đệ tử của Đức Thế Tôn đáng được lễ bái, đáng được chấp tay, đáng được cúng dường, là phước điền vô thượng ở đời.

Một người nếu có đầy đủ ba loại chánh tín như vậy, thì người đó là một bậc Thánh nhập lưu. Trong Tương ưng bộ kinh thuộc văn hệ PaLi có khẳng định: Một người có Chánh tín về Phật, về Pháp, về Tăng như vậy, nếu muốn người ấy có thể tự tuyên bố về mình: Ta đã là bậc Thánh nhập lưu, không còn đoạ lạc vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, địa ngục, ta chỉ còn tái sinh trong cõi trời và cõi người tối đa là bảy lần nữa thì sẽ giác ngộ.

Tín, tài sản của bậc Thánh là như vậy, nó khác hẳn với Tín của người Phật tử còn phàm phu. Người Phật tử còn phàm phu cũng có Đức tin về Phật, về Pháp, về Tăng nhưng là đức tin phát sanh do hiểu biết sai lạc về Phật, về Pháp, về Tăng, xem Phật như là một đấng thần linh có quyền ban vui giáng họa, xem Tam bảo như một đối tượng để cầu xin, van vái, mặc cả, tụng kinh, sám hối với mục đích để hết bệnh tật, để có tài lộc dồi dào, để công việc làm ăn được hanh thông ...vv. Đức tin như vậy gọi là Mê tín.

2 - Tài sản thứ hai của bậc Thánh là giới: Bậc Thánh hay người Phật tử còn phàm phu cũng thọ trì và thực hành các học giới (có thể là Năm giới, Tám giới, Mười giới hay giới của Tỷ kheo) nhưng bậc Thánh thọ trì và thực hành các học giới với Trí tuệ tức với hiểu biết : sự thực hành giới là tạo duyên cho Chánh Niệm khởi lên và khi Chánh Niệm khởi lên thì lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ khởi lên theo định luật Duyên Khởi. Và chỉ lộ trình tâm Bát Chánh Đạo mới đoạn trừ tham, đoạn trừ sân, đoạn trừ si. Bậc Thánh thực hành các học giới với mục đích đoạn trừ Tham Sân Si. Kẻ phàm phu tuy cũng thực hành các học giới nhưng với mục đích để có được mạnh khỏe, sống lâu, vô bệnh, để được giàu có, thành đạt, danh tiếng, để sau khi chết được sinh cõi trời, để không bị đoạ địa ngục ... hoặc thực hành với sự chấp thủ giới và biến giới luật vốn là phương tiện để đoạn tận Tham, đoạn tận sân, đoạn tận si thành giới cấm thủ.

3 - Tài sản thứ ba của bậc Thánh là Tàm: Tàm là thuật ngữ Phật học tiếng Hán và nếu hiểu theo nghĩa tiếng Việt thì Tàm là xấu hổ hay hổ thẹn.

4 - Tài sản thứ tư của bậc Thánh là Quý : quý theo nghĩa tiếng Việt là sợ hãi. Tàm và Quý là hổ thẹn và sợ hãi sẽ được

thuyết minh chung vì ý nghĩa hai phẩm tánh này cũng gần giống nhau.

Kẻ phàm phu cũng có Tàm và Quý và nó khởi lên liên tục nhưng tàm quý của kẻ phàm phu không phải là thứ tài sản đáng quý bởi cái hổ thẹn và sợ hãi đó khởi lên do Tham Sân Si .Khi mặc một cái áo rách ra đường cũng hổ thẹn, gia cảnh nghèo hèn cũng hổ thẹn, cha mẹ xuất thân nghèo nàn cũng hổ thẹn, thua kém người khác cũng hổ thẹn, ăn cắp bị bắt quả tang cũng hổ thẹn, ngoại tình bị bắt quả tang cũng hổ thẹn, mất chức cũng hổ thẹn... Sợ hãi thì vô biên không kể xiết: sợ gió mưa bão lụt, sợ bệnh tật, sợ chết, sợ mất tài sản, sợ mất danh tiếng, sợ chiến tranh, sợ cãi cọ gây gổ ...vv. Hổ thẹn và sợ hãi của kẻ phàm phu chất chồng đau khổ, nó từ Tham Sân Si mà khởi lên và nó lại làm cho Tham Sân Si tăng trưởng.

Bậc Thánh hữu học đang tu tập Bát Chánh Đạo để đoạn trừ Tham Sân Si nhưng chưa đạt được mục đích như các bậc A la hán, nên khi không có Chánh Niệm thì Tà Niệm khởi lên, lúc đó lộ trình tâm Bát Tà Đạo sẽ khởi lên theo định luật duyên khởi và lúc đó Tham Sân Si sẽ khởi lên. Lúc có Chánh Niệm trở lại bậc Thánh sẽ hổ thẹn và sợ hãi vì đã dễ dãi nên bị Tham Sân Si chi phối. Một vị xuất gia là bậc Thánh hữu học khi bị Tham Sân Si chi phối, lúc có Chánh Niệm trở lại, vị ấy sẽ thốt lên: Thật đáng hổ thẹn cho ta, thật đáng ghê sợ cho ta, thật khốn nạn cho ta, ta xuất gia từ bỏ gia đình, tài sản sống không gia đình, không tài sản để đoạn trừ Tham, để đoạn trừ Sân, để đoạn trừ Si, để có thể chấm dứt khổ đau nhưng tham vẫn xâm chiếm tâm ta, sân vẫn xâm chiếm tâm ta, si vẫn xâm chiếm tâm ta, Dục tầm, Sân tầm, Hại tầm vẫn xâm chiếm tâm ta, thật là khốn nạn cho ta, thật là đau đớn cho ta. Tàm Quý khi bị Tham Sân Si chi phối mới là Tàm Quý của bậc Thánh, nó là tài sản đáng quý, là hành trang trên con đường giác ngộ.

Bậc Thánh có tàm quý khi bị Tham sân Si chi phối vì các vị đã có hiểu biết đúng như thật về Tham Sân Si (Tuệ tri Tham Sân Si), biết như thật Tham Sân Si là nguyên nhân phát sinh đau khổ . Kẻ phàm phu không tuệ tri Tham sân si, không biết Tham sân si là nhân phát sinh đau khổ mà hiểu biết sai lạc rằng tham sân si đưa đến thành công, đưa đến lợi lộc, đưa đến giàu sang, đưa đến hạnh phúc ...vv nên khi bị tham sân si chi phối đã không có

Tâm Quý mà còn tán thưởng nên bị Tham Sân Si cuốn trôi trong khổ đau và luân hồi sinh tử. Kẻ phàm phu hiểu biết rằng nếu không có yêu thích Sắc đẹp, Tiếng hay, Hương thơm, Vị ngon, Xúc chạm êm ái, tức không có Dục ái thì lấy đâu ra lý tưởng, lấy đâu ra động lực để mà làm giàu, để mà phát minh ra thứ này, thứ kia, để mà tích lũy thứ này, thứ kia, để mà tận hưởng được niềm vui, hạnh phúc lạc thú. Nếu không có Dục ái tức Tham ái dục lạc thì xã hội sẽ ngừng lại, sẽ không còn phát triển. Nếu không có Tham ái sự sống, sự hiện hữu gọi là Hữu ái thì không còn khao khát sống, không có nỗ lực cố gắng để vượt qua mọi cay đắng gian truân của cuộc mưu sinh, không có động lực để nghiên cứu phát minh ra các loại thuốc chữa trị các căn bệnh của loài người. Nếu không có Sân thì sẽ không có được những nỗ lực cố gắng, không có được những hành động quyết liệt để giành giật lấy những niềm vui, hạnh phúc, lạc thú, để bảo vệ được những niềm vui hạnh phúc lạc thú đã có ... Có những ông bố, bà mẹ khi đưa con vừa khóc vừa mếu máo: tội kia nó đánh con, nó chửi con thì quát lên : sao mày ngu thế, nó chửi mày mà mày không có miệng chửi lại nó à, nó đánh mày mà mày không có tay để đánh lại nó à? Chính những hiểu biết này về Tham Sân Si được lưu giữ trong kho chứa tri thức hiểu biết của nhân loại và khi lộ trình tâm Bát tà đạo của phàm phu khởi lên, hiểu biết Vô minh đó được khởi lên và chi phối đời sống của kẻ phàm phu. Hiểu biết không đúng sự thật về Tham Sân Si như vậy gọi là Vô Minh và nó là tấm màn che, che không cho kẻ phàm phu thấy được sự thật Tham Sân Si là nhân phát sinh đau khổ. Quả thật cái sự thật này (tham sân si là nhân phát sinh đau khổ) là pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt qua mọi tư duy lý luận suông, tế nhị chỉ người trí mới có khả năng giác hiểu. Chính vì vậy mà Tâm và Quý của bậc Thánh và phàm phu khác nhau là vậy.

5 - Tài sản thứ năm của bậc Thánh là Văn: gọi được gọi là Thanh Văn theo nghĩa tiếng Việt là nghe âm thanh của Phật hoặc nghe giảng hoặc đọc lời giảng dạy của Phật còn lưu truyền qua kinh điển. Bậc Thánh nghe nhiều, hiểu rộng nhưng sự nghe nhiều, hiểu rộng chỉ dừng lại trong phạm vi Giáo Pháp. Bốn mươi lăm năm thuyết pháp Đức Phật chỉ nói về Lý Duyên Khởi và Tứ Thánh Đế theo các cách thức và các khía cạnh khác nhau mà thôi mà tóm tắt lại là : Đức Phật chỉ nói về Sự thật Khổ và Sự thật

chấm dứt Khổ. Nghe nhiều hiểu rộng về Giáo Pháp là tài sản, là hành trang của bậc Thánh đưa đến sự thực hành, đưa đến lối sống của bậc Thánh. Ví như nếu không nghe nhiều, hiểu rộng thì sẽ không biết đến những câu này trong Tăng Chi bộ kinh: Đây là than khóc trong giới luật bậc Thánh, tức là ca hát ngâm vịnh, đây là điên loạn trong giới luật bậc Thánh tức là nhảy múa, đây là trẻ con trong giới luật bậc Thánh tức là cười hô hố, cười ha hả, cười để lộ cả hai hàm răng và sẽ không có Tàm Quý khi mắc phải các lỗi lầm này. Bậc Thánh nhờ nghe nhiều hiểu rộng nên khi lỡ phạm những điều này thì Tàm Quý sẽ khởi lên và chắc chắn lỗi lầm ấy sẽ được đoạn tận trong tương lai. Nghe nhiều hiểu rộng của bậc Thánh là tài sản quý báu vì nó sẽ đưa đến đoạn tận Tham Sân Si. Kẻ phạm phũ cũng nghe nhiều hiểu rộng, kiến thức họ cũng rất uyên thâm và uyên bác nhưng cái kiến thức uyên thâm và uyên bác ấy lại là nhân cho sự chấp thủ Bản ngã và chỉ làm tăng trưởng Tham Sân Si mà thôi.

6 - Tài sản thứ sáu của bậc Thánh là Bồ thí đối với tại gia và Tinh Tấn đối với xuất gia:

Người Phật tử tại gia còn phạm phũ họ cũng thực hành bố thí nhưng hành vi bố thí của họ có thể với tài sản rất lớn nhưng đó không phải là tài sản đáng quý của bậc Thánh vì kẻ phạm phũ bố thí với tâm trói buộc, với tâm mong cầu về phước báo, bố thí với ý nghĩ ta và thân nhân của ta sẽ hưởng thọ kết quả trong đời này hoặc đời sau. Bồ thí như vậy không phải không có kết quả, nhưng kết quả bố thí với tâm như vậy thuộc về hữu lậu, thuộc phước báo đưa đến quả sanh y. Người đó có thể được mạnh khỏe, sống lâu, giàu sang, phú quý ... nhưng cũng chỉ ở trong luân hồi sinh tử, chỉ đổi cái khổ này lấy cái khổ khác, chỉ quanh quẩn nơi khổ mà thôi. Bậc Thánh tại gia bố thí với tâm không trói buộc, với tâm không mong cầu về phước báo, bố thí không với ý nghĩ ta và thân nhân ta sẽ hưởng thọ kết quả trong đời này hoặc đời sau mà bố thí với tâm buông xả, bố thí để đoạn trừ Tham Sân Si. Bồ thí như vậy không phải không có kết quả nhưng kết quả này thuộc vô lậu, thuộc siêu thế, thuộc đạo chi (thuộc chi phần của Bát Chánh Đạo). Bồ thí như vậy mới là tài sản đáng quý thuộc bậc Thánh.

Bậc Thánh hữu học xuất gia có sự tinh tấn tu tập Bát

Chánh Đạo. Sự tinh tấn này làm cho Bát Chánh Đạo khởi lên và nhiếp phục không cho Bát Tà Đạo khởi lên. Điều này đồng nghĩa với tinh tấn để ngăn điều ác không cho khởi lên, điều ác đã khởi lên được diệt trừ khi bát Tà Đạo được nhiếp phục và tinh tấn khởi lên điều thiện chưa khởi, tăng trưởng điều thiện đã khởi lên khi Bát Chánh Đạo được tu tập, cũng đồng nghĩa với tinh tấn đoạn trừ Tham Sân Si. Kẻ phàm phu cũng có tinh tấn nhưng tinh tấn đó do Tham Sân Si mà khởi lên. Ví như có rất nhiều người có được tinh tấn cao, hành thiền liên tục với mục đích có được thần thông, hoặc mục đích chữa được bệnh tật để sống lâu ...

7 - Tài sản thứ bảy của bậc Thánh là Trí Tuệ: Trí tuệ là hiểu biết đúng như thật các sự vật, hiện tượng (gọi là các pháp.), liễu tri các pháp, còn được gọi là Minh hay Chánh Tri Kiến trái ngược với hiểu biết của nhân loại là hiểu biết không đúng như thật các pháp, gọi là không liễu tri các pháp còn được gọi là Vô Minh hay Tà Tri Kiến. Ví như thấy quả ớt thì kẻ phàm phu khởi lên hiểu biết : quả ớt này cay. Với hiểu biết này " cay " là một pháp, cay là vật chất, cay sẵn có, thường xuyên có nơi quả ớt, cay thường hằng, thường trú nơi quả ớt, cay là của quả ớt. Như vậy đối tượng được biết, được nhận thức cay là vật chất, thường hằng thường trú và hữu chủ (quả ớt là chủ nhân của cay). Bậc Thánh có Trí Tuệ, liễu tri Lý Duyên Khởi có hiểu biết đúng sự thật về cay như sau : Quả ớt là một nhân và lưỡi là nhân thứ hai. Có đủ hai nhân đó nhưng chưa có sự tiếp xúc thì chưa có "cay" nào phát sinh cả. Khi hai nhân Căn và Trần tức Lưỡi và Quả ớt tiếp xúc với nhau thì lập tức phát sinh "cay". Đây là cay thật mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được, và "cay" này là Cảm giác hay theo thuật ngữ Phật học là Cảm thọ, nó thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Vật. Xúc sanh Cảm giác cay sanh, Xúc diệt Cảm giác cay diệt. Cảm giác cay sinh lên rồi diệt đi theo duyên Xúc, nó Vô thường, không sẵn có, không luôn luôn có, không thường hằng, không thường trú nơi quả ớt. Cảm giác cay do lưỡi và quả ớt tiếp xúc mà sinh ra nên lưỡi và quả ớt không phải là chủ nhân, chủ sở hữu của Cảm giác cay. Cảm giác cay là Vô chủ cũng có nghĩa là Vô ngã (không có cái Ta chủ nhân, chủ sở hữu cảm giác cay). Hiểu biết về cay của nhân loại là không đúng với sự thật, là Vô minh, điên đảo, tà kiến và cũng hiểu biết tương tự như vậy với tất cả các sự vật hiện tượng trong đời sống hàng ngày đặc biệt là hiểu biết vô minh, điên đảo, tà kiến về Khổ Tập Diệt Đạo. Hiểu

biết vô minh,điên đảo,tà kiến này phát sinh trên vô minh gốc là Tâm biết Cảnh (cái biết là Tâm và đối tượng được biết Cảnh : Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần) với nội dung Thường kiến và Ngã kiến. Trí thức nhân loại cho dù sâu rộng bao nhiêu thì cũng chỉ là vô minh,điên đảo, chấp Thường, chấp Ngã mà thôi. Những sự việc hàng ngày cuộc sống như "cay" mà còn không biết đúng sự thật, mà còn biết một cách điên đảo hướng chỉ những thứ không tiếp xúc trực tiếp được thì còn điên đảo ở mức độ nào?

Trí tuệ của bậc Thánh gồm ba cấp độ: trí tuệ do nghe giảng hay đọc kinh điển mà có được gọi là Văn Tuệ, bao gồm hiểu biết như thật về Lý Duyên khởi, về Vô thường, về Vô ngã,hiểu biết như thật về Khổ Tập Diệt Đạo. Trí tuệ do tư duy về những điều đã học gọi là Tư Tuệ. Trí Tuệ khởi lên, (tức những hiểu biết như thật đã được học, đã tư duy) khi thực hành Bát Chánh Đạo gọi là Tu Tuệ và chính Tu Tuệ đưa đến chứng ngộ và an trú Tuệ Giải Thoát. Trí Tuệ này được tu tập, được làm cho viên mãn mới xoá bỏ hoàn toàn Vô Minh đưa đến quả vị A La Hán.

Một người Phật tử tại gia hoặc xuất gia có thể suy xét một cách thận trọng và tự thấy tự biết mình có đầy đủ hay chưa có Thất Thánh tài và có thể tự biết mình đã là bậc Thánh hay chưa. Nếu đã có Thất Thánh tài hãy hoan hỷ trong sự tu tập để có được giải thoát tối hậu, nếu chưa hãy nỗ lực trong Pháp học và Pháp hành để có được Thất Thánh tài.

BẠC THÁNH ALAHAN CÓ THẤT THÁNH TÀI KHÔNG?

Khi Trí Tuệ được tu tập được làm cho viên mãn, lúc đó các thông tin "Vô Minh, Ta, của Ta" trong kho chứa "tri thức hiểu biết" được lưu giữ từ vô thủy bị xoá bỏ hoàn toàn. Đây là sự đoạn diệt không còn dư tàn cái nhân của hiểu biết vô minh, điên đảo, của Thường Kiến, Ngã Kiến, đoạn tận không có dư tàn cái nhân của Tà Niệm, cái nhân của lộ trình tâm Bát Tà Đạo, cái nhân của Tham Sân Si, của sầu bi khổ ưu não, của luân hồi sinh tử. Đây là sự đột chuyển trong "thăm sâu tâm thức", đây cũng là sự thành đạt đạo quả A La Hán. Khi đột chuyển xảy ra ai cũng tự thấy, tự biết "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui cuộc đời này nữa". Đây là Chánh Trí khởi lên nơi vị ấy. Đối với vị A La Hán lộ trình tâm duy nhất là Bát Chánh Đạo:

Xúc - Thọ (Cảm giác) - Tưởng - Chánh Niệm - chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tĩnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Như lý tác ý - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Đối với vị A la hán như vậy bảy tài sản của bậc Thánh hữu học cũng được bỏ lại bờ bên này, thuộc về Thế gian.

1 - **Tín** : đối với vị A la hán không còn Đức tin, không còn Chánh tín về Phật, về Pháp, về Tăng nữa vì vị ấy đã đến đích, đã tự mình thấy Phật, thấy Pháp, thấy Tăng. Khi đang tin nghĩa là chưa thấy, khi thấy rồi thì không còn tin nữa. Ví như một người ở Hà nội chưa đến TP Hồ Chí Minh được người bạn giới thiệu về chùa Bửu Quang ở phường Bình Chiểu, Q Thủ Đức và người đó tin có ngôi chùa Bửu Quang. Nay người đó đi vào TP Hồ Chí Minh và đến chùa Bửu Quang, nếu lúc này tại chùa Bửu Quang hỏi người đó: Anh tin có chùa Bửu Quang hay anh thấy chùa Bửu Quang?. Chắc chắn người đó sẽ trả lời: Tôi thấy chùa Bửu Quang chứ không trả lời tôi tin có chùa Bửu Quang. Lúc còn ở

Hà nội anh ta chưa thấy nên tin có chùa Bửu Quang, nay anh thấy chùa Bửu Quang thì niềm tin có chùa Bửu Quang không còn nữa.

2 - **Giới** : Đối với bậc Thánh hữu học, thực hành giới để đoạn tận Tham, đoạn tận Sân, đoạn tận Si, nhưng vị A la hán đã đoạn tận Tham, đã đoạn tận Sân, đã đoạn tận Si nên vị ấy không còn phải thực hành các học giới và vì vậy giới không còn là tài sản của vị ấy. Nhưng trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của vị ấy có Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng do Chánh Tri Kiến là Trí Tuệ khởi lên nên người ngoài thấy giới luật của vị ấy hoàn hảo.

3 - **Tàm**: đối với bậc Thánh Alahan không có bất kỳ một sự xấu hổ nào về lời nói, hành động hay ăn uống, không có xấu hổ khi đến gặp bất kỳ người nào, hội chúng nào bởi các vị không còn Ngã mạn (Ta hơn, Ta kém hay Ta bằng).

4 - **Quý**: bậc Thánh A la hán không còn sợ hãi bất kỳ một điều gì, Tham Sân Si đã đoạn tận không còn sợ bị nó chi phối nữa, không còn sợ hãi khổ đau, không còn sợ hãi luân hồi sinh tử, không còn sợ hãi sống chết...

5 - **Văn** : A la hán là bậc Thánh vô học, nghĩa là không còn phải nghe giảng hay nghiên cứu bất kỳ một điều gì nữa. Vị ấy không cần biết thế giới là như thế này hay là như thế kia, hữu biên hay vô biên ... Vị ấy đã đến đích, đã giải thoát nhờ "Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ".

6 - **Tinh Tấn** : Tinh tấn của bậc Thánh hữu học với mục đích đoạn diệt điều ác đã sinh khởi, ngăn chặn điều ác chưa sinh khởi, làm cho điều thiện chưa sinh khởi được khởi lên, điều thiện khởi lên được viên mãn. Đối với vị A la hán, điều ác phát sinh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo đã được đoạn tận, điều thiện phát sinh trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên một cách tự nhiên không cần đến tinh tấn nữa. Tuy nhiên trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo vẫn có Chánh Tinh Tấn nhưng nó không phải là tài sản, nó thuộc vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

7 - **Trí Tuệ**: Bậc Thánh A la hán không còn phải tu tập Văn Tuệ, không còn phải tu tập Tư Tuệ, không còn phải tu tập Tu Tuệ nhưng trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của vị ấy vẫn có Chánh Tri Kiến là Trí Tuệ nhưng giờ đây được gọi là Chánh Trí, nó không còn là đích đến như một vị hữu học. Đây cũng là ý nghĩa của câu: Đã đến bờ bên kia thì Chánh Pháp còn buông bỏ huống hồ là Phi Pháp. Tuy vị A la hán có Chánh Giải Thoát gồm: Không Giải Thoát, Vô Tướng Giải Thoát, Vô Tác Giải Thoát nhưng đây là pháp vô vi, là Niết Bàn không phải là pháp hữu vi nên không phải là tài sản của bậc A la hán. Thành đạt đạo quả A la hán cũng đồng nghĩa với buông xả tất cả tài sản vật chất cũng như tài sản tinh thần.

THAN KHÓC TRONG GIỚI LUẬT BẠC THÁNH

Có ba sự việc mà Tăng Chi Bộ Kinh đã đề cập mà người Phật tử phải nghiêm túc suy ngẫm, đó là than khóc trong giới luật bậc Thánh, điên loạn trong giới luật bậc Thánh và trẻ con trong giới luật bậc Thánh.

- Thế nào là than khóc trong giới luật bậc Thánh? Đó chính là : ca hát ngâm vịnh. Một người đệ tử của bậc Thánh hoặc tự nhận mình là đệ tử của bậc Thánh mà lại ca hát ngâm vịnh, tìm cầu ca hát ngâm vịnh, thích thú ca hát ngâm vịnh, sáng tác để cho người khác ca hát ngâm vịnh thì kẻ đó đang than khóc trong giới luật bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì khi làm như vậy kẻ đó tham đắm và tìm cầu niềm vui, hạnh phúc của ca hát ngâm vịnh. Đích thị đó là Tham Dục dẫn cho đó là niềm vui hạnh phúc tinh thần thanh cao hơn niềm vui hạnh phúc vật chất.

- Thế nào là điên loạn trong giới luật bậc Thánh ? Đó là nhảy múa. Đệ tử bậc Thánh mà nhảy múa, tìm cầu nhảy múa, thích thú nhảy múa, sáng tác để người khác nhảy múa là điên loạn trong giới luật bậc Thánh. Vì sao vậy ? Vì đó là Tham Dục, tham đắm và tìm cầu niềm vui, hạnh phúc trong nhảy múa. Dẫn cho luyện tập võ nghệ, cung kiếm, hay bất kỳ một hình thức tu tập nào sử dụng nhảy múa mà đạt được nhất tâm, đạt được định thì nhất tâm ấy là nhất tâm do Tà Niệm, định ấy là Tà Định vì nhất tâm và định ấy do Tham Dục mà khởi lên.

- Thế nào là trẻ con trong giới luật bậc Thánh ? Đó là cười hô hố, cười hả hả, cười để lộ cả hàm răng. Trẻ con được nói trong ngữ cảnh này chỉ cho sự thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm trong sự tu tập giới luật bậc Thánh. Và tại sao cười hô hố, cười ha hả, cười để lộ cả hàm răng là trẻ con trong giới luật bậc Thánh ? Vì rằng đó là Tham Dục, là tham đắm mãnh liệt niềm vui, hạnh phúc khi giao tiếp, khi chuyện trò.

Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn thuyết giảng trong bốn mươi lăm năm cốt lõi chỉ nói về Tham Dục và sự đoạn trừ Tham Dục. Đức Thế Tôn đã dùng nhiều phương tiện để thuyết giảng các Dục vui ít khổ nhiều, náo nhiều mà nguy hiểm lại càng nhiều hơn để các đệ tử viễn ly, ly tham các Dục. Ngài đã ví Dục như khúc xương không, như miếng thịt sống, như cây sai trái, như bó đuốc rơm đi ngược gió, như đầu rắn hổ mạng, như hổ than hồng, như mũi tên nhọn, như ung nhọt, như món nợ ... Trong kinh Pháp Môn Căn Bản, bài kinh mở đầu và quan trọng nhất của Trung Bộ Kinh, Ngài đã khẳng định Dục Hỷ là căn nguyên của Khổ. Dục Hỷ là tham đắm và tìm cầu niềm vui, hạnh phúc. Dục hỷ những gì ? Đó là Dục hỷ Dục lạc, Dục hỷ Hữu và Dục hỷ Niết bàn, nghĩa là tham đắm và tìm cầu niềm vui hạnh phúc ở cuộc sống vật chất và tinh thần (Dục hỷ Dục lạc), tham đắm và tìm cầu niềm vui hạnh phúc ở sự sống, sự hiện hữu (Dục hỷ Hữu), tham đắm và tìm cầu niềm vui hạnh phúc tuyệt đối của các cảnh giới giải thoát (Dục hỷ Niết bàn). Như vậy Tham Dục (Dục hỷ) có ba lĩnh vực : Dục hỷ Dục lạc, Dục hỷ Hữu, Dục hỷ Niết bàn. Sự chấp thủ, sự ràng buộc vào ba lĩnh vực đó cũng có cường độ khác nhau. Sự ràng buộc vào Dục lạc ở cấp độ thấp nhất, cấp độ thứ hai là Dục hỷ Hữu và kinh khủng nhất là ràng buộc vào Dục hỷ Niết bàn. Ở cấp độ thấp nhất, trong sự ràng buộc vào Dục lạc thì ràng buộc vào hạnh phúc vật chất có vẻ như rất mãnh liệt nhưng thực chất nó không có thấm thía gì so với sự ràng buộc vào hạnh phúc tinh thần. Trong tiểu thuyết: Tiểu ngạo giang hồ, Kim Dung đã diễn tả điều này rất súc tích trong nhân vật Nhạc Bất Quần. Nhạc Bất Quần đã tự thiến mình để có thể luyện một thứ võ công với mục đích giành ngôi bá chủ giang hồ. Tự thiến mình là hy sinh, là từ bỏ hạnh phúc vật chất với mục đích bá chủ giang hồ chính là tìm cầu hạnh phúc tinh thần. Trong cuộc sống thường ngày của nhân loại, tương quan với các phương tiện vật chất, tương quan với môi trường, tương quan với các loài động vật không gây ra nhiều rắc rối, nhiều bức xúc, nhiều phiền não mà chính tương quan giữa con người với con người mới có nhiều rắc rối, nhiều bức xúc, nhiều phiền não gấp bội. Một người nếu có được một môi trường sống lý tưởng, đầy đủ tiện nghi, muốn gì có nấy nhưng nếu chỉ có một mình thì họ cũng không thể nào sống nổi. Đối với loài thú có lẽ hạnh phúc vật chất là quan trọng, nhưng đối với loài người thì hạnh phúc tinh thần quan trọng hơn nhiều và chính vì vậy mà tham đắm và tìm cầu hạnh phúc tinh thần, ràng buộc vào

hạnh phúc tinh thần mãnh liệt hơn rất nhiều so với hạnh phúc vật chất, và đau khổ do ràng buộc vào hạnh phúc tinh thần cũng nhiều nhất và tệ hại nhất so với đau khổ do ràng buộc với hạnh phúc vật chất.

Người tu nếu không nhận thức đúng về Dục hỷ, về Tham Dục họ có thể viễn ly, ly tham được hạnh phúc vật chất, họ có thể sống được với phương tiện vật chất tối thiểu, kham khổ chịu đựng, bằng lòng với cuộc sống vật chất ấy nhưng lại tìm kiếm một hạnh phúc tinh thần thanh cao nơi trời xanh mây trắng, gió hát thông reo, hạnh phúc nơi một lý tưởng cao siêu, nơi cứu độnhaan thế, nơi những điều kỳ diệu, màu nhiệm ... họ cũng có được sự giải thoát đối với cuộc sống vật chất, nhưng lại ràng buộc vào cuộc sống tinh thần còn mãnh liệt hơn. Đó là Tà Giải Thoát chứ không phải Chánh Giải Thoát. Các đạo sĩ loã thể đã từ bỏ cuộc sống vật chất và một số giá trị hạnh phúc thế gian nhưng họ không giải thoát vì họ đang đi tìm cầu một thứ hạnh phúc tuyệt đối khi rời bỏ thân xác, khi hoà nhập vào một Đại Ngã, một Thượng đế toàn năng. Đây cũng gọi là Dục hỷ Niết bàn, tham ái và tìm cầu một loại hạnh phúc tinh thần tuyệt đối.

Đức Phật đã chứng ngộ và giảng giải Tham Dục là tham ái và tìm cầu hạnh phúc cho dù là hạnh phúc vật chất hay tinh thần, tương đối hay tuyệt đối đều là nguyên nhân phát sinh Khổ. Điều này hoàn toàn trái ngược với hiểu biết của nhân loại, đi ngược lại các giá trị hạnh phúc của nhân loại nên con đường tới cái đích ấy cũng ngược đường với cuộc đời. Một vị đệ tử Phật cho dù được nghe như vậy, cho dù biết rõ các Dục vui ít khổ nhiều, não nhiều mà nguy hiểm lại càng nhiều hơn, cho dù là một bậc Thánh Nhập lưu đi nữa nhưng sự tu tập Bát Chánh Đạo của vị đó chưa chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền hoặc tứ thiền thì vị đó vẫn bị Dục lạc cuộc đời lôi cuốn và ràng buộc, vẫn than khóc trong giới luật bậc Thánh, vẫn điên loạn trong giới luật bậc Thánh, vẫn trẻ con trong giới luật bậc Thánh. Khi chứng ngộ và an trú sơ thiền hay nhị thiền, hay tam thiền, hay tứ thiền vị đó sẽ kinh nghiệm và an trú được hỷ lạc của sơ thiền, hỷ lạc của nhị thiền, lạc của tam thiền và xả niệm thanh tịnh của tứ thiền, vị đó mới tuệ tri được một loại lạc do Chánh Định phát sanh, một loại lạc không phải như Dục lạc, không phải vui ít, khổ nhiều, não nhiều mà nguy hiểm càng nhiều hơn, một loại lạc vô hại, mới biết như thật, đây

là Thánh lạc, Chánh giác lạc, an tịnh lạc. Khi chứng ngộ và an trú Chánh Định, có được Thánh lạc như vậy vị đó mới có chất liệu để so sánh với Dục lạc và mới tuệ tri được Dục lạc là Phàm phu lạc, ô uế lạc, bất tịnh lạc. Khi đã tuệ tri Dục lạc là Phàm phu lạc, ô uế lạc, bất tịnh lạc, vị ấy mới có thể viễn ly, ly tham Dục lạc, mới không còn bị chi phối bởi Dục lạc, mới không còn than khóc, điên loạn, trẻ con trong giới luật bậc Thánh.

Một đệ tử Phật khi tu tập Bát Chánh Đạo phải hiểu rõ ba trụ cột của lộ trình tâm Bát Chánh Đạo bao gồm : Chánh Niệm - Chánh Định - Chánh Kiến hay nói tắt là : Niệm - Định - Tuệ. Chánh Định không những đưa đến hiện tại lạc trú và nhờ hiện tại lạc trú mà có viễn ly, ly tham Dục lạc mà còn nhờ có Chánh Định mới khởi lên Chánh Tư Duy và do có Chánh Tư Duy mới phát sinh Chánh Kiến đưa đến giác ngộ Tứ Thánh Đế. Nếu sự tu tập mà không chứng ngộ và an trú được Chánh Định bao gồm : sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền thì lộ trình tâm Bát Chánh Đạo chưa khởi lên, chưa có thể kinh nghiệm Bát Chánh Đạo. Chỉ khi nào vị ấy chứng ngộ và an trú được cho dù chỉ sơ thiền thì khi đó mới kinh nghiệm được lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Chính vì vậy chứng ngộ và an trú Chánh Định, chứng ngộ và an trú sơ thiền trở lên là bước khởi đầu chứng ngộ và an trú lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế.

GIỚI KHÔNG SÁT SINH

Năm giới, Tám giới và Mười giới vốn đã có trong xã hội Ấn độ trước khi Đức Phật ra đời. Phật giáo ra đời đã tiếp thu những sự kiện đó của thời đại, nên trong Phật giáo có sự thực hành Năm giới, Tám giới, Mười giới. Tuy Đức Phật có tiếp thu, có chủ trương thực hành Năm giới, Tám giới, Mười giới nhưng mục đích và phương pháp thực hành các giới này lại khác xa, ngược lại với hiểu biết của các tôn giáo đương thời cũng như hiểu biết của nhân loại. Sự khác nhau về mục đích và phương pháp thực hành Năm giới, Tám giới, Mười giới của Đức Phật và ngoại đạo là ở chỗ nào ? Bài viết này chỉ đề cập tới sự khác biệt về mục đích và phương pháp thực hành giới không sát sinh giữa chủ trương của Đức Phật và Ngoại đạo, người đọc có thể qua đây liên hệ với các giới khác tương tự.

1 - Mục đích và phương pháp thực hành giới Không sát sinh theo ngoại đạo : Hiểu biết của nhân loại, cũng như của tất cả các tôn giáo (ngoại trừ lời dạy của Phật) là Tâm biết Cảnh hay nhị nguyên Tâm Cảnh, nghĩa là Cái biết là Tâm và đối tượng được biết là Cảnh. Cụ thể Tâm biết thường trú nơi Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý và đối tượng được biết là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần, nghĩa là những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới ngoại cảnh. Đặc điểm của cái biết nhị nguyên này là Thường kiến, Ngã kiến và Hướng ngoại. Với cái biết nhị nguyên này thì Khổ, Nguyên nhân Khổ, Sự chấm dứt Khổ, Con đường chấm dứt Khổ (Khổ Tập Diệt Đạo) đều ở nơi Ngoại cảnh, nơi Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Cụ thể:

- Khổ tồn tại nơi những hoàn cảnh khó chịu và trung tính như nghèo thiếu, lạc hậu, thất học, bệnh tật, thiên tai, áp bức, bất công ...

- Nguyên nhân Khổ là từ những hoàn cảnh khó chịu và trung tính trên mà đến với con người, nghĩa là Nguyên nhân Khổ nằm nơi ngoại cảnh.

- Sự chấm dứt Khổ xảy ra khi có Hạnh phúc, mà Hạnh phúc tồn tại trong những hoàn cảnh tốt đẹp như giàu có, mạnh khỏe, sống lâu, xinh đẹp, thành đạt ... nghĩa là nơi ngoại cảnh.

- Con đường chấm dứt Khổ là thay đổi hoàn cảnh khó chịu và trung tính bằng hoàn cảnh tốt đẹp.

Đây là hiểu biết về Khổ Tập Diệt Đạo của tất cả nhân loại, của tất cả các tôn giáo ngoại trừ hiểu biết của Đức Phật và Thánh đệ tử của Đức Phật. Hiểu biết về Khổ Tập Diệt Đạo theo kiểu Tâm biết Cảnh như vậy gọi là Vô Minh. Đời sống của nhân loại bao gồm rất nhiều lĩnh vực nhưng tất cả mọi lĩnh vực của đời sống nhân loại, đều bị chi phối bởi hiểu biết Vô Minh về Khổ Tập Diệt Đạo này. Do hiểu biết Vô Minh chi phối nên nhân loại tham ái và tìm cầu Hạnh phúc trong những hoàn cảnh tốt đẹp. Đó là tham ái và tìm cầu Hạnh phúc trong Sắc đẹp, Tiếng hay, Hương thơm, Vị ngon, Xúc chạm êm ái gọi là Dục ái. Đó là tham ái và tìm cầu Hạnh phúc trong sự sống, sự hiện hữu gọi là Hữu ái vì Vô minh cho rằng sống là Hạnh phúc, chết là đau khổ. Đó là tham ái và tìm cầu Hạnh phúc tuyệt đối ở các cảnh giới giải thoát khi không còn hiện hữu của thân xác gọi là Phi Hữu ái. Nói gọn lại, là do Vô Minh chi phối mà nhân loại có Dục ái, Hữu ái và Phi Hữu ái. Mọi lời nói, mọi hành động của nhân loại, của các tôn giáo là do tham ái Hạnh phúc ở Dục, ở Hữu, ở Phi Hữu với mục đích là tìm cầu để đạt được Hạnh phúc ở Dục, ở Hữu, ở Phi Hữu. Chính vì vậy mà mục đích thực hành giới Không Sát Sinh của ngoại đạo là do Tham ái. Họ thực hành giới không sát sinh để có được những quả báo là những hoàn cảnh tốt đẹp trong tương lai, để chấm dứt những hoàn cảnh tồi tệ, khổ đau của hiện tại. Cụ thể là Không sát sinh để có phước báu, để tương lai được mạnh khỏe, không bệnh tật, sống lâu, trường thọ, được thân tướng tốt đẹp, không đui què, khiếm khuyết các căn... Do tham ái sự sống (Hữu ái), xem sự sống là cao quý, kỳ diệu, màu nhiệm, sự sống đưa đến Hạnh phúc, chấm dứt sự sống là đau khổ nên họ thực hành Không sát sinh để bảo vệ sự sống của mình được trường tồn, để sự sống của muôn loài, của thế giới được trường tồn. Mục đích và phương pháp thực hành như vậy để tương lai có hạnh phúc trong những hoàn cảnh tốt đẹp và để bảo vệ sự sống của muôn loài là hướng ngoại, hướng đến thay đổi hoàn cảnh, là do Dục ái,

Hữu ái, Phi Hữu ái, nghĩa là do Tham Dục mà thực hành.

2 - Mục đích và phương pháp thực hành Không sát sinh theo chủ trương của Đức Phật : Hiểu biết đúng như thật mà Đức Phật thuyết giảng dựa trên sự giác ngộ của Ngài là do : "Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ". Trong nội dung của sự giác ngộ này có một nội dung là, cái biết là Tâm mà những đối tượng được biết cũng thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh. Do vậy Khổ Tập Diệt Đạo thuộc về phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh. Cụ thể:

- Khổ bao gồm Hoại khổ, Khổ khổ, Hành khổ phát sinh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu.

- Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si phát sinh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu.

- Sự chấm dứt Khổ là sự chấm dứt Tham Sân Si trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh.

- Con đường chấm dứt Khổ là Bát Chánh Đạo, nghĩa là thay đổi lộ trình tâm từ Bát Tà Đạo sang Bát Chánh Đạo.

Khổ Tập Diệt Đạo thuộc phạm trù Tâm chứ không phải thuộc về Cảnh nên muốn chấm dứt Khổ phải thay đổi Tâm để chấm dứt Tham Sân Si chứ không phải thay đổi Cảnh. Chính vì vậy mà mọi sự thực hành theo lời Phật dạy cho dù là Giới, là Định hay là Tuệ đều nhằm đoạn tận Tham Sân Si. Vì vậy mục đích thực hành Không sát sinh theo chủ trương của Đức Phật là để đoạn tận Tham Sân Si, để thanh lọc tâm, chứ không phải là để có phước báu, không phải để có hoàn cảnh tốt đẹp trong tương lai.

Kẻ Phàm phu sát sinh là do Tham, do Sân, do Si. Do tham ái tiền bạc, do tìm cầu tiền bạc mà làm nghề giết mổ ... đó là sát sinh do Tham. Tức tối giận dữ khi bị muỗi cắn, khi bị chuột phá hoại mùa màng mà giết hại ... đó là sát sinh do Sân. Ngày chủ nhật nghỉ không đi làm thì tổ chức nhau đi câu cá, bắn chim ... đó là đi tìm niềm vui trong sự giết hại, là sát sinh do Si. Người Phật tử thực hành Không sát sinh là để đoạn trừ các Tham Sân

Si đó. Trong Tăng Chi Bộ Kinh chương ba, phẩm ba pháp có nói : Thánh đệ tử suy tư đối với giới Không sát sinh như sau : Noi gương các bậc A La Hán, con từ bỏ sát sinh, bỏ trượng, bỏ kiếm, có tâm quý (xấu hổ, sợ hãi) đối với sát sinh ... Các bậc A La Hán đã đoạn tận Tham Sân Si, các Ngài là tấm gương về đoạn tận Tham Sân Si, về Giải Thoát, các Ngài không còn Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái, các Ngài sống trong hiện tại với tâm vắng lặng không còn truy tìm quá khứ, không còn ước vọng tương lai. Noi gương các vị A La Hán, thực hành giới Không sát sinh để đoạn tận Tham Sân Si, để sống bình an trong hiện tại, để chấm dứt tìm cầu Hạnh phúc trong những hoàn cảnh tốt đẹp ở tương lai. Đối với các bậc giác ngộ, Hữu ái, tham ái sự sống, tham sống sợ chết, là Nguyên nhân của Khổ, nguyên nhân của luân hồi tái sinh đưa đến đời sau, đưa đến khổ của Sinh Già Bệnh Chết trong tương lai, là điều đáng sợ hãi. Vì vậy những ai đã giác ngộ thì đều không còn xem sự sống là linh thiêng, là quý báu, là mầu nhiệm mà ai cũng biết chắc chắn rằng : còn hiện hữu, còn sống là còn khổ, cho dù khổ còn dư sót (Niết bàn hữu dư) đối với vị A La Hán so với khổ đã đoạn diệt giống như đất trên móng tay so với đất trên quả đất. Đối với vị A La Hán khi vị đó cảm nhận một cảm giác hơi thở tận cùng, cảm nhận một cảm giác sinh mạng (sự sống) cuối cùng thì tất cả mới đều trở thành thanh lương. Chính vì các bậc giác ngộ không còn tham ái, không còn ràng buộc vào sự sống của mình, nên các Ngài cũng không tôn sùng, ca ngợi, bảo vệ sự sống, không có chủ trương thực hành giới Không sát sinh để bảo vệ sự sống. Trong kinh điển không có một chỗ nào Đức Phật chủ trương phóng sanh để bảo vệ sự sống. Đức Phật giảng dạy có kiếp sau, có con đường đi đến kiếp sau. Đó là thực tại Thế gian, là lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu trong đó Vô Minh và Hữu ái là cha mẹ sinh ra chúng sinh, là tác giả của kiếp sau. Đa phần người học, không tiếp thu một cách đầy đủ, họ chỉ đi sâu vào có kiếp sau, vì điều này phù hợp với nhận thức Vô minh, sống bởi tương lai, nên họ tu hành để cho kiếp sau có được những hoàn cảnh tốt đẹp, đầy đủ phước báu, không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đức Phật không có khuyến khích, không có cổ vũ cho kiếp sau và con đường đi đến kiếp sau như các tôn giáo chủ trương để rồi tạo dựng, tích lũy phước báu cho kiếp sau, mà Ngài cảnh báo đó là con đường đi đến sợ hãi và khổ đau. Cái quan trọng mà Ngài giảng dạy và khuyến khích đệ tử thực hành là gì ? Đó là thực tại không có kiếp

sau và con đường đi đến thực tại không có kiếp sau. Đó chính là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, nơi vắng mặt Tham Sân Si, vắng mặt Vô Minh và Hữu ái, vắng mặt tác giả kiếp sau, vắng mặt kiếp sau.

Trong ba tham ái, bao gồm Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái là Nguyên nhân Khổ, thì Dục ái là cấp độ thấp nhất, Hữu ái mãnh liệt hơn rất nhiều, chính nó đưa đến luân hồi sinh tử, đưa đến khổ của Sinh Già Bệnh Chết, nhưng lại vi tế khó thấy, khó biết hơn rất nhiều so với Dục ái. Bởi do Hữu ái chi phối mà đa phần cho rằng : Phật giáo tôn sùng sự sống, yêu thích sự sống, ca ngợi sự sống, bảo vệ sự sống. Các bậc giác ngộ không có quan điểm như vậy. Nếu đọc kỹ Tạng Luật sẽ thấy, nếu một vị Tỷ kheo phạm tội giết người thì tội đó là một trong bốn trọng tội, phải bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn, là cấp độ thứ nhất của tội. Cấp độ thứ hai là các tội Tăng tàn gồm mười ba tội, trong đó thí dụ như tội " khởi dục rồi xúc chạm vào người nữ". Những tội này nghiêm trọng nên phải có hội đồng hai mươi một vị Tăng nghị tội, phán xử và sau khi vị đó thực hiện hình phạt xong thì hội đồng hai mươi một vị Tăng đó mới phục vị lại cho Tỷ kheo đó. Cấp độ thứ ba là Ưng xử đối trị, ví như tội tàng trữ y quá số lượng quy định, thì vị Tỷ kheo đó phải xả bỏ số y thừa rồi tìm một vị Tăng sám hối tội đã phạm. Cấp độ thứ tư là Ưng đối trị, nghĩa là những tội này chỉ cần tìm một vị Tăng sám hối tội đã phạm để ngăn ngừa trong tương lai. Trong những tội thuộc về Ưng đối trị có tội sát sinh các con vật không kể lớn bé. Bốn cấp độ tội như vậy nói lên, trong giới luật của Tỷ kheo không đề cao bảo vệ sự sống. Kể cả tự sát, tự mình huỷ diệt sự sống, không phải bao giờ Đức Phật cũng phê phán, cũng cho là có tội, mà tùy theo từng trường hợp cụ thể, có những trường hợp là có tội, có trường hợp Ngài nói không có tội. Trong Kinh Giáo Giới Channa, kinh số 144 thuộc Trung Bộ Kinh có đề cập tới một vị Tỷ kheo Channa bệnh nặng được Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Ma hácunda thăm hỏi. Qua câu chuyện đối đáp giữa vị Tỷ kheo đó với Ngài Xá Lợi Phất và Mahacunda, có thể biết được vị Tỷ kheo đã chứng đạo và vị đó bày tỏ ý định tự sát (đem lại con dao) vì không cần phải chịu đựng những cơn đau khốc liệt nữa. Tỷ kheo Channa đã tuyên bố : "Tỷ kheo Channa đem lại con dao không có phạm tội. Thừa Hiền giả Sa riputta, hãy thọ trì như vậy". Mặc cho sự can ngăn của hai Ngài, sau khi hai Ngài ra đi, vị Tỷ kheo Channa đã mang lại con

dao. Ngài Xá Lợi Phất đã thưa hỏi Đức Phật và Đức Phật đã trả lời : Trước mặt hai người, Tỳ kheo đó đã khẳng định, vị đó đem lại con dao mà không phạm tội. Ngài còn khẳng định: "Này Sa riputta, ai từ bỏ thân này và chấp thủ một thân khác, Ta nói rằng người đó có phạm tội. Tỳ kheo Channa không có chấp thủ như vậy. Tỳ kheo Channa đem lại con dao (cho mình) không có phạm tội".

Có một vấn đề liên quan là, tại sao Đức Phật KHÔNG CHỦ TRƯỞNG ĂN CHAY HAY ĂN MẶN ? Bởi cốt lõi của giáo lý Tứ Thánh Đế mà Đức Phật đã chứng tri và tuyên thuyết là Khổ phát sinh nơi nội tâm, Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si thuộc nội tâm chứ không ở ngoại cảnh nên sự chấm dứt khổ là chấm dứt Tham Sân Si ở nội tâm chứ không phải thay đổi ngoại cảnh. Vì vậy mặn hay chay là ngoại cảnh, không thể có giải thoát nơi thức ăn mặn hay chay. Giải thoát không phụ thuộc vào ĂN GÌ mà giải thoát hay ràng buộc là do ĂN NHƯ THẾ NÀO. Nếu ăn với Tà Niệm, với lộ trình tâm Bát Tà Đạo thì sẽ thích thú vị ngon, sẽ chán ghét vị dở, sẽ ràng buộc vào ngon dở, sẽ ràng buộc với thức ăn. Nếu ăn với Chánh Niệm, ăn với lộ trình tâm Bát Chánh Đạo thì sẽ không thích thú, không chán ghét với các cảm giác vị, không ràng buộc với cảm giác vị, không ràng buộc với bất kỳ một loại thức ăn nào, cho dù chay hay mặn. Nếu ăn được như vậy thì cao lương mỹ vị hay cơm không có muối, chay hay mặn, vị ấy vẫn thích nghi, vẫn ăn với tâm bình thản, không thích, không ghét (không tham, không sân) và đó là giải thoát, không ràng buộc với thức ăn. Một người khi chưa tu, thích thức ăn mặn, ghét thức ăn chay nhưng khi họ tu thì chuyển sang thích thức ăn chay, ghét thức ăn mặn. Đối với người đó, chỉ là thay đổi ngoại cảnh, thay đổi thức ăn từ mặn sang chay, còn tâm yêu ghét, tâm tham sân vẫn cứ y nguyên và vẫn ràng buộc với thức ăn, vẫn khổ trong ăn uống.

Có một vấn đề cần nhận thức thấu đáo để không đồng nhất ăn mặn với sát sinh. Khi một thức ăn dù là thịt cá hay rau củ đã được nấu chín thì trong nó không có sự sống, không phải là một sinh mạng, không phải là một hữu tình. Xét về sự sống, sinh mạng thì các thức ăn đã nấu chín như vậy cũng tương tự như các chất vô cơ, cũng giống như đường hay muối, không có sự sống, không có sinh mạng và ăn nó không phải là ăn "mạng" chúng sanh. Đang ăn thức ăn đã nấu chín như vậy mà nghĩ là

đang ăn sinh mạng chúng sinh thì đó là vọng tưởng điên đảo, là suy diễn tượng tượng ra cái không có thực, rồi bị nó ám ảnh. Đó cũng là một loại " hoang tưởng". Nghe sự thật như vậy, nhiều người ám ức thừa nhận, nhưng vì Kiến thủ, vì chấp thủ vào hiểu biết của mình họ đã quyết liệt đưa ra phản bác: "Tuy ăn mặn không trực tiếp sát sinh nhưng đang gián tiếp sát sinh". Khi tuyệt đối hoá như vậy, họ đã không nhìn vào sự thật: như vậy những người ăn chay cũng đang gián tiếp sát sinh. Lúa gạo, rau củ có được đều là sản phẩm liên quan đến sát sinh sâu bọ, côn trùng ... Một người cho dù không ăn bất kỳ một loại thức ăn nào, dù chay hay mặn thì cũng chưa phải là không trực tiếp và không gián tiếp sát sinh, là vì khi người đó uống nước, vì trong nước có vi trùng, có sinh mạng, nên nếu uống nước lã, hay đun sôi lên để uống thì họ đang trực tiếp sát sinh. Phản bác như vậy là đang tự mâu thuẫn với chính mình và như Kinh đã nói : họ đang tự chẻ đôi cái đầu mình ra, mà họ lại không biết. Một số người lại phản bác ăn chay mới phát sinh từ bi còn ăn mặn không thể có từ bi. Từ bi của các bậc giác ngộ không phải do thức ăn mà có, mà nó phát sinh do Trí Tuệ, do Minh, do thấu triệt Tứ Thánh Đế. Từ bi là sự thương cảm của các bậc giác ngộ đối với tất cả chúng sanh không kể hoàn cảnh nào, giàu hay nghèo, ngu hay trí, đạo Phật hay không phải đạo Phật ... vì rằng khi đã thấu triệt về Khổ và Nguyên nhân Khổ, thì thấy tất cả mọi hoàn cảnh, giàu hay nghèo, ngu hay trí, sang hay hèn đều đang khổ, và khổ đó là vì Vô minh và Tham ái trong nội tâm của mọi chúng sanh, chứ không phải vì hoàn cảnh. Từ bi là thương cảm cho con người bị Vô minh và Tham ái chi phối nên phải đắm chìm trong khổ, chứ không phải thương cảm hoàn cảnh khó khăn. Đa phần con người hiểu Từ bi là thương cảm cho những hoàn cảnh cơ nhỡ, khó khăn, không nơi nương tựa, tàn tật, nghèo đói... những hoàn cảnh không được may mắn như mình. Thương cảm đó không phải là xấu, nó đưa đến sự giúp đỡ người khác, nó có tính chất nhân văn, nhưng nó phát sinh trên hiểu biết Khổ và Nguyên nhân Khổ là hoàn cảnh khó khăn, tội tệ, trên hiểu biết có "Ta hơn, Ta kém, Ta bằng". Chỉ khi nào thấy họ kém hơn Ta, họ khổ hơn Ta mới thương cảm, còn họ sướng hơn ta, hoàn cảnh tốt hơn Ta thì không thương cảm mà ghen tỵ. Đó chính là hiểu biết nhị nguyên Tâm Cảnh, là Vô minh. Thương cảm theo hiểu biết như vậy cũng đưa đến sự giúp đỡ cho những hoàn cảnh khó khăn, nhưng về bản chất, nó chỉ thay cái khổ này bằng một khổ khác mà không

đoạn tận được khổ, giống như trong một vở bi kịch cổ điển đã nói: Trên những vết thương không thể nào chữa khỏi, tôi đã trải một lớp hương làm dịu nỗi đau. Thương cảm như vậy không phải là Từ Bi của bậc giác ngộ, Thương cảm của bậc giác ngộ đưa đến giúp đỡ để đoạn tận Vô minh và Tham ái, đoạn tận Khổ. Kể cả cái thương cảm do vô minh về Khổ Tập Diệt đạo như vậy, thương cảm những hoàn cảnh khó khăn như vậy cũng không phải do ăn chay mà có, ăn mặn không có. Có những người không ăn chay, không thuộc tôn giáo nào, họ vẫn hết lòng, hết sức thương cảm và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Có nhiều người ăn chay trường trong đạo Phật cũng như các tôn giáo khác mà đâu có được thương cảm đó, điển hình như trùm phát xít Hitle, suốt đời ăn chay mà đâu có được thương cảm đó.

BỔ THÍ

Trong Năm bộ kinh Nikaya, kinh nói riêng về bổ thí rất ít ỏi, hình như chỉ có một kinh duy nhất ở Tăng Chi Bộ Kinh. Trong bản kinh này Đức Phật có thuyết giảng về hai cách bổ thí. Một cách bổ thí không được quả lớn, lợi ích lớn, một cách bổ thí được quả lớn, lợi ích lớn.

1 - **Bổ thí không được quả lớn, lợi ích lớn** : " Ở đây, này Sa riputta, có hạng người bổ thí với tâm mong cầu, bổ thí với tâm trói buộc, bổ thí với tâm mong cầu được chất chứa, bổ thí với ý nghĩ: "ta sẽ thọ hưởng cái này trong đời sau". Vị ấy bổ thí như vậy cho các Sa môn, Bà la môn, bổ thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy bổ thí như vậy, khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở bốn thiên vương. Và vị ấy, khi nghiệp (ấy) được đoạn tận, thân lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành "vị trở lui lại", trở lui trạng thái này".

Đức Phật đã thuyết giảng, đây là cách bổ thí thứ nhất, không phải không có kết quả của bổ thí, mà quả của bổ thí như vậy có thể sau khi chết được tái sinh ở cõi trời bốn thiên vương, nhưng nó là bổ thí không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Vì sao vậy ? Vì đó là quả hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y. Quả ấy có thể là tốt đẹp đối với kẻ Vô minh trong luân hồi sinh tử, nhưng vẫn thuộc về Khổ cảnh. Bổ thí như vậy thuộc về Phàm phu, thuộc về lộ trình tâm Bát Tà Đạo, do Tham ái phước báo khởi lên. Đây là Thực tại Thế Gian có kiếp sau, có con đường đi đến kiếp sau. Hành vi bổ thí với tâm mong cầu, với tâm trói buộc (về phước báo) như vậy là đang đi trên con đường tới kiếp sau. Cho dù đi đến kiếp sau là cảnh giới bốn thiên vương, nhưng khi quả báo của nghiệp bổ thí ấy tận thì lại tái sinh trở lui, trở lui cuộc đời này. Đức Phật đã dùng nhiều phương tiện thuyết giảng về thực tại Thế Gian có kiếp sau và Con đường đi đến kiếp sau là đáng kinh sợ, đầy khổ đau. Đức Phật không có phủ nhận

hay chê bai cách bố thí này nhưng cũng không khuyến khích vì bố thí như vậy là đang đi trên con đường tới kiếp sau. Cái mà Ngài khuyến khích đệ tử, là đi trên con đường tới không có kiếp sau, vì vậy Ngài không khuyến khích đệ tử bố thí theo cách đi đến kiếp sau này.

2 - Bố thí được quả lớn, lợi ích lớn : "Này Sa riputta, ở đây, ai bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí với tâm không mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau", bố thí không với ý nghĩ: "lành thay, sự bố thí", bố thí không với ý nghĩ: "cái này đã được cho trong đời quá khứ, đã được tổ tiên làm trong đời quá khứ, ta không nên để truyền thống này của gia đình bị bỏ quên", bố thí không với ý nghĩ: "ta nấu ăn, những người này không nấu ăn, ta không xứng đáng là người nấu ăn, nếu không bố thí cho người không nấu ăn", bố thí không với ý nghĩ: "như các vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vâmka, Vâmdeva ..., cũng vậy ta sẽ là người san sẻ vật bố thí này", bố thí không với ý nghĩ: "do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên". Nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm. Và đối với Sa môn hay Bà la môn, vị ấy bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Do vị ấy bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Và khi vị ấy, nghiệp ấy được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành Bất Lai, không còn trở lui trạng thái này".

Đây là cách bố thí được quả lớn, lợi ích lớn, bố thí với Tâm Không. Nghĩa Không này rất cụ thể, rõ ràng, không mơ hồ trừu tượng. Tâm Không mà Đức Phật giảng giải ở đây nằm trong nghĩa Có Không thường ngày theo hiểu biết của nhân loại. Bố thí với Tâm Không là bố thí với Tâm không mong cầu, không trói buộc, không chất chứa ...vv. Các Không này đã được liệt kê tỉ mỉ, đầy đủ trong đoạn kinh trên. Bố thí với Tâm Không như vậy cũng tức là bố thí với tâm không có Vô minh, không có Tham Sân Si, chỉ xảy ra khi lộ trình tâm là Bát Chánh Đạo. Bố thí như vậy được quả lớn, lợi ích lớn là bởi quả bố thí này thuộc Vô Lậu, Siêu Thế, thuộc Đạo Chi. Thuộc Đạo Chi nghĩa là bố thí như vậy là Chi phần của Bát Chánh Đạo siêu thế, cụ thể là Chánh ngữ, Chánh

nghiệp trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Chánh ngữ, Chánh nghiệp do Chánh Tri Kiến, do Minh mà khởi lên, không phải do Vô minh, Tham ái khởi lên, nên hành vi bố thí như vậy không còn tạo nghiệp, không còn thuộc về Thế gian hữu lậu, mà chính là Vô Tác Giải Thoát. Bố thí như vậy là đang đi trên con đường không có kiếp sau. Bố thí như vậy có thể góp phần đạt được quả Bất Lai (A Na Hàm), nghĩa là sau khi thân hoại mạng chung, tái sinh vào Phạm Chúng thiên và tại đây Nhập Diệt, Niết Bàn không còn trở lui cuộc đời này nữa.

3 - Chủ trương về bố thí : Đức Phật không đề cao bố thí, không xem bố thí là công việc hàng đầu của sự tu hành, nên trong các bộ kinh Nikaya, bài kinh riêng biệt về đề tài bố thí chỉ có duy nhất bài kinh này. Trong Bát Chánh Đạo, con đường chấm dứt khổ có 8 chi phần, nhưng không có chi phần bố thí. Trong 37 chi phần Đạo Đế cũng không có chi phần bố thí. Tuy Đức Phật không đề cao bố thí, nhưng cũng không xem nhẹ chi phần này và bố thí để có quả lớn, lợi ích lớn như đã thuyết giảng ở trên, đã ẩn tàng trong Bát Chánh Đạo. Không phải mọi lời nói, mọi hành vi trong chi phần Chánh ngữ, Chánh nghiệp đều là bố thí, nhưng khi nói Pháp cho một người nào đó, chia sẻ vật dụng cho một người nào đó với lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, thì có nghĩa là đang nói, đang cho với Tâm Không, đang nói, đang cho với Tâm vắng lặng, không vì thương, không vì ghét mà nói mà cho, không vì một mục đích nào đó mà nói, mà cho. Hành vi bố thí với Tâm Không như vậy không phải của ai cả, mà Ý thức Chánh Tri Kiến, là Minh, là Trí Tuệ chính là nhân duyên cho nó khởi lên. Ai khi đang tu tập Niệm Tâm và Niệm Pháp, khi an trú Chánh Niệm thì có thể kinh nghiệm được nói và cho với Tâm Không như vậy. Và đây cũng là lý do Đức Phật không nói nhiều về bố thí với Tâm Không, và cũng vì "Pháp của Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng là ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY", là để tự mình thấy, tự mình biết, tự mình trải nghiệm bố thí với Tâm Không là như thế nào.

Đa phần về sau, không y theo kinh mà y theo chú giải, luận giải nên đề cao bố thí, xem bố thí là sự nghiệp hàng đầu của tu hành. Nhưng thay vì đề cao bố thí với Tâm Không để có quả lớn, lợi ích lớn, các chú giải đa phần đề cao bố thí với tâm mong cầu, với tâm trói buộc, với tâm chất chứa về Phước Báo. Họ dùng đủ mọi phương tiện phân tích về phước báo, về người thí, thái độ

thí, vật thí, người thọ thí để đạt được tối ưu phước báo. Chú giải, luận giải về mục đích của bố thí là phước báo như vậy chính là Tham Dục, do Vô minh và Tham ái mà viết ra. Bố thí với mục đích phước báo như vậy không phải không có kết quả, nhưng kết quả đó không phải là quả lớn, lợi ích lớn. Quả đó xảy ra trong tương lai, hoặc trong kiếp sau, trong luân hồi sinh tử, trong Khổ cảnh mà thôi. Một số lại biện giải rằng tu là lâu dài, trong rất nhiều a tăng kỳ kiếp, vậy bây giờ phải tích lũy các phước báo để tương lai có hoàn cảnh tốt đẹp hơn để tiếp tục tu hành. Biện giải như vậy là biện giải cho Tham Dục do Vô minh và Tham ái mà phát sinh, biện giải đó dẫn con người đi xa khỏi sự học hỏi và tu tập để đoạn trừ Tham Dục ngay bây giờ và tại đây, ngay trong kiếp sống này. Khi tái sinh vào một kiếp sống mới, cái biện giải ấy đã được huân tập vững chắc ở kiếp trước lại tiếp tục vận hành, và cứ như thế mãi trong các kiếp tương lai, và sự học hỏi, tu tập để đoạn trừ Tham Dục chỉ là tư duy, chỉ là lý luận suông, không bao giờ xảy ra trong hiện tại. Vì thế mà phát sinh nhận thức, phải tu trong ba, bốn a tăng kỳ kiếp và nếu tu bằng lý luận suông như vậy thì tu vĩnh viễn cũng không có kết quả chứ nói gì đến ba, bốn a tăng kỳ.

NHẤT DẠ HIỀN GIẢ

Đây là một bản kinh rất nổi tiếng, được nhiều người biết đến và ca tụng. Hầu như mọi người đều nhất trí với nhau, đây là lối sống do Đức Phật chủ trương và giảng dạy. Đó là sống trong giây phút hiện tại. Có nhiều bản kinh Nhất Dạ Hiền Giả khác nhau, nhưng đều là các giải thích nhằm sáng tỏ bài kệ trong phần Tổng thuyết mà Đức Phật đã giảng. Toàn bộ bài kệ như sau :

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng
Quá khứ thì đã qua
Tương lai thì chưa tới
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây
Không động không rung chuyển
Biết vậy nên tu tập
Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết chết ngày mai
Không ai điều đình được
Vớ đại quân thân chết
Trú như vậy nhiệt tâm
Đêm ngày không mệt mỏi
Xứng gọi Nhất Dạ Hiền
Bậc an tịnh trầm lặng

Toàn bộ bài kệ này, phần đầu, phần cuối đều quan trọng, nhưng bảy câu đầu là nền tảng để thẩm thấu chín câu sau. Nội dung bảy câu đầu này nói rõ chủ trương Sống Trong Hiện Tại của Đức Phật là như thế nào ? Thấu rõ nội dung của bảy câu kệ này sẽ phân biệt rõ ràng giữa Sống Trong Hiện Tại của bậc Thánh và Sống Trong Hiện Tại của Phàm phu.

1 - Chỉ có pháp hiện tại :

Đời sống của mỗi một người hay là Thực tại của mỗi một

người là những gì Được Thấy, Được Nghe, Được Cảm Nhận và những hành vi Nhận Thức các đối tượng đó, tiếp đến là Thái Độ (như yêu hoặc ghét...), Phản Ứng (lời nói, hành động) đối với đối tượng và Kết Quả (khổ, vui hoặc không khổ không vui) đối với đối tượng đó của Thực tại. Thực tại không có mặt trong khi ngủ say không mộng mị, trong khi ngất đi vì một tai nạn, trong khi gây mê sâu để mổ. Thực tại chỉ có mặt khi thức tỉnh, khi sáu Căn (Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý) tiếp xúc sáu Trần (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp) và những đối tượng Được Thấy, Nghe, Cảm Nhận là sáu Cảm Thọ hay sáu Cảm Giác bao gồm : Cảm giác hình ảnh, Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm và Cảm giác pháp trần.

Khi Căn Trần tiếp xúc, một Cảm giác xuất hiện, tức có một đối tượng xuất hiện, thì Thấy, Nghe, hay Cảm Nhận đối tượng xuất hiện, tiếp đến Nhận Thức đối tượng xuất hiện, tiếp đến Thái Độ xuất hiện, tiếp đến Phản Ứng xuất hiện, tiếp đến Kết Quả (khổ, vui, không khổ không vui) đối với đối tượng xuất hiện. Mỗi một Tâm hành hay mỗi một Danh pháp này đều sinh lên rồi diệt đi theo một thứ tự, theo một lộ trình và được gọi là Lộ Trình Tâm. Mỗi một Danh pháp sinh lên rồi diệt, nó chỉ tồn tại trong giây lát hiện tại, toàn bộ một lộ trình Tâm cũng sinh lên rồi diệt đi, cũng chỉ tồn tại trong giây lát hiện tại. Vì vậy tất cả các pháp không còn tồn tại trong quá khứ, không có mặt, không tồn tại trong tương lai, mà chỉ có mặt, chỉ tồn tại trong giây phút hiện tại. Như vậy Thực tại đang sinh lên rồi diệt đi, không có một pháp nào thường hằng, thường trú ở đâu cả, tất cả các pháp của Thực tại đều Vô Thường. Câu kệ của Đức Phật đã chỉ rõ: "Quá khứ thì đã qua. Tương lai thì chưa tới. Chỉ có pháp hiện tại". Các pháp chỉ có mặt, chỉ tồn tại duy nhất trong phút giây hiện tại.

Mỗi buổi sáng thức dậy, Mắt tiếp xúc Sắc trần phát sinh Cảm giác hình ảnh - Nhãn thức và Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh. Đối tượng được thấy là Cảm giác hình ảnh chỉ tồn tại trong giây lát hiện tại và khi đầu quay sang hướng khác tạo duyên cho Mắt tiếp xúc Sắc trần khác thì đối tượng được thấy cũ diệt đi và xuất hiện một đối tượng được thấy mới. Khi Thực tại cũ tức Cảm giác hình ảnh cũ trở thành quá khứ, thì nó diệt đi, không còn tồn tại và xuất hiện một Thức tại mới, một Cảm giác hình ảnh mới tồn tại trong giây phút hiện tại. Trong một ngày biết bao hằng hà sa

số Cảm giác hình ảnh tức đối tượng được Thấy sinh lên rồi diệt đi. Hiện tại chỉ tồn tại một Cảm giác hình ảnh, còn tất cả các Cảm giác hình ảnh đã thấy đều đã diệt. Các Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác pháp trần cũng sinh lên rồi diệt đi tương tự như vậy, chỉ tồn tại trong giây lát hiện tại, khi diệt đi, khi hiện tại đã trở thành quá khứ, nó không còn tồn tại trong quá khứ, mà chỉ có lượng thông tin về nó được lưu giữ trong kho chứa tâm thức. Khi Ý tiếp xúc với Pháp tức tiếp xúc với lượng thông tin được lưu giữ này thì một tư tưởng khởi lên, nhớ tưởng về các pháp đã diệt, thì đó thuần túy là tư tưởng chứ không phải là cảm giác thật, thực tại thật đã từng tồn tại trước đây. Các tư tưởng về quá khứ hoặc vị lai do Ý tiếp xúc Pháp mà phát sinh cũng phát sinh và tồn tại trong giây lát hiện tại.

Chính vì Thực tại chỉ xảy ra và tồn tại trong giây phút hiện tại, cho nên chỉ có sống trong giây phút hiện tại chứ không thể nào sống trong quá khứ hoặc sống trong tương lai vì vậy Thánh hay Phàm đều đang sống trong hiện tại chứ không phải như một số hiểu lầm là bậc Thánh sống trong hiện tại còn Phàm phu sống bởi quá khứ và tương lai. Vậy thì có gì khác nhau giữa Sống Trong Hiện Tại của Phàm phu và Sống Trong Hiện Tại của bậc Thánh theo giảng dạy của Đức Phật ?

2 - Sống Trong Hiện Tại của Phàm phu:

Lộ trình tâm của Phàm phu là Bát Tà Đạo, có Vô minh, có Tham Sân Si, có Sầu Bi Khổ Ưu Não mà đặc điểm nổi bật đã được Đức Phật nói đến là: Khát ái (tham ái và khao khát) tìm cầu hỷ lạc (hạnh phúc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Vì vậy kẻ Phàm phu cũng Sống Trong Hiện Tại nhưng là lối sống: "Truy tìm quá khứ, ước vọng tương lai và đắm chìm trong hiện tại". Vì tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu có Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái nên khi đối diện một đối tượng dễ chịu (Lạc thọ) thì Tham khởi lên, đối diện một đối tượng khó chịu (Khổ thọ) thì Sân khởi lên, đối diện một đối tượng trung tính (Bất khổ bất lạc thọ) thì Si khởi lên.

- Khi đối diện một đối tượng dễ chịu (Lạc thọ) Tham khởi lên, đối diện một đối tượng khó chịu (Khổ thọ) Sân khởi lên. Do thích thú (tham) đối tượng dễ chịu nên bị lôi cuốn vào đối tượng

đó, do chán ghét, tức tối, bực bội (sân) đối tượng khó chịu nên cũng bị lôi cuốn vào đối tượng đó. Khi bị lôi cuốn, bị cuốn hút vào các đối tượng do Tham và Sân thì không còn quan tâm, để ý đến các đối tượng khác. Sự việc này xảy ra trong giây phút hiện tại và được gọi là đắm chìm trong hiện tại.

- Khi đối diện một đối tượng trung tính (Bất khổ bất lạc thọ) thì không thích, không ghét đối tượng, không bị lôi cuốn vào đối tượng mà Si khởi lên đưa đến tác ý, tạo nhân duyên cho một lộ trình tâm do Ý tiếp xúc với Pháp khởi lên. Lộ trình tâm do Si tạo nhân duyên khởi lên này sẽ truy tìm Niềm vui, Hạnh phúc đã có trong quá khứ hay dự định, tính toán, tìm kiếm Niềm vui, Hạnh phúc trong tương lai. Đây được gọi là truy tìm quá khứ, ước vọng tương lai do Si mà khởi lên. Các tư tưởng truy tìm quá khứ, ước vọng tương lai cũng đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Phải hết sức lưu ý : Truy tìm quá khứ, ước vọng tương lai mà Đức Phật giảng dạy không phải là truy tìm các sự kiện xảy ra trong quá khứ, không phải là ước vọng các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai mà là truy tìm NIỀM VUI, HẠNH PHÚC đã từng có trong các sự kiện quá khứ, ước vọng NIỀM VUI, HẠNH PHÚC trong các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai.

Kẻ Phàm phu cũng SỐNG TRONG HIỆN TẠI nhưng theo cách " Truy tìm quá khứ, ước vọng tương lai hoặc đắm chìm trong hiện tại" do Tham, do Sân, do Si.

3 - Sống Trong Hiện Tại của Bạc Thánh :

Bạc Thánh Sống Trong Hiện Tại với Tuệ Quán, nghĩa là khi xuất hiện một Cảm thọ, cho dù Lạc thọ, Khổ thọ hay Bất khổ bất lạc thọ thì quán sát Cảm thọ đó với Trí Tuệ. Đó chính là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, với hai cấp độ: cái biết Tĩnh giác và cái biết Ý thức Chánh Kiến.

- Sống Trong Hiện Tại với cái biết Tĩnh Giác : Đó là khi Niệm Thân và Niệm Thọ. Khi có một Cảm thọ khởi lên, Chánh Niệm khởi lên, tức nhớ đến chú tâm quán sát các cảm giác trên thân (Niệm Thân) hay nhớ đến chú tâm quán sát mọi Cảm giác (Niệm Thọ) thì Chánh Tinh Tấn, Chánh Định liên tiếp khởi lên và lộ trình tâm Bát Chánh Đạo kết thúc tại đó. Do vậy lộ trình tâm

này chỉ có cái biết trực tiếp giác quan nhận biết đối tượng mà Ý thức không khởi lên. Cái biết trực tiếp giác quan cụ thể là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tướng thức nhờ có Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định được an trú, được tách bạch ra khỏi cái biết Ý thức và được gọi là Tĩnh Giác hay Không Tánh. Với cái biết Tĩnh Giác hay Không Tánh Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt (vô cũng là không) này, Thấy chỉ là thấy, Nghe chỉ là nghe, Cảm nhận chỉ là cảm nhận, không có Nhận Thức (Ý thức), không có Thái Độ, không có Phản Ứng, không có Kết Quả (khổ, vui). An trú cái biết Tĩnh Giác này là sống trong hiện tại, không có Tham, không có Sân, không có Si. Vì không có Si nên không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai, không có Tham, Sân nên không đắm chìm trong hiện tại. Đó là Sống Trong Hiện Tại với cái biết Tĩnh Giác. Ví như khi quét nhà, nếu có Chánh Niệm, nhớ đến chú tâm quán sát các cảm giác trên thân liên tục khởi lên trong thời gian quét nhà (không phân tâm, không nhớ đến việc khác) thì Chánh Định tức chú tâm các cảm giác trên thân liên tục khởi lên. Do sự chú tâm như vậy nên biết rõ các cảm giác quét nhà với cái biết trực tiếp Thân thức, đầu óc trống không, không suy nghĩ, không có tư tưởng về quá khứ, không có tư tưởng về tương lai, nên không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai, không có cái gì ở phía trước để bị lôi đi, không có gì ở phía sau để kéo lại. Trong thời gian quét nhà với cái biết Tĩnh giác như vậy, tâm sẽ tĩnh lặng, tự tại, không có đời trước, không có đời sau, không có đời này. Đó chính là nhiếp phục, đoạn tận khổ đau. Đó là không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai, không đắm chìm trong hiện tại. Một vị Tỷ kheo thực hành Chánh Niệm Tĩnh Giác với mọi thân hành, thì vị đó đang sống trong hiện tại với Tĩnh Giác: Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, y bát đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

- Sống Trong Hiện Tại với Ý thức Chánh Tri Kiến : Đó là khi Niệm Tâm, Niệm Pháp. Khi Căn Trần tiếp xúc, phát sinh một đối tượng và có Chánh Niệm khởi lên, nhớ đến đối tượng đó là Cảm giác, là Tâm, nhớ đến quán sát nội tâm (Niệm Tâm), nhớ đến đối tượng đó Vô thường, Vô ngã, nhớ đến ly tham, buông xả, nhớ

đến tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly... (Niệm Pháp) thì lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế khởi lên và sau khi nhận biết đối tượng với cái biết Tỉnh Giác, Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên sẽ biết như thật đối tượng đó là Cảm giác, là Tâm, biết đối tượng đó Vô thường, Vô ngã, ly tham, buông xả, biết như thật vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của đối tượng... Do thấy như vậy, biết như vậy về đối tượng mà sẽ không yêu thích, không chán ghét, độc lập, không ràng buộc, giải thoát không hệ lụy đối với các đối tượng được Thấy, được Nghe, được Cảm Nhận, được Nhận Thức.

Với Ý thức Chánh Tri Kiến trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế này mới thực sự "Tuệ quán chính ở đây. Không động không rung chuyển". Với Ý thức Chánh Tri Kiến là Minh, là Trí Tuệ này mới thực sự chấm dứt "Truy tìm quá khứ, ước vọng tương lai, đắm chìm hiện tại".

Rất nhiều người nhầm lẫn chủ trương Sống Trong Hiện Tại của chủ nghĩa Hiện Sinh, cho nó là Sống Trong Hiện Tại như Phật đã chủ trương. Chủ nghĩa hiện sinh và rất nhiều người chủ trương từ bỏ quá khứ và tương lai để quay về sống trong hiện tại. Nhưng họ chủ trương sống trong hiện tại như thế nào? Đó là quay về hiện tại để nhận chân ra và tận hưởng được NIỀM VUI HẠNH PHÚC trong giây phút hiện tại. Chính vì vậy, với lời văn hoa mỹ, câu văn hoa mỹ, các hình dung từ hoa mỹ, họ cố xuýt cho giây phút hiện tại tràn đầy vẻ đẹp diệu kỳ, màu nhiệm, tràn đầy Niềm vui, Hạnh phúc và nhân loại vì sống bởi quá khứ hoặc tương lai mà không tận hưởng được Hạnh phúc của giây phút hiện tại nhiệm màu. Giây phút hiện tại có trời xanh, mây trắng, gió hát, chim ca, có đôi mắt lành lặn của người thương, có nụ cười thơ ngây, bé bỏng ... đều là hạnh phúc. Hạnh phúc đang hiện hữu trong làn khói lam chiều, trong hạt sương đọng trên mạng nhện trong tiết trời lành lạnh mỗi buổi sáng mai, trong hoàng hôn khi mặt trời lặn khuất núi đồi... Chủ trương quay về giây phút hiện tại để nhận chân ra Hạnh phúc đang tràn đầy trong hiện tại và quay về giây phút hiện tại để tận hưởng được Hạnh phúc nhiệm màu trong giây phút hiện tại xuất phát từ tư tưởng sâu xa trong tâm thức nhân loại mà Đức Phật đã chỉ ra: "Khát Ái tìm cầu hỷ lạc (Hạnh phúc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái". Và đó chính là Nguyên nhân Khổ. Tư tưởng đó vẫn

từ Vô minh mà phát sinh ra, vẫn như những con cá không thể nhảy ra khỏi tấm lưới rộng lớn Bát Tà Đạo, tấm lưới Tà Kiến đang bủa vây quanh chúng.

TRI KIẾN PHẬT HAY THẤY BIẾT CỦA PHẬT

Bài Kinh Kalaka trong Tăng Chi Bộ Kinh tập 2 đã nói rõ:

"Như vậy, này các Tỷ kheo, Như Lai là vị đã thấy những gì cần thấy, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thấy, không có tưởng tượng những cái gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy. Đã nghe những gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng những gì không được nghe, không có tưởng tượng điều cần phải nghe, không có tưởng tượng về người nghe. Đã cảm nhận những gì cần cảm nhận, nhưng không có tưởng tượng về điều được cảm nhận, không có tưởng tượng về điều không được cảm nhận, không có tưởng tượng về điều phải cảm nhận, không có tưởng tượng về người cảm nhận. Đã nhận thức những gì cần nhận thức, nhưng không có tưởng tượng về điều được nhận thức, không có tưởng tượng về điều không được nhận thức, không có tưởng tượng về điều cần phải nhận thức, không có tưởng tượng về người nhận thức. Như vậy, này các Tỷ kheo, Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức, đều đã biết rõ, nên vị ấy là như vậy. Lại nữa, hơn người như vậy, không ai khác tối thượng hơn và thù thắng hơn, Ta tuyên bố như vậy".

Đây là THẤY BIẾT của Phật hay TRI KIẾN Phật.

Trong đoạn kinh này có đề cập đến bốn loại thấy biết bao gồm : Thấy, Nghe, Cảm Nhận và Nhận Thức. Thấy, Nghe, Cảm Nhận là cái biết trực tiếp giác quan mà khoa Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính bao gồm : Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức. Nhận Thức tức là cái biết Ý thức mà Tâm lý học gọi là Nhận thức lý tính.

1 - Thế nào là Thấy, Nghe, Cảm Nhận đối tượng mà

Không có tưởng tượng ?

Trong lộ trình tâm của nhân loại, khi có một đối tượng xuất hiện, cái biết trực tiếp giác quan khởi lên, nhận biết đối tượng (thuật ngữ Phật học gọi là Tưởng tri đối tượng) tiếp đến Ý thức khởi lên hiểu biết về đối tượng. Hai cái biết này tuy tách rời nhau nhưng diễn biến quá nhanh nên rất khó phân biệt hai cái biết này. Ví như đưa một bông hoa hồng lên, đứa trẻ vừa để ra thấy hình ảnh đó, nhưng nó không biết đó là cái gì, tính chất ra sao. Thấy của đứa trẻ đó là Nhãn thức thuần túy, là cái biết trực tiếp giác quan, Ý thức của đứa trẻ chưa khởi lên, nên không biết đó là cái gì. Một người lớn, khi đưa bông hoa hồng đó lên, sau khi Nhãn thức thấy đối tượng, tiếp liền Ý thức khởi lên, biết đó là bông hồng đỏ hay trắng, xấu hay đẹp ... Với lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phạm phu, sau khi Thấy (Nhãn thức), Nghe (Nhĩ thức), Cảm Nhận (Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức), thì Ý thức Tà Tri Kiến với nội dung Vô minh khởi lên và nó chính là Nguyên nhân phát sinh Tham Sân Si, phát sinh Phiền não.

Đối với Đức Phật khi có một Cảm giác hình ảnh xuất hiện và Nhãn thức khởi lên thấy đối tượng, nhưng Ý thức không khởi lên giống như đứa trẻ mới sinh, chỉ có thấy mà không có biết. Vì vậy thấy chỉ là thấy thôi, không có gì thêm bớt vào điều đã được thấy, không có gì suy diễn tưởng tượng thêm vào đối tượng được thấy. Khi có một Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm, Cảm giác phát trần thì chỉ có Nhĩ thức, tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức thuần túy Nghe, Cảm Nhận mà Ý thức không khởi lên tương tự như một đứa trẻ vừa để ra, nó Thấy, Nghe, Cảm Nhận mà không Biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Vì vậy Đức Phật đã thấy những gì cần thấy, đã nghe những gì cần nghe, đã cảm nhận những gì cần cảm nhận về đối tượng mà không có thêm bớt, không có suy diễn, tưởng tượng về đối tượng. Đây cũng gọi là Thấy, Nghe, Cảm Nhận thực tại khi nó đang có mặt, khi nó "đang là".

Muốn cho thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, cảm nhận chỉ là cảm nhận "thực tại đang là", không thêm không bớt, không suy diễn tưởng tượng thì phải có Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Nhờ ba chi phần này của Bát Chánh Đạo mà Ý thức không khởi lên, Hành Giả an trú và tuệ tri được cái biết trực tiếp giác quan Vô niệm, Vô ngôn,

Vô phân biệt (gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức) trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo và được gọi là Tỉnh Giác hay Khônkhánh, thì cũng an trú và tuệ tri được Không Giải Thoát hay Tâm Giải Thoát. Những ai đã tu tập Niệm Thân và Niệm Thọ đúng cách, kinh nghiệm và an trú được cái biết Tỉnh Giác, thì sẽ thấu rõ được Thấy, Nghe, Cảm Nhận mà không có suy diễn tưởng tượng của Đức Phật.

2 - Thế nào là Nhận Thức mà không có suy diễn tưởng tượng ?

Đối với Đức Phật lộ trình tâm Bát Chánh Đạo đã phân dừng lại cái biết Tỉnh Giác hay Khônkhánh, nhưng cũng có những đối tượng sẽ có cái biết Ý thức khởi lên, nhận thức (hiểu biết) về đối tượng. Đức Phật đã nhận thức những gì cần nhận thức, nghĩa là sau khi Thấy, Nghe, Cảm Nhận đối tượng với cái biết Tỉnh Giác, Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên nhận thức (biết) đối tượng đó là Cảm giác thuộc phạm trù Tâm, biết đối tượng Vô thường, biết đối tượng Vô chủ hay Vô ngã, biết đối tượng Ly tham (không có Tham Sân Si) với đối tượng, biết đối tượng được buông xả, biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của đối tượng. Lộ trình tâm Bát Chánh Đạo dừng lại đó, dừng lại nơi hiểu biết đúng sự thật về đối tượng, không có diễn tiến nào tiếp theo nên không có suy diễn tưởng tượng nào. Ý thức Chánh Tri Kiến nhận thức về đối tượng như vậy xảy ra trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo với sự có mặt của Chánh Niệm - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến. Khi an trú và tuệ tri được Ý thức Chánh Tri Kiến với Nhận Thức như vậy được gọi là an trú và tuệ tri cái biết Vô Tướng cũng có nghĩa là an trú và tuệ tri Vô tướng Giải Thoát hay Tuệ Giải Thoát.

Đối với kẻ Phàm phu với lộ trình tâm Bát Tà Đạo, khi có bông hoa hồng tiếp xúc với mắt, Nhãn thức khởi lên thấy Cảm giác hình ảnh (bông hoa hồng), tiếp liền Ý thức Tà Tri Kiến khởi lên: Ta thấy bông hoa hồng (vật chất), màu trắng, rất đẹp. Ta biết bông hồng (sắc pháp) này là giả có, không thật chỉ do Tâm thức biến hiện ra. Trong bông hồng này có tất cả đất trời, trăng sao, mây núi, người vật ... vì Một trong tất cả, Tất cả trong Một theo định lý trùng trùng duyên khởi... Tất cả hiểu biết của Ý thức Tà Tri Kiến như vậy là không đúng sự thật, là không có thật, là vọng tưởng do tư duy suy diễn, do tưởng tượng ra mà thôi. Bởi đối

tượng được thấy đó là Cảm giác hình ảnh do bông hoa hồng tiếp xúc với mắt mà phát sinh, nó Vô thường, Vô ngã chứ không phải là bông hoa hồng vật chất như Ý thức Tà Tri Kiến suy diễn tưởng tượng ra như vậy, không có một cái Ta nhận thức như vậy, không có đất trời mây núi... vật chất nào trong Cảm giác hình ảnh được thấy như vậy.

Những ai đã tu tập Niệm Tâm và Niệm Pháp đúng cách sẽ thấu rõ được Nhận Thức mà không có suy diễn tưởng tượng của Đức Phật.

3 - Sự chứng ngộ và thuyết giảng của Đức Phật về Tri Kiến có hai loại : Tri kiến của Phạm phu và Tri kiến của bậc Thánh.

- Tri Kiến của Phạm phu gồm Thấy, Nghe, Cảm Nhận và Nhận Thức, nhưng Thấy, Nghe, Cảm Nhận được gọi là Tưởng Tri và Nhận Thức là Ý Thức Tà Tri Kiến. Ý thức Tà Tri Kiến là Vô minh, vọng tưởng, là hiểu biết sai sự thật do suy diễn tưởng tượng ra. Tưởng Tri tuy là nhận biết đối tượng như nó đang là nhưng vì nó gắn liền với Ý thức Tà Tri Kiến nên kẻ Phạm phu không an trú được Tưởng tri, không tách bạch Tưởng tri ra khỏi Ý thức Tà Tri Kiến, vì vậy Phạm phu chỉ an trú Ý thức Tà Tri Kiến và đó là nhân cho Tham Sân Si khởi lên, Phiền não khởi lên. Lộ trình tâm Bát Tà Đạo này như sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến - Tham Sân Si - Tà Định - Dục - Tà Tinh Tấn - Phi như lý tác ý - Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng - Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Đối với Thấy Biết của Phạm phu có hai Thực tại. Một là Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận, đó là sáu Cảm giác hay sáu Cảm thọ. Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận là có thật, Phạm phu đang sống với thực tại đó. Hai là Thực tại do Ý thức Tà Tri Kiến tạo dựng ra, tưởng tượng ra. Theo Ý thức Tà Tri Kiến, Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận là Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Thực tại Thế giới ấy là các Sắc pháp, là vật chất như nhà cửa, trâu bò, ngựa xe, đàn ông, đàn bà, đất nước gió lửa ... Thế giới vật chất ấy không sinh ra cũng không mất đi mà chỉ biến đổi từ

vật này sang vật khác, từ trạng thái này qua trạng thái khác. Trong Thực tại là Thế giới vật chất ấy các pháp như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, đẹp xấu, nhơ sạch, cứng mềm thô mịn, nóng lạnh, mặn ngọt chua cay ... là thuộc tính của các Sắc pháp, thường xuyên có (thường hằng, thường trú) trong sắc pháp, sắc pháp là chủ nhân, chủ sở hữu các thuộc tính đó. Thực tại là Thế giới của Ý thức Tà Tri Kiến tạo dựng lên như vậy có tính chất Thường hằng và Hữu chủ (Hữu ngã). Nhân loại đang sống với Thế giới như vậy, tin rằng đang sống với Thế giới chân thực, không một ai (ngoại trừ Đức Phật và các vị Alahan) biết đúng sự thật, đó chỉ là Thế giới tư tưởng sai lạc do Tà Niệm - Tà Tư Duy tạo dựng ra. Tà Niệm - Tà Tư Duy sử dụng các thông tin do Tư tưởng tri cung cấp để hiểu biết về Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận nhưng những thông tin được sử dụng là thông tin về Cảm thọ chứ không phải là thông tin về Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần, vì thế Ý thức hiểu biết đúng sự thật phải là hiểu biết về Cảm thọ chứ không phải là về Thế giới vật chất Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần như Ý thức Tà Tri Kiến. Vậy thì Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần, được Thấy, được Nghe, được Cảm Nhận của Phạm phu là ảo tưởng, không có thật, chỉ do Ý thức Tà Tri Kiến tạo dựng, tưởng tượng ra mà thôi. Trong bản kinh này Đức Phật khẳng định: Như Lai là vị đã thấy những gì cần thấy, đã nghe những gì cần nghe, đã cảm nhận những gì cần cảm nhận, đã nhận thức những gì cần nhận thức nhưng không có tưởng tượng ... Thuyết giảng trực tiếp khẳng định như vậy cũng gián tiếp khẳng định : Kẻ Phạm phu sau khi Thấy, Nghe, Cảm Nhận, Nhận Thức rồi tưởng tượng về bốn điều: 1- tưởng tượng về điều ĐƯỢC thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức. 2- tưởng tượng về điều KHÔNG ĐƯỢC thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức. 3- tưởng tượng về điều CẦN PHẢI thấy nghe, cảm nhận, nhận thức. 4- tưởng tượng về NGƯỜI thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức. Bốn điều tưởng tượng này chính là nội dung của Ý thức nhị nguyên Tà Tri Kiến, là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần do tư tưởng sai lạc tưởng tượng ra, không có thật. Dĩ nhiên, một điều hết sức quan trọng cần thấu rõ, là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần khách quan, là có thật, chứ không phải không có thật, nó là một trong hai nhân làm phát sinh Thực tại Cảm thọ, chỉ có thể biết là nó Vô thường, Vô chủ, những gì về nó đang nằm ngoài sự hiểu biết của con người, nhưng nó không phải là Thế giới trong Ý thức Tà Tri Kiến

của Phàm phu.

Như vậy, đối với Phàm phu có hai Thực tại đối lập, mâu thuẫn nhau. Thực tại của Thấy, Nghe, Cảm Nhận là Cảm Thọ là có thực. Thực Tại của Nhận Thức là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần là không có thật, là ảo tưởng do Ý thức Tà Tri Kiến tưởng tượng ra. Vì vậy Phàm phu sống trong hiểu biết mâu thuẫn, đối lập với thực tại như thật, mâu thuẫn, đối lập với sự thật nên cuộc sống có Sầu Bi Khổ Ưu Não. Đây là một cực đoan của nhân loại, và nó là quan điểm Duy Vật, có nội dung Thường Kiến và Ngã Kiến.

Một cực đoan thứ hai của nhân loại là Duy Tâm, có nội dung Đoạn Kiến và Ngã Kiến. Đó là, thay vì khảo sát kỹ càng để biết như thật Thực tại của Thấy, Nghe, Cảm Nhận là Cảm thọ do Căn Trần tiếp xúc phát sinh ra, tuy nó Vô thường, Vô chủ nhưng là có thật, Thực tại của Nhận Thức bởi Ý thức Tà Tri Kiến là Thế giới, không có thật, là ảo tưởng, là tưởng tượng, họ lại rơi vào cực đoan thứ hai với chủ trương Thực tại của Thấy, Nghe, Cảm Nhận và Thực tại của Nhận Thức đều là giả, là không thực có, không thực hiện hữu mà chỉ là HOÁ HIỆN từ một Thượng Đế Toàn Năng, một Đại Ngã, hay một Bản Tâm không sinh không diệt. Họ phủ nhận luôn cả Thực tại Cảm thọ có thật do Căn Trần tiếp xúc phát sinh mà Thánh hay Phàm đều thấy, nghe, cảm nhận được. Theo chủ trương này thì Thực tại tuyệt đối là Thượng Đế Toàn Năng, Đại Ngã, Bản Tâm không sinh không diệt (tên gọi tùy theo mỗi trường phái) mới là có thật. Chủ trương như vậy, phát sinh lên được, phải do duyên Xúc, do Căn Trần tiếp xúc, rồi khởi lên Tà Niệm- Tà Tư Duy. Tà Niệm - Tà Tư Duy sử dụng các thông tin do Tưởng tri cung cấp, là các thông tin về Cảm thọ chứ không phải là thông tin về Thượng đế, Đại ngã hay Bản tâm nên chủ trương về Thượng đế, Đại ngã, Bản tâm là thực tại tuyệt đối, chính là ảo tưởng, là tư tưởng được tưởng tượng ra, không có thật. Chủ trương về một Thực tại tuyệt đối do tưởng tượng ra như vậy mâu thuẫn, đối lập với Thực tại được Thấy, được Nghe, được Cảm Nhận có thật là Cảm thọ, nên cuộc sống vẫn mâu thuẫn, đối lập với sự thật nên vẫn Sầu Bi Khổ Ưu Não.

- Tri Kiến của bậc Thánh cũng gồm Thấy, Nghe, Cảm Nhận, Nhận Thức nhưng Thấy, Nghe, Cảm Nhận được gọi là Tỉnh Giác, Không Tánh hay Thắng Tri. Đây là cái biết trực tiếp

giác quan nhận biết đối tượng như chúng đang là, khi chúng đang xảy ra. Nhận Thức là Ý thức Chánh Tri Kiến là hiểu biết như thật, đúng sự thật về đối tượng, biết các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Cảm thọ, thuộc về Tâm chứ không phải Cảnh, nó Vô thường, Vô ngã, Ly tham, buông xả, nó có vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly. Tất cả Tri Kiến này là tri kiến về Cảm thọ, là đúng sự thật, không phải tưởng tượng ra. Lộ trình tâm Bát Chánh Đạo này như sau:

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn -
Chánh Định - (Tĩnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Như
lý tác ý - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng

Đối với bậc Thánh, Thực tại của Thấy, Nghe, Cảm Nhận, Nhận Thức đều là Cảm Thọ, là sự thật, không phải là tư tưởng tưởng tượng ra, không mâu thuẫn, đối lập với sự thật nên cuộc sống không có Sầu Bi Khổ Ưu Nỗi.

LÝ DUYÊN KHỞI VÀ VÔ THƯỜNG VÔ NGÃ

Vô thường và Vô ngã là hai tánh chất, hai tự tánh của các sự vật, hiện tượng Vật chất và Tinh thần mà theo thuật ngữ Phật học là Sắc pháp và Danh pháp. Vô thường đã được nói đến cả khi Phật chưa ra đời, nhưng với quan điểm, một số thường hằng, một số vô thường chứ không phải tất cả các pháp đều vô thường như sự chứng ngộ và tuyên thuyết của Đức Phật. Riêng về Vô ngã thì chỉ một mình Đức Phật, độc nhất vô nhị từ cổ chí kim, chứng ngộ và thuyết giảng. Trong bản kinh Đại Kinh Khổ Uẩn có đề cập tới bốn thủ là Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ và Ngã luận thủ, đức Phật đã giảng giải và khẳng định rằng: Các du sĩ ngoại đạo có thể liễu tri Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ nhưng không thể liễu tri Ngã luận thủ. Chính vì vậy, thấy biết như thật hay liễu tri Vô thường đã là chuyện khó, thấy biết như thật hay liễu tri Vô ngã lại càng khó khăn hơn.

Đức Phật chứng ngộ và tuyên thuyết các pháp Vô thường, Vô ngã dựa trên sự thấy biết Như Thật về Lý Duyên Khởi hay Định luật Nhân Quả. Nhưng phải phân biệt kỹ, có hai loại thấy biết về Lý Duyên Khởi: Một là thấy biết NHƯ THẬT về Lý Duyên Khởi, thuộc về Đức Phật và Hai là thấy biết KHÔNG NHƯ THẬT về Lý Duyên Khởi của Phạm phu.

1 - Thấy biết KHÔNG NHƯ THẬT về Lý Duyên Khởi : Đó là MỘT NHÂN sinh QUẢ hay MỘt Nhân biến đổi thành Quả. Hoặc trên quan điểm Một Nhân sinh quả đó, có bổ sung thêm: Một Nhân biến đổi thành Quả, có các nhân phụ trợ giúp hay Một Nhân biến đổi thành Quả có các duyên trợ giúp. Ví như hạt thóc sinh ra cây mạ, cây mạ biến đổi thành cây lúa, cây lúa phát sinh ra thóc, thóc biến đổi thành gạo, gạo biến đổi thành cơm, quả chuối xanh biến đổi thành quả chuối chín, đứa trẻ biến đổi thành người lớn, tiếng trống phát ra do cái trống, nước biến thành hơi nước ... Với thấy biết một nhân biến đổi thành quả, thì nhân trong quả, quả trong nhân, tương tức, tương nhập, các

pháp tương quan với nhau, nối kết với nhau thành một toàn thể, và cái Toàn Thể như vậy sẽ không sinh không diệt. Trong một cái Toàn Thể như vậy, các pháp sẽ phụ thuộc lẫn nhau, nương nhau mà tồn tại, giữa các pháp sẽ tồn tại mối quan hệ sở hữu, quan hệ chủ nhân, pháp này là của pháp kia. Ví như tiếng trống là "của" cái trống, con là "của" mẹ, nhà "của" tôi, xe "của" tôi... Đối với thấy biết một nhân sinh quả, nhân biến đổi thành quả thì mắt thấy quả táo màu hồng, tai nghe âm thanh của quả táo rơi, mũi ngửi mùi thơm của quả táo, lưỡi nếm vị ngọt của quả táo, tay biết cứng mềm của quả táo. Và như vậy, quả táo, màu hồng, âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, cứng mềm nương nhau tồn tại. Các pháp như màu hồng, âm thanh, mùi thơm, vị ngon, cứng mềm sẵn có, thường xuyên có, thường hằng, thường trú nơi quả táo, của quả táo. Tương tự như vậy, ngọt ở trong đường và của đường, mặn ở trong muối và của muối, ngon dở ở trong thức ăn, của thức ăn, nóng ở trong lửa và của lửa, lạnh ở trong nước đá và của nước đá, cứng mềm, nặng nhẹ, thô mịn ở trong địa đại và của địa đại ... Hạnh phúc có trong những hoàn cảnh tốt đẹp, của hoàn cảnh tốt đẹp, Khổ đau ở trong những hoàn cảnh tồi tệ, của hoàn cảnh tồi tệ, Khổ Tập Diệt Đạo ở trong thế giới ngoại cảnh, của thế giới ngoại cảnh... Như vậy các pháp này Thường hằng và Hữu chủ. Thấy biết Nhân Quả theo kiểu như vậy, là Thường kiến và Ngã kiến, không có thể thấy biết NHƯ THẬT các pháp Vô thường, Vô chủ (Vô ngã).

2 - Thấy biết NHƯ THẬT về Lý Duyên Khởi : Đó là quan sát sự thật để thấy biết tất cả các Sắc pháp và Danh pháp đều phát sinh theo định luật nhân quả theo cách thức : "Hai Nhân tiếp xúc với nhau rồi cùng diệt mà phát sinh ra nhiều quả".

Đối với các Sắc pháp, có thể quan sát hình ảnh, mà từ đó có thể hình dung ra vận hành Nhân Quả của các Sắc pháp. Ví như có gói thuốc nhuộm đỏ và một chậu nước trong là hai nhân, nhưng hai nhân này chưa tiếp xúc nhau thì chưa có gì xảy ra. Khi hai nhân này tiếp xúc nhau, thì cả hai nhân là gói thuốc nhuộm đỏ và chậu nước trong đều cùng diệt đi và phát sinh quả là chậu thuốc nhuộm đỏ. Chậu thuốc nhuộm đỏ với cái áo trắng tiếp xúc nhau rồi cả hai cùng diệt, phát sinh cái áo đỏ và một chậu thuốc nhuộm đỏ khác. Viên đá lửa và bánh xe bột lửa tiếp xúc nhau rồi cùng diệt đi, phát sinh ánh lửa và viên đá mới, bánh xe mới.

Trống và dùi là hai nhân và khi hai nhân đó tiếp xúc với nhau cùng diệt (trống cũ, dùi cũ diệt) phát ra tiếng trống, trống mới và dùi mới. Ô xy và Hydro là hai nhân, tiếp xúc nhau rồi cùng diệt, phát sinh ra nước ...

Đối với các Danh pháp phát sinh do hai nhân là Căn và Trần tiếp xúc nhau (duyên Xúc). Ví như tay là Thân căn là một nhân, cục nước đá là Xúc trần là nhân thứ hai, khi chưa tiếp xúc nhau, thì chưa có gì xảy ra. Khi tay tiếp xúc cục nước đá, phát sinh Cảm giác lạnh, đồng thời phát sinh Thân thức nhận biết cảm giác lạnh đó. Có viên đường là Vị trần và lưỡi là Thiệt Căn, hai nhân này chưa tiếp xúc thì chưa có gì xảy ra. Khi lưỡi tiếp xúc viên đường thì lập tức phát sinh Cảm giác vị ngọt và phát sinh Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị ngọt đó.

Mắt tiếp xúc Sắc trần phát sinh : Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức.

Tai tiếp xúc Thanh trần phát sinh : Cảm giác âm thanh và Nhĩ thức.

Mũi tiếp xúc Hương trần phát sinh: Cảm giác mùi và Tĩ thức.

Lưỡi tiếp xúc Vị trần phát sinh : Cảm giác vị và Thiệt thức.

Thân tiếp xúc Xúc trần phát sinh : Cảm giác xúc chạm và Thân thức.

Ý tiếp xúc Pháp trần phát sinh : Cảm giác pháp trần và Tưởng thức.

Các Danh pháp như Niệm, Tư duy, Ý thức, Tham Sân Si, Định, Dục... do hai nhân là Ý tiếp xúc với Pháp trần mà phát sinh và đó là Nội xúc, xảy ra trong tế bào thần kinh não bộ, thực chất là sự tương tác của hai nhân là hai lượng thông tin.

- Chỉ có hai nhân tiếp xúc nhau :Có những trường hợp, có vẻ như có rất nhiều nhân tiếp xúc nhau (nói theo cách nói ngày nay là tương tác với nhau) nhưng quán sát kỹ thì chỉ hai nhân

tiếp xúc rồi cùng diệt và phát sinh quả. Quả này lại là một nhân tương tác với nhân thứ ba, phát sinh quả và quả mới này là một nhân tương tác với nhân thứ tư... Ví như khi đúc một cột bê tông gồm rất nhiều nhân tương tác với nhau như cát, sỏi, xi măng, nước, sắt thép, người thợ, dụng cụ... nhưng sự tương tác chỉ xảy ra tuần tự từng đôi một. Đầu tiên tay tiếp xúc dụng cụ, rồi dụng cụ tiếp xúc cát, dụng cụ tiếp xúc sỏi, dụng cụ tiếp xúc xi măng, rồi cát sỏi tiếp xúc xi măng, rồi cát sỏi xi măng tiếp xúc với nước ...

Có thể quan sát theo tổng thể hay theo bộ phận nhưng vẫn là hai nhân tương tác nhau. Ví như nếu xem con người đang đạp xe và cái xe đạp là một nhân, thì khi cái nhân tổng thể ấy tương tác với nhân thứ hai là mặt đất thì sẽ phát sinh quả là chuyển động của xe. Nếu quan sát chi tiết nhân quả trong cái tổng thể người và xe đạp ấy sẽ thấy: chân tiếp xúc với bàn đạp phát sinh sự quay của vành đĩa. Vành đĩa quay tương tác với xích, phát sinh sự chuyển động của dây xích. Dây xích chuyển động tương tác với líp, phát sinh sự quay của líp. Sự quay của líp tương tác với bánh xe, phát sinh sự quay của bánh xe. Bánh xe quay tương tác với mặt đất phát sinh chuyển động của xe... Có thể quan sát lộ trình nhân quả THÔ hay TẾ tùy theo quán sát tổng thể hay bộ phận.

- Hai nhân bình đẳng tương tác hay tiếp xúc nhau, không có nhân nào là chính, nhân nào là phụ. Vì thế không thể nào có một nhân mà sinh được quả hay một nhân biến đổi thành quả, không thể có quả theo hiểu biết một chiều "nhân nào quả nấy". Không thể là sự thật khi nói : " thầy giỏi thì trò giỏi", bởi khi thầy giỏi tương tác với một học sinh giỏi sẽ phát sinh một kết quả khác với kết quả khi cũng thầy giỏi đó tương tác với một học sinh dốt hoặc lười. Một bao thóc giống một mình nó không tiếp xúc với nhân thứ hai thì không phát sinh cái gì, nhưng nếu bì thóc đó tiếp xúc với thửa ruộng đã làm đất kỹ, sẽ phát sinh ruộng mạ, nếu tiếp xúc với đàn vịt sẽ phát sinh quả khác, nếu tiếp xúc với đồng lửa sẽ phát sinh quả khác, nếu tiếp xúc với đường nhựa nơi xe cộ đang chạy sẽ phát sinh quả khác ... Thấy biết Nhân Quả đa chiều như vậy sẽ chấm dứt được tà kiến " nhân nào quả nấy", cái thấy một chiều theo kiểu "người mù sờ voi".

- Duyên được hiểu là sự tương tác hay sự tiếp xúc của hai

nhân. Duyên Xúc cũng đã thể hiện phải có hai nhân, không thể nào chỉ có một nhân mà có tiếp xúc, có duyên Xúc được. Như vậy không thể nào có nhiều duyên bởi chỉ có hai nhân, nên chỉ có một duyên Xúc mà thôi. Vì vậy không thể có quy luật Nhân biến đổi thành quả nhờ nhiều duyên trợ giúp.

a - **Vô Thường** : Như vậy các pháp do Nhân Duyên mà phát sinh, nghĩa là hai nhân tiếp xúc nhau rồi cùng diệt và phát sinh quả. Pháp là quả đó lại tiếp xúc với một nhân khác và rồi cùng diệt và phát sinh quả khác tiếp. Tiến trình cứ tiếp diễn miên viễn như vậy. Vậy thì các pháp do duyên Xúc mà sinh, cũng do duyên Xúc mà diệt, nó sinh lên rồi diệt đi, chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định, có thể rất ngắn ngủi, không tồn tại vĩnh viễn, nên nó không thường hằng. Trước khi có duyên Xúc, nó chưa được sinh ra, sau khi diệt đi nó không còn, nó chỉ sinh lên rồi diệt đi, chỉ hiện hữu, **CHỈ CÓ MẶT DUY NHẤT MỘT LẦN**, không lặp lại, nên không thường trú ở đâu cả. Các pháp sinh diệt, không thường hằng, không thường trú như vậy nên gọi là Vô thường. Phải lưu ý rằng Vô thường là Sinh Diệt chứ không phải Vô Thường là Biến Đổi. Quán sát để thấy biết các pháp vô thường là quán sát theo chiều thời gian, theo tính chất Nhân diệt Quả mới sinh, vì vậy trong kinh có nói : Các Hành vô thường là chỉ cho cách quán sát theo thời gian này.

Khi quan sát sáu Căn tiếp xúc sáu Trần thấy ra sáu Cảm thọ bao gồm : Cảm giác hình ảnh, Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm, Cảm giác pháp trần, sinh diệt vô thường khá dễ, nhưng thấy biết được sáu cái biết trực tiếp giác quan nhận biết sáu Cảm thọ (theo thuật ngữ Phật học là Tưởng tri đối tượng) là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức là vô thường, khó khăn hơn vì nó trừu tượng hơn. Một số trường phái không thấy Như Thật duyên khởi, họ chủ trương những cái biết trực tiếp giác quan này là Tánh Biết, Tánh Thấy, Tánh Nghe không sinh không diệt sẵn có nơi mỗi người. Bởi vì họ cũng nhận xét thấy cái biết trực tiếp giác quan này (trong hệ A Hàm của Hán Tạng dịch là trực giác) sinh ra là có liền, người hay động vật cấp thấp, cấp cao đều có, Thánh Phạm đều như nhau, là cái biết Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt, họ còn gọi là Bản tâm, Bản tánh. Còn Ý thức là cái biết do học hỏi mà có, là cái biết sinh diệt ô nhiễm, phân biệt của Phàm phu.

Khi đang luân hồi sinh tử thì Tánh Biết này thường trú nơi mắt tai mũi lưỡi thân ý, nó bị "trói buộc" trong thân này, khi chết đi nó thoát ra và lại nhập vào bào thai, một thân xác khác, chỉ khi giác ngộ nhập Niết bàn, Tánh Biết mới không nhập vào thân xác nào nữa. Chủ trương như vậy cũng y như chủ trương Tiểu Ngã trong mỗi người, khi giác ngộ thì nhập vào Đại Ngã của Bà la môn giáo, cũng đồng nghĩa với chủ trương, Tánh Biết đó là Linh hồn Chúa thổi vào con người (mà đầu tiên là A đam và E vợ), khi được lên thiên đường thì linh hồn Chúa ấy trở về hoà nhập với Chúa như truyền thống Cựu ước. Họ không quan sát sự thật để thấy không có Căn Trần tiếp xúc thì không thể có cái biết trực tiếp giác quan đó. Nếu đó là Tánh Biết không sinh không diệt thì nó sẵn có, luôn luôn có khi thức cũng như khi ngủ và thấy biết phải thường xuyên xảy ra khi thức cũng như khi ngủ. Một người gây mê sâu khi phẫu thuật, nếu có Tánh Biết không sinh không diệt thường trú nơi sáu Căn, thì họ vẫn thấy nghe mọi sự, nhưng điều này không xảy ra, chứng tỏ Tánh Biết đó không có mặt, nó đã diệt đi rồi. Lúc này tuy có sáu Trần, nhưng sáu Căn là hệ thống sáu loại tế bào thần kinh bị gây mê, không hoạt động nên không đủ hai nhân, không có duyên Xúc nên không có nhân duyên cho cái biết trực tiếp giác quan khởi lên, nên không thấy biết những gì đang xảy ra.

b - **Vô Chủ, Vô Sở Hữu** : Khi quan sát quan hệ giữa các pháp sẽ phải quan sát theo chiều thời gian và không gian.

Theo chiều thời gian thì giữa Nhân và Quả không cùng tồn tại trong một thời điểm, nghĩa là nếu Nhân đang tồn tại thì Quả thuộc tương lai chưa sinh ra, nếu Quả đang tồn tại thì Nhân thuộc quá khứ đã diệt. Vì vậy giữa giữa Nhân và Quả không tồn tại Quan Hệ Sở Hữu, Quan Hệ Chủ Nhân. Giữa Nhân và Quả không thể tồn tại chữ "Của". Không hề tồn tại quan hệ : tiếng trống là của cái trống, con của mẹ, hạt thóc của cây lúa, ánh sáng của đèn điện ...

Theo chiều không gian thì giữa các pháp là hai nhân hoàn toàn bình đẳng, không có nhân chính, nhân phụ. Quan hệ giữa hai nhân là quan hệ tương tác và cùng diệt đi, không hề tồn tại quan hệ sở hữu, quan hệ chủ nhân. Ví như trống và dùi, xích và đĩa, mắt và sắc trần, lưỡi và viên đường, tay và cục nước đá ...

đều là hai nhân bình đẳng, không nhân nào sở hữu, chủ nhân của nhân nào. Quan hệ giữa các pháp chỉ có quan hệ TƯƠNG TÁC, không tồn tại quan hệ CHỦ NHÂN, không tồn tại quan hệ SỞ HỮU. Vì vậy tất cả các Sắc pháp và Danh pháp là VÔ CHỦ, VÔ SỞ HỮU.

Thấy biết như thật các pháp Vô chủ, Vô sở hữu để thấy rõ sự thật này trái ngược hiểu biết thế gian. Các pháp Vô chủ, vô sở hữu nghĩa là quan hệ giữa các pháp không có chữ "CỦA", còn mọi hiểu biết, mọi lối sống thế gian đặt nền tảng trên quan hệ sở hữu với chữ "CỦA". Mặn của muối, ngọt của đường, ngon dở của thức ăn, nóng của lửa, lạnh của nước đá, nặng nhẹ, cứng mềm, thô mịn của địa đại, mẹ của con, xe của ta, nhà của ta, đất nước của ta... Vì thấy biết Thế gian mặc định có quan hệ sở hữu, quan hệ chủ nhân, nên đời sống thế gian xoay quanh sự chiếm hữu, phân đấu chiếm hữu, bảo vệ chiếm hữu. Luật pháp bất kỳ một nước nào, một thể chế chính trị nào cũng đặt trên quan hệ sở hữu. Thế gian ca ngợi quyền sở hữu, quyền làm chủ: làm chủ Sinh Già Bệnh Chết, làm chủ thân tâm, làm chủ hạnh phúc, làm chủ lời nói, hành động, làm chủ gia đình, xã hội, làm chủ thiên nhiên. Cả thế gian đang sống trái với sự thật, đang phân đấu nỗ lực để đạt được sở hữu, đạt được làm chủ, đạt được cái không hề có. Chính sự phi lý này, sự mâu thuẫn này, làm cho nhân loại chỉ quẩn quanh trong đau khổ. Thực tại mà con người đang sống là Cảm thọ, những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm giác, nó Vô thường, Vô chủ, không thể sở hữu, không thể làm chủ, nên không có một cái gì đáng quý đến nỗi phải chiếm hữu, phải giữ nó bằng mọi giá.

Trong hiểu biết và đời sống nhân loại tồn tại một cái Ta mà tiếng Hán gọi là Ngã, là chủ nhân, chủ sở hữu của các Danh pháp và Sắc pháp, là chủ nhân, chủ sở hữu của Sắc Thọ Tướng Hành Thức. Ta thấy, Ta nghe, Ta nghĩ, Ta nếm, Ta xúc chạm, Ta nhớ, Ta tư duy, Ta nói, Ta làm, Ta hạnh phúc, Ta đau khổ, Ta tạo nghiệp, Ta gặt hái quả của nghiệp... nhà của Ta, xe của Ta, gia đình Ta, con Ta, đất nước Ta... Ta hơn, Ta kém, Ta bằng. Trong kinh điển tả bằng tiếng Hán là "Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên". Phạm phu xoay quanh cái Ta này, tô bồi, bảo vệ, xung đột vì cái Ta này, tin rằng cái Ta này thực sự hiện hữu. Nhưng Sắc Thọ Tướng Hành Thức là pháp duyên khởi, đặc tính của nó

là Vô chủ, nghĩa là không có bất kỳ một pháp nào, một cái gì là chủ nhân, chủ sở hữu của nó nên không thể có cái Ta này, không thể hiện hữu cái Ta chủ nhân, chủ sở hữu này, nghĩa là các pháp Vô Ngã. Cái Ngã trong thấy biết của Phạm phu không có thật, chỉ là tư tưởng tà kiến do Tà Niệm - Tà Tư Duy tạo ra, là lý luận suông, là lông rùa sừng thỏ. Ngoài Đức Phật, không ai trong nhân loại, thấy biết được sự thật Vô Ngã này, nên không ai có thể liễu tri Ngã luận thủ. Như vậy VÔ CHỦ, VÔ SỞ HỮU cũng đồng nghĩa với VÔ NGÃ.

- Vô Ngã là không có cái Ta (Ngã) chủ nhân, chủ sở hữu Sắc Thọ Tưởng Hành Thức. Nếu chỉ quán Sắc Thọ Tưởng Hành Thức này "không phải là ta, không phải của ta, không phải là bản ngã của ta" thì cũng có thể đạt được không chấp thủ Sắc Thọ Tưởng Hành Thức, nhưng với Vô minh sâu dày thì quán như vậy vẫn còn tồn tại một cái Ta. Và như vậy sẽ tư duy, suy diễn để tìm kiếm một cái Ta ngoài Sắc Thọ Tưởng Hành Thức, đi tìm một cái Ta chân thực không sinh không diệt, một Bản Tâm, Bản tánh, một Bản Lai Diện Mục không sinh không diệt Điều này đã xảy ra sau khi Phật giáo phân phái. Trong bản kinh Giới Phân Biệt, kinh 143 thuộc Trung Bộ Kinh, Đức Phật đã giảng : Ta là, là một vọng tưởng. Ta không phải là, là một vọng tưởng. Chấm dứt(hai) vọng tưởng là một ẩn sĩ tịch tịnh. Lời giảng chính xác về Vô Ngã, không còn khe hở cho suy diễn tưởng tượng là đây, phủ nhận hoàn toàn cái Ta, Bản Ngã. Ta là Sắc Thọ Tưởng Hành Thức là vọng tưởng điên đảo. Ta không phải là Sắc Thọ Tưởng Hành Thức cũng là vọng tưởng điên đảo. Chấm dứt cả hai tư tưởng điên đảo về cái Ta, vắng lặng tư tưởng về cái Ta là chứng đạt Vô Ngã.

- Một số trường phái phát triển không thấy biết như thật tánh chất Vô chủ hay Vô ngã của các pháp, nên đề ra Hai Vô ngã là Nhân vô ngã và Pháp vô ngã. Đa phần hiểu Vô ngã là Vô tự tánh, nghĩa là các pháp không có tự tánh. Điều này là hiểu biết sai lạc vì hai tự tánh đặc biệt của các pháp là vô thường, vô ngã đã được Đức Phật khẳng định. Vô thường, Vô ngã là hai tánh chất, hai bản tánh, hai tự tánh của tất cả pháp, sẵn có nơi các pháp vì các pháp là do duyên khởi như đã chỉ rõ trên đây. Hiểu biết các pháp là vô tự tánh cũng tự mâu thuẫn với chính họ khi họ định nghĩa : pháp là nhậm trì tự tánh ... nghĩa là mỗi pháp trì giữ

tự tánh của mình mới phân biệt được pháp này với pháp kia.

3 - Tin sâu Nhân Quả : Người học Phật trước tiên phải tin sâu nhân quả. Nhưng phải phân biệt được có hai loại tin sâu nhân quả. Một là tin sâu nhân quả theo thấy biết Vô minh, tà kiến. Hai là tin sâu nhân quả theo thấy biết như thật nhân quả của lời Phật dạy. Đa phần chủ trương tin sâu nhân quả là Nhân Quả Nghiệp Báo theo kiểu : Ta tạo nhân lành trong quá khứ thì hiện tại Ta lãnh thọ quả vui. Ta tạo nhân ác trong quá khứ thì hiện tại Ta lãnh thọ quả khổ . Hiện tại và tương lai cũng vậy. Đây là hiểu biết một chiều về nhân quả dựa trên Vô minh, Thường kiến, Ngã kiến đã bị Đức Phật chỉ trích và phê phán trong Tương Ưng Bộ Kinh. Trong bản kinh này một Bà la môn hỏi Đức Phật: Khổ do mình làm rồi mình chịu hay Khổ do người khác làm, mình chịu ? Đức Phật đã trả lời rằng: Khổ do mình làm và rồi mình chịu là Thường kiến, Khổ do người khác làm rồi mình chịu là Đoạn kiến. Và Đức Phật giảng Khổ do duyên Xúc. Thường kiến và Đoạn kiến như vậy về Nhân Quả Nghiệp Báo chính là Tà kiến, không thể thấy Như Thật về Nhân Quả Nghiệp Báo theo lời dạy của Phật, Khổ do duyên Xúc. Tin sâu nhân quả với Trí Tuệ, theo lời dạy của Đức Phật, phải hiểu là Đức Phật dạy hai loại nhân quả : Nhân quả Thế gian thuộc về Phàm phu và Nhân quả Xuất thế gian thuộc về bậc Thánh.

a - Nhân quả thế gian chính là Nhân Quả Nghiệp Báo : Nhân Quả Nghiệp Báo vận hành theo lộ trình: Do có Lục nhập mà có Xúc, do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Sinh, do có Sinh mà có Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não không thể kể xiết.

Lục nhập - Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sinh - Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Đức Phật đã thuyết minh tóm tắt để cho người nghe dễ hiểu về lộ trình Nhân Quả này, nếu khảo sát tỉ mỉ thì đó là lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu:

Lục Nhập - Xúc - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Ý thức Tà Tri Kiến - Tham Sân Si - Tà Định - Dục - Tà Tinh Tấn - Phi Như Lý tác ý - Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng - Sinh Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Tin sâu nhân quả phải là Chánh tín do Văn - Tư - Tu về lộ trình tâm Bát Tà Đạo, để thấy biết Như Thật về Khổ, thấy biết Như Thật về Nguyên nhân Khổ hay giác ngộ Khổ đế và Tập đế. Muốn đạt được như vậy phải quan sát các quá trình nhân quả này vận hành nối tiếp nhau, mỗi một giai đoạn hay mỗi một chi phần đều xảy ra theo cách thức: hai nhân bình đẳng tương tác nhau rồi cùng diệt mà phát sinh quả. Quan sát như vậy sẽ tránh được thấy biết có nhân là chủ thể, nhân là đối tượng, tránh được quan hệ giữa hai nhân chủ thể và đối tượng là quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu. Ví như con dao và quả dưa. Tà kiến thấy con dao là chủ thể, quả dưa là đối tượng, quả dưa bị con dao cắt làm đôi, con dao là nhân, quả dưa bị cắt làm đôi là kết quả. Thấy như thật là : con dao và quả dưa bình đẳng, hai nhân này tương tác với nhau và cả hai cùng diệt (quả dưa nguyên vẹn ban đầu không còn, con dao ban đầu không còn vì nó đã mòn đi tuy rất vi tế) và phát sinh hai nửa quả dưa và con dao mới. Tương tự như vậy phải chấm dứt cái thấy chồng vợ, cha con, thầy trò, chủ khách ... theo quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu bằng cách thấy các cặp này là hai nhân bình đẳng tương tác với nhau thì sẽ thấy được kết quả phát sinh là Vô thường, Vô chủ. Phải thấy cho được Căn Trần là hai nhân bình đẳng tiếp xúc nhau mà phát sinh Cảm thọ thì sẽ thấy các Cảm thọ Vô thường, Vô chủ. Thấy được như thật, con người đang sống với những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm giác và các Cảm giác này vô thường, vô chủ. Thấy ra được Tà Niệm - Tà Tư Duy làm phát sinh Ý thức Tà Tri Kiến, hiểu biết một cách sai lạc. Sự sai lạc ở đây là, những đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm Thọ, lại thấy nó là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, thấy nó là ngoại cảnh và thấy nó Thường Hằng, Hữu chủ. Đó là nguyên nhân phát sinh Tham Sân Si, phát sinh Khổ. Ví như Tà kiến thấy "vị ngọt" là tính chất của viên đường, sẵn có, luôn luôn có trong viên đường (thường hằng, thường trú), "vị ngọt" là của viên đường (hữu chủ). Quan sát nơi sự thật sẽ thấy Viên đường (Vị trần) và Lưỡi (Căn) là hai nhân bình đẳng, nếu chưa tiếp xúc thì không có "vị ngọt" nào cả. Khi lưỡi tiếp xúc Viên đường lập tức phát sinh Cảm giác vị ngọt, và đây là "vị ngọt" thật của đời sống hàng ngày mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được. Xúc sinh Cảm giác vị ngọt sinh, Xúc diệt Cảm giác vị ngọt diệt nên Cảm giác vị ngọt Vô thường, không có

trong viên đường, Cảm giác vị ngọt cũng Vô chủ, không phải của viên đường, vì Lưỡi và Viên đường đều không phải là chủ nhân, chủ sở hữu của Cảm giác vị ngọt.

b - **Nhân quả Xuất Thế gian** : Đó là thực tại của bậc Thánh. Nhân Quả Xuất Thế gian vận hành theo lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Cụ thể :

Lục Nhập - Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tĩnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến - Như Lý tác ý - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Khi lộ trình Nhân Quả Xuất Thế gian này vận hành thì lộ trình Nhân Quả Nghiệp Báo thế gian đoạn diệt. Đó chính là đoạn tận Khổ.

Kết Luận : Người Phật tử tin sâu nhân quả bằng Văn tức nghe giảng hoặc tự mình đọc sách, bằng Tư tức tư duy về điều đã học, bằng Tu tức thực hành Bát Chánh Đạo để thấy biết như thật Nhân Quả thế gian, tức sự vận hành của lộ trình tâm Bát Chánh Đạo và Nhân Quả Xuất thế gian tức sự vận hành lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Và như vậy toàn bộ sự thuyết giảng của Đức Phật là thuyết giảng về Nhân Quả hay về Duyên Khởi, chính vì vậy mà Ngài đã kết luận: "Ai thấy Lý Duyên Khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Như Lai".

BỐN ĐIÊN ĐẢO: THƯỜNG LẠC NGÃ TỊNH

Bốn điên đảo là bốn hiểu biết sai sự thật, đảo ngược sự thật của Phạm phu. Đó là các pháp là Vô thường thì hiểu biết là Thường, các pháp Vô ngã thì hiểu biết là Hữu ngã, Thực tại thế gian là Khổ thì hiểu biết là Lạc, Niềm vui, Hạnh phúc, Lạc thú thế gian là ô uế, bất tịnh thì hiểu biết nó là Thanh tịnh. Như vậy kẻ Phạm phu có bốn hiểu biết không đúng sự thật, bốn hiểu biết điên đảo đó là : THƯỜNG LẠC NGÃ TỊNH.

1 - Điên đảo thứ nhất : Các pháp vốn vô thường lại hiểu biết điên đảo là Thường : Các pháp đều do duyên Xúc mà khởi lên theo định luật : Hai nhân tiếp xúc nhau (tương tác) rồi cùng diệt mà phát sinh quả. Quả ấy lại đóng vai trò là nhân tiếp xúc với nhân khác rồi cùng diệt mà phát sinh quả khác. Quả trình cứ xảy ra miên viễn như vậy. Vậy thì các pháp sinh lên rồi diệt đi, nó chỉ tồn tại, chỉ hiện hữu trong một khoảng thời gian nhất định, không tồn tại vĩnh viễn, không thường hằng, nó chỉ có mặt Duy Nhất Một Lần, không lặp lại lần thứ hai nên nó không thường trú ở đâu cả. Các pháp không thường hằng, không thường trú như vậy nên gọi là Vô Thường. Nhưng Phạm phu vì bị Vô Minh che đậy, không thấy biết như thật Lý Duyên Khởi, mà thấy biết sai lạc theo kiểu Một Nhân sinh Quả, Nhân biến đổi thành Quả. Với vô minh căn bản này sẽ có hiểu biết: Thực tại những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Trong cái Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp ấy, các sự vật, hiện tượng không sinh ra, không mất đi mà chỉ BIẾN ĐỔI từ vật này sang vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác mà thôi. Tất cả các pháp như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, nóng lạnh, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn, đẹp xấu, như sạch ... đều "Ở" trong Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, sẵn có, thường xuyên có, thường hằng, thường trú trong Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Ví như nóng ở trong lửa, lạnh ở trong nước đá, ngọt ở trong đường, mặn ở trong muối, ngon dở trong thức ăn....Hạnh

phúc có ở trong sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc chạm êm ái, trong những hoàn cảnh tốt đẹp. Đau khổ nằm trong những hoàn cảnh xấu xa, tội tệ, như nghèo đói, lạc hậu, thiếu tiện nghi, thiên tai, lũ lụt ... Khổ Tập Diệt Đạo nằm trong Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp... Những hiểu biết như vậy, cho rằng Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, hoặc thường hằng, thường trú trong Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp là không đúng sự thật, là vọng tưởng, là điên đảo. Vì rằng Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Sáu Cảm Thọ do duyên Sáu Căn tiếp xúc sáu Trần mà phát sinh ra, sinh lên rồi diệt đi, các pháp đó Vô Thường, không thường hằng, không thường trú ở đâu cả.

Vì hiểu biết điên đảo như trên, gọi là Thường Kiến mà Phạm phu không thể nào tùy thuận, không thể nào thích nghi được với Thực tại vô thường. Phạm phu mong muốn ổn định, khát khao ổn định, tích lũy cho ổn định, hướng đến ổn định, hướng đến an cư lạc nghiệp. Phía trước, nơi tương lai có một đích đến ổn định, đạt được cái đích ấy là xong, không có gì phải suy tính, phải lo lắng, phải lao tâm khổ trí nữa, kể Phạm phu nghĩ vậy. Nhưng rồi, cho dù đạt được cái đích đến ấy với biết bao cay đắng, nhọc nhằn nhưng vì nó vô thường, nó lại diệt đi, một đích đến khác lại hiện ra, lại phải tìm cách đạt đến đích mới với bao bươn chải. Nhưng nó không dừng lại đó, mà như chủ đề của bản giao hưởng "Khúc nhạc dạo đầu": Cuộc đời, từ những tiếng ru êm đềm của mẹ, những hương vị ngọt ngào của tình yêu đầu tiên, những niềm tin ngây thơ và dễ dãi bị cuộc đời vùi dập, chà đạp và tan vỡ. Đến khi con người lao vào cuộc đấu tranh, tìm được hạnh phúc trong chiến thắng và cả bản hành khúc tang lễ cuối cùng. Tất cả, tất cả đều chỉ là "Khúc nhạc dạo đầu". Vì Thường kiến mà nhân loại mơ ước trường sinh, mơ ước một cuộc sống trẻ mãi không già và cuộc đời bất diệt. Vì không biết rằng Hạnh phúc là một Cảm giác dễ chịu, một Lạc thọ, nó vô thường, kể Phạm phu vì hiểu biết Thường kiến điên đảo, cho rằng Hạnh phúc thường hằng, thường trú trong hoàn cảnh tốt đẹp bên ngoài nên yêu thích, tham đắm, tìm cầu và nắm giữ nó, nên khi nó biến hoại, biến diệt, mất đi, sầu bi khổ ưu não khởi lên.

2 - Diên đảo thứ hai : Các pháp là Vô chủ, Vô sở hữu cũng đồng nghĩa là Vô ngã lại hiểu biết diên đảo là Hữu Ngã. Vì không tuệ tri Lý Duyên Khởi nên không thấy biết như thật quan hệ giữa các pháp theo chiều không gian và theo chiều thời gian chỉ có mối quan hệ tương tác, nghĩa là hai nhân tố tiếp xúc nhau, tương tác nhau rồi cùng diệt đi và phát sinh quả, giữa các pháp không hề tồn tại quan hệ chủ nhân, quan hệ sở hữu, không có một cái Ta (Bản Ngã) là chủ nhân, chủ sở hữu các pháp, kẻ Phàm phu diên đảo cho rằng " CÁI NÀY LÀ CỦA CÁI KIA", diên đảo sống với "CÁI TA" là chủ nhân, chủ sở hữu của Sắc Thọ Tưởng Hành Thức. Cái Ta mà theo tiếng Hán là Bản Ngã nghĩa là tự có, vốn có, không từ đâu sinh ra, không diệt đi, Bản Lai Diện Mục, xưa nay vốn có như vậy, xưa đã có cái Ta đó, nay đang có cái Ta đó, mai sau cũng là cái Ta đó. Cái Ta đó là chủ nhân, chủ sở hữu của mọi thân hành, mọi tâm hành, của các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức. Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm nhận, Ta nhận thức, Ta nói, Ta làm, Mắt tai mũi lưỡi thân ý của Ta, nhà của Ta, xe của Ta, con Ta, cháu Ta, đất nước Ta, Ta hơn, Ta kém, Ta bằng ... Đời sống nhân loại đặt nền tảng trên hiểu biết diên đảo Hữu Ngã, trên một cái Ta là chủ nhân, chủ sở hữu các pháp, trên nền tảng quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu giữa các đối tượng. Chính vì hiểu biết diên đảo Hữu Ngã này mà con người ngày đêm lao tâm khổ trí, nỗ lực phấn đấu để chiếm hữu, để xác lập quyền làm chủ, quyền sở hữu. Làm chủ bản thân, làm chủ gia đình, xã hội, vợ con, làm chủ tình yêu, hạnh phúc, làm chủ thiên nhiên ... người tu thì phấn đấu làm chủ lời nói, hành động, làm chủ nghiệp, làm chủ sinh già bệnh chết ... Phấn đấu chiếm hữu, xác lập quyền sở hữu, mở rộng quyền sở hữu, quyền làm chủ tiền bạc, đất đai, xe cộ, tài sản ..., ngày nay nhân loại đang tranh giành nhau xác lập quyền sở hữu, quyền làm chủ các đại dương, các khoảng không gian được cho là vô tận vốn không phải của ai cả ... Nhân loại không trừ một ai, chỉ ngoại trừ các bậc Thánh đã giác ngộ, đang phấn đấu nỗ lực để mở rộng, để khẳng định, để bảo vệ, để nâng cao quyền chiếm hữu, quyền sở hữu cho cái Ta chủ nhân diên đảo này. Những hiểu biết Hữu Ngã diên đảo như vậy, phát sinh những lời nói, hành động diên đảo như vậy, đưa đến những xung đột diên đảo như vậy và kết quả là cả nhân loại đang khổ đau. Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức mà Thánh hay Phàm đang sống là các Cảm Thọ do Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh, nó Vô Chủ, Vô

Sở Hữu, Vô ngã, nó đến, nó đi không ai có thể làm chủ, điều khiển, sở hữu được nó, vì kẻ Phàm phu hiểu biết và sống trái với sự thật này nên đang " mò trắng đáy nước", và chỉ gặt hái được khổ đau mà thôi. Thấy biết điên đảo này gọi là Ngã Kiến.

3 - Điên đảo thứ ba là Lạc : kẻ Phàm phu không thấy biết như thật về Khổ, không thấy biết như thật Nguyên nhân Khổ, nên cho rằng Thực tại thế gian tràn đầy Niềm vui, Hạnh phúc, lạc thú. Do hiểu biết Vô minh, Tâm biết Cảnh, nghĩa là những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, nên kẻ Phàm phu hiểu biết Niềm vui, Hạnh phúc, Lạc thú gọi chung là Lạc luôn luôn có, thường hằng, thường trú trong Thế giới Ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Nó có trong sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc chạm êm ái, nó có trong những hoàn cảnh tốt đẹp như tiền bạc, giàu có, sắc đẹp, thành đạt, sống lâu, nó có trong những tiện nghi sang trọng, những phương tiện nghe nhìn tân tiến, nó có trong các tác phẩm văn học, hội họa, âm nhạc, điện ảnh, thi ca hấp dẫn, nó tràn đầy thế giới này, đâu đâu cũng có. Hiểu biết như vậy là không đúng sự thật, là điên đảo vì Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là sáu loại Cảm Thọ, thuộc phạm trù Tâm chứ không phải là ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Vì vậy Hạnh Phúc và Khổ đau đều là các Cảm Thọ, thuộc phạm trù Tâm, chỉ cảm nhận được nó trên thân, không phải là ngoại cảnh nên Hạnh phúc và Khổ đau không thường hằng, không thường trú trong Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Thực tại thế gian của Phàm phu phát sinh khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, phát sinh sáu Cảm thọ bao gồm Lạc thọ, Khổ thọ, Bất khổ bất lạc thọ. Do Vô minh và Tham ái mà Thực tại ấy diễn tiến như sau:

Lạc thọ - Tham - Ràng buộc - Hoại Khổ

Khổ thọ - Sân - Ràng buộc - Khổ Khổ

Bất khổ bất lạc thọ - Si - Ràng buộc - Hành Khổ.

Nghĩa là khi có Lạc thọ xuất hiện thì thích thú, tham ái Lạc thọ, vì vậy sẽ ràng buộc, nắm giữ Lạc thọ. Nhưng Lạc thọ vô thường, không tồn tại mãi mãi, nên khi nó biến hoại, biến diệt,

mất đi, sầu bi khổ ưu não khởi lên. Khổ này được đặt tên là Hoại Khổ. Khi Khổ thọ xuất hiện thì chán ghét, Sân khởi lên, muốn xa lánh, chấm dứt nó, phản ứng mãnh liệt với Khổ thọ và ràng buộc với Khổ thọ, nên sầu bi khổ ưu não khởi lên. Khổ này đặt tên là Khổ Khổ. Khi Bất khổ bất lạc thọ xuất hiện, Si khởi lên đưa đến tác ý tìm kiếm một Lạc thọ để thay thế Bất khổ bất lạc thọ, nên sẽ ràng buộc với các đối tượng đó và sẽ khởi lên sầu bi khổ ưu não. Khổ này đặt tên là Hành Khổ.

Đây là Thực tại thế gian của Phàm phu: Cho dù Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp như thế nào thì Thực tại của Phàm phu vẫn xuất hiện Hoại Khổ, Khổ Khổ, Hành Khổ. Ngoại trừ các bậc Thánh thì bất kỳ một người nào, già trẻ, gái trai, giàu nghèo, ngu trí, sang hèn, dân tộc nào, tôn giáo nào hễ sáu Căn tiếp xúc sáu Trần thì đều phát sinh Hoại Khổ, Khổ Khổ, Hành Khổ. Đây là sự thật về khổ, là Chân lý về Khổ (Khổ Đế), là sự thật phổ quát của nhân loại. Vì không thấy biết như thật Thực tại thế gian có Hoại Khổ, Khổ Khổ, Hành Khổ như vậy, kẻ Phàm phu sống vọng tưởng điên đảo về một Thế giới ngoại cảnh tràn đầy Lạc.

4 - Diên đảo thứ tư là xem Bất tịnh là Thanh tịnh : Kẻ Phàm phu chưa bao giờ thân chứng được hỷ lạc của Sơ thiền, hỷ lạc của Nhị thiền, Xả niệm lạc trú của Tam thiền, Xả niệm thanh tịnh của Tứ thiền mà chỉ quẩn quanh nơi Dục lạc thế gian. Vì chưa thân chứng được hỷ lạc nội tâm của bậc Thánh trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, Phàm phu không có được kinh nghiệm, không có được thông tin về hỷ lạc nội tâm của bậc Thánh, nên không đối chiếu được với Dục lạc thế gian, vì thế không thể biết được Dục lạc thế gian là vui ít, khổ nhiều, náo nhiễu mà nguy hiểm càng nhiều hơn, không thể biết được đây là phàm phu lạc, ô uế lạc, bất tịnh lạc. Phàm phu tham ái Dục lạc, xem Dục lạc là cao quý, kỳ diệu, sáng chói, thanh tịnh. Nhân loại vinh danh, ca ngợi, đề cao Dục lạc, đó là Hạnh phúc vật chất, Hạnh phúc tinh thần, xem đó là giá trị cốt lõi của cuộc sống thế gian. Đó chính là xem Dục lạc là thanh tịnh, đó chính là hiểu biết điên đảo. Vì rằng do tham ái Dục lạc đó mà cha con tranh đoạt nhau, vợ chồng tranh đoạt nhau, anh em, bạn bè, dòng họ, đất nước tranh đoạt nhau, tàn sát, tàn hại nhau. Vì tham ái Dục lạc mà có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu và các chất say. Vì tham ái

Dục lạc mà có phá sản, lừa đảo, tội ác và tất cả mọi khổ đau không thể kể xiết của thế gian này. Vì tham ái Dục lạc mà người ta chế tạo nhiều loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt, bom nguyên tử, vũ khí hoá học để tàn sát lẫn nhau. Vì tham ái Dục lạc mà sản xuất ra ma tuý, các chất kích thích thực vật, động vật để huỷ hoại nhau. Vì tham ái Dục lạc mà hoa hậu bán dâm, con trai giao cấu với mẹ đẻ, bố đẻ bắt con gái làm nô lệ tình dục... Dục lạc thế gian vui ít, khổ nhiều, náo nhiều mà nguy hiểm lại nhiều hơn, nó là phàm phu lạc, ô uế lạc, bất tịnh lạc nhưng kẻ Phàm phu lại xem nó là sáng chói, là Thanh Tịnh.

Chỉ khi nào một người thân chứng được hỷ lạc của Sơ thiền, hỷ lạc của Nhị thiền, Xả niệm lạc trú của Tam thiền, Xả niệm thanh tịnh của Tứ thiền, biết rõ đây là Thánh lạc, Chánh giác lạc, an tịnh lạc mới nhận ra, Dục lạc thế gian là phàm phu lạc, ô uế lạc, Bất Tịnh lạc.

Kết luận : Thực tại thế gian của Phàm phu chính là lộ trình tâm Bát Tà Đạo, trong Thực tại thế gian đó các pháp Vô thường, Vô ngã, có Khổ, có Bất Tịnh, nói một cách cho dễ hiểu, dễ nhớ là, thực tại đó : VÔ THƯỜNG, KHỔ, VÔ NGÃ, BẤT TỊNH. Nhưng vì bị Vô minh che đậy, kẻ Phàm phu không thấy biết như thật các sự thật Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh này mà thấy biết không đúng sự thật, thấy biết điên đảo thực tại thế gian này là THƯỜNG LẠC NGÃ TỊNH. Chỉ bậc Thánh không còn bị Vô minh che đậy mới thấy biết như thật, mới giác ngộ Thực tại thế gian là Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh, đó cũng chính là giác ngộ Khổ Đế và Tập Đế.

Thực tại Xuất thế gian là thực tại thuộc về bậc Thánh cũng do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần mà phát sinh. Thực tại Xuất thế gian đó là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo cũng có sáu Cảm thọ và sáu cái biết trực tiếp giác quan như thực tại phàm phu nhưng không có tám chi phần của Bát Tà Đạo mà có tám chi phần Bát Chánh Đạo bao gồm: Chánh Niệm, Chánh Tinh Tấn, Chánh Định, Chánh Tư Duy, Chánh Tri Kiến, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Trong Thực tại Xuất thế gian của bậc Thánh này các pháp vẫn Vô thường, Vô ngã, không có Khổ hay Khổ diệt, Niết bàn, có hỷ lạc do Chánh định là Thanh tịnh. Nói một cách cho dễ nhớ, dễ hiểu là Thực tại Xuất thế gian là VÔ THƯỜNG,

KHỔ DIỆT, VÔ NGÃ, THANH TỊNH.

Vì không thân chứng được hai Thực tại thế gian và Thực tại xuất thế nên một số trường phái suy diễn ra Thực tại xuất thế, Thực tại giải thoát, đó là Cảnh giới Niết Bàn của các bậc Thánh phải là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh hoặc Thường, Lạc, Vô ngã, Tịnh để đối lập với Thực tại thế gian của Phàm phu là Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh. Suy diễn như vậy chính là do Vô minh mà khởi lên, do hiểu biết điên đảo Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chi phối mà khởi lên.

THẤY SỢI DÂY TƯỞNG LÀ CON RẮN

Đây là một thí dụ được nhắc đến rất nhiều, nhằm minh họa cho hiểu biết sai lạc, hiểu biết điên đảo về những đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận. Thí dụ này phải được khảo sát, phân tích tỉ mỉ và so sánh với hiểu biết của Phạm phu để biết được hiểu biết của Phạm phu sai lạc, điên đảo như thế nào.

Để thí dụ này trở nên rõ ràng hơn, hãy quan sát hai trường hợp. Một người "thấy" sợi dây rồi "tưởng là" con rắn. Một người khác cũng "thấy" sợi dây nhưng "biết là" sợi dây. Hành vi "thấy" của hai người là giống nhau, nghĩa là cùng "thấy" đối tượng. Nhưng hành vi "biết" của hai người này lại khác nhau. Như vậy có hai hành vi xảy ra là THẤY và BIẾT đối tượng, trong đó THẤY rồi mới BIẾT, THẤY trước BIẾT sau.

Hành vi THẤY đối tượng chính là cái biết trực tiếp giác quan, theo thuật ngữ Phật học gọi là Nhãn thức, theo khoa Tâm Lý học gọi là Nhận thức cảm tính đối tượng. Thấy đối tượng của hai người kia và một đứa trẻ vừa đẻ ra đều giống nhau, thấy nhưng chưa biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Cái biết trực tiếp giác quan hay Nhận thức cảm tính bao gồm Nhãn thức thấy đối tượng hình ảnh. Nhĩ thức nghe đối tượng âm thanh. Tỉ thức cảm nhận đối tượng mùi. Thiệt thức cảm nhận đối tượng vị. Thân thức cảm nhận đối tượng xúc chạm. Tưởng thức cảm nhận đối tượng pháp trần. Tóm gọn lại là: THẤY, NGHE, CẢM NHẬN các đối tượng nhưng không BIẾT đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao, là Nhận thức cảm tính không có khái niệm, không có ngôn ngữ chế định, không có phân biệt đối tượng này với đối tượng kia (Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt) mà Thánh Phạm đều như nhau, không do học hỏi mà có.

Hành vi BIẾT, hay hiểu biết về đối tượng xảy ra sau khi thấy, nghe, cảm nhận đối tượng, để xác định đối tượng là cái gì, tính chất ra sao. Đây là cái biết Ý thức do Niệm và Tư Duy mà

phát sinh. Ý thức phụ thuộc vào Niệm, Tư Duy và phụ thuộc vào những thông tin trong kho chứa gồm những gì đã học hỏi, kinh nghiệm, tích lũy trong quá khứ nên Ý thức hiểu biết về đối tượng của mỗi mỗi người đều khác nhau, Thánh Phạm đều khác nhau. Vì vậy ở thí dụ trên, hai người cùng thấy đối tượng nhưng Ý thức một người biết đối tượng đó là con rắn, một người lại biết đối tượng đó là sợi dây.

Trong hai cái biết biết : Cái biết trực tiếp giác quan và Cái biết Ý thức thì Cái biết trực tiếp giác quan không phát sinh Thái độ mà chỉ Ý thức mới phát sinh Thái độ. Khi một đứa trẻ mới đẻ ra mắt nó tiếp xúc đối tượng và Nhãn thức phát sinh thấy đối tượng, chỉ thuần túy là Nhãn thức thấy, còn Ý thức chưa phát sinh, nó không biết đối tượng là con rắn hay sợi dây nên nó không có bất kỳ một Thái độ nào với đối tượng. Trái lại hai người kia, một người sau khi thấy đối tượng, Ý thức biết đối tượng là con rắn sẽ phát sinh Thái độ sợ hãi, Ý thức người thứ hai biết nó là sợi dây sẽ có Thái độ không sợ hãi.

Thí dụ này ám chỉ cho Thấy Biết của Phạm và Thánh. Phạm và Thánh đều THẤY, NGHE, CẢM NHẬN các đối tượng của Thực tại, đó là cái biết Trực tiếp giác quan và THẤY, NGHE, CẢM NHẬN các đối tượng của Phạm và Thánh đều như nhau nhưng HIỂU BIẾT tức cái biết Ý thức về các đối tượng là khác nhau. Phạm phu hiểu biết sai lạc về các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận như người thấy sợi dây tưởng là con rắn nên mới phát sinh Thái độ Tham Sân Si với đối tượng, mới ràng buộc vào đối tượng, mới phát sinh Sầu Bi Khổ Ưu Não. Bạc Thánh hiểu biết đúng như thật các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận như người thấy sợi dây thì biết đúng đó là sợi dây, nên không còn phát sinh Thái độ Tham Sân Si, nên không ràng buộc vào đối tượng, không có Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Nhưng kẻ Phạm phu hiểu biết sai lạc đối tượng là sai lạc như thế nào mà lại được ví như thấy sợi dây tưởng là con rắn? Hiểu biết của bậc Thánh đúng với đối tượng là như thế nào mà lại được ví như thấy sợi dây biết đó là sợi dây ?

Đức Phật đã giác ngộ Thực tại, tức là hiểu biết đúng như thật Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận và Ngài đã

tuyên bố trong bản kinh Phạm Võng. "Này các Tỷ kheo, Như Lai nhờ tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của Thọ mà Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ". Như vậy Như Lai giác ngộ là giác ngộ về các Cảm Thọ chứ không phải giác ngộ về Thế giới ngoại cảnh Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Đúng như vậy, Thực tại được thấy, được nghe, được cảm nhận do Sáu Căn tiếp xúc Sáu Trần mà phát sinh. Đó là sáu Cảm Thọ (hay Cảm Giác) và sáu Cái biết Trực tiếp giác quan nhận biết sáu Cảm Thọ. Nghĩa là Thực tại bao gồm: Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh, Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh, Tỉ thức cảm nhận Cảm giác mùi, Thiệt thức cảm nhận Cảm giác vị, Thân thức cảm nhận Cảm giác xúc chạm, Tưởng thức cảm nhận Cảm giác pháp trần, chứ không phải Nhãn thức thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Thanh trần, Tỉ thức cảm nhận Hương trần, Thiệt thức cảm nhận Vị trần, Thân thức cảm nhận Xúc trần, Tưởng thức cảm nhận Pháp trần như hiểu biết của Phàm phu. Các Cảm giác hay Cảm Thọ có tự tánh Vô thường, Vô chủ (hay Vô ngã), có Vị ngọt, có Sự nguy hiểm, có Sự xuất ly. Cái biết của bậc Thánh khởi lên như sau: Sau khi Thấy, Nghe, Cảm nhận đối tượng, Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên biết đối tượng đó là Cảm Thọ, nó Vô thường, Vô chủ (Vô ngã), nó có Vị ngọt, có sự Nguy hiểm, có sự Xuất ly. Thấy biết này là đúng bản chất của đối tượng và được ví như người thấy đối tượng (sợi dây) biết đúng như thật đối tượng là sợi dây. Với Ý thức Chánh Tri Kiến biết như thật về Thực tại như vậy sẽ không có Thái độ Tham Sân Si, không Dính mắc ràng buộc với đối tượng nên không có Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Kẻ Phàm phu bị Vô minh che đậy, bị Tham ái dẫn dắt không Tuệ tri Lý Duyên khởi, không biết như thật Thực tại phát sinh do duyên (Xúc) giữa sáu Căn và sáu Trần nên sau khi Thấy, Nghe, Cảm nhận đối tượng giống như bậc Thánh rồi Ý thức Tà Tri Kiến biết đối tượng đó là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Với hiểu biết đã được mặc định (Tâm biết Cảnh) thì các đối tượng đó là các Sắc pháp (là Vật chất, là các vật thể), hoặc là tính chất của vật chất. Các pháp đó thường hằng, thường trú trong vật chất, là của vật chất. Ví như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn... đều là tính chất của vật chất, sẵn có, thường xuyên có trong vật chất và của vật chất, như ngọt ở trong đường và của

đường, mặn ở trong muối và của muối, ngon dở ở trong thức ăn và của thức ăn, nóng ở trong lửa và của lửa, lạnh ở trong nước đá và của nước đá... Và như vậy, các đối tượng là Thường hằng, thường trú và Hữu chủ (có chủ nhân sở hữu các pháp đó). Chính vì hiểu biết của Phạm phu đã được mặc định theo Tâm biết Cảnh có nội dung Thường kiến (thường hằng, thường trú) và Ngã kiến (hữu chủ) như vậy nên sau khi Thấy, Nghe, Cảm nhận đối tượng rồi Ý thức Tà Tri Kiến khởi lên biết đối tượng đó là Sắc pháp (vật chất), thường hằng, thường trú, sở hữu được nó, chiếm hữu được nó, chính nó sẽ làm cho Ta đau khổ hoặc hạnh phúc. Hiểu biết như vậy được ví như người thấy đối tượng (sợi dây) lại tưởng là con rắn. Với hiểu biết như vậy sẽ phát sinh Thái độ Tham Sân Si, sẽ Dính mắc ràng buộc với đối tượng và sẽ có Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Giống như có hai người trong một đêm sáng trăng cùng nhìn vào một hồ nước phẳng lặng và đều thấy một đối tượng dưới nước. Người thứ nhất thấy đối tượng rồi biết đó là trăng đang ở trong hồ, có thể vớt lên được, đem về nhà sử dụng được thì người đó sẽ nhảy xuống hồ lặn hụp để vớt trăng lên. Và kết quả là cực khổ vô ích. Người thứ hai thấy đối tượng rồi biết đó là bóng trăng trong nước, nhìn ngắm vẻ đẹp của bóng trăng nhưng không có tư tưởng chiếm hữu, sẽ không nhảy xuống lặn hụp tìm trăng và sẽ không cực khổ vô ích. Cũng y như vậy, bậc Thánh sau khi Thấy, Nghe, Cảm nhận đối tượng, Ý thức Chánh Tri Kiến khởi lên biết các đối tượng đó là Cảm thọ thuộc phạm trù Tâm, nó sinh lên rồi diệt ngay (Vô thường), không chiếm hữu, không sở hữu được nó (Vô chủ), nó có Vị ngọt, nếu thích thú thì sẽ muốn nắm giữ, sở hữu nó thì khi nó mất đi sầu bi khổ ưu não sẽ khởi lên (Sự nguy hiểm) thì bậc Thánh vẫn Thấy, nghe, Cảm nhận nó nhưng hoàn toàn vắng lặng Tham Sân Si, Sầu Bi Khổ Ưu Não. Còn kẻ Phạm phu, sau khi Thấy, Nghe, Cảm nhận đối tượng rồi tưởng lầm nó là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, tưởng lầm nó thường hằng, thường trú trong Thế giới vật chất, tưởng lầm có thể chiếm hữu, sở hữu nó, tưởng lầm là nó mang đến Hạnh phúc hoặc đau khổ cho Ta nên mới có Thái độ Tham Sân Si, Dính mắc ràng buộc với nó, mới có Sầu Bi Khổ Ưu Não.

TỪ BI

Từ bi là lòng thương cảm của bậc Thánh đối với chúng sinh đang đắm chìm trong đau khổ vì Vô Minh và Tham ái. Đối với kẻ Phàm phu, nhiều người cũng có lòng thương cảm đối với chúng sanh đang ở trong những hoàn cảnh đốn đau, tuyệt vọng, tội tệ nhưng đó không phải là Từ Bi. Vậy thì có gì khác nhau trong Thương Cảm của bậc Thánh và Phàm phu ?

Thương cảm của bậc Thánh được gọi là Từ Bi phát sinh trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế, cụ thể là do Ý thức Chánh Tri Kiến hiểu biết như thật về Khổ Tập Diệt Đạo. Đó là Khổ bao gồm Hoại Khổ, Khổ Khổ, Hành Khổ và Nguyên nhân Khổ là Vô Minh và Tham Ái thuộc về Nội Tâm phát sinh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu chứ không phải nơi Ngoại Cảnh.

Ý thức Chánh Tri Kiến như vậy sẽ phát sinh lòng Thương Cảm đối với tất cả chúng sinh không phân biệt giàu nghèo, gái trai, ngu trí, sang hèn, chủng tộc, tôn giáo, vì tất cả không trừ một ai đều đang đau khổ (ngoại trừ các bậc Thánh). Ý thức Chánh Tri Kiến là sự thấu đạt Vô Ngã, nên Thương Cảm như vậy không có một cái Ta, một Bản Ngã nào là chủ nhân, chủ sở hữu của Thương Cảm. Đối tượng của Thương Cảm là Vô minh và Tham ái của chúng sanh chứ không phải Thương Cảm hoàn cảnh nghèo khó, tội tệ, tuyệt vọng của chúng sanh. Thương Cảm của bậc Thánh như vậy, sẽ phát sinh sự giúp đỡ chúng sinh Học, Hiểu và Thực Hành Bát Chánh Đạo để đoạn trừ Vô minh và Tham Ái chứ không phải giúp cho chúng sanh thay đổi Hoàn Cảnh sống.

Thương Cảm của Phàm phu phát sinh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo, cụ thể là do Ý thức Tà Tri Kiến, hiểu biết sai lạc về Khổ Tập Diệt Đạo. Đó là Khổ, Nguyên nhân Khổ, Sự chám dứt Khổ đều thuộc về ngoại cảnh, thuộc về Hoàn cảnh sống và Con đường chám dứt Khổ là thay đổi Cảnh, thay đổi Hoàn cảnh sống. Thương Cảm đó có một cái Ta, một Bản Ngã là chủ nhân, chủ sở

hữu Của hành vi Thương Cảm. Ý thức Tà Tri Kiến so sánh Ta (Bản Ngã) với đối tượng và hiểu biết Ta hơn, Ta kém hoặc Ta bằng và Thương Cảm chỉ phát sinh khi biết Ta hơn đối tượng . Thương Cảm không bao giờ phát sinh đối với đối tượng hơn Ta : hoàn cảnh tốt đẹp hơn Ta, giàu có hơn Ta, thành đạt hơn Ta... Đối tượng của Thương Cảm là hoàn cảnh khó khăn, tuyệt vọng, đau thương của chúng sinh chứ không phải là Thương Cảm sự Vô minh và Tham ái. Chính vì vậy mà Thương Cảm ấy hướng đến giúp đỡ chúng sinh thay đổi Hoàn Cảnh sống. Có thể hành vi giúp đỡ chúng sinh thay đổi Hoàn Cảnh sống như vậy, xoa dịu tạm thời nỗi khổ, nhưng nó chỉ thay thế nỗi khổ này bằng nỗi khổ khác mà thôi, không Chấm Dứt được Khổ, vì Nguyên nhân Khổ là Vô minh và Tham ái thuộc Nội Tâm chứ không phải Ngoại Cảnh.

Từ Bi thuộc về bậc Thánh, Từ Bi không có nơi Phạm phu. Từ Bi không do tu tập mà có, Từ Bi là sản phẩm có mặt trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo siêu thế của bậc Thánh. Ý thức Chánh Tri Kiến là hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo thì sẽ phát sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, biểu hiện của Từ Bi, là sự tử tế, bi mẫn của bậc Thánh. Chính vì điều này mà trong Ba Mươi Bảy chi phần của đạo bao gồm: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo, Đức Phật không có dạy tu tập Từ Bi. Tu tập Bát Chánh Đạo thì sẽ có được sản phẩm Từ Bi. Nếu tu tập Từ Bi theo cách rải tâm từ đến muôn loài chúng sinh, là đang thực hành theo tư tưởng có một chủ thể, một cái Ta, một Bản Ngã đang rải tâm từ đến muôn loài chúng sinh đang đau khổ. Tư tưởng đó chính là Ý thức Tà Tri Kiến: Ta hơn muôn loài chúng sinh đang đau khổ. Đây là điều rất vi tế, khó thấy, khó biết và thực hành như vậy là đang vun bồi một "Đại Ngã".

Trong Phật giáo thường nói: Từ Bi và Trí Tuệ nhưng nếu theo ngữ pháp Tiếng Việt phải nói là Trí Tuệ và Từ Bi để người nghe hiểu được Trí Tuệ phát sinh Từ Bi, Trí Tuệ là Nhân, Từ Bi là Quả. Để tránh ngôn ngữ Hán Việt, để người bình dân dễ tiếp thu và để Đạo Phật nhập thế, một số người lại chủ trương thay thế từ Trí Tuệ và Từ Bi bằng từ Hiểu và Thương. Ngôn ngữ là phương tiện truyền thông, được con người chế định, giúp cho con người giao tiếp với nhau, hiểu được sự vật, hiện tượng mà ngôn ngữ

chỉ bày. Vì vậy từ Hiểu và Thương thuộc về giao tiếp thế gian, được thế gian chế định nội dung, nên khi nghe đến Hiểu và Thương thì người nghe đã mặc định nội dung. Từ Hiểu được mọi người quan niệm là hiểu biết của nhân loại và đương nhiên là hiểu Khổ Tập Diệt Đạo ở nơi Ngoại Cảnh, Hiểu này là "thấy sợi dây lại tưởng là con rắn", vì vậy Thương phát sinh do Hiểu như vậy thuộc về Phàm phu chứ không phải là Trí Tuệ và Từ Bi của bậc Thánh. Các thay đổi ngôn từ như vậy làm cho người tu học hiểu sai nội dung khái niệm Trí Tuệ, Từ Bi mà Đức Phật đã dày công chế định và các thế hệ trước đã cố gắng giữ gìn.

GIẢI MÃ KINH A DI ĐÀ

Bản Kinh A DI ĐÀ là giáo lý của tông Tịnh Độ, một tông phái của Phật giáo Bắc tông. Sự xiển dương và hành trì của tông Tịnh độ trong quá khứ cũng như hiện nay chứng tỏ những vị Tổ sư của tông phái này chưa bao giờ đọc kỹ kinh A di đà nên đã không hiểu được nội dung cũng như chủ đích của kinh A di đà, vì vậy xiển dương và hành trì sai lạc với nội dung và chủ đích của Kinh A di đà.

A - Một nội dung quan trọng nhất mà người đọc kinh thường bỏ qua, đó là phong cảnh và sinh hoạt, đời sống của cư dân Tịnh độ.

1 - Phong cảnh của Tây phương cực lạc được mô tả rất hoành tráng với vàng bạc, hồ phách, xà cừ, mã não... nhưng điểm nhấn của phong cảnh này là những loài chim quý như Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lăng tần già ...ngày đêm sáu thời, tiếng hót hoà nhã phát ra Pháp Âm : Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ đề phần, Bát Chánh đạo phần. Và những hàng cây báu những lưới ngọc giăng phát ra những âm thanh vi diệu khiến cho những ai nghe được thì đều phát sinh Chánh Niệm : Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng.

Qua sự mô tả này phải hiểu rằng Tây phương cực lạc là môi trường lý tưởng cho người Phật tử, cho người muốn tìm hiểu và tu tập Pháp. Ở đây có đầy đủ điều kiện để nghe Pháp thể hiện qua hình ảnh các loài chim quý ngày đêm sáu thời diễn nói Pháp Âm như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề phần, Bát Chánh Đạo phần. Đây là điều kiện lý tưởng để có được Văn Tuệ, Trí Tuệ do nghe mà có được. Những hàng cây báu, những lưới ngọc giăng phát ra những âm thanh vi diệu liên tục có tác dụng làm cho Chánh Niệm : Nhớ đến Phật, Nhớ đến Pháp, Nhớ đến Tăng liên tục khởi lên và nhờ vậy các Niệm và Tư duy thể tục tức Tà Niệm được nhiếp phục, không khởi lên. Nhờ có Chánh Niệm về Phật, về Pháp, về Tăng như vậy mà sẽ có Chánh Tư duy về

những điều đã được nghe mà có được sự hiểu biết sâu rộng hơn về Phật, Pháp, Tăng và như vậy sẽ có Tư Tuệ. Không những Chánh Niệm về Phật, Pháp, Tăng phát sinh Tư Tuệ như vậy mà Chánh Niệm sẽ khởi lên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, đưa đến thấy biết như thật gọi là Tu Tuệ, chính là Chánh Tri Kiến trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo.

Như vậy Tây phương cực lạc là hình ảnh ẩn dụ cho một môi trường lý tưởng để có được Văn Tuệ, Tư Tuệ và Tu Tuệ. Nó chính là nhân, là duyên, là yếu tố, là điều kiện cho Văn - Tư - Tu.

2 - Đời sống sinh hoạt của cư dân Tây phương cực lạc:

Chúng sanh trong cõi đó, thường vào lúc sáng sớm đều lấy đũa đựng các hoa tốt, đem cúng dường mười muôn ức cõi Phật ở phương khác, đến giờ ăn liền về bản quốc, ăn cơm xong liền đi kinh hành.

Xá lợi Phát, cõi nước cực lạc, thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Cõi đó thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp lạ thường, nào chim Bạch hạc, khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lăng tần già, Cọng mạng. Những giống chim đó ngày đêm sáu thời tiếng hát hoà nhã.

Tiếng chim đó diễn nói những pháp như ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo phần...v v. Chúng sanh trong cõi đó nghe tiếng chim xong thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá lợi Phát, trong cõi nước của đức Phật đó, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu, và động mảnh lưới báu, làm vang ra tiếng vi diệu, ví như trăm ngàn thứ âm nhạc đồng một lúc hoà chung. Người nào nghe tiếng đó đều sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Đoạn trích từ Kinh A di đà trên cho thấy đời sống và sinh hoạt của cư dân nơi cõi nước Cực lạc diễn ra như sau:

a - Sáng sớm thức dậy lễ bái cúng dường chư Phật mười phương, sau đó cơm nước xong, liền tu tập Thiền Hành. Ấn ý của câu văn này là cư dân Tịnh độ ăn ngày một bữa, ăn xong thì lập tức tu hành.

b - Những loài chim quý ngày đêm sáu thời diễn nói Pháp Âm của Phật, những âm thanh do các hàng cây báu, những lưới báu phát ra làm cho cư dân Tịnh độ sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng ấn ý nói rằng ở đây tu hành liên tục không dừng nghỉ, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng không dừng nghỉ. Và thế nào là Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng?

- Niệm Phật là nhớ đến: Phật là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Không những nhớ đến mười danh hiệu tức mười phẩm tánh của một Đức Phật Chánh Đẳng Giác mà còn tư duy tìm hiểu, thấu rõ mười phẩm tánh của một Đức Phật. Nhờ thực hành Niệm Phật như vậy mà tâm tư được lắng trong, các ô nhiễm và lậu hoặc được nhiếp phục và người ấy đạt được an lạc không có khó khăn. Pháp Niệm Phật như vậy là pháp Niệm Phật được tất cả các tông phái chấp nhận, được thực hành ở Tây phương cực lạc, được Kinh điển đề cập đến. Còn niệm Nam mô A di đà Phật cũng là niệm Phật nhưng chỉ là pháp niệm Phật của tông Tịnh độ, các tông phái khác không chấp nhận.

- Niệm Pháp là nhớ đến và thực hành Pháp bao gồm:

Nhớ đến Pháp mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng có tính chất: Thiết thực hiện tại, Đến để mà thấy, Không bị chi phối bởi thời gian, Có tính hướng thượng, Cho người trí tự mình giác ngộ.

Nhớ đến Lý Duyên Khởi, nhớ đến các pháp Vô thường, Vô ngã, nhớ đến thấy biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo tức nhớ đến Tứ Thánh Đế.

Nhớ đến sự thực hành : Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo.

Tóm lại Niệm Pháp là nhớ đến và thực hành Tứ Thánh Đế trong đó có Bát Chánh Đạo.

- Niệm Tăng là nhớ đến: Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là có bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Nhờ Niệm Tăng như vậy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não được nhiếp phục.

B - Định nghĩa khái niệm cực lạc:

Vì chúng sanh trong cõi đó không có những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui nên cõi nước đó tên là Cực Lạc.

Theo sự mô tả về đời sống sinh hoạt của cư dân Tịnh độ, họ chỉ học tập về Tứ Thánh Đế và tu tập Bát Chánh Đạo. Tuy Tứ Thánh Đế không được nhắc đến, chỉ đề cập Bát Chánh Đạo, nhưng sự tu tập Bát Chánh Đạo không thể tách biệt Tứ Thánh Đế, vì rằng Bát Chánh Đạo là một Đế trong bốn Đế. Tuy kinh đề cập tới ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo phần nhưng hàm ý là ba mươi bảy phẩm trợ đạo và thực chất ba mươi bảy phẩm trợ đạo là cách đề cập các khía cạnh khác nhau của Bát Chánh Đạo hiệp thế và siêu thế.

Do sự thực hành liên tục như vậy mà lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên và hiện hữu liên tục, lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của phàm phu được nhiếp phục, không khởi lên. Do vậy vị ấy chứng ngộ được trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo có sự vắng mặt Vô minh, vắng mặt Tham Sân Si, vắng mặt sầu bi khổ ưu não, nghĩa là chứng ngộ được Khổ Diệt hay thuật ngữ Phật học gọi là Niết Bàn. Vị ấy cũng chứng ngộ được Bát Chánh Đạo là con đường Chấm dứt Khổ và đây là chứng ngộ Diệt Đế và Đạo Đế. Cư dân nơi Cực Lạc không có những sự khổ là do thực hành Bát Chánh Đạo như vậy.

Cư dân ở đó chỉ hưởng những điều vui là như thế nào? Khi Bát Chánh Đạo khởi có ba pháp là cái trục chính của Bát Chánh

Đạo là Chánh Niệm - Chánh Định - Chánh Kiến mà nói tắt là Niệm - Định - Tuệ. Trong đó Chánh Định có thể là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền hoặc Tứ thiền. Nếu là Sơ thiền thì sẽ có hỷ lạc do ly dục sanh, nếu Nhị thiền sẽ có hỷ lạc do định sanh, nếu Tam thiền sẽ có lạc do xả sanh, nếu Tứ thiền sẽ có xả niệm thanh tịnh. Cư dân Tịnh độ chỉ hưởng những điều vui, đó là cái vui nội tâm do các mức độ định mà có. Đây gọi là vui hay kinh gọi là lạc, một thứ lạc vô hại, không nguy hiểm như Dục Lạc thế gian vui ít, khổ nhiều, náo nức nhiều mà nguy hiểm lại càng nhiều hơn. Kẻ phàm phu vì tham đắm và khát khao Dục Lạc nên phải lao tâm khổ trí nên sầu bi khổ ưu não khởi lên. Vì Dục Lạc mà cha con tranh đoạt nhau, vợ chồng tranh đoạt nhau, người ta đâm chém giành giật nhau, người ta tạt a xít vào mặt nhau, người ta chế tạo và buôn bán ma túy, người ta chế tạo bom đạn kể cả bom hạt nhân để tàn sát tàn hại lẫn nhau. Vì cái thứ Lạc ấy mà có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Vì lạc ấy mà có biết bao lừa đảo, phá sản, biết bao tội ác và khổ đau trên thế gian này. Vì lạc ấy mà các cô hoa hậu bán dâm, vì lạc ấy mà có con trai giao cấu với cả mẹ đẻ của mình, có ông bố hiếp dâm đứa con đẻ sáu tuổi... Lạc đó của Dục Lạc thế gian gọi là phàm phu lạc, ô uế lạc, bất tịnh lạc. Lạc đó đáng sợ hãi và cần xa lánh. Trái với Dục Lạc thế gian, lạc của các bậc thiền là vô hại nó đưa đến xa lánh Dục Lạc, viễn ly, đoạn trừ, đoạn tận tham ái Dục Lạc nên nó là Thánh lạc, chánh giác lạc, an ổn lạc, viễn ly lạc.

Như vậy khái niệm Cực Lạc ở đây khác với các khái niệm Thiên đường cực lạc của các tôn giáo khác, khác với quan niệm của phàm phu về cực lạc. Đối với các tôn giáo và phàm phu thì Thế giới cực lạc là nơi chỉ có sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc chạm êm ái... muốn tận hưởng bao nhiêu cũng có, không bao giờ thiếu, nơi muốn gì được nấy. Thế giới cực lạc như vậy chỉ là do tâm tham ái Dục lạc mơ ước suy diễn mà tưởng tượng ra.

KẾT LUẬN là cư dân ở Tây phương cực lạc không có những sự khổ chỉ hưởng toàn vui là do họ có được môi trường lý tưởng để tu tập Tứ Thánh Đế, tu tập Bát Chánh đạo. Nhờ môi trường lý tưởng nên sự tu tập của họ xảy ra liên tục không gián đoạn vì vậy họ chứng ngộ và an trú Khổ Diệt (Niết Ban) .Sự an trú Khổ Diệt của các cư dân Tịnh độ không phải do đức Phật A di

đà mang đến mà do mỗi người thực hành mà đạt được. Đức Phật A di đà được hiểu là nhân duyên, là yếu tố và điều kiện cho sự tu tập Bát Chánh Đạo.

C - Tuổi thọ vô lượng vô biên:

Xá lợi Phất, đức Phật A di đà và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nên gọi là A di đà.

Câu này nếu hiểu theo nghĩa đen là một điều phi lý, trái với sự thật Vô thường, nó phải được hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ theo ngữ cảnh của bài Kinh, cái ngữ cảnh đã được phân tích ở trên. Đích đến của cuộc sống cũng là đích đến của sự thực hành Bát Chánh Đạo là Sự Chấm Dứt Khổ. Khi thực hành Bát Chánh đạo chúng ngộ và an trú Khổ Diệt hay nói theo cách khác là chúng ngộ và an trú Niết Bàn thì đó là đích đến, không có một cái đích nào khác nữa. Những ai đã đến đích đó, đã Chấm Dứt Khổ thì đều cảm thán lên: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm (xong), không còn trở lui đời này nữa. Đó là sự vắng lặng vĩnh viễn của Vô minh, của tham sân si, của sầu bi khổ ưu não, của sinh già bệnh chết, sự vắng lặng vĩnh viễn của đời này, đời sau, của quảng giữa hai đời, đó chính là sự đoạn tận khổ đau. Kinh điển nguyên thủy hay dùng từ bất tử để chỉ cho sự chứng ngộ này và kinh A di đà lại dùng tuổi thọ vô lượng vô biên cũng là để ám chỉ sự chứng ngộ đó.

Kinh A di đà chỉ dừng lại đời sống và sinh hoạt của cư dân Tịnh độ mà không hề nói đến lý tưởng thành Phật như các kinh điển Đại thừa khác, không hề bàn đến tương lai bởi mục đích của sự thực hành Phật pháp là Chấm Dứt Khổ chứ không phải mục đích là để trở thành, không phải để trở thành một con người vĩ đại, một con người siêu việt. Danh xưng Phật hay Ala hán là để chỉ cho những người đã chấm dứt khổ mà thôi. Phát nguyện tu để thành Phật, thành Chánh Đẳng giác để độ thoát tất cả chúng sinh và Ta sẽ là người thành Phật sau cùng cũng xuất phát từ chấp thủ Bản ngã hết sức vi tế nhưng cũng cực kỳ ghê ghớm.

D - Phát nguyện vãng sanh : phát nguyện vãng sanh về Tây phương cực lạc sau khi hiểu biết về Tứ Thánh Đế và tin vào sự thực hành Bát Chánh Đạo đưa đến chấm dứt khổ đau vì đó là

môi trường lý tưởng để học hỏi và tu tập Tứ Thánh Đế và Bát Chánh Đạo, và cũng vì tại nơi đó có rất nhiều vị Ala han, nhiều vị bồ tát ... đã tu tập thành công. Tuyệt nhiên không phải phát nguyện vãng sanh Tây phương cực lạc để hưởng thụ Dục Lạc, để thoả mãn ham muốn sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc chạm êm ái...v v. như nhận thức của phàm phu và các tôn giáo khác. Sự phát nguyện này phải được hiểu theo tiến trình ngũ căn: Tín - Tấn - Niệm - Định - Tuệ. Tín là do được nghe mà có được hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo tức Tứ Thánh Đế mà Chánh tín khởi lên, và do Chánh tín mà khởi quyết tâm tu tập Bát Chánh Đạo (nghĩa là phát nguyện), do phát nguyện đó mà phát sinh Tinh Tấn, và do Tinh Tấn mà có sự tu tập Bát Chánh Đạo siêu thế, lúc đó Niệm - Định - Tuệ khởi lên.

Tất cả chư Phật đều tán thán và hộ niệm cho Kinh này cũng có nghĩa là tán thán và hộ niệm cho người phát tâm vãng sanh Tây phương cực lạc với mục đích tu tập Tứ Thánh Đế và Bát Chánh Đạo để chấm dứt khổ. Điều này cũng khẳng định : Các Đức Phật trong thời quá khứ, các Đức Phật trong thời hiện tại, các Đức Phật trong thời vị lai chỉ giảng dạy và tán thán một con đường độc nhất đưa đến đoạn tận khổ đau, đó là Bát Chánh Đạo.

E - Sự vãng sanh Tây phương cực lạc :

Phần đầu bản kinh thì nói rằng: Xá lợi Phất, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe nói đức Phật A di đà rồi chấp trì danh hiệu của đức Phật đó hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày lòng không tạp loạn. Thời người đó đến lúc lâm chung đức Phật A di đà cùng Thánh chúng hiện thân trước người đó. Người đó lúc chết tâm không điên đảo liền được vãng sanh về nước Cực Lạc của Phật A di đà.

Phần cuối bản kinh lại khẳng định :Xá lợi Phất, Nếu có người đã phát nguyện, hiện nay đang phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện sinh về cõi nước của Phật A di đà, thì những người ấy đều không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở cõi nước kia hoặc đã sanh về, hiện đang sanh về, hoặc sẽ sanh về.

Nội dung của sự vãng sinh ở phần đầu và phần cuối mâu thuẫn nhau, tiền hậu bất nhất. Phần đầu thì nói sau khi chết mới được vãng sanh, phần cuối thì nói ai đã phát nguyện thì đã vãng sanh rồi đâu chờ đến lúc chết mới vãng sanh. Những gì mà tiền hậu bất nhất thì đều không phải là sự thật, không đáng tin. Đây chính là cái nút thắt của bộ kinh, gỡ được cái nút thắt này sẽ thấy được chủ ý của bộ kinh.

Tác giả của bộ kinh phải là người rất thông minh, hiểu nhiều biết rộng không thể nào phạm một cái lỗi như vậy, vì rằng bản văn tương đối ngắn chứ không phải tràng giang đại hải mấy trăm, mấy nghìn trang để khi viết đoạn sau không biết đoạn trước đã viết những gì, do đó mà phạm lỗi. Phải thấy rằng tác giả cố trưng ra cái tiền hậu bất nhất ấy với hai chủ ý:

Một là bản kinh này không được hiểu theo nghĩa đen mà phải hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ. Đây cũng là đặc tính đặc trưng của tư tưởng Ấn độ. Hãy xuyên qua ngôn ngữ, xuyên qua sự việc theo nghĩa đen của ngôn ngữ chỉ bày để thấu suốt chủ ý của tác giả.

Hai là kinh nói : người đã phát nguyện thì đã sinh rồi nghĩa là đã ở Tịnh độ rồi thì hãy sống như một cư dân tịnh độ nghĩa là Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, cũng có nghĩa là thực hành Bát Chánh Đạo ngày đêm liên tục không dừng nghỉ. Một đời sống như vậy thì không còn những sự khổ chỉ hưởng toàn vui, cái vui nội tâm của Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên hoặc Tứ thiên. Phải chăng đó chính là Tây phương cực lạc hiện tiền ngay bây giờ và tại đây đâu chờ sau khi chết mới vãng sanh. Một chủ ý khác nữa của kinh là dùng câu niệm Nam mô A di đà phật để cho tâm bớt loạn động, tạo nhân duyên cho sự tu tập Bát Chánh Đạo. Và những ai đã niệm Phật A di đà và phát nguyện vãng sinh rồi thì hãy tiến tu Tứ Thánh Đế và Bát Chánh Đạo.

G - Kết luận : Bát Chánh Đạo là con đường độc nhất, pháp môn tu độc nhất giúp cho chúng sanh diệt trừ phiền não, chấm dứt khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết bàn.

Trong tác phẩm Cư Trần Lạc Đạo vua Trần Nhân Tông đã

viết:

Tịnh độ là lòng trong sạch, chứ còn ngờ hỏi đến Tây phương.

Di đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc.

Nghĩa là khi lòng trong sạch, không còn tham sân si, sầu bi khổ ưu não, khi mà Trí tuệ đã sáng soi, liễu tri tất cả pháp thì đâu còn đi tìm Tây phương cực lạc.

Trong tác phẩm Tứ Diệu Đế với song ngữ Anh - Việt của Đạt Lai Lat Ma, Ngài đã viết: “ Mặc dù sự thực hành của riêng tôi là rất kém cỏi, quả thật rất kém cỏi, và mặc dù tôi có trì chú cũng như quán tưởng một số mandala nhưng trọng tâm chính trong sự tu tập hàng ngày của tôi vẫn là Tứ Diệu Đế và tâm Bồ đề. Tôi cảm nhận hai pháp tu này là thực sự mang lại lợi ích thiết thực. Đôi khi tôi nghĩ rằng việc quán tưởng các vị Thánh hộ trì (tức thực hành Mật tông) có thể gần như là một cách tự lừa dối” . Đạt lai Lat ma là lãnh tụ tinh thần của Phật giáo và dân tộc Tây tạng, Ngài là vị có thẩm quyền về Mật Tông nhưng Ngài đã thổ lộ như vậy về Mật Tông. Đây là một con người chân thật và dũng cảm phi thường và Ngài cũng nhận ra Bát Chánh Đạo là con đường đưa đến chấm dứt Khổ, thực hành Bát Chánh Đạo mới đưa đến lợi ích thiết thực.

NGOẠI KHÔNG VÀ NỘI KHÔNG

Trong kinh Đại Không thuộc Trung Bộ Kinh có đề cập tới: tác ý nội không, tác ý ngoại không, tác ý nội ngoại không. Vậy nội không là cái gì, ngoại không là cái gì và như thế nào là tác ý nội không, như thế nào là tác ý ngoại không, như thế nào là tác ý nội ngoại không ? Đây là lĩnh vực rất tế nhị, khó thấy, khó biết, khó chứng, bởi vì nó thuộc về lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, lộ trình tâm bậc Thánh. Những ai chưa có Pháp học đầy đủ và chính xác về Duyên Khởi lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phạm phu, Duyên Khởi lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh, chưa biết rõ về Tứ Thánh Đế thì cho dù có giảng nói thế nào, họ cũng không có thể biết được nội không là cái gì, ngoại không là cái gì. Một người có Pháp học đầy đủ và chính xác nhưng chưa có tu tập Bát Chánh Đạo siêu thế, có thể lĩnh hội được phần nào, chỉ có người có Pháp học đầy đủ, chính xác và có tu tập Bát Chánh Đạo siêu thế, sẽ hiểu rõ và kinh nghiệm được ngoại không và nội không.

Để có thể hiểu được khái niệm ngoại không và nội không thì phải hiểu rõ tâm là một phạm trù bao gồm rất nhiều Danh pháp, trong đó có Cái Biết. Cái Biết trong thuật ngữ Phật học gọi là thức bao gồm : Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức và Ý thức. Cái Biết được phân chia thành hai cấp độ : Cái Biết trực tiếp giác quan và Cái Biết Ý thức. Cái Biết trực tiếp giác quan (trong các kinh A Hàm thuộc Hán tạng dịch là Trực giác) khoa Tâm Lý học gọi là Nhận thức cảm tính bao gồm : Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức do Căn Trần tiếp xúc (hay tương tác) phát sinh ra. Cái Biết Ý thức do Niệm và Tư Duy mà phát sinh, Tâm Lý học gọi là Nhận thức lý tính.

- Cái Biết trực tiếp giác quan trong thuật ngữ Phật học còn được gọi là Tưởng, phát sinh khi Sáu Căn tương tác (Xúc) với Sáu Trần có phạm sự nhận biết đối tượng. Đây là Cái Biết không do học hỏi mà có, nên nó không có tri thức, khái niệm, ngôn từ, phân biệt (Vô ngôn, Vô niệm, Vô phân biệt) mà già trẻ, gái trai, ngu trí, loài người hay các loài động vật, thậm chí các loài thực

vật cũng có. Cái Biết trực tiếp giác quan là Vô ngôn, Vô niệm, Vô phân biệt nên không có Vô Minh cũng không có Minh. Hãy hình dung ra Cái Biết trực tiếp giác quan của loài người cũng tương tự cái biết của một đứa trẻ vừa đẻ ra, khi sáu Căn của nó tiếp xúc sáu Trần, nó vẫn thấy, nghe, cảm nhận các đối tượng nhưng vì Ý thức của nó hầu như chưa khởi lên, nên không biết đối tượng đó là cái gì, dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Ví như đứa trẻ một bông hoa lên trước mắt đứa trẻ bé thì nó vẫn thấy (hình ảnh đó) nhưng nó không biết đó là bông hoa, không biết nó đẹp hay xấu, đỏ hay vàng, vuông hay tròn, nhơ hay sạch, đất hay rẻ ... Cái thấy này là cái thấy thuần túy nhãn thức, Vô ngôn, Vô niệm, Vô phân biệt. Nếu chỉ có Cái Biết trực tiếp giác quan này thì sẽ không phát sinh thái độ thích hay ghét (tham hay sân), không phát sinh lời nói hay hành động để thể hiện thái độ đối với đối tượng. Cái biết trực tiếp giác quan này Thánh hay Phàm đều như nhau, ở Thánh thì gọi là Tĩnh Giác hay Thắng tri, ở Phàm thì gọi là Tướng tri.

- Cái Biết Ý thức phải do học hỏi, tích lũy kinh nghiệm mà có, nên mỗi mỗi người đều khác nhau. Khi mới đẻ ra đứa trẻ thấy, nghe, cảm nhận đối tượng phần lớn với Cái biết trực tiếp giác quan, nó chưa biết các khái niệm to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, mặn ngọt, nhơ sạch, tăng giảm ... Các tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm được học hỏi, được tích lũy sau này và được lưu vào một "bộ nhớ" hay một "kho chứa". Cái Biết Ý thức do Niệm và Tư Duy mà phát sinh, nghĩa là Niệm kích hoạt (hay dò tìm) các thông tin trong kho chứa và Tư Duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu, phán đoán thông tin về đối tượng vừa được nhận biết (do cái biết trực tiếp nhận biết) và thông tin trong kho chứa được Niệm dò tìm. Hành vi tư duy đó sẽ phát sinh kết luận. Chính kết luận này là Ý thức hiểu biết về đối tượng vừa được nhận biết. Ý thức là hiểu biết đối tượng, nội dung của nó tùy thuộc vào các thông tin trong kho chứa, tùy thuộc vào những tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm đã tích lũy trong quá khứ và tùy thuộc vào Niệm kích hoạt hay dò tìm được thông tin nào. Trong thuật ngữ Phật học cái biết Ý thức còn được gọi là Thức tri, là cái biết có Ngôn từ, có Khái niệm, có Phân biệt. Cái Biết Ý thức của con người mỗi mỗi khác nhau nhưng có thể phân biệt thành hai loại : Tà Tri Kiến của Phàm phu có nội dung Vô Minh và Chánh Tri Kiến của bậc Thánh có nội dung Minh.

+ Cái Biết Ý thức Tà Tri Kiến của Phàm phu khởi lên theo lộ trình:

Xúc (Căn Trần) - Thọ - Tưởng - Tà Niệm - Tà Tư Duy - Tà Tri Kiến.

Tà Niệm sẽ kích hoạt thông tin Vô Minh, Ta, của Ta trong kho chứa thông tin nên Ý thức Tà Tri Kiến sẽ mang nội dung Vô Minh, nghĩa là có một cái Ta là chủ nhân, chủ sở hữu của cái biết (Bản ngã) và đối tượng được biết là Thế giới (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp). Đây là Ý thức nhị nguyên Tâm Vật hay Tâm Cảnh mang nội dung Thường Kiến và Ngã Kiến. Với hiểu biết này thì Khổ, Nguyên nhân Khổ, Sự chấm dứt Khổ đều ở nơi Ngoại cảnh (Thế giới) và Con đường chấm dứt Khổ là thay đổi ngoại cảnh.

+ Cái Biết Ý thức Chánh Tri Kiến của bậc Thánh khởi lên theo lộ trình:

Xúc (Căn Trần) - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - ... - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến.

Chánh Niệm sẽ không kích hoạt Vô Minh, Ta, của Ta trong kho chứa thông tin mà kích hoạt Minh, những thông tin do học về Duyên Khởi, về Tứ Thánh Đế, đã được lưu vào kho chứa. Vì vậy Ý thức Chánh Tri Kiến mang nội dung Minh là hiểu biết đúng sự thật các pháp, đúng sự thật về Khổ Tập Diệt Đạo không còn Thường Kiến, Ngã Kiến. Nghĩa là Khổ Tập Diệt Đạo thuộc về Nội Tâm chứ không phải nơi Ngoại Cảnh.

1 - Thế nào là Ngoại Không ?

Trước tiên phải hiểu về chữ Không. Ngôn ngữ là phương tiện truyền thông, là pháp chế định, là quy ước với nhau về ngôn từ đó ám chỉ hay chỉ bày một sự vật, một hiện tượng nào. Tất cả các loại ngôn ngữ của loài người đều quy ước : Có là có một pháp nào đó và Không là không có một pháp nào đó. Có cũng có nghĩa là sự hiện hữu, là sự có mặt của một pháp hữu vi (pháp vận hành theo nhân quả), Không là sự phủ định, là sự không có mặt, sự vắng mặt, không có pháp hữu vi đó nên không cũng ám chỉ pháp vô vi. Các trường phái có đặt ra một nghĩa Không bí mật

nào đó thì cũng xuất phát từ sự tư duy trên nghĩa Có Không thông thường này và như vậy cũng không thể vượt qua nghĩa Có Không này. Trong các bộ kinh Nikaya chỉ dùng Có Không theo nghĩa có không thông thường này chứ không có nghĩa Không bí mật nào khác. Trong kinh Tiểu Không có nói: "Và những gì không có mặt ở đây vị ấy xem là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "cái này có, cái kia có". Như vậy, này A nan cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh".

Khi thực hành Tứ Niệm Xứ vị ấy tác ý tới Niệm Thân (hoặc Niệm Thọ) tức nhớ đến chú tâm quán sát các cảm giác nơi thân với nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh niệm, thì khi có một cảm giác khởi lên theo lộ trình: Xúc - Thọ - Tưởng, tiếp đến Chánh Niệm (nhớ đến chú tâm quán sát cảm giác với nhiệt tâm, tĩnh giác, chánh niệm) khởi lên. Do Chánh Niệm như vậy mà Chánh Tinh Tấn (nhiệt tâm) khởi lên và làm phát sinh sự chú tâm vào cảm giác. Sự chú tâm này gọi là Chánh Định. Do có sự chú tâm vào cảm giác mà lộ trình tâm dừng lại đây và lộ trình như vậy sẽ lặp lại trên đối tượng nhiều lần bởi mỗi một lộ trình như vậy chỉ nháy lên và tồn tại chỉ khoảng phần trăm hay phần nghìn của giây mà thôi. Lộ trình đó xảy ra như sau :

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định - (Tĩnh Giác).

Do lộ trình được lặp đi, lặp lại nhiều lần như vậy nên cái biết trực tiếp Tưởng được kéo dài ra và sẽ biết Cảm giác (Thọ) một cách rõ ràng, minh bạch. Lộ trình tâm này nhờ Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định nên chỉ có Cái Biết trực tiếp giác quan (Tưởng) mà không có Ý thức khởi lên, nên giờ đây không gọi là Tưởng tri mà gọi là Tĩnh Giác. Nếu Chánh Niệm liên tục khởi lên trong 10 phút, 30 phút, 60 phút ... thì trong khoảng thời gian ấy, các cảm giác trên thân khởi lên đều được chú tâm và đều biết các cảm giác đó với cái biết trực tiếp giác quan cụ thể là Thân thức, bây giờ gọi là Tĩnh Giác. Khi tọa thiền Hành giả sẽ có lộ trình tâm này chiếm khoảng 90% các lộ trình tâm, sẽ kinh nghiệm và an trú cái biết Tĩnh Giác. Nhờ kinh nghiệm và an trú cái biết Tĩnh Giác, vị ấy tuệ tri được cái biết này KHÔNG CÓ các tri thức khái niệm, không có ngôn từ, không có phân biệt, không

có khái niệm to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, trước sau, không có khái niệm mặn ngọt chua cay, xanh vàng đỏ trắng, không có sinh diệt, như sạch, tăng giảm, không có khái niệm mắt tai mũi lưỡi thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp, không có khái niệm sắc thọ tưởng hành thức, không có khái niệm nhãn giới cho đến ý thức giới, không có Minh cũng như Vô Minh ... Đây là cái biết Tĩnh Giác Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt còn được gọi là Không Tánh. Trong cái biết Tĩnh Giác này CÓ các cảm giác, là thực có, không điên đảo nhưng cái KHÔNG ở đây là không có tri thức khái niệm, ngôn từ, phân biệt. Cái KHÔNG này được gọi là Không Tánh, còn được gọi là NGOẠI KHÔNG bởi đây là tánh chất của cái biết trực tiếp xảy ra nơi các giác quan còn Nội Không là cái KHÔNG ở nội tâm khi Ý tiếp xúc với Pháp trần.

Khi an trú cái biết Tĩnh Giác hay Không Tánh này, Hành Giả cũng tuệ tri được : thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, cảm nhận chỉ là cảm nhận không có gì thêm vào nữa, không có suy nghĩ, không có thái độ thích hay ghét, không có lời nói hay hành động đối với đối tượng đó. Hành Giả cũng tuệ tri được giải thoát do an trú Tĩnh Giác hay Không Tánh này, là do có Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn - Chánh Định nên giải thoát này gọi là Tâm Giải Thoát hay Không Giải Thoát, nghĩa là giải thoát do Định, chứ không phải giải thoát do Minh, do Trí Tuệ. Tuy Không Giải Thoát không đưa đến và không phải là giải thoát tối hậu, chỉ có Tuệ Giải Thoát do Minh, do Trí Tuệ mới đưa đến giải thoát tối hậu, mới đưa đến Chánh Trí nhưng các bậc đã Giác Ngộ xong như Phật và các vị A La Hán chủ yếu an trú vào Không Giải Thoát này, trừ những khi phải giảng dạy, hướng dẫn người khác. Bản kinh Tiểu Không trong Kinh Trung Bộ tuy trình bày với cách thức thời xưa và vì là phiên dịch nên có vẻ rất khó hiểu nhưng thực chất là nói về cái Không này, tức Không Tánh hay Ngoại Không.

Một số trường phái khi thực hành thiền định họ cũng cảm nhận một phần Cái biết Không tánh hay Ngoại Không này nhưng vì không tuệ tri Không Tánh, họ đã có những chủ trương sai lạc về Không Tánh. Họ cho rằng đây chính là Tánh Thấy, Tánh Nghe hay là Tánh Biết không sinh không diệt sẵn có nơi mỗi chúng sinh, là Trí Tuệ Bát Nhã, là Vô Sư Trí. Trở về với Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Biết sẵn có nơi mỗi chúng sanh (đề ra là đã sẵn có, không cần học hỏi nên thấy, nghe, cảm nhận đối tượng

liên) gọi là Trí Tuệ Bát Nhã hay Vô Sư Trí đó, là thấy các pháp như chúng đang là, là giải thoát tối hậu rồi. Cái Biết này không liên quan tới Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, đâu cần phải học hỏi Tứ Thánh Đế, phải tu Bát Chánh Đạo. Thực chất cái biết Không Tánh này mà nhiều trường phái chủ trương là Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Biết, là Trí Tuệ Bát Nhã hay Vô Sư Trí chính là cái biết trực tiếp giác quan mà cụ thể là : Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh ra, nó Vô Thường, Vô Chủ (hay Vô Ngã). Cái biết trực tiếp giác quan này Thánh hay Phàm đều giống nhau, trong nó không có Vô Minh nhưng cũng không có Minh, không làm nên sự khác biệt giữa Thánh và Phàm, mà sự khác biệt giữa Thánh và Phàm là ở cái biết Ý thức, có Minh và Vô Minh. Cái được quan niệm là Tánh Thấy chính là Nhãn thức, Tánh Nghe chính là Nhĩ thức hay Tánh Biết chính là sáu thức, đều là pháp Duyên khởi nên nó sinh diệt, vô thường chứ không phải là thường hằng, không sinh không diệt như một số trường phái chủ trương. Thời Phật còn tại thế cũng đã tồn tại những chủ trương này thể hiện trong bản kinh Đại Kinh Đoạn Tận Ái thuộc Trung Bộ Kinh. Trong bản kinh này Tỷ kheo Sati đã công khai tà kiến: Thức này rong ruổi, luân chuyển chỗ này chỗ kia nhưng không đổi khác. Nghĩa là các thức không sinh không diệt, nó chỉ di chuyển từ thân xác này qua thân xác khác mà thôi. Đức Phật đã quở trách vị Tỷ kheo đó:

- Nay kẻ mê mờ kia, vì ai mà ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Nay kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều phương tiện nói thức do duyên khởi, không có duyên thì thức không hiện khởi? Và nay kẻ mê mờ kia, không những Ông đã xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông còn phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Nay kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông. Và Đức Phật giảng tiếp : Nay các Tỷ kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và tiếng, thức sanh, thức ấy có tên là nhĩ thức... Lời giảng này phải được hiểu là: mắt là một yếu tố, là một nhân, sắc là một yếu tố, là nhân thứ hai. Có hai nhân này mà không có tiếp xúc với nhau, chưa duyên nhau thì lúc đó không có nhãn thức, hay nhãn thức không sanh khởi. Duyên mắt và sắc, tức mắt tiếp xúc với sắc thì lúc đó nhãn thức

mới sanh khởi. Chữ duyên phải được hiểu là hai nhân tiếp xúc nhau, hai nhân duyên nhau. Xúc sanh nhãn thức sanh, Xúc diệt nhãn thức diệt, nên nhãn thức sinh lên rồi diệt đi, nó không thường hằng, không thường trú ở đâu cả. Nhãn thức không phải là không sinh không diệt vì nếu nó không sinh không diệt thì không cần đến duyên (Xúc), vì nó đã thường xuyên có, không cần nhân duyên gì sinh ra nó cả.

Thời Phật còn tại thế, trong đệ tử đã tồn tại những quan điểm về các thức không sanh không diệt như vậy, bởi họ không thấu đạt, không tuệ tri Lý Duyên Khởi, không từ bỏ được Vô minh Thường kiến nên đã xuyên tạc lời dạy của Phật, nhưng ít có người công khai quan điểm của mình như Sati. Khi Phật diệt độ khoảng 100 năm thì các bộ phái mới bắt đầu tranh cãi và nhiều bộ phái trương cờ Thường Kiến, Ngã Kiến của mình lên với những ngôn từ hoa mỹ, hấp dẫn và nhiều bộ kinh Tà Kiến kiểu đó đã ra đời nhưng lại gán cho Phật nói. Họ đã xiển dương cho Tánh Thấy, Tánh Nghe, Bỏ Tâm, Bỏ Tánh không sanh không diệt nhưng đó là tư duy suy diễn, là lý luận suông, không đối chiếu với sự thật đang xảy ra hàng ngày, xảy ra nơi sáu Căn duyên với sáu Trần, nơi Thực Tại đang sanh đang diệt này. Ví như khi kẻ Phàm phu nhìn quả quýt chín vàng liền khởi lên hiểu biết: quả quýt này ngọt, nghĩa là vị ngọt có nơi quả quýt, luôn luôn có, thường xuyên có, thường hằng, thường trú nơi quả quýt, vị ngọt đó không có nhân duyên nào được sinh ra. Đây là Vô minh Thường kiến và chính cái hiểu biết Thường kiến này đã ngăn che, không cho quán sát sự thật Duyên khởi lên vị ngọt. Nếu đặt Thường kiến xuống và quán sát sự thật thì thấy ngay rằng: lưỡi là một nhân, quýt là nhân thứ hai, nếu hai nhân đó chưa tiếp xúc thì chưa có vị ngọt ở đâu cả, chưa cảm nhận được vị ngọt ở đâu cả. Khi lưỡi (của một người đang khoẻ mạnh) tiếp xúc với quýt thì lập tức phát sinh Cảm giác vị ngọt. Đây mới là vị ngọt thật mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được. Xúc sinh Cảm giác vị ngọt sinh, Xúc diệt Cảm giác vị ngọt diệt vì vậy Cảm giác vị ngọt sinh lên rồi diệt đi nên nó Vô thường, không thường hằng, không thường trú nơi quýt. Nghe đến đây một số người lập tức phản bác: vị ngọt là của quả quýt, nó thường trú trong quả quýt vì rằng cái biết Thiệt thức là của lưỡi, thường trú nơi lưỡi nên khi lưỡi chưa tiếp xúc với quýt thì cái biết của lưỡi là Thiệt thức chưa biết vị ngọt của quýt nên chưa có vị ngọt, chỉ khi tiếp

xúc, lưỡi mới biết vị ngọt của quả quýt. Phản bác này xuất phát từ Thường Kiến sâu dày nơi hiểu biết của nhân loại: thiệt thức thường trú nơi lưỡi, vị ngọt thường trú nơi quả quýt. Thường Kiến này ngăn che không cho nhân loại quán sát sự thật để thấy vị ngọt không có, không thường hằng, không thường trú nơi quả quýt. Nếu sự thật vị ngọt có trong quả quýt, thường hằng, thường trú trong quả quýt thì cũng chính người đó khi đã bệnh nặng bảy tám ngày, không ăn không uống được, lúc đó lưỡi tiếp xúc quýt thì cái biết Thiệt thức của lưỡi cũng vẫn phải cảm nhận được vị ngọt của quýt vì vị ngọt nằm trong quả quýt. Nhưng sự thật thì chỉ cảm nhận Cảm giác đắng, và nếu vậy thì trong quả quýt có cả vị ngọt và vị đắng chằng ? Tương tự như vậy vì không thấy biết như thật, không liễu tri các thức do duyên khởi, không liễu tri các thức (tâm biết) vô thường, vô ngã nên họ chủ trương Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Biết là Bản Tâm, Bản Tánh không sinh không diệt nơi mỗi người, họ không đối chiếu với sự thật để kiểm tra chủ trương đó có phù hợp với sự thật không. Nếu Tánh Nghe là Nhĩ thức không sinh không diệt thì nhân loại sẽ nghe được mọi âm thanh khi thức cũng như khi ngủ, không bỏ sót một âm thanh nào. Nhưng sự thực thì người không ngủ vẫn nghe được âm thanh đang xảy ra còn người ngủ say bên cạnh thì đâu có nghe được các âm thanh đó. Nếu có cái Tánh Nghe không sinh không diệt, thường hằng thì người ngủ say đó phải nghe được các âm thanh đó chứ. Thật là mâu thuẫn khi hàng ngày tụng đọc: quán tâm vô thường trong lúc đó lại chủ trương Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Biết chính là tâm lại không sinh không diệt.

2 - Thế nào là Nội Không ?

Khi thực hành Tứ Niệm Xứ (Niệm Tâm và Niệm Pháp) nếu tác ý nhớ đến chú tâm quán sát các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm giác, là tâm thì Chánh Niệm có nội dung như vậy sẽ khởi lên. Do Chánh Niệm như vậy sẽ phát sinh Chánh Tinh Tấn, do có Chánh Tinh Tấn sẽ phát sinh Chánh Định nghĩa là chú tâm vào đối tượng và nhờ Chánh Định sẽ nhận biết đối tượng với Tịch Giác, tiếp đến Chánh Tư Duy sẽ khởi lên. Chánh Tư Duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin về đối tượng được Tịch Giác cung cấp với thông tin mà Chánh Niệm đã kích hoạt (Minh) đưa đến kết luận là Ý thức Chánh Tri Kiến, biết đúng như thật đối tượng đó là Cảm

giác (Thọ), là Tâm. Lộ trình được diễn tả như sau :

Xúc - Thọ - Tưởng - Chánh Niệm - Chánh Tinh Tấn -
Chánh Định - (Tĩnh Giác) - Chánh Tư Duy - Chánh Tri Kiến.

Ý thức Chánh Tri Kiến không những biết như thật đối tượng đó là Cảm giác, là Tâm mà cũng biết như thật đối tượng đó là Cảm giác thuộc phạm trù tâm chứ không phải là Cảnh, không phải là Sắc pháp nên nó Vô Tướng. Các tướng trạng to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn ... không phải là tướng trạng của đối tượng mà đó là các ngôn từ, là phương tiện truyền thông để ám chỉ các cảm giác, để phân biệt cảm giác này với cảm giác khác. Tuệ Tri các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Vô Tướng (Không Tướng) xảy ra nơi Ý thức Chánh Tri Kiến thuộc về nội tâm nên Vô Tướng là Nội Không.

Khi tác ý nhớ đến chú tâm quán sát các đối tượng Vô thường thì lộ trình cũng diễn tiến tương tự và Ý thức Chánh Tri Kiến sẽ tuệ tri các đối tượng Vô thường. Vô thường cũng thuộc Nội Không.

Khi tác ý nhớ đến chú tâm quán sát các đối tượng Vô chủ (Vô ngã), lộ trình cũng xảy ra tương tự và Ý thức Chánh Tri Kiến sẽ tuệ tri đối tượng Vô chủ. Vô chủ hay Vô ngã cũng thuộc Nội Không.

Khi tác ý nhớ đến chú tâm quán sát đối tượng được ly tham ... Ý thức Chánh Tri Kiến sẽ tuệ tri được nội tâm Không tham, Không sân, Không si với bất kỳ đối tượng nào. Không này cũng là Nội Không.

Khi tác ý nhớ đến chú tâm quán sát buông xả các đối tượng ... Ý thức Chánh Tri Kiến sẽ tuệ tri Không dính mắc, Không ràng buộc, Không phiền não, Không khổ đau với bất kỳ một đối tượng nào. Không này cũng thuộc Nội Không.

+ Thế nào là tác ý Nội Ngoại không ? Khi tác ý nhớ đến chú tâm quán sát nội tâm thì Chánh Niệm (nhớ đến) chú tâm quán sát nội tâm sẽ khởi lên thì lộ trình cũng diễn tiến tương tự

nhưng Ý thức Chánh Tri Kiến sẽ vừa tuệ tri được cái biết Tĩnh Giác tức tuệ tri được Không Tánh thuộc Ngoại Không nhưng cũng vừa tuệ tri được nội tâm vắng lặng, Không tham, Không sân, Không si, Không dính mắc, Không ràng buộc, Không khổ đau, Không phiền não nghĩa là tuệ tri Nội Không.

+ Khi Ý thức Chánh Tri Kiến tuệ tri Nội Không như vậy cũng đồng thời tuệ tri sự vắng mặt của Khổ cũng có nghĩa tuệ tri Khổ Diệt hay tuệ tri Niết Bàn.

+ Khi thực hành Tứ Niệm Xứ Hành Giả tác ý tới Niệm Tâm hoặc Niệm Pháp, Ý thức Chánh Tri Kiến trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ tuệ tri được Vô Tướng, Vô Thường, Vô Ngã, Không Tham, Không Sân, Không Si, Không Ràng Buộc (Thủ), Không Khổ (Khổ Diệt, Niết Bàn). Hành Giả an trú Ý thức Chánh Tri Kiến là an trú những KHÔNG này và đó là là an trú Nội Không. Trong kinh Đại Không thuộc Trung Bộ kinh có nói : "Nhưng sự an trú này, này A Nan, Như Lai đã hoàn toàn giác ngộ, nghĩa là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và an trú Nội Không". Không tác ý với tất cả tướng được hiểu là không tác ý sắc thanh hương vị xúc pháp, là các tướng ở ngoại cảnh. Kinh Đại Không chủ yếu nói về Nội không, còn kinh Tiểu Không chủ yếu thuyết minh Ngoại Không tức Không Tánh.

Khi Hành Giả thực hành Niệm Tâm và Niệm Pháp, an trú Nội Không sẽ tuệ tri và an trú được Giải Thoát. Giải Thoát do an trú Nội Không này có tên gọi là Vô Tướng Giải Thoát. Giải thoát này do Ý thức Chánh Tri Kiến mà có được, hay do Trí Tuệ, do Minh mà có nên còn được gọi là Tuệ Giải Thoát. Chánh Tri Kiến hay Trí Tuệ, hay Minh được tu tập, được làm cho viên mãn không những làm cho an trú Nội Không, an trú Tuệ Giải Thoát viên mãn mà Trí Tuệ, Minh này sẽ xoá bỏ thông tin Vô Minh đã được cài đặt trong "kho chứa thông tin tri thức hiểu biết, kinh nghiệm" đưa đến Chánh Trí của vị A La Hán: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa".

Sự khác biệt giữa Thánh và Phàm không phải ở cái biết trực tiếp giác quan(hay Nhận thức cảm tính)mà ở cái biết Ý thức (hay Nhận thức lý tính).Ý thức của bậc Thánh là Chánh Tri Kiến,

là Trí Tuệ, là Minh có tính chất Liễu tri tất cả pháp, tức hiểu biết đúng như thật tất cả pháp. Ý thức của Phàm phu là Tà Tri Kiến, là Vô Minh, là vọng tưởng, có tính chất Không Liễu tri tất cả pháp, tức không hiểu biết đúng như thật tất cả pháp. Tất cả Pháp học, Pháp hành mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng là nhằm thay đổi Ý thức từ Tà Tri Kiến thành Chánh Tri Kiến. Đó còn gọi là chuyển Mê khai Ngộ. Sự giải thoát tối hậu chỉ xảy ra khi Chánh Tri Kiến được tu tập, được làm cho viên mãn đưa đến đoạn diệt không có dư tàn Tà Tri Kiến. Nhưng Chánh Tri Kiến hay Trí Tuệ hay Minh không sẵn có, không tự có, không vốn có nơi mỗi chúng sanh mà muốn đạt được nó phải thực hành đúng theo lộ trình mà Đức Phật đã giảng dạy. Đó là : Văn - Tư - Tu. Văn là nghe giảng hoặc nghiên cứu lời dạy của Phật về Lý Duyên Khởi về Tứ Thánh Đế. Đây là những điều chưa từng được nghe, chưa từng được biết, không phải những sự thật, những chân lý này sẵn có nơi mỗi chúng sanh mà phải do Phật khai thị. Những hiểu biết đúng sự thật này cũng không sẵn có, không tự có nơi Đức Phật, mà Ngài đã tự mình quán sát và tư duy nơi sự thật đang diễn ra rồi tự mình chứng ngộ và tuyên thuyết. Trong bài kinh Chuyển Pháp Luân Ngài đã tự thán: Sự thật về Khổ (Khổ Thánh Đế) là điều mà Ta chưa bao giờ được nghe, nay đã khởi lên nơi Ta... Nghĩa là cái hiểu biết đúng như thật về Khổ không có nơi Ngài trước đây, không sẵn có nơi kho chứa tâm thức Ngài trước thời điểm này. Tư là tư duy về những điều đã được nghe, chấp nhận điều đã được nghe, làm cho lớn rộng và sâu sắc điều đã được nghe. Tu là thực hành Bát Chánh Đạo để kinh nghiệm, Thực Chứng và An Trú được Những Điều Đã Được Nghe. Chính vì vậy Văn là bước đầu tiên, nếu không có Văn thì không thể có Tư và Tu đúng pháp. Nội dung của Văn là hiểu biết đúng như thật về Lý Duyên Khởi và hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo. Trong hai đề mục này thì Lý Duyên Khởi cực kỳ quan trọng vì chỉ có Lý Duyên Khởi mới có thể soi sáng, mới có thể đưa đến hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo. Đức Phật đã khẳng định: Ai thấy (đúng như thật) Duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Như Lai. Trí Tuệ này không có, không sẵn có nơi hiểu biết của Phàm phu mà hiểu biết của Phàm phu chỉ có Tà Tri Kiến, chỉ có Vô minh về Lý Duyên Khởi, Vô minh về Khổ Tập Diệt Đạo. Hãy từ bỏ tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu có Vô minh, Tà kiến. Hãy học hỏi, tu tập, chứng ngộ và an trú tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh có Minh, Chánh Kiến.

THỰC TƯỢNG LÀ VÔ TƯỢNG

Kẻ Phàm phu chấp chặt vào hiểu biết: Nhãn thức thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Thanh trần, Tỉ thức cảm nhận Hương trần, Thiệt thức cảm nhận Vị trần, Thân thức cảm nhận Xúc trần, Tưởng thức cảm nhận Pháp trần (Tâm biết Cảnh). Tức những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Đối tượng được biết là thế giới vật chất có hình tướng, có vuông tròn to nhỏ, dài ngắn, trước sau, xanh vàng đỏ trắng mặn ngọt chua cay, có đàn ông đàn bà, con trai con gái, có không gian thời gian ... Đây là hiểu biết không đúng sự thật, gọi là Vô Minh, là Vọng Tưởng, là Tà Kiến hay Không Liễu Tri các pháp.

Bậc Chánh Đẳng Giác đã chân chánh giác ngộ và sự Giác Ngộ của Ngài đã được tuyên bố trong Kinh Phạm Võng: Như Lai như thật Tuệ tri sự sanh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Nay các Tỷ Kheo, Như Lai nhờ như thật Tuệ tri sự sanh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không còn chấp thủ.

Tuệ tri sự sanh diệt của Thọ là biết đúng sự thật: sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Cảm thọ và sáu cái biết Trực Tiếp Giác Quan nhận biết sáu Cảm thọ ấy. Nghĩa là Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh, Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh, Tỉ thức cảm nhận Cảm giác mùi, Thiệt thức cảm nhận Cảm giác vị, Thân thức cảm nhận Cảm giác xúc chạm, Tưởng thức cảm nhận Cảm giác pháp trần và Ý thức là nhận thức về sáu Cảm giác hay sáu Cảm thọ đó. Vậy thì những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm thọ, nó thuộc phạm trù Tâm chứ không phải Cảnh, không phải là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Các ngôn từ, khái niệm, hình tướng như to nhỏ vuông tròn dài ngắn, cứng mềm, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, đàn ông đàn bà, không gian, thời gian ... là pháp chế định, là phương tiện truyền thông thực chất dùng để ám chỉ các Cảm thọ nhưng vì Vô Minh kẻ Phàm phu chấp chặt đó là Thế giới vật chất có hình tướng. Vì cái Thế giới có hình tướng mà

nhân loại thấy nghe, cảm nhận, nhận thức không phải là Thế giới vật chất, cũng không phải nó không có thật, mà đúng như thật nó là các Cảm thọ, nó Vô thường, Vô ngã, nó thuộc phạm trù Tâm nên nó Vô Tướng, vậy nên Thực Tướng các pháp là Vô Tướng. Hiểu biết đúng sự thật này gọi là Minh, là Trí Tuệ, là Chánh Kiến, còn được gọi là Cái Biết Vô Tướng. An trú Cái Biết Vô Tướng này sẽ kinh nghiệm được giải thoát và giải thoát này có tên gọi là Vô Tướng Giải Thoát hay Tuệ Giải Thoát.

THỨC TÁI SANH LÀ HOÁ SANH

Cái gì đi tái sinh ? Cái gì từ người chết di chuyển nhập vào bào thai ? Đây là câu hỏi chưa có câu trả lời minh bạch. Từ xưa đến nay, trong các tôn giáo, kể cả trong các trường phái Phật giáo, câu trả lời cũng rất mơ hồ và trừu tượng. Trong các tôn giáo tin vào thuyết linh hồn thì họ cho là linh hồn đầu thai, nhưng linh hồn là cái gì, vì lý do gì mà nó lại di chuyển từ thân xác này sang thân xác khác, thì các tôn giáo cũng không có câu trả lời thuyết phục. Trong Phật giáo có quan điểm cho rằng Tâm thức đi đầu thai, tâm thức bị "giam giữ" trong thân xác này, khi thân xác này huỷ hoại nó thoát ra và nhập vào một thân xác khác. Chủ trương này không khác chủ trương trên, chỉ có khác nhau từ Linh hồn với từ Tâm thức, đều là Thường kiến và Ngã kiến. Nhiều trường phái cho rằng Nghiệp đi tái sinh, mà Nghiệp được định nghĩa là các "Thân hành, Khẩu hành, Ý hành có tác ý". Và như vậy Nghiệp đi tái sinh, nghĩa là các "Thân hành, Khẩu hành, Ý hành có tác ý" đi tái sinh cũng là một điều mơ hồ trừu tượng, khó lý giải rõ ràng.

Để có thể có được hiểu biết rõ ràng, minh bạch về vấn đề này hãy quan sát sự việc từ đơn giản đến phức tạp. Trước tiên hãy quan sát cái gì được trao truyền từ cây bưởi mẹ đến cây bưởi con của thế hệ sau. Nếu cây bưởi mẹ, có hình dáng, lá cành, hoa quả, màu sắc của trái, màu sắc bên trong quả, mùi, vị của tép ... như vậy, như vậy, thì nơi cây bưởi con nếu được gieo trồng với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng giống cây bưởi mẹ, thì cũng có mọi đặc tính tương tự. Những đặc tính của cây bưởi mẹ đã được trao truyền sang cây bưởi con. Sự trao truyền xảy ra như thế nào? Các đặc tính trên của cây bưởi mẹ được lưu giữ trong cấu trúc ADN của tế bào rễ thân cành lá hoa quả hạt, dưới dạng các thông tin đã được mã hoá. Đó được gọi là Thông tin Di truyền, đã được khoa học khám phá và chứng minh. Khi hạt bưởi được gieo xuống đất, xảy ra sự tương tác của hai nhân là hạt bưởi và đất mà phát sinh sự nảy mầm. Nếu quan sát tỉ mỉ, vi tế hơn thì bên trong hạt bưởi xảy ra rất nhiều quá trình nhân quả nối tiếp nhau, đó là sự tương tác của các loại thông tin di truyền với

các loại thông tin từ môi trường, mà phát sinh quá trình nảy mầm. Quá trình nhân quả là tương tác của hai nhân bên trong và bên ngoài nối tiếp nhau làm phát sinh sự phát triển, ra hoa, kết quả của cây... Vậy thì sự trao truyền từ cây bưởi mẹ đến cây bưởi con là lượng thông tin di truyền được lưu giữ trong ADN của tế bào hạt bưởi.

Tương tự như vậy, với con người và các động vật, thực vật sự trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác là trao truyền lượng "thông tin trong ADN", chỉ có khác nhau là khác nhau về các loại thông tin và phương thức trao truyền thông tin. Đối với động vật và thực vật thì phương thức trao truyền, là bằng sinh sản Hữu tính hay sinh sản Vô tính. Đối với động vật và thực vật khác nhau ở loại thông tin, thực vật chỉ có Thông tin Di truyền còn động vật thì vừa cả Thông Tin Di Truyền vừa có cả Thông Tin Về Tâm.

1 - Lượng Thông Tin Về Tâm được lưu giữ trong ADN của tế bào : Trong hoạt động Tâm thức của con người có một yếu tố rất quan trọng là "kho chứa thông tin". Đây là nơi lưu giữ mọi thông tin về hoạt động tâm thức, giống như bộ nhớ của máy vi tính. Sự tồn tại một kho chứa thông tin này là điều hiển nhiên. Nếu không có kho chứa thông tin để lưu giữ các thông tin về các sự việc đã xảy ra trong quá khứ, con người không thể nào nhớ lại được các việc đã qua. Khi mới sinh ra, đứa trẻ vẫn thấy, nghe, cảm nhận đối tượng nhưng nó không biết cái đó là cái gì, tính chất ra sao. Trong quá trình lớn lên, được học hỏi nó mới biết được cái đó là gì, mới biết các khái niệm, to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, trước sau, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay... Nó học đi, học nói, học chữ, học toán ... và lượng thông tin ấy được mã hoá, được lưu giữ trong kho chứa thông tin. Trong kho chứa thông tin, lưu giữ rất nhiều thông tin bao gồm : tri thức hiểu biết đã học hỏi, mọi sự vật, hiện tượng đã được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức, những thói quen, kinh nghiệm đã tích lũy, các lập trình (giống như một phần mềm cài đặt trong máy tính) về lộ trình khởi lên lời nói, hành động. Những khuynh hướng, những đam mê, những kỹ năng đã được rèn luyện, những tài năng xuất chúng ... được lưu giữ bằng thông tin đã được mã hoá trong kho chứa. Trong kho chứa đó có thông tin về hiểu biết không đúng sự thật về các pháp, không đúng sự thật về Khổ Tập Diệt Đạo gọi là Vô Minh. Nếu một người học hỏi và có được hiểu biết đúng như

thật về các pháp, về Khổ Tập Diệt Đạo gọi là Minh cũng được lưu giữ ở đây. Trong đó còn có các thông tin về tư tưởng "Ta, của Ta" như mắt tai mũi lưỡi thân ý là Ta, là của Ta, nhà của Ta, xe của Ta ...

THẤY và BIẾT của con người xảy ra theo hai giai đoạn: khi có một đối tượng xuất hiện thì cũng xuất hiện cái thấy, nghe, cảm nhận tức nhận biết đối tượng hình ảnh, âm thanh, mùi, vị ... Đây là cái biết trực tiếp giác quan hay Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính có tính chất nhận biết đối tượng chứ không biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Cái biết trực tiếp giác quan này là Vô niệm, Vô ngôn, Vô phân biệt, không do học hỏi, kinh nghiệm tích lũy mà có, nó không liên quan gì với các thông tin được lưu giữ trong kho chứa thông tin. Tiếp đến Niệm khởi lên, và Niệm là công cụ dò tìm, tìm kiếm các thông tin tương ứng trong kho chứa, để cho Tư Duy khởi lên. Tư Duy là phân tích, so sánh đối chiếu hai lượng thông tin: thông tin về đối tượng vừa được nhận biết và thông tin mà Niệm kích hoạt, dò tìm được trong kho chứa. Hành vi Tư Duy này làm phát sinh cái biết Ý thức, hiểu biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Vậy Ý thức hiểu biết về đối tượng là dựa vào các thông tin trong kho chứa, phụ thuộc vào kinh nghiệm quá khứ, vì vậy nếu chưa từng thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức về đối tượng, thì những thông tin về đối tượng tương tự không có trong kho chứa, nên lần đầu thấy, nghe, cảm nhận đối tượng, vẫn không thể biết nó là cái gì, tính chất ra sao. Hành vi tư duy ngoài phân tích, so sánh, đối chiếu hai loại thông tin, còn có thêm phán đoán dựa vào các thông tin tương tự rồi kết luận, vì vậy hiểu biết đó về đối tượng có thể đúng, có thể sai, nhưng như vậy, mọi hiểu biết đều phụ thuộc vào thông tin trong kho chứa. Cái biết trực tiếp giác quan, thấy, nghe, cảm nhận đối tượng của con người khá giống nhau, nhưng Ý thức hiểu biết đối tượng thì mỗi mỗi con người đều khác nhau, vì lượng thông tin lưu giữ trong kho chứa, được tích lũy trong quá khứ của mỗi mỗi người là khác nhau. Trong giáo lý Phật giáo khái niệm Nghiệp phải được hiểu là các thông tin được lưu giữ trong kho chứa này, bao gồm các thông tin về " Thân hành, Khẩu hành, Ý hành có tác ý".

Nhưng "kho chứa thông tin" này đặt ở đâu ? Đã từ rất lâu các trường phái Phật giáo đã cố gắng tìm hiểu để làm sáng tỏ

vấn đề này. Đa phần cho rằng lượng thông tin trong đó có Nghiệp, được lưu giữ nơi Tâm, nhưng Tâm là các Danh pháp sinh diệt theo một lộ trình nên không thể lưu giữ thông tin. Khi thức tỉnh, sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh các lộ trình tâm, sinh lên rồi diệt đi, nếu thông tin được lưu giữ trong các lộ trình tâm đó thì khi ngủ say không mộng my, khi ngất đi trong một tai nạn, khi gây mê sâu để mổ không có cái biết nào, không có lộ trình tâm nào tồn tại để lưu giữ thông tin, chắc chắn khi tỉnh dậy có thể vẫn thấy, nghe, cảm nhận các đối tượng nhưng hoàn toàn không biết gì về các đối tượng ấy vì kho chứa thông tin đã diệt khi Tâm diệt. Phật giáo phát triển có thuyết minh về A lại da thức nhằm làm sáng tỏ vấn đề này, nhưng để A lại da thức lưu giữ được thông tin thì lại phải chủ trương A lại da thức là thường hằng, không sinh không diệt. Chủ trương A lại da thức thường hằng, không sinh không diệt lại trái với sự thật, trái với lời dạy của Phật: các Sắc pháp, Danh pháp vô thường, vì thế Tâm nào cũng phải vô thường. A lại da thức không sinh không diệt là trái với sự thật Duyên Khởi do cái này có, cái kia có, vì vậy không thể nào thuyết minh được là do cái gì có mặt mà A lại da thức có mặt. Chủ trương có A lại da thức như vậy là phi lý, chỉ là lý luận suông. Khoa học duy vật không công nhận một thế giới tâm linh thường hằng như vậy, không công nhận một cái Tâm thường hằng, thường trú như vậy, họ cũng cố gắng tìm cách giải thích và họ quan niệm: lượng Thông Tin Về Tâm như vậy được lưu giữ trong các nếp nhăn não bộ. Chủ trương như vậy cũng không đúng với sự thật, không giải thích được trường hợp thay đổi tính cách, thay đổi phong cách sống của những trường hợp ghép tạng, đặc biệt là thay tim, theo tính cách, phong cách của người cho tim. Trong những trường hợp này là thay tim chứ đâu có thay não.

Thông tin là Danh pháp thuộc Tinh Thần không thể tự mình tồn tại mà nó cần có Vật Chất là Sắc pháp để lưu giữ. Bất cứ một vật thể nào cũng tồn tại một lượng thông tin mà nó lưu giữ, khám phá một sự vật, một hiện tượng là khám phá lượng thông tin đang lưu giữ trong nó. Các chữ viết là vật chất nhưng nó đang lưu giữ một lượng thông tin. Thông tin được lưu giữ trong một cái đĩa cổ điển bằng than, trong băng từ, trong thẻ nhớ, trong đĩa CD, được lưu giữ và truyền dẫn đi trong sóng điện từ, trong sóng ánh sáng... Các Sắc pháp cũng sinh diệt nhưng vì không phải

sinh diệt như các Danh pháp, mà khi diệt, nó chỉ cần diệt đi một vài tính chất, diệt đi một vài thông tin mà nó lưu giữ thì Sắc pháp đó diệt và Sắc pháp mới phát sinh. Vì vậy nên Sắc pháp tuy vô thường sinh diệt nhưng nó vẫn là nơi lưu giữ thông tin. Lượng thông tin "khổng lồ" của hoạt động tâm thức được lưu giữ trong "kho chứa thông tin" và cái kho chứa đó chính là cấu trúc ADN của mỗi tế bào. Khoa học đã kết luận cấu trúc ADN có thể chứa được một lượng thông tin khổng lồ, và Công nghệ thông tin đang tìm cách chế tạo thẻ nhớ sinh học để nâng cao dung lượng thẻ nhớ. Tuy khoa học đã giải mã bản đồ gen người nhưng cũng chỉ giải mã được khoảng 5% số lượng gen chứa thông tin di truyền còn 95% số gen còn lại là một khoảng tối bí mật, không biết nó có nội dung gì. Chính 95% lượng gen lưu giữ các thông tin của hoạt động tâm thức. Thấu rõ được phần nào cơ hấu hoạt động tâm thức với Niệm - Tư duy sử dụng thông tin trong kho chứa để phát sinh Ý thức, nhờ vậy con người đã bắt chước được phần nào, nên chế tạo ra máy vi tính và mạng Internet, một loại trí tuệ nhân tạo. Những điều này đã phần nào gián tiếp công nhận lượng thông tin của hoạt động tâm thức được lưu giữ trong cấu trúc ADN của tế bào. Bằng chứng thuyết phục nhất là những sự việc xảy ra đối với người được thay tạng, đặc biệt là thay tim. Một thanh niên được người nhà một người chết tai nạn cho tim và sau ca phẫu thuật thay tim thì có điều kỳ lạ đã xảy ra. Khi thấy cha mẹ, bạn bè thì anh ta vẫn sống với cha mẹ, bạn bè như trước đây, nhưng khi thấy cha mẹ, bạn bè của người chết cho tim thì anh ta vẫn sống với cha mẹ, bạn bè của người chết như là người chết đã từng sống trước đây với họ. Điều này chứng tỏ lượng thông tin của hoạt động tâm thức của người chết ở trong ADN tế bào tim, và khi được thay tim, các thông tin đó đã được dẫn truyền vào ADN của các tế bào của người nhận, vì thế trong ADN của tế bào người nhận tồn tại hai lượng thông tin. Vì vậy khi thấy, nghe, cảm nhận đối tượng rồi Niệm và Tư Duy sử dụng hai loại thông tin của hai người nên mới xảy ra hiện tượng trên. Trong chiến tranh Việt nam, một phụ nữ Đà Nẵng bị thương nặng phải truyền máu và được các bác sĩ trên một tàu hải quân Hoa kỳ truyền máu, với loại máu của người da trắng. Thời gian sau, người phụ nữ ấy lấy chồng người Việt nhưng lại đẻ ra mấy người con đều là mắt xanh mũi lõ.

2 - Lượng thông tin đi tái sinh: cái được trao truyền từ

người đã chết đến bào thai, một thân xác mới hình thành chính là "lượng thông tin trong kho chứa thông tin" của người chết. Lượng thông tin này bao gồm lượng Thông Tin Di truyền và Thông Tin Về Tâm của người chết, nó đóng vai trò là một nhân tương tác với nhân thứ hai là trứng và tinh trùng (đã kết hợp) làm phát sinh bào thai. Bào thai này lại tương tác với môi trường và dưỡng chất phát sinh sự phát triển của bào thai. Trong quá trình phát triển của bào thai, có sự tương tác của cả Thông Tin Di Truyền và Thông Tin Về Tâm của người chết cũng như Thông Tin Di Truyền của cha mẹ trong trứng và tinh trùng. Trong trứng và tinh trùng chỉ có Thông Tin Di Truyền của bố mẹ mà không có Thông Tin Về Tâm của bố mẹ. Vì vậy khi đứa trẻ đẻ ra, về Di Truyền nó mang gen trội của cả cha, mẹ và người chết nên không nhất thiết, không nhất định phải giống ai cả. Khi đẻ ra kho chứa thông tin về Tâm của nó đã có lượng thông tin cơ bản của người chết nên tính cách các đứa trẻ "bẩm sinh" đã khác nhau. Có những người chết có những thông tin nổi trội, những khả năng đặc biệt, những thiên tài âm nhạc, toán học, văn học, hoặc những nghiệp ác đặc biệt ... trong quá trình phát triển của bào thai, được kích hoạt lên, hoặc đột biến gen nên đứa trẻ rất sớm đã sử dụng được các thông tin đó. Vì vậy có thể giải thích được hiện tượng những thần đồng âm nhạc, toán học, ngôn ngữ ..., những căn bệnh hiểm nghèo "bẩm sinh" của trẻ, những trường hợp nhớ lại được tiền kiếp của mình.

3 - Hai phương thức trao truyền lượng thông tin "tái sinh" : Nhân bản vô tính và Thức tái sinh.

a - **Nhân bản vô tính** : tương tự như thực vật là sinh sản vô tính. Nghĩa là lấy một tế bào gốc một con vật, thậm chí là con người từ đó bằng nhân bản vô tính mà sản sinh ra một con vật hoặc một con người giống hệt con vật hoặc cho người được lấy tế bào, một bản sao. Trường hợp này tế bào được nhân bản đó đã có phần vật chất gọi là Sắc pháp giống như phần vật chất trứng và tinh trùng, còn lượng Thông Tin Di Truyền và Thông Tin về Tâm đã có sẵn trong ADN của tế bào. Trong trường hợp ghép tạng thì lượng Thông Tin Di Truyền và Thông Tin Về Tâm có trong phần nội tạng được ghép sẽ được truyền dẫn từ người cho sang người nhận. Thực tế đã cho thấy ghép tạng cho dù là bộ phận nào, thậm chí cả truyền máu đều làm thay đổi Di Truyền và

thay đổi Tính Cách nhiều ít tùy bộ phận cấy ghép. Điều này thể hiện lượng thông tin Di Truyền ở các tế bào có thể giống nhau, nhưng lượng Thông Tin Về Tâm thì ở các bộ phận khác nhau của cơ thể có khác nhau. Ví như khi sáng chế ra một bàn tay giả cảm ứng sinh học có thể cầm nắm một vật theo "tác ý" của não bộ, thì các bộ phận của bàn tay giả phải hoạt động tuân tự từ cái này đến cái kia theo một thứ tự đã được lập trình và lập trình này là những phần mềm được cài đặt. Khi thông tin tác ý cầm nắm phát sinh nơi não bộ, được truyền dẫn đến phần mềm cài đặt, sẽ xảy ra sự tương tác giữa hai loại thông tin và kết quả lập trình đã được cài đặt vận hành, làm phát sinh hành vi cầm nắm của bàn tay giả. Cũng y như vậy trong các tế bào khác nhau của cơ thể có rất nhiều lập trình khác nhau được lưu giữ. Ví như khi tác ý cầm nắm thì lượng thông tin tác ý cầm nắm phát sinh trong ADN của tế bào thần kinh não bộ, sẽ được truyền dẫn đến ADN các tế bào tay, phát sinh tương tác giữa lượng thông tin đó với các thông tin là các lập trình về chuyển động của các ngón tay làm phát sinh hành vi cầm nắm. Lượng thông tin là các lập trình này như là một phần mềm trong máy vi tính ở bàn tay khác với nơi cổ tay, khác với nơi cánh tay, khác với nơi chân, khác với nơi họng vì lập trình nơi họng phát ra lời nói, khác với nơi tim, phổi, thận, dạ dày, ruột... Thông tin các lập trình trong ADN tế bào tim chuyên về phát sinh cảm giác tình cảm yêu đương giận hờn, đau khổ, nơi dạ dày chuyên về phát sinh cảm giác căng thẳng, nơi ruột chuyên về phát sinh cảm giác lo lắng... Thông tin trong ADN trong tế bào thần kinh não bộ chuyên về phát sinh các hành vi như Niệm, Tư Duy, Ý thức, Tham Sân Si, Dục, Định ... Lượng thông tin đi tái sinh từ người chết là lượng Thông Tin Di Truyền và Thông Tin Về Tâm chứa trong ADN của tế bào thần kinh não bộ, không phải là lượng thông tin trong các tế bào khác của cơ thể.

b - Thức tái sinh : Lượng Thông Tin Di Truyền và Thông Tin Về Tâm chứa trong ADN của tế bào thần kinh não bộ người chết đi đến gặp trứng kết hợp với tinh trùng để phát sinh bào thai bằng cách nào, bằng phương tiện nào ? Bản thân lượng thông tin không tự nó tồn tại một mình, nó không thể tự mình di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác mà nó phải "kết hợp" hay tương tác với một loại vật chất nào đó để tồn tại và di chuyển. Ví như khi viết một tin nhắn để gửi đến một điện thoại nào đó thì lượng thông tin

trong dòng tin nhắn đó tồn tại trong vật chất là dòng chữ, nó không thể tự mình di chuyển đến điện thoại kia. Khi bấm OK thì điện thoại đó sẽ phát ra một loại sóng điện từ "mang" lượng thông tin đến điện thoại kia. Lượng thông tin được lưu giữ và truyền dẫn đi theo sóng điện từ hay sóng ánh sáng được sử dụng phổ biến hiện nay, đặc biệt là ánh sáng, một loại vật chất mang lưỡng tính sóng hạt (lượng tử) có thể mang được một dung lượng thông tin rất lớn. Tương tự như vậy, khi một người hấp hối, đối diện với cái chết thì những thông tin "Hữu Ái", tham sống, bám víu sự sống, sợ chết được lưu giữ trong kho chứa từ vô thủy, được kích hoạt mãnh liệt và nó là Nhân phát sinh sự đột biến cấu trúc ADN của tế bào thần kinh não bộ, khi tế bào thần kinh não bộ chết. Cũng theo nguyên lý của Vật lý lượng tử các electron trong cấu trúc ADN đang hoạt động ở mức năng lượng cao, đột ngột hạ xuống mức năng lượng thấp (khi tế bào não chết) thì sẽ phát ra các lượng tử. Đây là một loại vật chất vi tế có lưỡng tính sóng hạt (mà sớm muộn gì khoa học cũng sẽ tìm ra) sẽ "mang" lượng Thông Tin Di Truyền và Thông Tin Về Tâm thoát ra khỏi thân xác đã chết. Loại vật chất lượng tử vi tế này mang trong nó thông tin của người chết gọi là Thức tái sinh. Như vậy Thức tái sinh có hai thành phần, gồm cả Danh pháp và Sắc pháp nói tắt là Danh và Sắc. Vì Thức tái sinh mang tính sóng nên nó di chuyển được, sự di chuyển của nó tùy thuộc vào sự tương tác của lượng thông tin trong nó và lượng thông tin của môi trường, đặc biệt là lượng thông tin trong kho chứa của các chúng sanh khác. Khi có một sự tương hợp đối với thông tin từ trứng và tinh trùng đã kết hợp sẽ xảy ra sự tương tác của Thức tái sinh và hợp tử trứng tinh trùng đó và do tương tác đó mà phát sinh một bào thai. Để xảy ra tương tác thì phải có sự tương hợp giữa thông tin của Thức tái sinh và hợp tử trứng tinh trùng, ví như khi máy điện thoại A gọi máy điện thoại B thì thông qua mạng viễn thông, lượng thông tin máy A và máy B có sự tương hợp cho nên sóng máy A chỉ tương tác với máy B chứ không tương tác với một máy nào khác, cho dù máy A và máy B đặt cạnh nhau hay cách nhau nửa vòng trái đất.

+ Đặc tính của Thức tái sinh: Thức tái sinh không phải là Tâm thuần túy, mà nó gồm hai phần Vật chất là Sắc và thông tin là Danh, nghĩa là có cả hai phần Danh và Sắc. Trong Thức tái sinh vẫn xảy ra sự tương tác giữa các lượng thông tin tương tự

như tương tác xảy ra bên trong tế bào thần kinh não bộ giữa Ý và Pháp trần, nên vẫn có các lộ trình tâm, vẫn có cái biết tương tự như Tưởng thức và Ý thức nên gọi là Thức tái sanh. Vì thế " người chết" vẫn "thấy biết", vẫn chấp thủ vào thấy biết đó, nên Thức tái sanh chính là một Hoá Sanh. Đối với người sống có sáu loại lộ trình tâm khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, mỗi một lộ trình tâm đều có hai cái biết: cái biết trực tiếp giác quan nhận biết đối tượng còn được gọi là Nhận thức cảm tính và Ý thức hiểu biết về đối tượng còn được gọi là Nhận thức lý tính. Cụ thể là Mắt với Sắc trần thì có Nhãn thức thấy hình ảnh và Ý thức hiểu biết về hình ảnh được thấy, Tai với Âm thanh thì có Nhĩ thức và Ý thức, Mũi với Hương thì có Tỉ thức và Ý thức, Lưỡi với Vị trần thì có Thiệt thức và Ý thức, Thân với Xúc trần thì có Thân thức và Ý thức, Ý với Pháp trần thì có Tưởng thức và Ý thức. Đối với Lộ trình Ý tiếp xúc Pháp trần xảy ra với các thông tin về tâm trong kho chứa, thì Tưởng thức và Ý thức thấy biết những gì do lượng thông tin trong kho chứa tương tác mà phát sinh ra. Khi con người thức tỉnh sáu loại lộ trình tâm đan xen với nhau, và phân biệt được rõ ràng lộ trình Ý với Pháp xảy ra nơi nội tâm chứ không phải bên ngoài, nhưng khi nằm lộ trình bên ngoài không có mặt thì con người vẫn tưởng làm những gì đang xảy ra là ngoại cảnh. Có thể hình dung vấn đề này và biết rõ các đối tượng được thấy biết trong lộ trình tâm này qua thí dụ về thấy biết khi mơ ngủ. Khi mơ ngủ, nằm lộ trình tâm bên ngoài không khởi lên nên không có thấy biết những gì bên ngoài đang xảy ra vì Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân không hoạt động. Lúc này các tế bào thần kinh não bộ chỉ "lơ mơ" nên Ý tiếp xúc với Pháp trần phát sinh cảnh vật và thấy biết cảnh vật đó. Những cảnh vật khi mơ đó không phải là cảnh vật thật đang xảy ra bên ngoài, mà do lượng thông tin trong kho chứa "biến hiện ra" nhưng người đó vẫn tưởng là cảnh vật thật bên ngoài, vẫn thích, vẫn ghét, vẫn sợ hãi, vẫn lo lắng, vẫn hạnh phúc, khổ đau trong mơ. Đối với Hoá Sanh, lộ trình tâm giống như lộ trình tâm trong mơ, và Hoá Sanh tưởng làm là những cảnh vật thật bên ngoài.

Ngoài lộ trình tâm do loại vật chất lượng tử vi tế tiếp xúc với lượng thông tin về tâm tương tự như Ý tiếp xúc với Pháp trần khi còn sống, Hoá Sanh còn có một khả năng đặc biệt, đó là Tha tâm thông, khả năng đọc tâm người khác. Vì loại vật chất đặc biệt vi tế mang lưỡng tính sóng hạt, có thể xuyên qua các vật thể,

xuyên qua cơ thể con người, nên Hoá Sanh có khả năng "xâm nhập" kho chứa thông tin người khác, tương tác với lượng thông tin đó làm phát sinh các cảnh vật và Tưởng thức cùng Ý thức thấy biết các cảnh vật đó. Lúc đó nếu người đó thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức gì về đối tượng thì Hoá Sanh cũng thấy y hệt như vậy nhưng là "cảnh ảo" chứ không phải là cảnh thực như người bị xâm nhập. Không những có khả năng đọc tâm người khác mà Hoá Sanh cũng giao tiếp với các Hoá Sanh khác bằng cách tương tự như vậy. Một số hoá sanh có những năng lực mạnh hơn, khi thâm nhập như vậy có thể tác ý và tương tác được với các thông tin trong các lập trình và làm phát sinh lời nói, hành động của người bị thâm nhập theo tác ý của Hoá Sanh.

+ Phân loại Hoá Sanh: Tùy theo Nghiệp lực khi còn sống, tức lượng thông tin "Thân hành, Khẩu hành, Ý hành có tác ý" trong kho chứa mà các Hoá Sanh sẽ có năng lực, tính chất và thời gian tồn tại khác nhau. Có thể phân chia các Hoá Sanh thành ba loại chính :

- Loại Hoá Sanh thứ nhất : Hoá Sanh của những người đã tạo tác rất nhiều nghiệp ác cường liệt hoặc những Tà Kiến mãnh liệt : Quá trình hấp hối và chết xảy ra theo hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất người chết vẫn thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức được những gì đang xảy ra bởi sáu loại tế bào thần kinh vẫn hoạt động, do vẫn xảy ra sự tiếp xúc giữa sáu Căn và sáu Trần. Giai đoạn thứ hai là khi năm loại tế bào thần kinh ngưng hoạt động chỉ còn tế bào thần kinh não bộ hoạt động nên không thấy biết gì về bên ngoài mà chỉ có một lộ trình tâm Ý tiếp xúc với Pháp trần (tức lượng thông tin lưu giữ trong ADN của tế bào thần kinh não bộ) và chỉ thấy biết cảnh vật do lượng thông tin ấy biến hiện ra. Khác với giấc mơ, người sắp chết lại rất tỉnh táo, và chỉ có một lộ trình tâm duy nhất nên những "cảnh vật" hiện ra rất sống động, người sắp chết tin rằng đây là những cảnh giới thật đang hiện ra và bao trùm lên là nỗi sợ chết kinh hoàng. Đối với những người đã tạo tác nhiều nghiệp ác cường liệt hay tin tưởng vào những Tà Kiến, vào những thế giới tâm linh, thiên đường địa ngục, âm phủ, Diêm vương, ma quỷ, trừng phạt ... thì những Nghiệp đó, những thông tin đã được lưu giữ đó "hoá hiện" rất nhiều cảnh giới khủng khiếp, đáng sợ, đe dọa, xua đuổi, tấn công họ. Hoảng loạn và kinh hoàng, họ không thể nào chạy trốn khỏi những hình thù,

những nhân vật quái đản đang tấn công họ. Cho đến khi hơi thở ra cuối cùng châm dứt, cảnh giới ấy vẫn còn diễn ra cho đến khi tế bào nào chết. Lúc đó đột biến xảy ra làm phát sinh Thức tái sinh tức một Hoá Sanh xuất hiện. Lộ trình tâm của Hoá Sanh lại diễn tiến tương tự như trong thời gian hấp hối, diễn tiến với một sự tiếp nối. Hoá sanh thấy biết và tin rằng mình đang tồn tại, đang bị rơi vào cảnh giới kinh hoàng, khủng khiếp, với nỗi thống khổ vô cùng tận mà không biết rằng những cảnh giới đó là "cảnh ảo" do chính các Ác Nghiệp và Tà Kiến đã được tích tập trong kho chứa trong đời sống trước đây hoá hiện ra. Đối với hạng người này chỉ có duy nhất một cảnh giới như vậy, vì tuy vẫn có khả năng tha tâm thông, có thể thâm nhập tâm người sống để thấy biết các "cảnh ảo" khác, nhưng vì cảnh giới này quá mãnh liệt, nên tha tâm thông không xảy ra. Diễn tiến như vậy cứ tiếp diễn theo thời gian cho đến khi nào Ác Nghiệp và Tà Kiến cạn kiệt, tức lượng thông tin Ác Nghiệp, Tà Kiến tiêu mòn hết trong thời gian tương tác, thì Hoá Sanh mới tương tác được với một hợp tử trứng và tinh trùng tương hợp. Và do vậy kết thúc khoảng thời gian tồn tại của Hoá Sanh, lượng thông tin còn lại tiếp tục vào Trứng (sanh) hoặc Thai (sanh), tiếp tục một chu kỳ mới. Sự tồn tại một loại Hoá Sanh như vậy được hiểu là Cảnh giới Địa ngục. Sự tồn tại, hay tuổi thọ của Hoá Sanh là bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm, hay bao nhiêu trăm năm, ngàn năm tùy thuộc nghiệp ác đã tạo tác trước đó.

- Loại Hoá Sanh thứ hai : Hoá Sanh của những người có đời sống chí thiện, thương yêu và giúp đỡ đồng loại : Đối với hạng người này, trong thời gian hấp hối và tiếp nối là Hoá Sanh do các thông tin về Thiện Nghiệp và hoan hỷ trong các thiện nghiệp nên cảnh giới xuất hiện là những gì đẹp đẽ, an bình và hạnh phúc. Giống như trong một giấc mơ đẹp, hạnh phúc, con người vẫn cảm nhận vui sướng, hạnh phúc trong giấc mơ, thậm chí hạnh phúc trong mơ thường được phóng chiếu lên gấp nhiều lần so với cảnh thực ngoài đời. Tương tự như vậy Hoá Sanh tận hưởng niềm vui sướng, hạnh phúc trong các cảnh ảo ấy và nó mãnh liệt đến nỗi tha tâm thông không khởi lên nên không có thấy biết các cảnh ảo khác qua tâm chúng sanh. Diễn tiến như vậy kéo dài, kéo dài cho đến khi Thiện Nghiệp ấy cạn kiệt, tức lượng thông tin thiện nghiệp do tương tác mà tiêu mòn hết, lúc đó Hoá Sanh mới tương tác với một hợp tử trứng và tinh trùng và

chấm dứt tồn tại. Lượng thông tin còn lại vào bào thai, tiếp tục một chu kỳ mới. Cảnh giới này được hiểu là Chư Thiên. Thời gian tồn tại hay tuổi thọ của Hoá Sanh Chư Thiên là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, hay bao nhiêu ngàn năm tùy thuộc vào thiện nghiệp đã tạo tác.

- Loại Hoá Sanh thứ ba : Ngoài hai loại Hoá Sanh với nghiệp quá khứ cực ác hoặc cực thiện, số còn lại được xếp vào loại thứ ba này. Đối với Hoá Sanh loại thứ ba này có hai loại cảnh giới được thấy biết: một là cảnh giới phát sinh trong lộ trình tâm của Hoá Sanh, hai là cảnh giới nhờ tha tâm thông mà thấy biết qua tâm của chúng sanh khác. Cả hai loại cảnh giới được thấy biết này đều là "cảnh ảo".

Đối với cảnh ảo của Hoá Sanh cũng có cảnh đưa đến vui sướng, hạnh phúc, nhưng cũng có những cảnh đưa đến buồn đau, lo lắng sợ hãi, có những cảnh thân quen đã từng trải qua, cũng có những cảnh xa lạ, khó hiểu, ngỡ ngàng ... tất cả xuất hiện một cách vô lối, lan man, không tuân theo một chủ đích nào, giống như trong mơ. Tất cả cảnh giới xuất hiện như vậy đều do các nghiệp thiện ác, do tà kiến và chánh kiến đã tạo tác trong quá khứ mà hoá hiện ra.

Khi Hoá Sanh thâm nhập được "kho chứa thông tin" của một người nào đó, thì người đó thấy, nghe, cảm nhận, hiểu biết về đối tượng như thế nào thì lượng thông tin về đối tượng có ngay trong kho chứa và Hoá Sanh cũng thấy biết đối tượng như vậy nhờ lượng thông tin đó. Không chỉ một người mà Hoá Sanh xâm nhập kho chứa rất nhiều người và không điều khiển được, nên cảnh hiện ra cũng không có một trật tự nào mà hoàn toàn vô lối, và bị trôi dạt từ cảnh ảo này sang cảnh ảo khác. Do như vậy nên Hoá Sanh rất muốn trở về nhà, nhưng rất kinh hoàng khủng khiếp, hoảng loạn giống như một người lạc giữa rừng sâu không tìm thấy đường ra. Đôi lúc Hoá Sanh thâm nhập được kho chứa là người thân và trở về nhà và hoàn toàn thất vọng, tức giận vì không ai nhận ra sự có mặt mình. Hoá Sanh có thể chứng kiến đam tang, những thức ăn cúng giỗ cho mình, chứng kiến mọi sự đang xảy ra. Như đã từng trước đây, như trong một giấc mơ, Hoá Sanh vẫn còn cào muốn ăn khi thấy món ăn thích thú hàng ngày, vẫn thèm muốn tình dục ... vẫn nghĩ là một con người

cần phải hưởng thụ như đã sống nhưng bây giờ tất cả là cảnh ảo không thể chạm vào nó được, không thể nào sử dụng được. Mọi tài sản của Hoá Sanh giờ đây đã thuộc quyền người khác, họ cố gắng chạm vào để sử dụng, để giành lại nhưng không chạm vào được. Hãy hình dung ra nỗi khổ đau, tuyệt vọng đến nhường nào. Thử hình dung một người đã từng yêu vợ thiết tha, nay Hoá Sanh đó chứng kiến cô vợ đang giao cấu với người đàn ông khác với tình yêu say nồng, mà hoàn toàn bất lực, không thể phản ứng, không thể dùng một cây gậy để thoả mãn phần nộ như khi còn sống. Tha tâm thông làm cho Hoá Sanh có khả năng thấy biết những gì đang xảy ra nhưng cũng làm cho Hoá Sanh đau khổ khi biết được tâm địa người khác, những người thân, bạn bè không thật lòng, phản bội, âm mưu hãm hại hoặc đang giành giật tài sản của mình.

Các Hoá Sanh có thể thâm nhập kho chứa lẫn nhau nên có thể giao tiếp với nhau theo cách thức tha tâm thông. Các Hoá Sanh cũng có thể thân thiết hoặc dữ dội, xung đột với nhau, đe dọa nhau. Một số Hoá Sanh có nghiệp liên quan đặc biệt với chúng sanh khác, không những thâm nhập được kho chứa thông tin mà còn có thể tác ý, tương tác với các lập trình thông tin về lời nói, hành động làm cho chúng sanh đó nói lên, hay hành động theo điều khiển của Hoá Sanh. Các Hoá sanh đó làm vậy với mục đích tìm kiếm một nơi trú ẩn an toàn, để thoả mãn nhu cầu và ham muốn mà Hoá Sanh không làm được.

Sự tồn tại của Hoá Sanh như vậy là tồn tại trong thống khổ. Sự thống khổ của Hoá Sanh lớn hơn tất cả nỗi thống khổ của Thế gian cộng lại, đó là do nhu cầu và ham muốn cần được thoả mãn vẫn như cuộc sống trước đây nhưng Hoá Sanh **KHÔNG HỀ ĐƯỢC THOẢ MÃN MỘT CHÚT NÀO CHO DÙ NHỎ NHẤT**. Nỗi thống khổ này là kết quả của nguyên nhân đã tạo tác là khát ái tìm cầu, nắm giữ niềm vui, hạnh phúc, lạc thú (Dục lạc) mà quá khứ đã đã vun bồi. Hãy biết rằng, một người càng thành đạt, càng giàu có, càng nổi tiếng, càng nhiều uy quyền khi còn sống thì sự ràng buộc vào khối sở hữu ấy càng lớn lao thì khi chết Hoá Sanh của họ càng nhiều thống khổ bấy nhiêu.

Hoá Sanh thuộc loại thứ ba này rất đa dạng, phức tạp với rất nhiều năng lực khác nhau, rất nhiều chủng loại khác nhau, có

sự tương tác với nhau và tương tác với các chúng sinh khác đang còn sống và cùng hiện hữu trong một không gian này chứ không phải tồn tại một thế giới tâm linh siêu hình nào khác. Sự tồn tại của Hoá Sanh có thể vài ba phút, vài ba ngày, hay vài năm, vài trăm năm... không nhất định, mà tùy thuộc vào nghiệp đã tạo tác trong quá khứ. Hoá Sanh tồn tại cho đến khi nghiệp đã tạo tác ấy cạn kiệt, lượng thông tin ấy bị tiêu mòn do tương tác, thì Hoá Sanh chấm dứt, lượng thông tin còn lại, nghiệp còn lại, lại vào Thai hoặc Trứng tiếp tục một chu kỳ mới.

4 - Giải thích một số vấn đề thực tiễn :

a - **Hiện tượng cận tử** : Đây là hiện tượng được rất nhiều người nghiên cứu và tranh cãi. Những người theo chủ trương duy vật đã phủ nhận hiện tượng này hoặc đưa ra những giải thích hoàn toàn chủ quan không liên quan tới các sự kiện của hiện tượng, không thuyết phục được người đọc. Một số khác, qua hiện tượng này lại đề cao niềm tin có tồn tại một linh hồn, một thế giới tâm linh, một tâm thức không sinh không diệt, tồn tại cả sau khi tế bào thần kinh não bộ chết . Và hoạt động của linh hồn, của tâm thức như vậy là hoàn toàn độc lập với thần kinh não bộ. Niềm tin này dựa vào tư tưởng Duy Tâm của tôn giáo, trong đó có các trường phái của Phật Giáo phát triển, đặc biệt là Mật tông. Người nghe, người đọc hiện tượng cận tử đa phần thiên về tư tưởng Duy Tâm và lại được củng cố đức tin về một linh hồn hoặc một tâm thức không sinh không diệt.

"Hiện tượng cận tử là khi não bộ chết lâm sàng, linh hồn hay tâm thức thoát ra khỏi xác và đi vào một thế giới tâm linh, thấy biết một số sự kiện và khi thân xác hồi sinh trở lại, linh hồn hay tâm thức đó lại nhập trở lại vào thân xác, kể lại những gì đã xảy ra trong thời gian hồn lìa khỏi xác. Với hiểu biết linh hồn hay tâm thức tồn tại như vậy là thuần túy tinh thần, không liên hệ với vật chất, họ cũng tin rằng có một thế giới thuần túy tinh thần, một thế giới tâm linh và khi linh hồn hay tâm thức rời khỏi thể xác thì nó sẽ tồn tại trong thế giới tâm linh ấy và nó sẽ thấy biết không cần bất cứ một giác quan nào". Thực chất của linh hồn hay tâm thức đó là Thức tái sinh hay Hoá Sanh bao gồm Danh và Sắc như đã trình bày trên. Đó là lượng Thông Tin trong ADN của tế bào thần kinh não bộ (Danh) và loại vật chất lượng tử vi tế phát

sinh khi tế bào não bộ chết (Sắc). Hành vi thấy biết đó không phải là linh hồn hay tâm thức không sinh không diệt, sẵn có, không cần một Nhân Duyên nào sinh ra nó, mà đây là Tạng thức và Ý thức phát sinh do sự tương tác các lượng thông tin trong "kho chứa" với thông tin của lượng vật chất vi tế đó, tương tự như Ý tiếp xúc với Pháp trần, nó Vô thường và Vô ngã (Vô chủ). Đối tượng được thấy biết của Hoá Sanh không phải là một thế giới tâm linh có thật mà là các "cảnh ảo" do các lượng thông tin tương tác mà phát sinh, hoặc là "cảnh ảo" trong tâm thức người sống khác, nó cũng sinh diệt, Vô thường, Vô chủ. Khi thân xác hồi sinh trở lại Hoá Sanh đó lại tương tác với các tế bào thần kinh não bộ tương tự như Hoá Sanh tương tác với hợp tử trứng và tinh trùng và Hoá Sanh diệt. Khi Hoá Sanh diệt, lượng thông tin đó lại được lưu vào ADN của tế bào thần kinh não bộ. Vì thế khi người đó tỉnh lại, họ có thể kể lại những gì đã xảy ra trong thời gian "chết" bởi những gì thấy biết đều được lưu lại trong kho chứa thông tin của Hoá Sanh và truyền lại não bộ khi hồi sinh lại. Những sự kiện xảy ra trong khi người đó "chết" vẫn được người đó thấy biết, chính là do khả năng tha tâm thông của Hoá Sanh, thấy biết qua tâm của các Bác sĩ, y tá trong phòng mổ, hoặc những người khác, những Hoá Sanh khác. Hiện tượng một số người tu có thể xuất "hồn" cũng có bản chất giống như hiện tượng cận tử.

b - Hiện tượng gọi hồn, đồng bóng, âm nhập : đây là những hiện tượng xảy ra phổ biến trong cuộc sống. Bản chất của các hiện tượng này là có Hoá Sanh, có những nghiệp quá khứ tương hợp với những người đó, thì không những Hoá Sanh thâm nhập được kho chứa thông tin, "đọc" được tâm người đó bằng khả năng tha tâm thông mà có thể tác ý, làm phát sinh hoạt động các lập trình thông tin trong kho chứa thông tin, phát sinh ra lời nói, hành động theo sự điều khiển của Hoá Sanh. Những người bị Hoá Sanh thâm nhập và điều khiển như vậy cũng có nhiều mức độ khác nhau. Một số hoàn toàn bị áp đảo đến nỗi các lộ trình tâm không khởi lên được và thân thể hoàn toàn bị điều khiển bởi Hoá Sanh, nên sau khi sự việc kết thúc, người đó hoàn toàn không biết gì về những sự việc vừa xảy ra. Một số khác không bị áp đảo hoàn toàn, họ vẫn có những nhận thức đan xen, biết một phần sự việc đang xảy ra, nhưng không hiểu biết được bản chất sự việc. Trường hợp gọi hồn được nhiều người tin tưởng bởi nói ra được một số thông tin của người chết khá chính

xác. Thực chất của sự việc đó là người nói ra được một số thông tin khá chính xác là do một Hoá Sanh có năng lực mạnh điều khiển. Những thông tin về người chết được nói ra khá chính xác đó là do Hoá Sanh đọc được trong tâm các thân chủ đi gọi hồn, bởi người đi gọi hồn cho người thân đã chết thì mọi thông tin về người chết đang được lưu giữ trong tâm họ. Cũng có trường hợp Hoá Sanh đó giao tiếp được với Hoá Sanh của thân chủ chưa vào Thai sanh hoặc Trúing sanh, nên biết được các thông tin về người quá cố, nhưng trường hợp này rất ít, rất hạn hữu.

c - Khả năng ngoại cảm và một số hiện tượng khác :

- Đây là hiện tượng một số người có khả năng nhìn thấy hoặc giao tiếp được với "người âm". Cái gọi là "người âm" thực chất là một Hoá Sanh, không phải là một linh hồn, một thần thánh nào cả. Khả năng ngoại cảm là khả năng tha tâm thông, xâm nhập vào kho chứa thông tin của các Hoá Sanh khác, của chúng sanh khác, đọc được các thông tin trong kho chứa đó. Khả năng tha tâm thông, đọc được tâm người khác có thể tu tập và khi sự tu tập đã thành công thì kinh nghiệm này sẽ được lưu giữ trong kho chứa thông tin của người đó. Khi người đó chết lượng thông tin đó được "trao truyền" vào người sau, nhưng những kinh nghiệm này bị nén xuống, bị chìm vào lượng thông tin khổng lồ nên không "nhớ lại" được, không sử dụng được như đa phần con người không nhớ được các tiền kiếp của mình tuy nó vẫn tồn tại trong kho chứa thông tin. Ngay trong kiếp sống này, một người sáu bảy mươi tuổi nhớ lại quãng đời lúc mười tuổi không phải bao giờ cũng làm được, trừ phi có đủ nhân duyên như gặp lại người bạn lúc mười tuổi sau năm sáu mươi năm xa cách. Nếu có một sự đột biến gen ví như một tai nạn đưa đến cái chết lâm sàng thì khi hồi sinh trở lại, lượng thông tin có sự tương tác đưa đến một số thông tin được kích hoạt lên, được "trôi lên" nên người đó có thể sử dụng lại được kinh nghiệm đó, hoặc có rất nhiều người, sau một chấn động nào đó về thân tâm, có sự đột biến gen, họ bỗng nhiên nhớ lại tiền kiếp của mình ví như cô gái sinh ra tại nước Anh, sau khi ngã từ cầu thang, chết đi sống lại đã kể lại tiền kiếp là một tu sĩ trong một đền thờ Ai cập mười mấy thế kỷ trước đã tự sát vì không muốn để cho câu chuyện cô đã yêu và ăn nằm với một Pha ra ông bị lộ ra. Người có khả năng ngoại cảm theo kiểu này rất là hiếm có, rất ít xảy ra, còn đa phần

người có khả năng ngoại cảm là do một Hoá Sanh thâm nhập và trợ giúp người đó. Khác với đồng bóng gọi hồn, nhà ngoại cảm không bị các Hoá Sanh tác ý điều khiển để nói lên những thấy biết của Hoá Sanh mà những thông tin do Hoá Sanh thấy biết khi giao tiếp với những Hoá Sanh khác, (những người đã chết) được lưu vào kho chứa của nhà ngoại cảm và lộ trình tâm của nhà ngoại cảm sẽ sử dụng những thông tin đó nên họ cũng thấy biết như vậy và họ cung cấp những thông tin về người đã chết theo thấy biết của Hoá Sanh. Vì vậy khi có Hoá Sanh xâm nhập trợ giúp thì họ nói đúng, nhưng khi không có Hoá Sanh xâm nhập trợ giúp thì họ sẽ nói sai.

- Đã từng xuất hiện, tồn tại và biến mất rất nhiều nền văn minh trên quả đất này, nên cũng đã từng tồn tại rất nhiều con người có những khả năng đặc biệt. Khi họ chết đi, phát sanh những Hoá Sanh đặc biệt, có những Hoá Sanh tồn tại rất lâu. Trong cùng một không gian này có rất nhiều Hoá Sanh có năng lực khác nhau đang tồn tại và đang có sự tương tác giữa các Hoá Sanh với nhau, cũng như sự tương tác giữa các Hoá Sanh với con người. Sự tương tác đó là sự tương tác giữa các thông tin và nơi người sống thì lượng thông tin đó ở trong các ADN của tế bào trong thân thể. Rất nhiều sự việc và hiện tượng khó hiểu, khó giải thích đều liên quan đến "bí mật" kho chứa thông tin bao gồm Thông Tin Di Truyền và Thông Tin Về Tâm trong ADN của tế bào. Hiện tượng những người tham gia lễ hội tự đâm thủng má, xuyên qua má những thanh gươm, những con dao, mũi tên ... do được những Hoá Sanh có những năng lực đặc biệt tác động được vào những gen trong tế bào vùng đó làm cho đương sự không đau đớn. Có những "thần y" chữa được nhiều căn bệnh như câm, điếc, liệt, ngọng... do bẩm sinh bằng cách nắn bóp, bấm huyệt ... thực chất không phải tự người đó khám phá ra mà được một Hoá Sanh có năng lực đặc biệt tương tác vào những gen khiếm khuyết bẩm sinh, làm cho nó hoạt động bình thường trở lại. Có những Hoá Sanh kiếp trước tu hành cũng thành tựu những khả năng đặc biệt, nhưng chấp thủ kiên cố vào các kiến giải của mình, khi chết đi phát sinh Hoá Sanh và Hoá Sanh đó tồn tại rất lâu dài. Trong Hoá Sanh loại này, có những Hoá Sanh có khả năng thâm nhập kho chứa những người tu (đa phần là người tu trong trạng thái thôi miên, nghĩa là nửa ngủ nửa thức) và cài đặt thông tin của Hoá Sanh vào kho chứa thông tin người đó. Vì

vậy những người được Hoá Sanh cài đặt thông tin về hiểu biết và chấp thủ của Hoá Sanh, lộ trình tâm sẽ sử dụng các thông tin đó làm cho người đó nói lên những hiểu biết và chấp thủ của Hoá Sanh, tuyên bố chứng này, chứng nọ. Do được năng lực của Hoá Sanh trợ giúp họ cũng có thể lôi kéo được hàng loạt tín đồ, có cùng nghiệp như họ....

Chính vì trong thế giới này con người và Hoá Sanh cùng tồn tại, Hoá Sanh lại có đặc điểm như vậy, có những Hoá Sanh chấp thủ rất ghê ghớm nên đôi khi cũng rất độc ác, bạo hành, tàn độc, xảo quyệt, nên muốn được yên ổn, hãy tránh xa những nơi có các hiện tượng trên và luôn luôn cố gắng đừng xúc phạm bất kỳ một ai, cho dù là người dở hơi hay Hoá Sanh (Phi nhân)